

Những Tấm Lòng Nhân Ái

Cung Thị Lan

- Hồi Ký Mạo Hiểm Tìm Tự Do -

Trích trong Tuyển Tập Khoảng Cách Của Biệt Ly

Tranh Bìa: Nguyễn Thế Huỳnh(hls)
Xuất bản ngày 19 tháng 07 năm 2009
Tại Hoa Thịnh Đốn Hoa Kỳ
Tác giả giữ bản quyền
Đăng ký tại U. S Library of Congress

“Mẹ! Sao mẹ cho con đi ghe như vậy lỡ con ‘té’ xuống biển chết sao?”

Tinô đã hỏi tôi như thế khi tôi nói cho nó biết chiếc ghe thúng lạng lờ trước mặt là vật đưa chúng tôi ra ghe lớn để vượt biên; cho nên, thay vì tả thêm cảnh trốn ra khỏi nước, tôi đã nín lặng. Trong không khí nặng nề bao trùm quanh chúng tôi, giọng nói đầy trách móc của Tinô vương vất như không thể dứt. Nó đã đánh thức những hình ảnh ngủ yên từ lâu trong tâm trí tôi và đưa tôi trở về thời gian cũ. Tưởng như nghe lại những tiếng nấc đau khổ và chứng kiến cảnh cong oằn vật vã của những người mẹ mất con trong các trại tị nạn năm nào, thần kinh của tôi càng lúc càng căng thẳng và trí óc tôi trở nên rối loạn và ngổn ngang. Trước khi đem Tinô đi vượt biển, tôi đã dự định sẽ chết theo nó khi gặp phải điều không may; nhưng tôi sẽ ra sao nếu tôi không thể thực hiện được ý định của mình và phải chịu tình cảnh mất con như những người đàn bà kia. Tôi sẽ sống làm sao trước cái chết của con mình mà sự chọn lựa là do mình chứ không phải nó. Nhìn ánh mắt chất vấn và khuôn mặt phụng phịu của Tinô, tôi muốn kể cho nó nghe tất cả những gì đã xảy ra kể cả tâm trạng của mình lúc ấy, nhưng nghĩ đũa trẻ lên tám không thể nào hiểu hết những uẩn khúc bên trong sự việc, đã hứa với lòng chờ đến khi nó trưởng thành.

Khi Tinô được mười tám tuổi, tôi chưa kịp thực hiện ý định của mình, đã nghe nó nói một cách chân thành rằng: Con cảm ơn mẹ đã đưa con vượt biển cho con được sống ở Mỹ đây. Ngạc nhiên vì đứa con trai đầu của mình vẫn còn nhớ đến câu hỏi hơn mười năm về trước, tôi chợt khám phá rằng đứa trẻ không được sinh ra trên đất nước mà nó đang sinh sống sẽ không bao giờ từ bỏ ý định tìm hiểu về cội nguồn, sự khác biệt và những sự việc liên quan đến đời sống hiện tại của nó. Với kiến thức của học sinh tốt nghiệp trung học và chiêm nghiệm thực tế sau chuyến thăm Việt Nam, Tinô đã tự giải đáp những thắc mắc mà nó đặt cho tôi trước đây. Qua lời cảm ơn chân thật của nó, tôi nhớ đến những tấm lòng nhân ái và quảng đại của biết bao vị ân nhân của mình. Thuyền trưởng Jorgen L. Olesen, thủy thủ đoàn của tàu Maersk, nhân viên của các trung tâm tị nạn Omura tại Nagasaki và Kokusai Kuyen tại Tokyo của Nhật Bản là những người đã tận tình giúp đỡ chúng tôi mọi mặt trong bước đường gian nan trên biển, trên đảo cho đến ngày định cư tại Mỹ. Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đến những người tổ chức vượt biên, những người đồng hành, những người cùng cảnh ngộ, những người đã hết lòng giúp đỡ và san sẻ vật chất cũng như tinh thần với gia đình chúng tôi trong các chuyến đi và ở các trại tị nạn. Những Tấm Lòng Nhân Ái là Hồi Ký Mạo Hiểm Tìm Tự Do, ghi lại những ngày gian nan mà chúng tôi, những người chung cuộc, đã cùng trải qua trong những ngày gian nan và nguy hiểm nhằm bày tỏ tấm lòng biết ơn chân thành của tôi và gia đình tôi đến các vị ân nhân mà chúng tôi đã gặp.

“Chị đã có bầu được hai tháng rồi!”

Tin báo bất ngờ của bà bác sĩ phụ khoa khiến tôi hồi hộp. Có con sau ba năm lập gia đình là tin mừng đối với tôi nhưng tôi phải làm sao trong lúc đang âm thầm thực hiện những chuyến vượt biển. Cố giữ vẻ tự nhiên bình thường, tôi hỏi:

“Chắc vậy rồi hả cô?”

Bà bác sĩ trả lời với ánh mắt nhìn thẳng:

“Kết quả chính xác lắm, cho nên từ nay chị nên ăn ngủ đều đặn và đi đứng cẩn thận! Nhớ đừng với kéo, leo trèo hay bơi biển thì đến ngày sinh chị mới được một cháu bé khỏe mạnh.”

Gật đầu tỏ vẻ ưng thuận nhưng tôi không nói gì. Lời căn dặn của bà bác sĩ được lưu dụng này có lẽ chỉ do thói quen nghề nghiệp nhưng nó chứa khá nhiều ẩn ý làm tôi suy nghĩ nhiều hơn. Biết mình mang mầm sống trong bụng, tất nhiên người đàn bà nào cũng phải biết làm gì để có đứa con mạnh khỏe khi chào đời vậy mà cách nói của bà về như ám chỉ điều gì khiến tôi không khỏi bận tâm. Những ngày này, thành phố biển Nha Trang, nơi chúng tôi sống đang mất dần những người cư ngụ. Những người này không những chỉ là cư dân ven biển hay những người có lý lịch liên quan đến chế độ cũ mà cả giới trí thức được lưu dụng. Bà và tôi tuy là hai người làm việc mẫu mực ở hai nơi, nhưng cả hai đều hiểu ngầm là một ngày nào đó, sau một đêm nào đó, nếu có cơ hội, sẽ không còn hiện diện trong thành phố của mình nữa. Sau biến cố năm 1975, người Việt ở miền Nam tỏ ra hòa mình với sự đổi đời và tuân phục với chính sách mới nhưng âm thầm hành động theo ước vọng và ý nghĩ của mình. Vì mơ ước tìm lại tự do, quyền lợi thực sự của con người và những gì có được trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam, không ít người kín đáo liên lạc với nhau để thực hiện những chuyến trốn ra khỏi nước bằng đường biển. Và vì đã có khá nhiều người biến mất sau những chuyến ghe thoát ra khỏi nước, chúng tôi thường có những ý nghĩ nghi ngờ về chuyện vượt biển khi thấy sự việc nào bất thường hay nghe sự vắng mặt của ai đó nơi làm việc của họ.

Tôi biết chi tiết trong tờ khai sức khỏe của mình đã giúp bà bác sĩ đoán được phần nào lý do vợ chồng tôi không có con sau ba năm dài chung sống. Quả là vì tham gia vượt biển nên chúng tôi dự tính là tìm đến bến tự do rồi mới có con. Giờ đây, sự việc trái ngược với dự định khiến tôi hiểu rằng những gì mình muốn mà trời không muốn, phải chấp nhận. Trước khi chào từ già, tôi đã cố gắng cười một cách bình thản rồi nói với bà là tôi biết chuẩn bị thế nào cho đứa con đầu lòng của mình.

Chồng tôi rất vui mừng khi biết mình sắp được làm cha. Niềm vui khiến anh không nghĩ đến chuyện vượt biển sắp tiến hành trong vài ngày tới khiến tôi phải khuyên:

“Em không thể tham gia chuyến này thì anh nên đi một mình. Ở đây dầu gì em cũng có việc làm, còn anh không nghề nghiệp lại không hộ khẩu. Sống bấp bênh như thế, chẳng thả trôi ra khỏi nước may ra còn có tương lai sáng lạng hơn.”

Lắc đầu, anh nói:

“Anh không bỏ em đâu. Đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa. Trước mắt là phải lo cho con!”

Rồi y như lời, anh không tham gia chuyến vượt biển do chính người bạn thân của anh báo rõ ngày giờ. Sau đó ít tháng, khi nghe tin bạn bè của anh đến Phi Luật Tân thành công, anh thoáng buồn nhưng chẳng hề than van hay tiếc rẻ. Ngoài tâm niệm sướng khổ có nhau và không chịu cảnh vợ chồng ly tán người đi kẻ ở, anh đã chăm sóc tôi cẩn thận cho đến ngày đưa con trai đầu của chúng tôi ra đời.

Từ khi có Tinô, chúng tôi không hề đề cập đến chuyện vượt biển. Để đáp ứng các nhu cầu cần thiết cho đứa bé, chúng tôi đã dồn hết sức lực và tâm trí vào các việc làm của mình. Ngoài việc dạy học mỗi buổi sáng tại một trường cấp hai, tôi đã nhận may tại nhà và làm thêm các loại bánh. Chồng tôi, tuy không có việc gì làm chính thức cũng giúp rất nhiều việc cho tôi lẫn mẹ của anh ấy. Ngoài những việc giúp tôi như may áo cổ sơ mi, thắt lá dừa làm bánh phu thê cho các mối đám cưới và bánh bán ngày rằm mừng một anh còn phụ mẹ anh những công việc xách nước, chặt củi và hong xôi. Những công việc của anh tuy nhẹ nhàng nhưng đã làm anh cay đắng vì chúng chỉ là những việc phụ giúp cho hai người đàn bà. Trước đây, anh đã làm rất nhiều nghề độc lập như đập xích lô, kiếm củi, dệt khăn và buôn hàng theo tuyến đường tàu hỏa. Bởi chậm chạp và thật thà, anh bị thất bại này đến thất bại khác. Đập xích lô thì không kiếm ra khách, đi chặt cây lấy củi thì chặt vào ngay đầu gối mình phải vào trạm xá điều trị, dệt khăn thì bị cụt lưng khi di chuyển máy dệt để sửa chữa phải đi châm cứu, và đi buôn thì bị gạt hàng giả

mất cả vốn lẫn lời. Đã thế, mỗi lần anh đi buôn về, tôi thường nghe Thành, người thanh niên ở cùng xóm, nói rằng:

“Đừng cho anh Hiệp đi buôn nữa chị à! Anh đi buôn như tụi em không được đâu! Mấy bà buôn dữ lắm! Hàng nhiều, tàu chật mà mấy bà chẳng muốn nhường ai, hết lần người, lại giành chỗ, miếng lúc nào cũng chửi. Mà mấy bà muốn chửi cỡ nào, tụi em chửi lại cỡ nấy, đâu ngán! Còn anh mang tiếng có học không dám chửi lại nên mới bị mấy bà vừa đập đầu bước qua vừa bị chửi. Mỗi lần thấy anh bị như vậy mà vẫn ngồi yên, không dám nói tiếng nào, em tức lắm. Hiền lành, cả nể như vậy nên kiếm nghề khác làm còn hơn!”

Mỗi lần nghe vậy, tôi thường nén tiếng thở dài. Tôi biết là một ngày không xa, chẳng cần khuyên nhủ, anh sẽ không còn có thể đi buôn theo đường tàu Nha Trang Sài Gòn. Không phải vì anh sợ các bà buôn ăn hiếp mà vì vốn của anh đã cạn kiệt.

Mẹ chồng tôi rất cay đắng khi nghe được những lời này. Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, tự hào về sức học vượt bậc và tin tưởng công danh của con mình sáng lạng bao nhiêu thì sau ngày ấy bà ê chề với cảnh anh phải lao đao với công việc làm ăn bấy nhiêu. May là đứa con trai đầu của bà, anh chồng tôi, được thuê làm nhân viên cho nhà máy đường ở một tỉnh miền Nam sau khi tốt nghiệp Đại Học Sài Gòn, nên có đời sống tương đối ổn định. Còn chồng tôi từ chối không nhận sự phân công tác của trường Đại Học sau khi tốt nghiệp nên mất cả việc lẫn hộ khẩu. Tình trạng lơ lơ bồng bồng của anh làm bà khổ tâm lắm nhưng đành cam chịu vì hiểu rằng anh không thể nào nhận công tác làm giáo viên của trường trung học ở một tỉnh lẻ miền Trung với bản phê bình “Học lực tốt nhưng tư tưởng chính trị không tốt”. Những người trong ban giám hiệu nhà trường chắc chắn sẽ không chấp thuận một người có tư tưởng chính trị không tốt trong đội ngũ giáo viên của họ. Sớm hay muộn, họ cũng sẽ tìm cách cô lập hay trục xuất anh khi biết ba anh là sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng Hòa và đã chết vì chiến đấu chống lại sự tấn công bội ước của quân đội miền Bắc vào ngày mừng một tết năm Mậu Thân 1968. Ông đã tử trận với danh vị là sĩ quan của Việt Nam Cộng Hòa trong lúc trấn giữ đồn Pleiku chứ không phải như chữ chết đơn giản và trơn tuột mà chồng tôi khai trong lý lịch khi anh nộp đơn thi vào trường Đại Học Đà Lạt. Dù sao, mẹ chồng tôi rất an lòng khi vợ chồng tôi sống kề cận. Từ ngày không nghe chúng tôi nhắc nhở đến các chuyện vượt biển bà càng vững bụng hơn. Bà chỉ còn hai người con trai. Anh chồng tôi sau khi có việc làm, lập gia đình và ở luôn tại Nam Bộ, cho nên, khi sống với gia đình chúng tôi, bà cảm thấy ít lạc lõng trong đại gia đình chồng.

Thực sự, vợ chồng chúng tôi chính là kẻ nương tựa vào mẹ chồng tôi. Những bữa ăn hàng ngày của chúng tôi đều dựa vào số tiền lời của những gánh xôi mà bà bán từ tờ mờ sáng. Lẽ ra bà không phải sống bằng nghề bán xôi dạo cực nhọc này. Bà vốn là tiểu thương buôn may bán đất của gian hàng tạp phẩm guốc dép mũ nón tại chợ Phước Hải Nha Trang, được nhiều khách bạn hàng quý mến. Sau năm 1975, bà nghe đồn việc cải tạo công thương nghiệp nên sợ hãi sang nhượng lại gian hàng, để mua vài sào ruộng về trồng rau muống. Bà không có kinh nghiệm trồng rau nên thu nhập thấp hay có khi mất trắng vì thời tiết thất thường. May là bà nấu xôi ngon nên nghề bán xôi trở thành nguồn thu nhập chính cho bà sinh sống và hỗ trợ thêm cho con cháu. Mặc dù vợ chồng tôi làm rất nhiều việc nhưng thu nhập của chúng tôi chẳng được bao nhiêu. Lương giáo viên hàng tháng của tôi và số tiền ít ỏi từ các việc làm phụ của vợ chồng chúng tôi chỉ đủ trang trải cho các thứ vật vãnh dành cho đứa con đầu lòng. Cũng may Tinô là đứa trẻ rất dễ tính cho nên sau khi nó ra đời tôi vẫn có thể tiếp tục làm nhiều việc hơn trước đó. Thường bú sữa mẹ theo giờ giấc nhất định nhưng Tinô chẳng bao giờ cáu kỉnh hay khóc lóc khi phải nhịn đói lâu hơn. Ngày Tinô vừa đúng một tháng tuổi là ngày tôi phải giao chiếc bánh cưới hai tầng cho gia đình chú rể vào lúc tám giờ tối để họ chuẩn bị cho ngày cưới hôm sau. Bảy giờ tối là giờ cho Tinô bú theo cũ nhưng tôi không thể theo giờ đã định vì còn điên đầu với chiếc bánh cưới chưa hoàn thành được. Trời tháng chín nóng chẳng khác hè, nhà lại ngày nhăm khu vực không điện phải thắp đèn dầu cho nên khí trời lẫn khí nóng của chiếc đèn dầu làm cho kem bơ mềm hơn thường lệ. Chỉ có thể trét mặt bánh chứ không thể nặn được những cánh bông hồng, tôi đành phải làm thêm loại kem khác: kem đường. Đây là một loại kem không bơ nhưng dễ dàng tạo những cánh hồng sắc nét vì độ cứng chuẩn mực của nó. Loay hoay thêm hai giờ tôi mới có được một chiếc bánh cưới vừa ý để giao cho khách. Tinô không thể bú theo thời gian qui định nhưng vẫn im lặng chờ cho đến lúc được cho ăn chứ không hề khóc la vội vãnh. Khi ôm nó vào lòng tôi hiểu là nó đã phải chịu đói rất lâu nhưng có lẽ do bản tính kiên nhẫn bẩm sinh, vẫn chờ cho đến khi được cho ăn. Vừa thương con, vừa biết ơn trời ban tính lành cho nó, nhưng lúc ấy tôi không biết rằng bản tính này liên quan rất nhiều đến những việc xảy ra cho Tinô sau này.

Khi Tinô được bốn tháng và có thể ăn dặm thêm các thứ như cháo lỏng, rau đậu xay hay bột, tôi nghĩ ngay đến chuyện tăng thêm thu nhập cho gia đình. Ngoài những công việc thường làm, tôi đã tận dụng ngày chủ nhật để phụ chồng tôi đi buôn. Thời gian này, những người thầu ở chợ Lớn Sài Gòn thường thu mua các thứ hàng xuất khẩu như cà phê, hạt điều và các sản phẩm quý của rừng cho các nhà buôn bán thuốc Đông y, đặc biệt là hạt Uơi. Cà phê có nhiều tại Ban Mê Thuật, hạt điều ở các tỉnh Thuận Hải, duy chỉ có Uơi là thứ có nhiều ở tỉnh Khánh Hòa. Dựa vào sự thuận lợi là đang cư ngụ trong tỉnh có loại trái được các nhà buôn Sài Gòn nô nức thầu, tôi đã cùng chồng tôi đi xe đò ra tận nhà của những người bán Uơi ở ven núi rừng Hòa Mỹ, Hòa Đồng và Hòa Tân. Những người bán trái Uơi này vốn là những người chuyên sống bằng nghề đồn củi. Nhân biết giá trị của loại trái này, họ đã thu lượm, phơi khô và để dành bán khi có giá. Theo lời của họ, Uơi là một loại trái dùng để “ăn cho mát người”. Chữ “cho mát” mang nghĩa của khả năng giảm nhiệt độ và cũng có nghĩa là khi ăn loại trái này con người sẽ tránh được triệu chứng “nóng người” như mụn nhọt hay táo bón. Sự giải thích được tạm hiểu vì sao các con buôn ở Sài Gòn thích thu mua loại trái lạ lùng này, tuy nhiên, khi hỏi người bán vì sao chúng có tên Uơi thì ai nấy đều chịu. Gợi ý là có phải chúng được chiêu cổ bởi mấy con đười ươi không, thì ai nấy cũng đều lắc đầu. Việc duy nhất mà họ có thể giải thích về loại trái có tên quái dị này là chọn một vài trái hình thoi tròn đầu, nhỏ như hạt dẻ, vỏ nâu đen sần sùi ngâm vào trong một tô nước rồi bảo chúng tôi quan sát sự nở bung dị kỳ của chúng. Sau khi vớt bỏ các lớp màu nâu thẫm của vỏ và nhặt những mảnh trắng dẻo dẻo đan dính với hình dạng không đều như đông sương cho chúng tôi nếm thử, họ nói là những miếng mà chúng tôi đang nhai trong miệng sẽ làm cho da dẻ chúng tôi tươi mát và sự tiêu hóa được nhuận trường. Để tán dương thêm giá trị hiếm quý của Uơi, người bán còn tả cảnh thu lượm khó khăn mà họ đã trải qua. Họ nói là Uơi thường chín rụng vào mùa mưa. Vì thế, nếu họ không ghi nhớ, thăm chừng, leo chặt và kéo cành về nhà tuốt trái phơi khô, chúng sẽ nở toét loét đầy mặt rừng và không có chuyện tích trữ từng bao bố bán cho con buôn. Qua chuyện kể của họ, chúng tôi hình dung được sự hiếm quý của những trái Uơi ra sao đồng thời tưởng tượng được cảnh cây rừng bị chặt phá và tước lột mỗi ngày như thế nào. Mặc dầu vậy, chúng tôi không thấy mình có tội. Những người bán này cũng như chúng tôi, là kẻ sống chật vật trong hoàn cảnh thay đổi của đất nước, phải vất vả với trăm phương ngàn kế mới mong nuôi sống gia đình. Trong khi những người bán phải khổ nhọc khuân vác những cành Uơi từ rừng về nhà thì chúng tôi phải vất vả vận chuyển các bao tải về thành phố mới kiếm được chút đỉnh tiền lời. Dù thế nào, thiên nhiên chẳng ưu đãi cho chúng tôi dài lâu. Buôn được vài chuyến thì nguồn Uơi cạn kiệt. Không có hàng buôn, vợ chồng tôi đành mua những thứ vật vãnh như rau, khoai, bắp, đậu với giá rẻ hơn thành phố để bù số tiền xe đi lại. Nhiều lần như thế, các chuyến đi buôn của chúng tôi hóa thành những chuyến đi chơi. Các thứ mua được chỉ để tiêu dùng trong nhà và vốn liếng của chúng tôi lại từ từ chấp cánh bay.

Trước tết Kỷ Ty năm 1989, Tinô vừa được vào nhà trẻ, tôi kiếm thêm việc làm ngay. Nhờ một người bạn đã từng quen với công việc mua bán, chúng tôi đăng ký được một gian hàng bánh mứt trong khu chợ tết Nha Trang. Vì chỉ dạy buổi sáng tôi đã dành hết thời gian cho việc buôn bán này. Tôi đã tự làm hầu hết các loại bánh mứt ngay cả việc rang nhuộm hạt dưa để không phải chi nhiều vốn cho việc mua đi bán lại. Sau những ngày bán tết năm đó, số lời của chúng tôi mua được năm phân vàng. Đó là số thu nhập khá lớn mà chúng tôi có được từ sau bao nhiêu năm sống chung với nhau. Mặc dù số vàng chỉ có thể dành cho vài tháng gửi trẻ hay chỉ mua được một hay hai hộp sữa bột hiệu Nhật cho Tinô nhưng nó đã làm chúng tôi hân hoan với ý nghĩ là có thể chăm nuôi Tinô đầy đủ cho đến ngày nó lớn khôn. Tôi cảm thấy được an ủi vì nghĩ rằng sự cần mẫn của mình đã được đền bù phần nào. Cảm giác bằng lòng với hiện tại thường xuất hiện nhiều hơn khi tôi không nghĩ đến chuyện cư ngụ, hộ khẩu, lý lịch của chồng tôi và những vấn đề liên quan đến quá khứ hay tương lai. Giống như người nào đó nói rằng “Không có thể vượt biên được thì ta đành vượt khó thôi!”

Dường như thượng đế không để cho chúng tôi tiếp tục vượt khó vì người đã xui khiến một người đàn ông đứng tuổi đến thăm gia đình chúng tôi vào ngày mừng một Tết Kỷ Ty năm ấy. Ông tên là Thân và chúng tôi gọi ông là bác Thân. Bác Thân là ba của C. Sơn, cô bạn thời trung học với tôi, và cũng là bạn thân của ba tôi khi sinh thời. Tìm tận đến nhà chồng tôi để thăm tôi sau một thời gian dài bất tàm, bác Thân đã trút không biết bao nỗi niềm tâm sự. Vốn xem tôi như con gái, ông không hề giấu giếm một điều gì trong gia đình mình kể cả việc làm đầy nguy hiểm và bí mật của con gái và con rể của ông. Ông cho tôi biết là C. Sơn và chồng của cô ta thường giới thiệu những người muốn trốn ra khỏi nước cho những người tổ chức vượt biển ở cùng xóm với họ. Cư ngụ ở xóm Cù Lao dưới chân cầu Xóm Bống, cả hai đều biết chuyện tổ chức nào thật giả và ai là người đàng hoàng lương thiện nên đã giúp rất nhiều người vượt biển thành công. Qua tâm tình, tôi cũng thành thật kể cho ông nghe về những chuyến vượt biển không thành của mình và sự an phận với chuyện ở lại. Tôi đã nói nhiều về tình trạng có con nhỏ của mình và tình hình các trại tị nạn sắp đóng cửa. Đây là hai nguyên nhân chính khiến tôi không còn có ý định vượt biển.

Hai ngày sau, C. Sơn và chồng của cô ta đã đến nhà chúng tôi. Sau khi đề cập đến những lời kể lại của bác Thân, họ báo cho chúng tôi chuyến vượt biển sắp tiến hành của những người đáng tin cậy trong xóm Cù Lao nơi họ ở. Tôi đã từ chối vì số tiền dự phân nhiều hơn mức tưởng tượng của tôi: Hai lượng vàng cho một đầu người. Trước khi có Tinô, chúng tôi chỉ phải trả vài chỉ vàng cho những lần tham gia vượt biển và đã nhận lại ngay sau những lần thất bại. Số vốn ấy, sau những tháng ngày buôn bán thua lỗ, chỉ còn vòn vẹn một chỉ vàng thì làm sao tôi có thể nhận lời giới thiệu của vợ chồng C. Sơn. Ngạc nhiên thay, chồng tôi đã hỏi địa chỉ nhà của vợ chồng C. Sơn và hứa là đến nhà họ để nhờ dẫn đến gặp người tổ chức.

Ngay đêm hôm sau, chúng tôi đã gặp người quen của chủ ghe tại Cù Lao Xóm Bống. Ông ta chấp nhận cho Tinô đi cùng và bằng lòng nhận chi phí sau khi chúng tôi đánh điện báo tin đến nơi bình yên với điều kiện là chúng tôi phải trả hai lượng vàng cho một đầu người. Chồng tôi đã mặc cả ba lượng vàng cho gia đình ba người trong khi cam chắc là sẽ giao năm chỉ vàng trước ngày lên đường. Sau một hồi bàn luận, người đại diện cho người chủ ghe ưng thuận lời đề nghị của chồng tôi. Nhìn khuôn mặt hớn hở của ông, tôi biết là ông tin tưởng rất nhiều vào khả năng tài chánh của chúng tôi chứ không hề ngờ là chúng tôi đã phải chạy vạy từng ngày để nuôi con. Boăn khoản trên đường về nhà, tôi không ngừng hỏi chồng tôi về sự mặc cả liều lĩnh mà anh hứa. Anh đã không cho tôi một lời giải thích nào ngoài câu trả lời ngắn gọn “Để anh tính!”

Tôi không hề biết sự tính toán của chồng tôi như thế nào nhưng trưa ngày hôm sau mẹ chồng tôi đã ào vào phòng thờ khóc than thê thảm với hình ba chồng tôi nơi bàn thờ ông. Bà đã kể lể là nuôi con khổ cực mà nó đành tâm dẫn vợ con ra đi. Khi trở lại phòng của chúng tôi, bà không nhìn mặt tôi mà chỉ nói xa gần với chồng tôi. Lúc đó, tôi nghĩ là bà giận mình bởi người thân quen của tôi đến nhà mới lái, khơi lại chuyện vượt biển trước đây và tôi là nguyên nhân của sự chia cắt mẹ con; nhưng sau này tôi hiểu thêm là do chồng tôi hỏi mượn hai lượng vàng, số vốn duy nhất còn lại của bà. Sau khi đòi co vài lời nhưng không xoay chuyển được sự quyết định của chồng tôi, mẹ chồng tôi đã sang phòng ông nội chồng tôi mách toàn bộ câu chuyện. Phòng ông nội chồng tôi, ngay tại phòng khách, luôn luôn mở cửa trước lần sau cho nên sau khi chúng tôi nghe mẹ chồng tôi khóc lóc kể lể vài phút đã nghe ông quát vang khắp nhà: “Bảo chúng ở đây để ăn cứt cá lủ hả?” Câu hỏi vắn vẹo lớn tiếng của ông đã làm kinh động tất cả mọi người trong đại gia đình và làm tôi nhớ lại những lời kể của bác chồng tôi về cảnh di tản cực khổ mà ông kiên quyết đưa con cháu đi từ Bắc vào Nam vào năm 1954. Lúc ấy, ông nội chồng tôi đã đùm tùm cả đại gia đình đi từ Ninh Bình đến Hà Nội rồi ra cảng Hải Phòng để lên tàu thủy xuôi Nam. Nhờ vậy, ông đã tạo cho con cháu được sống tự do trong xã hội miền Nam từ năm 1954 đến 1975 và đã tậu được một cơ ngơi vững chắc với khuôn viên nhà rộng rãi vừa để ở vừa cho thuê. Trong khuôn viên của đại gia đình chồng tôi gồm có ông nội, mẹ, hai cô, chú và những đứa em họ của chồng tôi. Trong tất cả những người này, người mà tôi kính trọng nhất là ông. Vốn là người sùng đạo Phật và trọng thờ cúng ông bà, ông chưa

bao giờ bỏ sót một ngày tụng niệm hay lau chùi bàn thờ. Sự thành kính của ông đối với chư Phật và những người đã khuất không những đã làm tôi kính trọng sự mẫu mực của người trọng đạo nghĩa mà còn in cho tôi một ký ức sâu đậm về những việc làm đầy ý nghĩa của ông đối với người quá vãng.

Một trong những việc mà tôi có ấn tượng sâu sắc nhất là chứng kiến cảnh ông chăm sóc hài cốt của người quá cố của gia đình. Năm ấy, khi chính quyền mới yêu cầu giải tán khu nghĩa trang và mọi người tắt bật tìm nơi dời chôn, thiêu đốt thì ông bình tĩnh sắm sửa các loại keo dán, rượu trắng, bảng ghi tên người chết, các hũ đựng tro và các tấm hình nhỏ hợp khổ với chúng. Sau đó, ông đã thăm hỏi nơi hỏa táng và tìm hiểu ngày giờ tốt để khai quật. Khai quật và hỏa táng xong, ông đã gói ghém từng phần hài cốt, cẩn thận ghi tên từng người trên các gói báo trước khi đem về nhà. Thấy ông lui cũi với bốn gói hài cốt của vợ ông (bà nội chồng tôi), con trai ông (cha chồng tôi) và hai người con gái ông (cô chồng tôi), chúng tôi lân la hỏi giúp, thì ông gắt ầm lên: “Tránh đi! Chúng mày mà làm được chuyện này thì tao đã khỏe thân rồi!” Ông là thế! Ít nói nhưng thường cho chúng tôi những câu gắt gỏng lớn tiếng. Những câu gắt này có thể xem là vô hại và có thể hiểu được khi chứng kiến việc ông làm như thế nào. Có những mẫu xương trong các gói hài cốt, chẳng biết loại gì, không bị rã bởi sức nóng của lò thiêu, được ông rửa với rượu rồi lau để khô. Sau đó, ông gộp chúng lại với tro rồi dùng hai tay vốc từng nắm trút vào hũ cẩn thận. Khi làm thế, ông nhất quyết không để rớt một hạt bụi nhỏ nào cho dù một chút li ti trên tờ giấy báo. Ếm tro vào hũ xong, ông khấn chúng kín lại, lau chùi sạch sẽ, đặt theo thứ tự vai vế của từng người trên bàn thờ rồi nhang đèn cúng kính.

Hôm ấy, giọng hét của ông lớn hơn và khác hơn những lời gắt gỏng trước đó đã thức tỉnh mọi người trong gia đình về tình trạng của chúng tôi: Tuy chúng tôi cùng ở một nhà nhưng tình trạng cư ngụ của gia đình tôi hoàn toàn bất hợp pháp bởi vì chồng tôi không có hộ khẩu nên tôi phải giữ tên mình và đăng ký tên Tinô vào sổ hộ khẩu gia đình của mẹ ruột tôi. Tuy chúng tôi làm hùng hục hàng ngày nhưng chúng tôi vẫn ăn bám vào sức làm của mẹ chồng tôi bởi vì số thu nhập của chúng tôi không thể đáp ứng được toàn bộ sự chi tiêu hàng tháng. Và cho dù chúng tôi tiết kiệm đến đâu chẳng nữa, vốn liếng của chúng tôi ngày càng kiệt cạn với sự bất cân xứng giữa cán cân thu và chi mỗi ngày. Những điều này đã ám thị trong đầu tôi một con số không to tướng cho tương lai của chúng tôi.

Khi về nhà chồng, tôi được nghe nhiều về sự can đảm của ông nội chồng tôi trong chặng đường gian khổ dẫn dắt vợ, con, dâu cháu trốn khỏi chế độ Cộng Sản ở miền Bắc để vào Nam sinh sống vào năm 1954, thì những ngày này tôi được chứng kiến tận mắt sự quyết tâm của ông trong việc ra sức giúp cháu chắt của ông tìm đường tự do bằng đường biển với số vàng dành dụm cho những ngày còn lại của ông ở trên đời. Ngoài việc cho chúng tôi năm chỉ vàng, ông còn khích lệ các cô chồng tôi góp vàng vào cho đủ chi phí ba lượng mà người tổ chức qui định. Số chi phí cao gấp ba, bốn lần so với những chuyến mà vợ chồng tôi tham gia vượt biển trước đây nhưng nó là giá cả có thể chấp nhận được khi chúng tôi chỉ giao một phần nào và gia đình chúng tôi sẽ giao số còn lại cho những người tổ chức khi nhận điện báo của chúng tôi. Chi phí đã được chuẩn bị và sẽ được giao ngay khi chúng tôi đến bờ tự do nhưng sự may mắn của những chuyến đi có tạo cho gia đình chồng tôi thực hiện điều ấy không là vấn đề mơ hồ mà tôi không thể trả lời được. Để giải tỏa những tình huống xấu tự đặt trong đầu, tôi chỉ biết đưa Tinô lên chùa trầm bặc ở Mã Vòng và Tháp bà để cầu xin Phật Tổ và Đức Bà cứu độ.

Đầu tháng ba năm ấy, vợ chồng C. Sơn căn dặn chúng tôi phải thường xuyên ở nhà vì sẽ có người đến báo giờ và địa điểm xuất phát một cách bất ngờ. Họ còn cho biết thêm là người tổ chức chỉ cần chắc chắn tình hình thời tiết cho chuyến đi nữa là sẽ tiến hành nội nhậm trong tuần. Trong khi chồng C. Sơn kể chuyện chủ ghe tu sửa máy móc chu đáo với chồng tôi thì C. Sơn đã trấn an tôi bằng những câu chuyện về sự chuẩn mực của số người tham gia, sự đàng hoàng và đáng tin cậy của thành phần tham gia và sự trang bị đầy đủ thực phẩm, thuốc men và vật dụng cho chuyến hải trình có trẻ con. Nàng hoàn toàn thu phục lòng tin của tôi về sự thành công của chuyến đi nhưng lại làm tôi nghi ngại bởi câu căn dặn lại rất nhiều lần: “Lan nhớ mang theo một cái nải đựng con như của người thượng khi đi đường!”

Chiều hôm ấy, khi tôi đang nấu bữa cơm tối, chồng tôi giục tôi cho Tinô ăn mau để chuẩn bị lên đường. Tinô vốn là đứa dễ ăn và các thứ cần dùng đều được chuẩn bị sẵn trong hai giỏ xách cho nên chỉ cần nghe tin báo là tôi có thể cho nó xong chén cơm trong vài phút và lấy hành lý đi ngay. Chỉ có việc mà tôi lừng khừng, không quyết định được là số lượng thuốc ngủ cho Tinô uống sau khi cho nó ăn. Theo các câu chuyện kể, những đứa nhỏ theo cha mẹ vượt biển đã phải uống thuốc ngủ để tránh sự phát hiện của công an và vài đứa trong số ấy, vì uống quá liều mà khi ghe đến bên tự do thì không thể thức dậy được nữa. Tôi không muốn bị công an phát hiện và cũng không muốn liên lụy mọi người bị bắt theo mình nhưng tôi không muốn trường hợp xấu nào xảy ra cho con tôi. Suy nghĩ một hồi, tôi chỉ cho Tinô uống nửa muỗng cà phê thuốc ngủ. Lúc đó, với sự tưởng tượng về các xóm chài thưa thớt và những bãi biển vắng người của những chuyến đi trước, tôi tính là sẽ dùng đôi bàn tay của mình vỗ về thêm giấc ngủ cho nó. Tất cả mọi người trong đại gia đình của chồng tôi rồi rít như thể chúng tôi sắp vào cửa tử. Quyển luyến vây quanh chúng tôi một lúc, ông nội chồng, mẹ chồng và các cô chồng của tôi lần lượt vào phòng thờ. Tôi biết là họ chuẩn bị tụng niệm để cầu nguyện cho sự an toàn của chúng tôi vì thế tôi đã nghẹn ngào không nói nên lời khi chào chia tay với những đứa em họ.

Trước cổng, Long, em trai họ của chồng tôi, đang rờ máy chiếc Honda 67 cũ trong tư thế sẵn sàng. Cổ tạo vẻ bình thường, nó đáp chào những người hàng xóm đang ngang qua lại. Còn chúng tôi chỉ lo ém chặt thành hàng sau lưng nó và giả như chẳng thấy ai. Chiều gần xẩm tối, lúc nhúc trên một chiếc xe máy cũ kỹ ọp ẹp rất dễ tạo sự chú ý của hàng xóm. Chúng tôi làm ra vẻ lơ láo vì không muốn trả lời những câu hỏi có tính cách thân mật và thường xuyên của những người đang ngồi ở các quán cóc cạnh nhà.

Vừa leo lên xe, chồng tôi hỏi hả nói:

“Vào khu máy nước, đi qua ga Nha Trang rồi ra Quốc Lộ đi Long!”

Ngạc nhiên, tôi thì thào:

“Tại sao mình phải đi hướng đó? Em tưởng là mình xuất phát tại cầu Xóm Bống chứ?”

Chồng tôi đáp, nhỏ giọng không kém:

“Không phải tại cầu Xóm Bống! Anh không biết mình sẽ xuất phát nơi nào nhưng họ hẹn gặp mình ngay trên đỉnh đèo Rù Rì. Để đánh lạc hướng công an, mình đi về hướng Thành rồi lấy đường cái lộ tuyến bọc lại. Anh sợ nhiều nhóm đến cùng một chiều, đổ cùng một lúc, lao nhao một chỗ sẽ bị những chiếc xe qua lại, nhất là xe tuần của công an nghi ngờ.”

Tôi không hỏi thêm. Các chuyến vượt biển nào cũng vậy, điểm hẹn thường khác với điểm xuất phát. Cần nhất là thoát khỏi sự chú ý của công an là ổn cả thôi. Đầu tôi lúc ấy chỉ ám ảnh thời gian ở trên ghe, thời tiết trong thời gian lênh đênh trên biển và sự cập bến. Theo lời của vợ chồng C. Sơn thì từ lúc xuất phát đến khi cập đảo Palawan tối đa chỉ có bảy ngày. “Palawan! Cầu xin trời phật phù hộ cho chúng con đến đảo Phi bình an.” Tôi thầm nhủ. Tôi thường nghe đồn Palawan của Philippine là nơi cập bến của đa số những người vượt biển từ Nha Trang cho nên tôi rất hy vọng gặp lại bạn bè cũ tại đó. Ngược mặt lên trời tôi cầu nguyện thời tiết tiếp tục tươi đẹp như thế. Tôi chỉ mong được thượng lộ bình an và tàu đến bến bình yên; chứ không nề hà chuyện nhịn đói để dành thức ăn cho Tinô trong suốt hành trình. Thực ra, tôi đã chuẩn bị nhiều lương thực trong hai giỏ xách của mình kể cả nước và các thứ linh tinh dành cho chuyến hải hành. Nếu những người tổ chức không đủ cung cấp thức ăn, nước uống hay thuốc men cho chúng tôi, thì chúng tôi có thể tự xoay sở được.

Khuôn mặt của Tinô lộ vẻ thích thú vì ngờ được đi chơi cùng bố và mẹ nhưng có lẽ nó nhận ra sự im lặng căng thẳng của chúng tôi nên không hề bi bô như những lần được đi xe gắn máy. Đứng chệt giữa chúng tôi, bá cổ bố và xoay người trong vòng tay ôm của mẹ, nó chỉ lặng lẽ nhìn cảnh vật hai bên đường. Những cơn gió hiu hiu trên đường không làm cho mắt nó sụp xuống và tôi không biết đến khi nào lượng thuốc ngủ mới tác dụng được. Khoảng hơn bốn mươi phút xe chúng tôi mới đến chân đèo Rù Rì, thế mà Tinô chẳng hề có chút dấu hiệu nào tỏ ra buồn ngủ. Chồng tôi nói Long ghé vào quán nước bên đường vì lúc bấy giờ chỉ mới năm giờ ba mươi lăm phút. Chỉ có hai người chủ quán và bốn người công nhân làm đường ngồi hai bàn khác nhau trong quán nhưng chúng tôi hết sức thận trọng. Cố tình cho mọi người

tưởng mình là người lữ đường trong chuyến đi chơi từ Ninh Hòa về thành phố Nha Trang, chúng tôi trao đổi với nhau bằng những câu lớn tiếng. Nhưng đến khi cùng tùm tùm ở một bàn nước tách biệt, chúng tôi nói bằng giọng thì thầm vừa đủ nghe. Long cho biết chỉ cần mười phút là nó có thể lái chúng tôi đến đỉnh đèo. Chồng tôi đề nghị đến trễ hơn giờ hẹn khoảng ba hay năm phút để tránh chuyện đổ bộ ồ ạt của các nhóm người vượt biển. Khuôn mặt đầy lo lắng của anh cho tôi biết là tinh thần anh đang bất loạn với chuyện bị bắt. Chẳng khác gì anh, chuyện bị bắt quả tang trong lúc công an tuần bắt ngờ luôn ám ảnh trong đầu tôi nhưng tôi cố gắng trấn an anh là có thể đã có một chiếc xe đồ đạc sẵn trên đỉnh đèo chờ đón người vượt biển bằng chuyện dàn cảnh xe hư dọc đường. Tôi còn thuyết phục anh là có thể những người tổ chức sẽ chờ mọi người đến bãi biển nào đó như Lương Sơn, Đại Lãnh hay Sông Cầu rồi bắt chờ đến khuya để được người đưa ra ghe bởi vì theo kinh nghiệm của những chuyến đi trước, chưa bao giờ có chiếc ghe vượt biển nào xuất phát trước lúc nửa đêm. Từ sáu giờ chiều đến lúc ấy phải là khoảng thời gian vận chuyển đến bãi biển và thời gian chờ đợi tình thế an toàn trước khi khởi hành. Chồng tôi im lặng tỏ vẻ tán thành khi nghe tôi nói. Cùng nhau bàn luận thêm một lúc, chúng tôi đồng thuận là giữ đúng giờ qui định.

Đồng hồ của Long chỉ sáu giờ, chúng tôi đến đỉnh đèo Rù Rì đúng như kế hoạch. Cảnh vật im lìm và con đường vắng vẻ trên đèo cao khiến đều chúng tôi hoang mang lo sợ. Trên con đường nhựa duy nhất trên đỉnh đèo, không có chiếc xe nào dàn cảnh hư như tôi ước đoán và cũng không có chiếc xe nào chạy ngang qua. Long tấp xe vào một bên đường, nơi có nhiều bụi cây thâm thấp lẫn những khóm cây um tùm, đối diện với những khối đá chông chênh không cây lá ở lề đường bên kia, dáo dác nhìn quanh. Khuôn mặt nó lộ vẻ lo sợ chẳng khác gì chồng tôi và tôi. Đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến vẻ hoang vắng và man dại của đèo Rù Rì trong màu lam nhạt của trời chiều. Gió trên cao thổi mạnh từng cơn. Những tiếng rít của những cơn gió khiến tôi cảm thấy rờn rợn. Quay ra sau, tôi cảm thấy hãi hùng hơn. Màu xanh thẫm của cây rừng và sự trùng điệp của núi đồi xuôi thoải về phía dưới sâu tạo nên một vẻ huyền bí và mơ hồ cho người quan sát. Chồng tôi kinh hãi chẳng khác gì tôi vì sự vắng vẻ và hoang dại của cảnh vật. Chúng tôi đã từng tham gia nhiều lần vượt biển nhưng chưa bao giờ chúng tôi trải qua một điểm hẹn trên đỉnh cao, nơi không nhà ở, không bóng người trong sương chiều mờ ảo như thế. Trong lúc phân vân chưa biết nên đi về hay đứng chờ, chúng tôi chợt thấy vài người đang xăm xăm đi lên từ dưới dốc đèo ở hướng đối ngược. Nhìn họ lơ ngơ giữa đường lộ với những chiếc xích nhỏ bên hông, chồng tôi hốt hoảng quay sang Long, hiện đang ngồi trên xe, nói một cách vội vã:

“Long lái xe đi ngay đi! Đi mau đi, chứ nhiều tốp người cùng một lúc như vậy công an đi ngang bắt hết cả thì vạ lây!”

“Anh chị đi bình an!” Long nói xong, nổ máy, rồ ga, và tăng tốc vụt đi.

May là đường Quốc Lộ lúc này không có một chiếc xe nào qua lại. Nếu không, hai nhóm người lỏ nhò của chúng tôi sẽ tiết lộ đây là những người đang chuẩn bị trốn ra khỏi nước và sẽ bị rắc rối bởi sự lục xét và chất vấn của công an. Dù vậy, chúng tôi chẳng biết là mình sẽ được đón đi với hình thức nào và phải trốn ở đâu để người đón có thể tìm ra. Trong khi vợ chồng chúng tôi lúng túng nhìn nhau vì không biết phải đi hay đứng ở đâu, một giọng nói giục giã vang lên từ phía sau lưng:

“Ê! Vào đây nè! Chạy vào trong này mau lên!”

Quay về phía các bụi cây ở ven núi thoải xuống biển, tôi thấy một người thanh niên đang ngoắc tay với khuôn mặt hốt hãi. Theo hướng chỉ của người thanh niên này, chồng tôi vội vã xách chiếc giỏ lớn chạy vào trong các bụi cây. Tôi vừa cặp Tinô một bên nách vừa mang chiếc giỏ nhỏ bên hông cũng chạy theo, nhanh không kém. Khi đi tìm chỗ nấp, tôi thấy vài người đang ẩn mình sau các bụi cây. Có lẽ họ ngồi chờ trước khi chúng tôi đến từ lâu lắm nên mỗi người im lặng ở mỗi nơi cố định.

Nhóm người vừa lên dốc cũng được một thanh niên khác báo cùng thông điệp:

“Đừng đứng ở ngoài đường nữa! Mau tấp vào các bụi cây bên trong này nè!”

Nhóm đến sau, mỗi người mỗi ngã, hấp tấp như tôi, đi tìm các bụi cây cao nhất và rậm nhất để ẩn mình vì nơi đây chỉ toàn những bụi cây lụp xụp và thưa thớt. Ý nghĩ sẽ bị bắt bởi điểm hẹn khá lộ liễu, tôi đã tìm chỗ nấp khác chỗ của chồng tôi. Tôi đã chuẩn bị là nếu bị công an phát hiện, sẽ ở lại chịu trận chứ không thể anh liên lụy theo. Vì muốn anh có thể thoát thân một mình mà không phải cáng đáng vợ con, tôi đã chia đều các thứ lương thực kể cả áo quần của Tinô cho hai chiếc giỏ của chồng tôi và của tôi trước khi chuẩn bị hành trang lên đường. Ám ảnh với trường hợp người đi, kẻ ở lại, tôi còn sắp sẵn kế hoạch phải làm gì nếu phải tìm đường trở về nhà một mình. Tôi đã định là sẽ quẳng các thứ liên quan đến chuyện trốn ra khỏi nước rồi giả làm kẻ lữ đường nếu phải bị trường hợp như thế.

Một người đàn bà dẫn theo một đứa con gái cỡ mười sáu tuổi đến nấp cùng một bụi rậm với tôi, hỏi:

“Mình có cần vào trong sâu không?”

“Không!” Tôi đáp nhô rồi nói thêm, “Ở chỗ này, mình có thể nhìn ra ngoài đường thăm chừng. Có xe đến rước là mình chạy ra đi ngay.”

Người đàn bà chau mày:

“Xe đến rước? Tôi có nghe xe nào đến rước đâu? Tôi nghe là mình phải đi trong rừng để đến bãi mà!”

Nửa tin nửa ngờ với sự tiết lộ tôi vội quay đầu ra phía sau. Hàng hàng lớp lớp cây cối chi chít và thoai thoải theo núi đồi kéo tận dưới sâu khiến tôi không thể nào tin đó là con đường đi đến bãi, nhưng khi tôi đảo mắt về phía đường lộ mà chẳng thấy một chiếc xe nào dừng lại thì tôi chẳng hiểu người tổ chức sẽ đưa mình đi theo hướng nào và bằng phương tiện gì. Bàng hoàng vì không định rõ chuyện thực hư như thế nào và lo lắng vì không chuẩn bị cái đu con như C. Sơn dặn, tôi bỗng nghe Tinô khóc òa trong tức tưởi. Nó méo mào gọi bố liên hồi khiến người đàn bà ngồi cạnh bên giãy nảy:

“Trời ơi! Chị có bịt miệng nó lại ngay không! Để nó khóc như vậy, lộ ra, công an bắt mình chết.”

Không thấy tôi có phản ứng nào đáp lại lời yêu cầu của mình, bà hỏi liên tiếp:

“Chị có cho con chị uống thuốc ngủ chưa vậy? Đem con nhỏ theo như vậy mà chị không cho nó ngủ thì làm sao vượt biên được?”

Vừa dỗ dành Tinô, tôi vừa trả lời: “Tôi đã cho nó uống thuốc ngủ rồi nhưng không hiểu sao đến giờ thuốc vẫn chưa thấm.”

Người đàn bà hỏi rất nhanh:

“Chị cho uống bao nhiêu rồi? Chắc chị cho nó uống ít quá nên nó chưa ngủ được chứ gì?”

“Tôi đã cho nó uống gần một muỗng canh rồi.”

“Một muỗng canh? Chỉ một muỗng canh thôi thì làm sao đủ độ cho nó được? Chị cho nó uống thêm đi! Ít nhất phải thêm hai muỗng canh nữa! Chứ nó khóc như vậy trước sau gì mình cũng bị công an bắt!”

“Tôi không mang thuốc ngủ theo. Nếu có, tôi cũng không cho con tôi uống.”

Tôi nói với giọng gắt gỏng, rồi ôm xốc Tinô đứng lên định tìm lùm cây khác để núp. Đúng lúc ấy, chồng tôi đến:

“Đi mau lên em! Họ nói là mình phải lên đường ngay chứ không kịp.”

Ngơ ngẩn vì không hiểu chuyện gì xảy ra và tại sao phải đi sâu vào các lùm cây thay vì chờ xe đón ngoài đường Quốc Lộ nhưng tôi vẫn phải ôm Tinô và kè nệ chiếc giỏ bên hông chạy theo mọi người. Chồng tôi hiểu sức nặng của Tinô và chiếc giỏ không làm tôi đi nhanh được nên ghé tay xách thêm chiếc giỏ mà tôi đang mang rồi thì thầm bảo tôi bước nhanh hơn. Những người đi trước tôi, không ai nói với ai lời nào, người sau nôi đuôi người trước thành một hàng ngay ngắn như đã được căn dặn trước. Đi càng sâu vào các lùm cây thâm thập mọi người càng đi rất nhanh, không khác nào đoàn lính ào ào tiến về cứ điểm, vì vậy, có lúc tôi có cảm tưởng như mình sắp sửa bị họ bỏ rơi. Chồng tôi cố gắng bước nhanh nhưng phải khệ nệ vì hai chiếc giỏ khá nặng; cho nên, có lúc tôi phải vượt anh, chạy theo sau những người đi trước để khỏi bị mất dấu. Càng đi chúng tôi càng nhìn mọi vật khó khăn hơn. Chẳng mấy chốc, vạn vật chìm hẳn vào bóng tối. Các lùm cây trở thành những bóng đen dị dạng trong không gian lam mờ huyền ảo. Nếu không căng mắt nhìn kỹ những người đi trước để nhận rõ hướng di chuyển của họ tôi sẽ không biết họ ở đâu vì bóng của họ như bị nuốt chửng và hòa lẫn trong những lùm cây đen dày đặc xung quanh. Thỉnh thoảng người dẫn đường dùng đèn pin rọi đường để ra dấu cho chúng tôi bước theo. Bước đều đặn, không ai nói với nhau lời nào cũng như không hề hỏi người dẫn đường đang dẫn chúng tôi đi đâu. Hình như mọi người đều sợ tiếng nói của mình có thể vang đến một đồn gác nào đó của du kích hay công an biên phòng.

Gió mát của núi làm Tinô ngủ gật trên vai tôi. Ôm chặt nó vào ngực có lúc tôi chạy thật nhanh, nhưng có lúc tôi phải dừng lại phụ chồng tôi xách một quai của chiếc giỏ lớn rồi giục anh đi mau hơn. Dù cố gắng thế nào, vợ chồng chúng tôi luôn cách đoàn người đi trước một khoảng nhất định. Càng lúc, sức mạnh của hai chiếc giỏ càng trì kéo hai bước chân của chúng tôi, thế nhưng, chúng tôi không thể quẳng bớt vài thứ để bước nhanh hơn. Phần lớn trọng lượng của chúng đều từ các bình nước dành cho Tinô bấy ngày ở trên ghe. Âm ảnh chuyện đói khát và chết khô của những chuyến vượt biển bất hạnh được nghe, chúng tôi quyết đem tối đa số lượng nước dành cho con mình cho dù phải vận chuyển khó khăn như thế nào.

Những người đi trước chúng tôi chỉ quan tâm đến hướng tiến đến hơn là nhìn lại phía sau họ xem người theo họ có bị bỏ rơi hay không. Họ, không khác chúng tôi, nếu không đi nhanh, và không nhìn kỹ

người đi trước, sẽ mất dấu trong tích tắc và sẽ bị lạc ngay. Cứ thế, chúng tôi cùng lầm lũi bước đi; không ai nói với ai điều gì và cũng chẳng để tâm đến người sau lưng mình. Riêng tôi, là người đi cuối cùng, vì sợ sự truy kích bất thần nào đó của công an, thỉnh thoảng ngoảnh lại nhìn sau lưng. Mỗi lần nghiêng đầu nhìn ra sau, tôi chỉ thấy những đám cây đen và đỉnh núi đá xa mờ trong màn sương. Thất vọng vì sự việc không diễn ra như mình phỏng đoán, tôi canh cánh lo sợ khi nghĩ đến sự chưa chuẩn bị cho đoạn đường phải đi đến đích.

Lúc này, tôi bước vất vả hơn vì Tinô đã buồn ngủ mà không chịu úp mặt vào vai tôi. Nó không thích lối ngủ ngồi nên nhất quyết ngả người ra sau tìm chỗ nằm. Mắt nhắm mắt mở trong trời đen như mực, tưởng cái giường đã chuẩn bị sẵn sàng cho mình sau lưng như bao lần ở nhà, nó nhất định ườn người ra sau đòi nằm dài thoải mái mới thôi. Thua cuộc, tôi chiều nó bằng cách ôm ngửa trên hai cánh tay mình trong khi bước liên tiếp.

Đi thêm một quãng, đoàn người đang đi nhanh đột nhiên bước chậm lại và tản hàng. Một lạch nước ngăn trước mặt khiến cả bọn phải lục tục cúi mình để xấn quần bó vể. Mặc dù con lạch chỉ rộng chỉ khoảng ba sải tay của một đàn ông tầm vóc trung bình nhưng không ai dám lội qua vì chưa biết rõ độ nông sâu của nó như thế nào. Trong khi mọi người đứng thành hàng ngang để chờ lội theo sau người dẫn đường, chồng tôi giục tôi trao Tinô cho anh ẵm qua. Chuyển nó sang cho anh xong, tôi gấp rút kéo lai quần lên bó sát vào đùi rồi vác hai chiếc giỏ hai bên vai lội theo cạnh. Đến giữa dòng, anh bị trượt bởi những hòn đá trơn tuột dưới chân, té ngửa văng Tinô rớt ùm xuống nước. Đang ngủ ngon, bị ngộp, Tinô sặc sụa thét lên kêu mẹ inh ỏi. May là tôi đi cạnh, nên khi nó vừa rơi xuống là tôi phụ chồng tôi vớt nó lên ngay. Sang bên kia bờ, chúng tôi vội vàng lấy khăn lau khô rồi thay áo quần cho nó. Khi mọi người quần quít hỏi han, tôi cất giọng van nài:

“Xin tất cả làm ơn đi chậm lại! Tôi có con nhỏ như thế này mà mọi người đi nhanh quá tôi không theo kịp đâu.”

Một người đàn ông nào đó phản nản:

“Chẳng cần gì có con nhỏ. Tôi đen như vậy mà mạnh ai nấy đi kiệu như hồi nãy thì một hồi không biết ai còn ai lạc.”

Nghe lời này, mọi người đồng ý họp lại kiểm đếm số người hiện diện rồi chia hai người dẫn đường một đi trước, một đi sau. Thỏa thuận đâu đó, chúng tôi an tâm tiếp tục lên đường. Mọi người tỏ ra cởi mở và quan tâm với nhau hơn qua những lời đối thoại thì thầm. Còn Tinô, tuy ẵm áp trong bộ đồ mới và được ẵm ngửa như mong muốn nhưng không ngủ lại được. Có lẽ vì không tin rằng mình ở trong vòng tay của mẹ, nó mở mắt thao láo nhìn tôi không chớp. Khi chồng tôi giơ tay đòi bế để xin lỗi cái sơ xuất của mình, nó lắc đầu quay đi rồi bá chặt cổ tôi nói “Má! Mẹ! Má! Mẹ!” Thế là tôi lại ôm đầu và mộng nó trong thế ngồi như lúc ban đầu trong khi bước đi. Người thanh niên đi sau tôi, hình như ám ảnh cảnh Tinô rơi xuống nước, luôn miệng hỏi thăm sức khỏe của nó. Điều này làm tôi cảm thấy an tâm về tính đáng hoàng và nhân hậu của những người đồng hành với mình và hy vọng rất nhiều về sự thành công của chuyến đi.

Chúng tôi đi rất lâu thì đến một nơi rất quang đãng. Những hàng cây thâm thấp của vùng này mọc rất thưa thớt và thẳng hàng. Những nhánh xòe như dạng cây đu đủ của chúng khiến tôi ách chừng đó là một rẫy khoai mì. Xuyên qua rẫy này, chúng tôi đi vào một khu vườn đầy cây ăn quả. Tại đây, người thanh niên dẫn đường đã dừng lại tại một gốc cây ít cành, thưa lá và bảo chúng tôi nghỉ một chút. Anh với những nhánh cây trên đầu, bứt trái, bỏ vào miệng nhai, rồi nói:

“Anh chị nào muốn ăn chùm ruột cho đỡ khát thì hái đi.”

Hai người đàn bà và mấy đứa nhỏ lao xao với cành. Giọng nói của một bà vang lên:

“Đề tôi hái ít trái đem theo, phòng khi xuống ghe không có nước uống.”

Nghe thế, tôi cũng bắt chước hái vài chùm bỏ vào túi áo của mình.

Những người đàn ông không hề quan tâm đến chuyện đói khát. Họ đặt hàng loạt câu hỏi cho hai người dẫn đường với giọng đầy hệ trọng và nghiêm trang: “Khi nào mình tiếp tục?”, “Có kịp giờ không?” và “Còn bao lâu nữa mới đến nơi?”

“Mình nghỉ một chút là phải đi ngay. Bên ghe hẹn mình ở bãi từ một giờ đến ba giờ. Nếu đến ba giờ mà không thấy mình họ sẽ đi luôn.” Người dẫn đường đáp bằng một giọng nghiêm trang không kém.

“Vậy thì mình đi ngay đi! Càng sớm càng tốt. Chẳng thà đến trước giờ hẹn còn hơn bị trễ.” Một người đàn ông nói.

“Chỉ mong là mình đến đúng giờ hẹn bởi vì đường đi sắp tới rất gập ghềnh.” Người dẫn đường đáp lại với giọng hết sức lo âu.

“Hơn nữa, nhóm mình phần đông là đàn bà và con nít không biết có đến bãi kịp không? Các chị các em cố gắng đi theo chúng tôi thật nhanh. Nếu không kịp giờ, ghe sẽ bỏ mình lại đó. Ông chủ ghe đã giao hẹn là không chờ.” Người thanh niên đi cuối nhóm sau khi Tinô bị rớt xuống sông, nói thêm.

Không ai đáp trả một lời; mọi người vội vã lục tục đứng dậy chuẩn bị lên đường. Tôi đã rút chiếc đèn pin trong giỏ ra khi đứng lên. Khi thấy tôi mở đèn để thử, người dẫn đường đi đầu cảnh cáo:

”Tôi xin dặn trước là không ai được dùng đèn. Mặc dù chúng ta phải đi trong tối trên con đường gập ghềnh nhưng phải lần bước theo nhau mà đi chứ không được bấm sáng đèn để soi đường. Nếu mà mấy anh chị không nghe lời, bị công an phát hiện thì đừng có trách.”

Tôi không hỏi lại mặc dù rất thắc mắc tại sao anh ta bấm sáng đèn pin sau khi cảnh báo chúng tôi như thế. Kiểm soát người hiện diện xong, người thanh niên dẫn đường này bảo chúng tôi đi theo.

“Cần phải đi ngay chính giữa để khỏi bị lạc!” Tôi đã nghĩ vậy khi chen vào sau lưng người thứ năm của đoàn người.

Khi chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình của mình thì Tinô bắt đầu trở lại với giấc ngủ dở dang của nó. Lúc này Tinô đã quen với tư thế ngủ ngồi nên tôi có thể dùng bàn tay mình bọc đầu và ôm hông nó khi xuyên qua những nhánh cây lòa xòa. Đường đi bây giờ chỉ còn một lối hẹp nên đoàn người chúng tôi hoàn toàn lệ thuộc vào nó khi đi theo sau người dẫn đường. Thỉnh thoảng, người thanh niên đi đầu này dừng lại bấm đèn, quét lớp sáng phớt dài về phía chúng tôi như để kiểm soát số mọi người sau lưng hơn là rọi đường. Còn chúng tôi bước thận trọng hơn vì trong tâm trí vẫn còn ám ảnh những lời cảnh cáo của anh. Thực tế, đường đi thỉnh thoảng có những gò đá lồi nhô trong đất chứ không như chữ gập ghềnh mà anh đề cập trong vườn cây. Tuy nhiên, càng đi, con đường càng quanh co khúc khuỷu và hẹp hơn bởi những bụi cây cao vút và rậm rạp. Những cành lá sum sê không những che cả bầu trời mà còn chắn cả lối đi, cho nên có lúc tôi phải nghiêng mình dùng lưng tét chúng qua một bên để bước qua, cốt không để những nhánh lá đâm chọc vào lưng hay cào xước đầu Tinô. Với cách đi như thế tôi hứng chịu mọi cái va quệt và cản trở từ những nhánh lá và những bụi gai rừng. Chúng châm vào lưng tôi và thỉnh thoảng kéo rách vài mảnh quần áo của tôi.

Qua đoạn đường ngoằn ngoèo và um tùm cây lá khoảng ba mươi phút những người đi trước bước chậm hẳn. Một lúc sau, họ cùng đứng lại và dồn vào một chỗ mà khi đến gần họ tôi cảm thấy như mình vừa mới bước ra khỏi hang động tối tăm. Trước mặt tôi là khoảng không quang đãng mà xa hơn là rừng cây đen dày đặc vừa kéo tận xuống dưới vừa vươn lên tận đỉnh cao. Rất nhiều dải mây trắng bồng bênh xuyên qua các ngọn cây, chậm chạp trôi về đỉnh núi để hội tụ với muôn vàn cụm mây màu trắng đục cao thấp không đều. Những dải mây bàng bạc đã trang điểm cho đỉnh núi một vẻ non bồng chẳng khác gì cảnh thiên thai trong truyện thần tiên. Không những chỉ tôi, mọi người đều ngơ ngẩn trước vẻ đẹp man dại và bí ẩn của rừng đêm. Tuy nhiên, chưa kịp trọn vẹn thưởng thức tuyệt tác của thiên nhiên, chúng tôi đều phải theo tiếng hô giục giã của người thanh niên đi đầu. Lúc này, chúng tôi phải chờ nhau để tuần tự leo xuống. Trong khi chờ những người đi đầu lom khom tìm lối một cách khó khăn, tôi cảm nhận con đường mình sắp tiếp tục rất hiểm nghèo và trắc trở. Chồng tôi, có lẽ cùng cảm giác như tôi, bảo để anh đi trước thăm lối rồi chỉ đường cho tôi ẵm Tinô theo sau. Nghe lời anh, tôi nhường đường và rồi đứng chờ hướng dẫn. Lúc này chúng tôi không có thể đi lại như trên đường bằng mà phải bò hoặc leo xuống những tảng đá thấp hơn. Chúng tôi di chuyển rất chậm chạp và vất vả để vượt qua con đường gập ghềnh trong màn đêm đen tối. Những người theo sau chúng tôi thường phải chờ rất lâu vì vợ chồng chúng tôi vừa phải chuyển vật vừa phải chuyển người. Những người đi trước chúng tôi cũng chẳng thể bước nhanh hơn vì chẳng ai ý niệm được con đường mình đang bước là con đường như thế nào và nhìn rõ nó ra sao. Mò mẫm theo từng ghềnh đá, chúng tôi, người sau lần theo người trước qua tiếng nói nhắc nhở của nhau mà thôi. Trong lúc chúng tôi ở vào tình trạng khó khăn như thế, người dẫn đường không hề rọi sáng cho chúng tôi một lần nào và cũng chẳng hề hỏi chúng tôi có thấy đường không. Như người mù vô vọng với bóng tối, có lúc tôi ngước mặt lên trời mong có ánh sáng ban ơn, thế nhưng, càng nhìn lên trời cao tôi càng tuyệt vọng hơn. Đêm không trắng mà màu lam trắng của bầu trời đang chuyển dần sang màu xám. Khá nhiều đám mây che kín bầu trời khiến vũ trụ tối sầm hẳn đi. Đã vậy, càng leo xuống càng gặp nhiều ghềnh đá với độ sâu khá lớn cho nên chúng tôi di chuyển rất chậm. Tôi thường phải dò dẫm tìm chỗ an toàn và thuận tiện nhất rồi mới ôm Tinô leo xuống theo sự chỉ dẫn của chồng tôi. Có lúc tôi phải loay hoay với đôi dép trên tay vì sợ bị trượt cả mẹ lẫn con nhưng rồi phải mang trở lại vì mặt đá có khá nhiều chỗ bén nhọn như khảm dao đâm. Khi dừng trên một tảng đá mà bờ vực của nó có khoảng cách khá xa nơi chồng tôi đứng bên dưới, tôi quyết định dùng chiếc đèn pin của mình rọi xem nơi nào là chỗ an toàn để chuyển Tinô xuống cho anh. Ánh sáng vừa lóe lên, hàng khối đá gồ ghề lởm chởm bên dưới hiện ra khiến tôi choáng váng. Trong lúc chưa nhận thức rõ ràng thực tế mình vừa chứng kiến và phân vân tìm nơi an toàn để chuyển Tinô xuống dưới, tôi giật mình bởi tiếng la thất thanh:

“Ai bật đèn đó? Tắt ngay!”

Vội vàng làm y theo lời nhưng tôi không cảm thấy hổ thẹn vì đã vi phạm những quy định mà người dẫn đường yêu cầu trước khi khởi hành. Trái lại, tôi rất tức tối vì sự dẫn đường ngu xuẩn của người

đi đầu đối với người có con nhỏ như tôi và những đứa trẻ độ tám và mười tuổi sau lưng tôi. Cùng với cảm giác bức bối trong lòng, tôi cảm thấy uổng công khi vi phạm điều quy định. Bởi vì sự lóe sáng trong chốc lát của cây đèn pin không giúp cho tôi rõ chỗ nào là nơi tôi có thể đưa Tinô xuống an toàn nơi chồng tôi đang đứng. Điều mà tôi nhớ được chỉ là hàng khối đá tảng bên dưới và độ cao từ chỗ tôi xuống chỗ chồng tôi rất là xa.

Từ dưới, chồng tôi nói lên:

“Em chuyển Tinô xuống đây cho anh đi! Khi đón được con rồi anh sẽ báo cho em biết. Lúc đó em hãy thả tay ra.”

Nghe lời anh, tôi ngồi xuống cạnh bìa ghềnh, xốc Tinô bằng hai tay ở hai bên nách của nó rồi từ từ chuyển xuống. Chồng tôi phải nhón người với tay lên mới đón được Tinô rồi hướng dẫn tôi leo xuống. Khi xuống đến cạnh anh và bé Tinô lại, tôi nghe những tiếng cằn nhằn của người dẫn đường đi đầu. Có lẽ anh ta muốn đối mặt với tôi để mắng một trận cho hả giận nhưng bởi sự leo trèo không được dễ dàng khiến anh chỉ có thể nói lầm bầm bên dưới mà thôi.

Kéo lết hai chiếc giỏ theo mình để tiếp tục leo xuống, chồng tôi căn dặn:

“Em đừng bật đèn nữa! Người ta đã dặn thế mình đừng nên trái lời. Anh cố gắng dò nơi an toàn rồi hướng dẫn cho em đưa con xuống. Không cần phải hấp tấp làm gì.”

Thế là theo cách đã bàn, chúng tôi chậm chạp thực hiện các động tác dò dẫm, trườn bò, chuyển đưa và trao nhau bông bế con để lần theo những người đi trước. Tuy các bước tiến hành rất khó khăn nhưng đã không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra. Mắt của chúng tôi dường như đã quen dần với màu đen của đêm, với những bóng người lơ mờ quanh mình và cả nền đá sắc cứng dưới chân. Sau lưng tôi, thỉnh thoảng vang lên tiếng khóc của hai thằng bé, tiếng dỗ dành của người mẹ, tiếng than van về chuyện mất dép và chuyện tìm kiếm. Tất cả nhắc nhở tôi giữ chặt đôi dép của mình hơn khi trườn bò trong cảnh mù mù tăm tắp. Với những người vượt biển như chúng tôi, chúng là vật tùy thân quý giá cho lúc phải quay trở về. Dù sao, vật bất ly thân này của tôi chỉ bảo vệ phần dưới bàn chân tôi. Mu bàn chân của tôi không tránh khỏi những vết cứa cắt khi cạ qua những tảng đá lởm chởm trong lúc trườn xuống. Có lẽ mọi người đều có chung tình trạng như tôi nên đã có không biết bao lời than vãn vang lên. Trong khi cùng nhau oán tránh người tổ chức ngu si chọn con đường đầy nguy hiểm, chúng tôi phải im bất vì cơn mưa ập xuống bất ngờ. Như trút từ thác trời, mưa rơi một cách mạnh mẽ và dữ dội. Màn nước dày đặc của nó đã chìm chìm màn đen của tối và hình ảnh mờ mờ của vạn vật xung quanh. Đang ôm Tinô ngồi chờ chồng tôi leo xuống, tôi hốt hoảng cong lưng che cho nó khỏi ướt. Nhiều tiếng kêu trời, tiếng chửi rủa lẫn tiếng kêu giúp vang lên nhưng tất cả đều bị át bởi tiếng mưa rào rào trên lá lẫn không gian. Xối xả trên đầu, trên người chúng tôi rồi ào ạt tuôn tràn xuống dưới, nước mưa tạo thành vô số dòng lênh láng trên mặt đá. Lúng túng, mọi người đều phải dừng các động tác leo, bò, bám hay tuột để tìm cách chống chọi sự ướt át và trơn trượt. Chồng tôi đang định leo xuống phải trườn người ngược lên trên, thụp xuống ngồi sát bên cạnh tôi để cùng che cho Tinô. Dù cố gắng biết bao nhiêu nhưng cả chúng tôi và nó đều bị ướt sũng. Hối hả lục trong chiếc giỏ lớn, chồng tôi rút bộ đồ của Tinô ra và bảo tôi thay ngay cho nó. Tôi làm y lời trong khi vẫn khom lưng cùng anh làm mái che. Bộ đồ vừa thay xong, Tinô ướt chẳng khác nào chuột lột. Còn chúng tôi, ướt tóc, ướt mặt, giữ áo quần nhiều lần mà nước vẫn ướt đầm từ đầu đến chân. Tôi chẳng hề dám nhúc nhích để thay đổi tư thế ngồi cho dù đôi chân rất mỏi và đôi dép bên dưới không chịu đựng được sự trơn láng của những dòng tuôn trên mặt đá. Cố gắng lắm tôi mới ghé đầu về phía sau và chòng chọc mắt tìm hiểu. Trên cao, vài tia chớp lóe lên rồi lịm vào trong bầu trời đen kịt. Những đám mây trắng đục trở thành màu xám đen dày đặc mang mưa giăng kín khắp mọi nơi. Phỏng đoán những dòng nước đang chảy rờn rờn dưới chân mình do kết quả từ những cơn mưa trên đỉnh, tôi cảm thấy oán giận người tổ chức vô cùng. Tôi không hiểu vì sao họ có thể ngu xuẩn đến độ chọn con đường chỉ toàn đá mà đòi hỏi chúng tôi ra đến bãi đúng giờ. Tệ hại hơn, khi trừ tính dùng con đường gập ghềnh này có lẽ họ chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện phải đối phó với sự ngập tràn của nước mưa rừng như thế. Trong khi chúng tôi phải khựng lại vì nước mù mịt trong không gian và láng trơn trên đường đi, người dẫn đường đi đầu nhấp sáng đèn về phía sau, hồi thúc:

“Cố gắng đi nhanh thêm chút nữa đi anh chị ơi! Nếu mà chậm như thế này, mình sẽ bị bỏ lại vì trễ đó.”

Nghe vậy, chúng tôi đành phải cố gắng dịch bước nhanh hơn để tiến theo gót người đi trước. Tôi giận bản thân rất nhiều vì khi chuẩn bị mọi thứ cho cuộc hành trình tôi đã không nghĩ đến chiếc áo mưa. Cũng như tôi, chắc những người trong nhóm không hề nghĩ đến nó vì đài khí tượng chẳng hề nhắc nhở gì đến chuyện mưa gió trong phần dự báo thời tiết hôm qua. Hơn nữa, những ngày này thời tiết nơi địa phương chúng tôi rất đẹp, có ai ngờ sẽ có những cơn mưa lớn xảy ra như thế đâu. “Hay bởi mây trôi về núi vào ban đêm mà nước rơi ồ ạt như thế này?”, “Hay là rừng thường có những cơn mưa khi về đêm?” Tôi đặt nhiều câu hỏi trong lúc vừa thay đồ bộ đồ khác cho Tinô vừa ôm nó trườn theo chồng tôi. Lần này chúng tôi không thể dùng phương cách người đi trước, người chuyển sau như đã làm. Trì lung vào đá trơn láng, tôi ôm Tinô trượt đến nơi chồng tôi vừa leo xuống khi nghe hồi thúc của những người đi sau. Trong cái dữ dội của mưa rơi và sự trơn tuột của đường đi, chồng tôi chỉ có thể giúp tôi lấy những bộ đồ cho Tinô và cất những bộ đồ ướt của nó vào trong giỏ trong khi khệ nệ khuân chuyển hai chiếc giỏ theo bên mình. Hai cái giỏ nặng trĩu bởi trọng lượng vốn có lẫn áo quần ướt và nước mưa khiến anh không thể làm hơn thế. Khi bộ đồ cuối cùng của Tinô bị ướt nhẹp mà mưa vẫn chưa ngớt, tôi đành hỏi anh lấy chiếc khăn lông đã sử dụng khi Tinô bị té dưới sông để lau và quần cho nó. Chỉ trong tích tắc, chiếc khăn ướt sũng chẳng khác gì những bộ đồ trên người chúng tôi. Nước mưa làm Tinô tỉnh ngủ nhưng nó không kêu khóc vì lạnh run. Trong tình thế hiểm nghèo ấy, tôi hoảng loạn bấm sáng đèn để xem xét tình trạng sức khỏe của con mình. Lần này, người dẫn đường đi đầu nhất định không tha tôi nữa. Anh cố gắng leo ngược lại, trực diện với tôi trên tảng đá mà tôi đang đứng, hét lớn:

“Chị có nghe tôi nói mấy lần là không được bấm đèn sáng không vậy?”

Tôi tắt đèn nhưng hét lại, lớn không kém:

“Thế tại sao anh bấm đèn được? Anh đừng ý là người dẫn đường rồi muốn làm gì thì làm! Là thanh niên mà bấm đèn để tìm đường an toàn đi, còn tôi có con nhỏ như thế này thì không cho tôi dùng đèn! Nói cho tôi biết cách nào để tôi có thể bồng đứa nhỏ một tuổi rưỡi đi trên đường đầy đá lởm chởm, trong bóng tối mịt mù và dưới trời mưa lớn như thế này đi!”

Người dẫn đường bấm đèn sáng rọi vào mặt Tinô. Đôi mắt kinh hoàng của nó nheo lại vì nước mưa rơi và ánh đèn chói nhưng đôi môi nó tím ngắt của nó không thể bật nổi tiếng khóc vì công. Đôi mắt của người dẫn đường kinh hoàng chẳng khác đôi mắt của Tinô. Tắt đèn, anh chửi đồng:

“Đ. má lũ ngu! Cỡ tuổi này mà tui nó cũng nhận cho đi! Thằng nhỏ chắc chết thôi!”

Lúc này tôi mới nhớ lời dặn dò của C. Sơn về cái nải, miếng vải địu của những người dân tộc thiểu số thường địu con nhỏ sau lưng khi đi lại hay làm việc. Có lẽ nàng chỉ nghĩ là tôi sẽ đem Tinô xuyên qua rừng nên cần dặn kỹ lưỡng về miếng vải địu con chứ không tưởng tượng cảnh tôi mò mẫm trong con đường đầy đá gồ ghề, lởm chởm trong lúc đứng dưới cơn mưa rừng thật lớn. Với miếng nải thượng, dù không bị mưa chẳng nữa, tôi cũng không thể địu Tinô như người dân tộc thiểu số địu con bởi vì khi bò trườn tôi có thể gây thương tích cho nó bằng những cái va đầu vào đá. Dù sao thì trí óc của tôi không đủ tinh táo để phân tích chuyện phải trái. Tôi chỉ muốn Tinô được khô ráo để không bị rét công mà thôi.

Người dẫn đường hạ giọng, nói như tâm tình:

“Sở dĩ em không cho ai bật đèn mà em bật đèn vì em biết cách. Như lúc này, em đứng trước mặt chị, lưng che phía trước thì em có thể bấm đèn. Còn chị đứng trên cao, soi đèn xuống dưới tìm đường bước đi thì không được. Nói tóm lại, nếu bây giờ chị muốn bấm đèn soi lối để ẵm cháu đi thì có thể chấp thuận nhưng chị phải quay ngược lưng lại trước khi bấm đèn và cố gắng che ánh sáng không cho nó lóe xuống dưới.”

Nhìn khuôn mặt ngơ ngác của tôi, anh ta nói tiếp:

“Chị nhìn xuống đi! Trước mặt chị, dưới xa ấy là biển. Nếu nhìn kỹ chị sẽ thấy những chấm sáng nhỏ xíu lấp lờ. Đó là đèn của những chiếc ghe. Giờ này có rất nhiều ghe tuần tra của công an. Nếu thấy ánh đèn của mình trên này, tui nó sẽ biết có người vượt biên, và phát hiện địa điểm của mình ngay.”

Không nghe tôi nói gì, anh ta nói thêm:

“Đến nước này em không muốn giấu thêm nữa: Chúng ta đang đi theo lòng sông khô để xuống biển. Cuối con đường này là nơi ghe đón mình.”

“Lòng sông khô?” Tôi kinh hãi kêu lên “Trời đất ơi! Hèn chi ở đây toàn những đá và ghềnh.”

Cố căng mắt để nhìn khối đen thùi dưới sâu phía trước mặt, tôi lập bập thêm:

“Cứ nghe anh nói ‘con đường, con đường’ nên tôi không suy nghĩ gì khác ngoài lối đi. Chả trách sao khi tuột trên đá tôi cứ thắc mắc tại sao đường đi mà cứ xuôi xuống dưới và ở trong rừng sao chẳng có bụi cây cọng cỏ nào dưới chân.”

Quay ngược đầu về phía đỉnh núi, tôi nói to hơn, tưởng chừng như át cả tiếng mưa:

“Tại sao mà các anh nghĩ cái lối đi khủng khiếp như thế này vậy hả? Mưa cỡ này thì làm sao lòng sông còn khô được nữa chứ? Nước tràn xuống kiểu này mà mình xuống hạ lưu thì có mà chết chìm!”

Cúi xuống nhìn Tinô run rẩy trong tay, tôi giận dữ nói tiếp:

“Bây giờ ai muốn đi tiếp tục thì đi, tôi không muốn con tôi chết, để mẹ con tôi về!”

Mọi người lắng nghe cuộc đối thoại của chúng tôi từ đầu cho đến lúc tôi la lớn mà không chen lấy một lời. Trong khi người dẫn đường không thể đáp lại lời tôi như thế nào thì họ cũng im lìm như bị điêm huyết. Sự tiết lộ của người dẫn đường đã là một tin kinh khủng vậy mà lời khẳng định cho việc tiến tới hay thối lui của tôi càng dữ dội hơn. Nếu phải đi theo dòng sông khô xa hơn nữa, bị ướt thêm nữa và tuột đá sâu hơn nữa thì mọi người vẫn còn hy vọng là sẽ được ghe đón, chứ không ai có thể bàn cãi hay khuyên nhủ cho chuyện tôi đòi đem con trở về. Không ai có thể phủ nhận rằng sức khỏe của đứa bé nhỏ nhoi như Tinô không hề thích hợp cho cuộc hành trình nguy hiểm chết người, nhưng không một ai có thể góp ý nên hay đừng khi chúng tôi đã ở ngay giữa con đường đến bãi.

Trong lúc mọi người im thin thít trước tình trạng tiến thoái lưỡng nan của tôi, người dẫn đường đi cuối đến gần tôi giải bày: “Em thường đi lại trong vùng này nên biết rõ lắm. Con sông này dù bị mưa nhiều đến đâu cũng không hoạt động lại được. Với dốc cao như thế này bao nhiêu nước cũng đổ tràn ra biển thôi. Ở cửa sông nước sâu, ghe lớn tấp vào được, mình không cần phải bơi ra. Nếu đi tiếp tục, đến đúng giờ, ghe bốc mình sớm. Được lên ghe thì mình chăm sóc cháu chu tất hơn.”

Không được trả lời, anh nói tiếp:

“Bây giờ đã mười giờ, chỉ cần bốn tiếng đồng hồ nữa là đến bãi. Chúng ta đi được nửa chặng đường rồi, chị cố gắng thêm chút đi!”

Mưa vẫn rơi như xối và tôi vẫn ôm Tinô đứng yên giữa hai người thanh niên. Suy nghĩ về thời gian mà người dẫn đường đi cuối cho biết, tôi nhận thấy thời gian trở lại hay tiếp tục chẳng khác gì trong lúc Tinô vẫn phải dầm mưa. Trong khi phân vân với sự lùi hay tiến, đầu tôi ngón ngang không biết bao nhiêu câu hỏi với chữ nếu. Tôi đã tự hỏi là: Nếu đi trở về liệu Tinô có bớt lạnh không hay vẫn phải chịu lạnh dưới mưa? Nếu đi trở về, ai sẽ là người chịu hy sinh bỏ chuyến vượt biển để dẫn đường cho chúng tôi? Nếu chỉ có vợ chồng tôi trở về thì liệu chúng tôi có thể tìm lối về giữa núi rừng trùng điệp không? Và nếu đến được đỉnh đèo Rù Rì, liệu chúng tôi có thể đón xe trong lúc trời đêm khuya khoắt như vậy không?

Chồng tôi phá tan im lặng bằng câu hỏi đột ngột:

“Nếu tôi dùng đèn soi đường cho vợ con tôi theo cách anh nói là không để ánh sáng tỏa xuống dưới có được không?”

Hai người thanh niên vừa gật đầu ưng thuận, anh bảo tôi trao cho anh chiếc đèn. Rồi anh lục trong giỏ đưa cho tôi chiếc áo len của Tinô bảo thay cho nó và khuyên tôi tiếp tục lên đường.

Trong khi chúng tôi âm thầm tiếp tục nửa chặng đường còn lại, mưa vẫn không dứt hạt. Chiếc áo len mà Tinô đang mặc thấm nước mau chẳng khác gì những bộ đồ và khăn lông trước đó, ướt sũng như đang ngâm trong chậu nước giặt. Nhìn nó run rẩy trong tay, tôi cuống cuống lột chiếc áo len ra đưa cho chồng tôi rồi bật hết hàng nút của áo mình và áp nó vào trước ngực. Vài người theo sau ánh đèn của chúng tôi đang ngạc nhiên nhìn Tinô trần truồng như nhộng, càng ngạc nhiên hơn khi thấy tôi bạch ngực ra. Giả tảng như không thấy sự phơi bày này, họ lơ ngơ nhìn quanh quất rồi hay giả lơ tìm chỗ khác để leo xuống. Dù mọi người tể nhị thể nào, tôi không hề quan tâm vì tôi chẳng còn biết giữ kẻ hay e thẹn gì nữa. Đầu tôi lúc đó chỉ có một ý nghĩ là truyền hết mọi nhiệt độ trong cơ thể mình cho Tinô được ấm hơn. Hơn thế nữa, tôi còn muốn dùng cả tính mạng mình đền bù lại tình cảnh không như ý muốn mà đưa con non nớt của tôi đang phải gánh chịu. Trong khi tôi chỉ nghĩ đến sức khỏe của con tôi, thì vùng da thịt trước ngực tôi dần dần ấm lên bởi thân nhiệt của Tinô. Biết nó cũng được ấm như mình, tôi cảm thấy yên tâm nên di chuyển mau hơn theo ánh đèn soi của chồng tôi.

Theo lệ, chồng tôi thường tìm chỗ nào tốt nhất để leo xuống, rồi chuyển hai chiếc giỏ xuống và rọi đèn cho tôi. Tuy nhiên, đến một tảng đá quá cao so với bên dưới, anh đã quăng hai chiếc giỏ xuống xem độ sâu nó là bao, rồi bám vào đường hờ giữa hai tảng đá để leo xuống dưới. Lúc này Tinô đã say trong giấc ngủ, nên tôi không thể xách nách nó đưa xuống như lúc ban đầu, cũng như không thể ẵm nó bên hông bò theo chồng tôi như lúc được sử dụng đèn pin. Đặt Tinô ngang bụng, cuộn tròn đầu và mình nó trong vòng tay, tôi lết đến nơi mà chồng tôi vừa leo xuống, rồi kê lưng sát vào đường kẻ và buông mình tuột xuống. Việc làm không báo trước của tôi khiến chồng tôi kinh hoàng, la lên:

“Em làm gì vậy? Sao không nói không rằng mà tuột xuống như vậy?”

“Em phải làm như thế thôi! Chứ vách đá cao như thể chuyển con xuống, lỡ tuột tay, đầu nó va vào đá thì khổ.” Tôi trả lời với giọng hài lòng mặc dù toàn thân rất ê ẩm không thể đứng lên được. Đỡ tôi dậy, chồng tôi lo lắng hỏi:

“Xem người có sao không? Kiểm lại chân coi có bị trặc sơ mi không!”

Cử động cả hai chân để khám xét, tôi lắc đầu:

“Em không bị trặc chân nhưng em rớt dép hết rồi!”

Nghe lời này, chồng tôi quay quắt mò mẫm xung quanh tìm kiếm khiến tôi phải gàn ra ngay:

“Nhưng em nghĩ là không cần dép nữa đâu. Đi chân không thấy vậy mà không bị trượt.”

Dứt lời, tôi lom khom tìm đường đi xuống. Tôi biết là nếu không có đôi dép, chân tôi sẽ bị cửa cắt nhiều hơn nhưng tôi không muốn làm trì trệ lộ trình mà nhóm chúng tôi đang gần đến đích. “Sá gì chuyện chân bị cắt hay chảy máu nếu được đến điểm hẹn đúng giờ, và được lên ghe an toàn. Nếu không phải quay trở về thì cũng không cần dép làm gì.” Nghĩ thế, tôi cố gắng di chuyển nhanh hơn và không nghĩ đến đôi dép hay độ chênh lệch cao sâu của những tảng đá nữa.

Chẳng hiểu vì tâm lý được an ổn hay vì đã gần đến hạ lưu của lòng sông khô mà càng xuống dưới tôi càng thấy mình đi nhanh hơn và thuận tiện hơn. Đoạn đường không còn sự chênh lệch của những ghềnh đá cao sâu nên chúng tôi không còn phải bò trườn. Bước lên vài mô đá thấp hay len qua những khóm cây mọc mất trật tự giữa đường, chúng tôi có thể đi thẳng người như đi trên đường bằng. Thêm một quãng chúng tôi phải bước trên đoạn đường nhiều sỏi đá rồi đi lên những mô đá nổi lồi chồm nơi đoạn đường có nhiều bụi cây mọc trong những vũng nước để bước qua. Tràn trề hy vọng với ý nghĩ sắp được ghe vớt, chúng tôi đồng bước thật nhanh. Lúc này bầu trời quang đãng hơn vì mưa đã hoàn toàn dứt hạt. Nhìn về trước chúng tôi thấy rất nhiều lùm cây thâm thấp xen lẫn những bụi cỏ cao. Chỉ chít như đám rừng thấp, chúng kéo dài tận về phía trước nơi thấp thoáng màu xanh của biển. Tiếng sóng nước hòa lẫn tiếng gió vọng từ xa đến. Giọng nói hân hoan của một người đàn ông nào đó chọt vang lên. Anh ta báo cho mọi người biết chỉ còn mười lăm phút nữa sẽ đến một giờ. Chúng tôi đang vui mừng với ý nghĩ sẽ được ghe đón, bỗng thấy hồi hộp khi nhìn thái độ kỳ quặc của hai người thanh niên dẫn đường. Sau khi căn dặn chúng tôi đứng yên một chỗ hai người đi thẳng về phía trước ngó quanh quất khắp nơi như đang kiểm tìm vật gì. Một hồi sau, hai người trở lại và người thanh niên dẫn đầu nói với giọng áo não:

“Bãi bị bẻ rồi!”

“Gi mà mới đến đã nói là bãi bể?”, “Tổ chức làm ăn cái kiểu gì kỳ vậy?”, “Bất người ta lợi núi non hiểm trở mấy tiếng đồng hồ rồi nói khơi khơi là bãi bể, ai mà tin được chứ!” Nhón nháo trong bất bình, chúng tôi không hề nhích bước. Cảm giác vui mừng vì đã đến đích vẫn còn lan tỏa trong thân thể chúng tôi khiến cho ai nấy không tin lời thông báo khá tàn nhẫn của người dẫn đường.

“Tôi nói thật là bãi mình bị bể rồi. Mình phải đi trở lại ngay!”

Người thanh niên lập lại lời cảnh báo của mình với giọng đầy thuyết phục. Rồi bất kể chúng tôi cần nhận thể nào, anh ta chen ngang giữa nhóm người, vừa bước vừa nói với giọng thiếu bình tĩnh:

“Tụi mình phải đi ngược trở lại ngay! Đi càng xa nơi đây càng tốt. Nếu không, sẽ bị bắt hết cả lũ.” Vẫn không nhúc nhích, mọi người nhìn anh ta chăm chăm. Chồng tôi hỏi với giọng bức bối:

“Mấy anh chơi cái trò gì đây? Mới vừa đưa xuống đã nói đi về. Lấy lý do gì anh nói bãi bị bể?”

Người dẫn đầu khựng lại, nói một cách hấp tấp:

“Chúng tôi có tín hiệu riêng nên biết ghe bị động. Nếu mình còn ở đây trước sau gì cũng bị bắt.”

Người đàn ông, thường kè kè bên mình một chiếc giỏ to gấp đôi chiếc giỏ lớn bình thường, dàn hòa:

“Nếu ghe bị nghi ngờ không đón mình lúc một giờ được thì nó sẽ tìm cách đón vào giờ khác trong khoảng từ một đến ba giờ. Mình cố gắng chờ thêm chút nữa xem sao.”

Người thanh niên đi cuối nói:

“Thời gian từ một đến ba chỉ là giờ trừ hao thôi, thực sự nếu chúng ta không bị lộ thì ghe đã có mặt ở đây từ lúc mười hai giờ khuya rồi. Tưởng đâu ông chủ ghe bốc vợ con ông ở chỗ nào khác rồi nên họ không đến điểm hẹn. Thì ra, họ đã biết động nên không đi.

Bí mật được tiết lộ nhưng không một ai chịu tin. Chúng tôi vẫn khăng khăng với sự trừ hao và gán chặt với giờ dây thun cổ hữu của người Việt.

Không thấy ai phản ứng trước điều tiết lộ, người dẫn đầu nói:

“Nếu mấy anh chị muốn ở lại chờ thì ở, còn chúng tôi phải đi về. Tụi công an mà tóm, các anh chị chỉ bị tù vài tháng chứ tụi tôi mệt công vì tội tổ chức.”

Vẫn không một ai nhúc nhích nên hai người dẫn đường đành quay lưng bước đi. Họ bước thêm độ dăm bước, tôi vội lên tiếng:

“Các anh làm ơn đưa vợ chồng tôi đi với!”

Hai người dẫn đường khựng lại, đưa mắt nhìn nhau. Một hồi, người dẫn đường đi đầu bước xuống chỗ tôi, nói:

“Nếu chị muốn đưa cháu về chúng tôi có thể hướng dẫn đường cho chị nhưng chúng tôi không thể đưa cả chồng chị đi. Lên trên Quốc Lộ, người ta thấy anh là nghi ngay.”

Vừa liếc ngang khuôn mặt căng thẳng của chồng tôi, tôi vừa hỏi vặn:

“Nói vậy sao anh bảo chúng tôi đi về? Đi về cả đoàn hay ba người cũng vậy thôi. Không lẽ để cả đoàn giải tán kiểu mạnh ai nấy đi?”

“Tôi nói về cả đoàn có nghĩa mình phải rời xa cái chỗ này kiếm chỗ nấp đâu đó rồi dò la động tĩnh trước khi tìm xe về thành phố. Còn chị muốn cháu nhỏ sớm về nhà lại muốn về cả gia đình thì chúng tôi không thể tìm phương tiện chuyên chở cho cả ba cùng một lúc được. Nếu chỉ mỗi mình chị với cháu thì may ra.”

Trong khi tôi và hai người dẫn đường đôi co thì người đàn ông có chiếc giỏ kè kè nài nỉ:

“Chị ở lại đi chị! Bãi này phải có ít nhất mười hai người thì tụi ghe mới bốc. Nếu chị về, không đủ trả chi phí, họ không chịu bốc chúng tôi và chồng chị đâu. Đâu dễ gì đến được chỗ này. Để hai anh này về coi tình hình và báo cho chủ ghe biết mình đã đến nơi. Biết đâu vì bị điều gì đó, ghe không thể vào đón mình đúng như qui định nhưng sẽ đón sau đó một vài ngày.”

Lời nói của người đàn ông này đúng một phần nào vì tôi biết có nhiều chuyến đi có những trục trặc gì đó mà người phải nằm bãi một vài ngày ghe mới đến đón đi được, nhưng tôi không biết trả lời ra sao trước cảnh tình của con tôi. Chắc chắn là tôi sẽ không bao giờ bỏ chồng tôi ở lại và cũng không đi với hai thanh niên lạ trong rừng với hàng nút áo bật mở, nhưng tôi phải làm sao nếu Tinô có mệnh hệ nào. Bối rối trước ánh nhìn chờ đợi của mọi người, tôi cúi đầu nhìn xuống. Tinô im lìm trong vòng tay ôm của tôi, ngủ một cách ngon lành và an ổn. Hơi thở của nó bình thường và đều đặn. Sờ đầu và lưng để kiểm tra

hiệt độ nó kỹ hơn, tôi vẫn không thấy một dấu hiệu nào của cảm lạnh hay nóng sốt. Khép hai vạt áo của mình để che kín thêm cho nó, tôi nói:

“Thôi các anh đi đi. Tôi ở lại.”

Chúng tôi đều bất động nhìn theo hai người dẫn đường khi họ quay gót bước đi. Có lẽ mọi người, cũng như tôi, đang chịu cảm giác bị bỏ rơi lan tràn trong cơ thể nên đều hy vọng họ quay trở lại. Bởi vì dù được ghe đón đi hay phải trở về, chúng tôi vẫn cần có người hướng dẫn như rắn cần đầu. Niềm hy vọng mong manh của chúng tôi tan biến trong phút chốc khi hai cái bóng ẩn ẩn hiện hiện một lúc rồi biến mất. Con đường họ đi qua chỉ còn lại một luồng đá lam xám giữa hai rừng cây đen thẫm, kéo dài từ đỉnh núi xuống tận chỗ chúng tôi đang đứng và tôi đã rung mình khi tưởng tượng khoảng không của con đường lam xám ấy được lấp đầy bởi nước. Nếu thế, nó thực sự là một dòng sông lớn với hàm lượng nước kinh hồn đổ xuống biển mà trung lưu của nó sẽ có những con thác cao ghêrù với sức nước vô kể. Tôi không biết vì sao hai người dẫn đường phát hiện được lòng sông khô này cũng như không hiểu vì sao họ chắc chắn là nó không còn hoạt động được. Tôi không biết tên của họ là gì và cũng không biết họ phải đích thực là người tổ chức chuyến đi không; nhưng họ đã để lại cho tôi một ấn tượng rất sâu sắc về chuyện dùng lòng sông khô để định hướng ra đến bãi. Nếu không phải đi cùng trẻ con, cách đi này thực sự tuyệt diệu cho việc thoát khỏi sự phát hiện của công an.

Nghĩ đến công an, tôi vội hỏi chồng tôi đi lên cao thêm chút nữa để tìm chỗ an toàn hơn. Mọi người đã họp thành nhóm riêng nhưng vẫn quây quần gần kề nhau. Trong khi chờ đợi, chúng tôi đã vắt khô áo quần và phơi chúng trên những cành cây. Chúng tôi không ở xa bờ lắm vì hình như ai cũng tin rằng vùng đất lầy đầy cây thấp trước mặt là khoảng cách đủ để chạy thoát khi thấy công an cập bờ. Thực sự là tôi không nghĩ nhiều đến điều tệ hại ấy. Mong tưởng trong tâm trí tôi vẫn là một chiếc ghe nào đó cập bờ rồi vài người bị bơm chạy vào với những cánh tay vẫy và những tiếng gọi í ới rộn ràng. Đã quá ba giờ mà không gian vẫn yên tĩnh. Không một tiếng người kêu gọi cũng không có chiếc ghe nào xuất hiện từ vùng biển xa xa ở trước mặt. Thình thoảng chúng tôi mới nghe được những tiếng sóng rì rào và tiếng gió vi vu đâu đó. Bầu trời càng lúc càng sáng trưng và mặt trời đã xóa hết niềm hy vọng của chúng tôi. Từ xa, màu xanh của mặt biển hiện rõ ràng và rất nhiều chiếc ghe qua lại ngoài khơi xa. Lúc ấy, mọi người đều hiểu chẳng có ghe nào dám rước người vượt biển trong thời điểm như thế nên tất cả đều đồng lòng cuộn xếp rồi lặng lẽ đi thành đoàn trở lên con đường cũ.

Cũng trong lòng sông khô này, nếu tôi hôm trước, chúng tôi vất vả vì bóng tối và nước mưa khi đi xuống biển thì sáng hôm ấy chúng tôi chật vật khá nhiều với độ cao và sức nóng của không khí khi leo lên núi. Những khối đá cao ghêrù là những bức vách chắn tàn nhẫn đối với những đứa thiếu niên và người đàn bà mang theo con nhỏ như tôi. Lúc này hàng nút áo của tôi đã được cài kín và Tinô cũng có bộ đồ khô ráo nhờ gió biển và không khí ẩm áp. Những tia nắng của mặt trời càng lúc càng nóng dần lau sạch các mặt ướt của đá tảng và làm ráo hoảnh cả lòng sông. Mọi người chuyện trò thân mật hơn vì nhìn thấy mặt nhau rõ ràng khi kề cận. Tôi có thể đếm được những người còn lại trong nhóm như người đàn ông với chiếc giỏ khổng lồ, người đàn bà và đứa cháu gái mười sáu, người đàn bà với hai đứa con trai tuổi thiếu niên, người đàn ông với đứa con trai nhỏ, một thanh niên trạc hai mươi lăm tuổi và ba người trong gia đình chúng tôi. Những người đàn ông thay nhau cõng những đứa nhỏ và cùng giúp chúng chuyển lên phía trên trong khi người thanh niên đi một mình thường xuyên giúp tôi cõng Tinô leo lên những khối đá. Trên đường đi tôi đã may mắn tìm được đôi dép rớt của mình. Vì đã quen đi chân không, tôi giữ nó trong giỏ như báu vật phòng khi phải quay trở về. Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng tôi vẫn hy vọng là ghe sẽ ra đón chúng tôi vào khuya ngày hôm sau như người đàn ông có chiếc giỏ khổng lồ nói. Càng leo lên cao, mồ hôi của chúng tôi đổ ra như tắm. Khi biết mình đã xa bờ biển khoảng sáu tiếng đồng hồ và đồng thuận là công an không thể nào đuổi bắt được nữa, chúng tôi bảo nhau tìm chỗ thuận tiện để nghỉ chân và ăn uống. Vợ chồng tôi đã chia thức ăn cho vài người trong nhóm và người thanh niên giúp tôi vận chuyển Tinô nhưng không hề cho ai một giọt nước nào. Vì vận động nhiều, hơn nữa trời khá nóng nên chúng tôi đều khát khô cổ họng nhưng vợ chồng tôi nhất định dành hai chiếc bình nước cho Tinô. Để chống khát, chúng tôi chỉ bỏ vài miếng chanh tẩm đường vào miệng. Tinô thì vẫn được ăn uống như yêu cầu.

Ăn uống xong, mọi người trong nhóm quyết định đi lên cao hơn. Khi tôi ẵm Tinô đứng dậy định theo mọi người, nó đã ré lên kinh hãi và đâm thình thịch vào ngực tôi. Lo lắng, tôi vội ngồi xuống khám toàn thân nó xem có bị hề hấn gì không. Mặc dù đã mười tám tháng tuổi, Tinô không phải là đứa nói thạo nên mỗi lần nó khóc tôi đều phải làm như thế. Tôi chưa kịp mở áo Tinô ra để kiểm tra, nó đã im phăng phắc nên tôi yên tâm ẵm nó đứng lên định bước đi tiếp. Tuy nhiên, chưa kịp bước được bước nào, tôi lại bị nó đánh thùm thụp vào ngực trong khi la hét kịch liệt. Chưa bao giờ Tinô có lối khóc và hành động kỳ lạ như vậy cho nên chồng tôi ngạc nhiên lắm. Anh cố gắng tìm hỏi nguyên nhân mà không thể tìm ra giải đáp, nên đành vò đầu bứt tai nhìn mọi người leo xa. Dù là thế, anh đã kiên nhẫn bảo tôi ngồi xuống an ủi, vỗ về xem Tinô muốn gì. Lạ lùng thay, giống như lần trước, hễ chúng tôi ngồi xuống là nó im như người đá. Đoán được là Tinô quá sợ hãi khi cảm nhận sự nguy hiểm của đường đi, nhưng tôi nhất định ẵm nó đi theo mọi người vì sợ lạc. Và như thế, đoàn người chúng tôi phải mang theo tiếng la khóc của nó trong lúc lần lượt theo nhau leo lên cao. Khi chúng tôi lên chóp núi, mặt trời vừa ngay trên đỉnh đầu. Trong lúc vừa lau mồ hôi vừa tìm bóng mát, chúng tôi phát hiện là người đàn ông có đứa con trai và người thanh niên không còn ở trong nhóm. Biết mình lạc tận trên cao trong khi ba người kia đã tẽ vào con đường nào đó bên dưới, chúng tôi rất hoang mang nhưng chẳng ai nghĩ đến chuyện đi xuống lại để tìm đường về. Trên đỉnh cao chót vót của núi, chúng tôi thấy rõ ràng những chiếc ghe có cờ đỏ đang luẩn quẩn qua lại quanh cửa biển của con sông khô. Thì ra bãi của chúng tôi đã bị động như sự loan báo của hai người dẫn đường. Sợ hãi, mọi người quyết định tìm chỗ núp trên cao chờ đến chiều tối mới tìm đường về.

Quá trưa, trời càng lúc càng nắng chang chang. Sức nóng của không khí làm ai cũng rất khô cổ họng. Vợ chồng tôi, vẫn như lần trước, chỉ dùng chanh tắm đường để cầm khát chứ nhất định không dám uống một giọt nước nào. Những trái chùm ruột mà tôi để dành trong túi không còn nữa. Có lẽ do tôi bị té nhiều lần mà chúng đã rơi rớt lúc nào từ đêm hôm qua. Tinô đòi uống nước nhiều hơn thường ngày vì la hét quá nhiều và vì đầu trần ngoài nắng khá lâu. Sau khi nó uống xong bình nước nhỏ, chúng tôi đành phải lấy bình lớn ra cho nó uống luôn cho dù chúng tôi vẫn nghĩ đó là số nước dành dụm cho nó trên biển nếu còn được ghe bốc đi vào tới hôm ấy. Khi thấy Tinô tu nước, hai đứa con trai của người đàn bà kêu khóc đòi bà xin cho. Cầm lòng chẳng đành tôi đã chuyển chiếc bình sang chỗ bà ngồi và căn dặn chỉ cho hai đứa nhỏ uống mỗi đứa hai hớp thôi. Người đàn bà không hề giữ lời hứa; bà đã nốc ừng ực sau khi cho hai đứa con bà uống thoải thích. Nhìn bình nước chẳng còn được là bao, chồng tôi bắt bình ra mặt. Anh đã căn nhắc là tôi không biết giữ của cho con. Tôi không phản ứng gì trước thái độ giận hờn của anh vì tôi hiểu sự lo lắng của anh là chính đáng; tuy nhiên, tôi cũng có lý do riêng của mình khi làm ngược lại điều lo toan của anh. Tôi biết là nhiều người lạc trong rừng đầu tranh với sự khát chẳng khác nào những người không có nước khi lênh đênh trên biển nhưng tôi không thể nào làm ngơ trước cảnh hai đứa nhỏ khóc la xin xỏ khi mình có bình nước trong tay. Càng nghĩ, tôi càng lo lắng chuyện không tìm được đường và tình trạng không còn bao nhiêu nước cho Tinô, rồi rửa thắm người đàn bà đoảng vị, có con nhỏ mà không chuẩn bị gì cho chuyến đi. Giận người thất hứa và giận mình quá tin người, tôi ngồi im, không hề đáp lại lời trách cứ nào của chồng tôi.

Người đàn ông có chiếc giỏ lớn, có lẽ đã quan sát mọi chuyện, lân la đến chỗ chúng tôi ngồi. Ông nói: “Tôi thấy tham gia những cuộc mạo hiểm như vậy cần có tinh thần tương trợ và đoàn kết thì mới thành công được. Tối hôm qua thấy chị ẵm cháu lội mưa vượt núi tôi phục lắm. Thực tình là lúc đó tôi muốn giúp anh chị phần nào nhưng kẹt là tôi phải mang chiếc giỏ nặng quá.”

Đến ngồi gần chúng tôi hơn, ông rất nhỏ:

“Thú thực với anh là trong giỏ tôi chứa toàn hải sản và hải đồ. Nhờ biết sử dụng mấy thứ này mà nhiều người tổ chức vượt biển cần tôi lắm. Tôi đã hợp tác với một tổ chức vượt biển khác rồi nhưng vì chuyến đó tính đánh vào tuần tới lặn nên tôi nhận lời chuyến này ai dè ra nông nổi như vậy. Chuyến này về, nếu anh chị muốn đi tiếp thì cho tôi địa chỉ liên lạc. Tôi nghĩ anh chị muốn đem theo thằng nhỏ của anh chị cũng không sao vì người tổ chức chuyến đó cũng lo mấy đứa con của họ đi.”

Chồng tôi nghe vậy thì mừng lắm. Sau khi nói chuyện với nhau một lúc, cả hai người kéo ra một chỗ riêng biệt để tâm tình thêm.

Chiều vừa nhạt nắng chúng tôi đã lục đục đi xuống tìm đường về. Lần này, không khác gì lúc đi lạc lên tận đỉnh, tôi phải chai lì chịu những cái đâm đá kịch liệt của Tinô cũng như phải chịu đựng những tiếng la khóc om sòm của nó. Đi khoảng ba mươi phút chúng tôi gặp một thằng bé độ mười bảy tuổi đi lên. Nó tự giới thiệu là người dẫn đường đưa chúng tôi về rồi nói là nhờ tiếng khóc của Tinô nên tìm ra chỗ của chúng tôi. Sau khi hỏi tên tôi, nó kể là C. Sơn hết lòng tìm người đưa mẹ con tôi về khi nàng nghe báo chúng tôi bị lạc trong rừng. Nó đã đưa nhóm chúng tôi vào một khu vườn có nhiều cây mít lớn rồi bảo chúng tôi giữ im lặng trong khi chờ người đến đưa về. Tại nơi đây, vợ chồng tôi đã chia hết thực phẩm trong hai chiếc giỏ để thủ tiêu những chứng vật của cuộc vượt biển.

Đêm xuống rất nhanh và cây cối trở thành những bóng đen thui nhưng Tinô nhất định không chịu ngủ. Có lẽ vì ám ảnh hành trình quá nguy hiểm, nó trở nên thận trọng với cảnh vật man dại và tò mò với sự im lặng khác thường của mọi người xung quanh. Hơn thế nữa, nó tỏ ra ương bướng và phản đối kịch liệt khi tôi ghim nó trong người để ru ngủ. Tôi càng dỗ dành chiều chuộng nó bao nhiêu, nó càng vùng vẫy, gượng đầu lên la khóc inh ỏi bấy nhiêu. Tiếng khóc vang lừng của nó trong vườn cây làm chồng tôi kinh đảm, hét to:

“Nín! Nín ngay! Có nín được không hả thằng kia? Cứ như vậy, mày giúp công an bắt bố mày rồi đó con ạ!”

Mọi người nghe Tinô khóc thì hoảng vì nghĩ rằng vườn cây chẳng xa đường Quốc Lộ là bao nhưng không ai lên tiếng than trách một lời nào vì nghe chồng tôi la nó. Tan nát tim gan, tôi ôm chặt nó mà nước mắt tuôn không ngừng. Đau khổ vì đã để cho con mình chịu hoàn cảnh nghiệt ngã, tôi không ngừng nói xin lỗi trong khi vuốt ve khuyên nhủ nó. Dường như vừa sợ bố vừa hiểu chút ít nỗi lòng của mẹ, Tinô tạm tức khóc một lúc rồi nằm yên ngủ. Lúc ấy, tôi hứa với lòng là khi về nhà tôi sẽ không bao giờ đem nó đi vượt biển nữa.

Khoảng mười hai giờ đêm, chúng tôi ra đường Quốc Lộ. Mọi người được chia thành từng nhóm nhỏ để chờ người chở xe máy về. Chồng tôi và người đàn ông có chiếc giỏ lớn được chở chung một xe đi trước trong khi đàn bà, con nít phải chờ đi những chuyến sau. Tôi và Tinô được người chở theo sau xe chồng tôi khoảng năm phút. Tưởng được chở thẳng về Nha Trang, chúng tôi được đưa vào khu Ba Làng. Đến chiếc cầu nhỏ không biết tên, người chở bảo tôi ôm Tinô xuống gầm cầu nơi mà người đàn ông có chiếc giỏ lớn và chồng tôi đang núp ở đó. Gầm của chiếc cầu nhỏ chẳng cho được bao nhiêu chỗ núp nên tôi đành nép tạm một bên chồng tôi. Cũng may là người đàn ông có chiếc giỏ lớn đã nhờ những người lái xe chuyển chiếc giỏ của ông giấu ở nơi nào và Tinô đã ngủ im lìm nên tôi cảm thấy an tâm phần nào trong khi chờ người đến đưa đi nơi khác.

Khi những người còn lại được đưa về cùng một điểm thì những người chuyên chở quyết định chuyển những đứa con nít và đàn bà vào các khu nhà dân ở. Sau khi phân công, một thanh niên bảo tôi ôm Tinô đi bộ theo anh vào làng. Giả như người trong xóm, vô tình đi chung đường, chúng tôi người đi trước, kẻ đi sau. Qua khỏi con đường đất giữa hai cánh đồng khô, chúng tôi dừng lại căn nhà ngay ngoài bìa làng. Gõ cửa và thăm thì với bà chủ nhà một lúc, người thanh niên bảo tôi vào ngủ tạm trong căn nhà ấy và căn dặn đúng năm giờ sáng hôm sau anh sẽ đến đưa tôi ra lộ để đón xe về. Bà chủ nhà rất tử tế với mẹ con tôi. Trao cho tôi tấm chiếu, bà nói tôi hãy yên tâm ngủ cạnh bồ lúa và hứa sẽ đánh thức tôi dậy khi người thanh niên trở lại. Sáng hôm sau, chưa đến năm giờ, người thanh niên đã trở lại. Anh ta dẫn tôi và Tinô ra đường Quốc Lộ và chờ đến khi chúng tôi đón được xe mới quay lưng đi. Người dẫn đi, người đón lại, người đưa về nói làm sao tôi theo y vậy chứ chẳng hề hỏi thăm họ là ai, quan hệ như thế nào với người tổ chức, tên gì hay đang làm gì. Họ, một chuỗi người bí mật, giúp chúng tôi, những kẻ đào thoát, một cách kín đáo và âm thầm mà không hề đòi hỏi một sự đền trả nào. Điều bí ẩn này đã khiến tôi vừa thắc mắc vừa cảm kích không nguôi trên đường về nhà. An lành trên chiếc xe xích lô, tôi thầm cảm ơn trời phật đã cho tôi gặp những người từ tâm nên đã thoát cảnh điều tra và bắt bớ.

Khi chiếc xích lô vào trung tâm thành phố thì tôi không còn lo sợ sự tra xét của công an nữa. Ngang qua Ngã Sáu, tôi thấy chồng tôi và người đàn ông có chiếc giỏ lớn trong lòng sông khô ở núi Rù Rì đang đi bộ trước nhà thờ núi. Lúc này người đàn ông có chiếc giỏ lớn không phải kè kè chiếc giỏ lớn của ông nữa nhưng tướng đi của ông khệnh khạng và chàng hăng như đang khiêng vật gì nặng ghê gớm lắm. Chồng tôi đi bên cạnh ông ta, tướng đi của anh chẳng khá gì hơn. Xe xích lô chở Tinô và tôi qua mặt họ rồi mà tôi còn ngoái đầu nhìn lại. Lòng thắc mắc không hiểu sao họ không chịu đón xe về tận nhà trong khi tướng đi dị kỳ của họ khó được bỏ qua bởi những cặp mắt tò mò của những người đi đường.

Tôi về nhà khoảng sáu giờ rưỡi sáng. Hôm ấy là ngày gia đình chồng tôi có giỗ nên tất cả các thành viên trong gia đình đã tụ tập trong nhà từ đường từ sớm để góp sức mình. Vừa trông thấy mẹ con tôi, mẹ chồng và các cô chồng tôi bỏ dở công việc đang làm, đến tùm quanh rồi ôm Tinô vào nhà chăm sóc. Mẹ chồng tôi đi ra đi vào, tíu tít căn dặn mấy đứa em họ:

“Tụi mày lo nấu nướng giúp chị mày nhá! Trông nó phờ phạc, xác xơ như thế thì còn làm được gì!”

Dù thế nào, tôi cũng phải đến trường để chứng tỏ mình không vắng mặt một ngày nào ở địa phương. Tắm rửa xong, tôi vội vã dắt xe đạp ra khỏi nhà ngay. Vừa thót lên xe tôi thấy chân mình như đang mang đá tảng. May là tôi chỉ phải đạp xe trong vòng năm phút vì trường tôi chỉ là một điểm phụ trong xóm ga xe lửa gần nhà. Giáo viên của trường cấp hai mà tôi dạy thường lên lớp theo tiết học nhưng nếu chúng tôi có tiết dạy sáng thứ hai thì tất cả đều phải dự lễ chào cờ. Thường thường sau lễ chào cờ, chúng tôi, học sinh và giáo viên đều phải ngồi nghe thầy phó hiệu trưởng nói chuyện. Dĩ nhiên, giáo viên được ngồi trên ghế băng dài trong khi học sinh ngồi dưới đất. Hôm đó chẳng hiểu vì lý do gì mà trong lúc ông hiệu phó phát biểu, một số học sinh nhạo ông với những lời nhại rất vô lễ. Bốc lửa đến quên bài dạy dưới cờ, và cả thông điệp hàng tuần của ông hiệu trưởng, ông hiệu phó nói một cách giận dữ:

“Tôi nói thật với các em là bao nhiêu năm tôi chưa từng ăn sáng. Tôi đã chiến đấu cực khổ đến ngày hôm nay để mong thấy thế hệ sau tiến bộ hơn mình thế mà các em lại hư đốn đến như thế.”

Đám giáo viên chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau, phân vân không hiểu sao ông nhay cảm đến độ đem chuyện riêng tư nói trước học sinh. Tôi cảm thấy tội nghiệp khi nhìn cánh tay cụt của ông, nghe chuyện không ăn sáng của ông và chứng kiến sự thua cuộc của ông trước học sinh. Còn đang phân vân, tôi thấy ông cho học sinh giải tán. Nhìn các hàng học sinh lủi thủi bước về lớp lòng tôi chợt nhói lên khi tưởng tượng một ngày nào đó Tinô sẽ là một trong những đứa học trò như thế. Nó sẽ là những đứa cúi đầu tuân phục hay ương bướng thì tôi chẳng thể nào đoán được nhưng với lý lịch của mình, nó sẽ không tránh khỏi tình trạng bị liệt hạng với cái nhãn hiệu “tư tưởng chính trị không tốt” như bố của nó. Dù sao tôi cũng hiểu dạy học vốn dĩ là nghề có nhiều thử thách. Đối đầu với học sinh cứng đầu cứng cổ ở tuổi vị thành niên quả là khó, đối đầu với những học sinh khá thông minh càng khó hơn. Tôi đã từng chứng kiến nhiều thái độ khinh thường của học sinh khá giỏi. Những thái độ khinh thường này không phải do ảnh hưởng bởi sự bất toàn của giáo dục gia đình mà bởi sự thông minh vượt bậc. Tôi chợt nhớ những câu hỏi móc méo của những đứa học trò lớp tám và lớp chín trong những giờ học lịch sử mà tôi thường nghe: “Cô nói mọi người sẽ được sung sướng khi đất nước tiến lên chủ nghĩa Cộng Sản mà sao em thấy dân mình không chịu ở lại để chờ sung sướng lại ùn ùn kéo nhau đi vượt biển vậy hả cô?”, “Sao tụi Đế Quốc Tư Bản bóc lột nhân công một cách dã man mà sao nhiều người liều mạng đến mấy nước Tư Bản chi vậy?” và “Chẳng lẽ những người vượt biển dùng sanh mạng để đánh bạc với tử thần chỉ vì vật chất thôi sao cô?” Thật đáng buồn là tôi đã phải chịu những câu hỏi châm chọc như thế. Thực tế thì chẳng oan ức gì! Cũng bởi tôi không dám giải thích hết tất cả các sự kiện lịch sử thế giới và các mặt ưu và khuyết của từng chủ thuyết xã hội với kiến thức đã có trong trường trung học của miền Nam trước 1975; mà phải dạy rập khuôn theo những điều trong sách giáo khoa. Chán chường với những ý nghĩ đang có, tôi chợt cảm tưởng mình và các giáo viên miền Nam trong trường chẳng khác gì hai người dẫn đường trong đêm tối trên đèo Rù Rì hôm trước: không thể bật đèn, bị phản đối mà vẫn phải dẫn người bước đi. Những ánh sáng nhấp nhoe bất chợt giống như những kiến thức đã có nhưng phải quên đi khi chiếc nút đèn pin tắt sáng. Tôi không rõ vai trò của ông hiệu phó ở vị trí nào trong sự so sánh của mình, nhưng cảm thấy áy náy khi đặt mình vào cương vị của ông. Tôi nhớ những cái đánh đấm của Tinô khi đưa nó đi trên con đường đầy nguy hiểm. Một ngày nào đó khi Tinô lớn khôn, liệu những cái đánh đấm của nó sẽ là những phản kháng bất trị như những đứa học sinh kia không? Những ý nghĩ dằn vặt trong đầu khiến tôi cảm thấy mệt; cho nên, tôi đã đứng dậy một cách uể oải khi đi theo mọi người vào văn phòng.

Vừa thấy chúng tôi, ông hiệu phó than:

“Học sinh thời này như thế đây!”

“Cũng tại lý thuyết trong sách vở không hề giống với thực tế ngoài cuộc sống mà ra!” Tôi định đáp lại như vậy nhưng nghĩ chẳng ích lợi gì nên thôi. Tướng mạo của tôi lúc này không được bình thường, tốt hơn hết là im lặng nếu không muốn ai để ý đến mình. Các giáo viên khác, toàn là giáo viên lưu dụng và sinh quán tại miền Nam, như thường lệ, chỉ cười chứ không hề trả lời tiếng nào. Chán nản sự tình, ông hiệu phó lấy xe đạp bỏ đi. Hôm đó, ông về điểm chính sớm hơn mọi hôm; còn chúng tôi nán nã ở văn phòng nói chuyện trời đất nắng mưa một lúc mới bảo nhau đến lớp sớm để giữ trật tự. Vì không muốn bị chú ý từ phía sau lưng, tôi chờ mọi người rời văn phòng xong mới thung thình đứng lên. Trong phòng vẫn còn hai giáo viên nữ là chị T. Phương và chị T. Hồng đang tiếp tục câu chuyện đang dở cho nên tôi phải vừa nhìn mặt họ vừa trao đổi vài câu vớ vẩn với họ trong khi dịch từng bước nhỏ lui về phía sau. Lối đi giật lúi để tỏ ra lịch sự là không quay lưng khi còn đang đối thoại nhưng thực tế tôi không muốn họ phát hiện dáng đi không bình thường của tôi. Vừa nói, vừa đi lui dần về phía cửa ra vào, tôi nói chào cả hai rồi vội vã bước ra khỏi văn phòng. Tôi đã thở phào nhẹ nhõm vì không thấy một bóng người nào trong sân trường, nhưng vẫn cố gắng bước ngay ngắn khi dọc theo hành lang để tránh những đôi mắt ngó vục từ trong các cửa sổ của lớp học và nhất là chuẩn bị qua cái ả quan sát của học sinh lớp mình sắp dạy. Quả như tôi đoán, khi đi ngang những đứa học sinh đứng chào mình, tôi bắt gặp vô số ánh nhìn kinh ngạc. Hiểu được nguyên do của sự kinh ngạc ấy, tôi cố gắng giữ dáng đi ngay thẳng hơn khi bước đến bàn giáo viên. Tôi đã giữ nụ cười trên môi để che giấu vẻ mệt mỏi trên khuôn mặt của mình khi tiến hành các bước điểm danh, kiểm tra bài và ôn bài cũ. Dù cố gắng thế nào, tôi cũng không qua những cặp mắt tinh tường của học sinh. Chúng chẳng ngừng trao nhau những ánh nhìn ngạc nhiên khi tôi ghi đề bài mới trên bảng. Lo sợ tướng đi đằng sau lưng của mình thô lộ bí mật, tôi bảo đứa trưởng lớp chép phần mà tôi ghi trong giáo án lên bảng để cả lớp chép vào vở. Phớt lờ những ánh mắt ngạc nhiên, tôi giữ thế ngồi ngay ngắn trong khi môi vẫn giữ nụ cười thân ái và bình thản. Những đứa học sinh lớp bảy, vừa học môn Sử Địa do tôi phụ trách vừa được tôi chủ nhiệm, rất ngoan ngoãn. Tất cả cùng im lặng chép bài. Những lúc không thể nhìn rõ chữ trên bảng chúng khều lưng nhau chỉ trỏ với nhau hoặc khề khàng hỏi nhỏ đứa ngồi trước nhờ hỏi dùm đứa lớp trưởng.

...

Tôi đã gục xuống bàn sau khoảng thời gian đóng vai cô giáo ngồi nghiêm trang theo dõi học sinh chép bài. Đứa trưởng lớp hốt hoảng chạy đến văn phòng báo cáo tình trạng của tôi và cầu cứu hai cô giáo không có tiết dạy đến giúp cho tôi. Khi họ đến lớp là lúc tôi vừa tỉnh dậy. Tôi nói là tôi thức khuya lo cho Tinô nên đã ngủ gục trong lớp mà không hay. Hai cô giáo T. Hồng và T. Phương nhất định không tin lời tôi nói. Chị T. Hồng thì quả quyết là tôi chưa ăn sáng nên bị trúng gió, còn chị T. Phương một mực bảo tôi về văn phòng để chị cạo gió cho. Vì không muốn khuấy động thêm sự tò mò của học sinh, tôi nói với chúng là tôi lên văn phòng nghỉ một chút rồi về lớp ngay. Tôi đã cố gắng tạo ra vẻ bình thường khi bước ra khỏi ghế nhưng khi tôi vừa bước vài bước toàn thân của tôi loạng choạng như sắp ngã khiến chị T. Phương và T. Hồng phải chụp lấy tay tôi dìu đi. Nhìn tôi như thế, học sinh kinh ngạc lắm nhưng chúng không dám ồn ào vì vốn sợ cái oai của chị T. Phương, cô giáo dạy toán của chúng.

Vừa đến văn phòng, chị T. Phương bảo tôi vén áo đưa lưng để chị cạo gió cho. Tôi một mực từ chối với lý do ghét cách chữa trị này, rồi nói là chỉ cần nghỉ một chút là sẽ đỡ ngay thôi. Xui cho tôi, chị T. Phương là người tin chứng trúng gió có thể gây chết người nên luôn luôn chứa đồ nghề trị bệnh trong chiếc ví xách đi làm của chị. Lăm lăm đồng bạc cắc và chai dầu gió trên tay, chị bảo tôi phải để chị cạo vài đường nếu không tôi sẽ bị kiệt thêm. Lặng nhắng giải thích về tác dụng của những đường cạo gió, và sự luân chuyển điều hòa của máu huyết, chị nói là nhất định chữa cho đến khi nào tôi tỉnh táo và linh hoạt lại mới thôi. Trước sự tình nguyện làm thầy lang không công của chị, tôi đành vén lưng mình lên.

“Em làm gì mà lưng bị trầy trụa dữ vậy nè?”

Giọng nói thẳng thốt của chị T. Phương làm tôi giật mình. Thì ra cái lưng của tôi đã ghi lại dấu tích sau một ngày leo núi mà khi tắm gội tôi chẳng hề biết. Hồi hộp, tôi hỏi:

“Ừa? Lưng của em bị trầy dữ lắm hả chị?”

“Chứ còn gì nữa! Bị đến như vậy mà không biết sao?”

“Tại em mới bị té xe hôm qua thôi.”

Chị T. Hồng ghé mắt nhìn sau lưng tôi một lúc rồi nhìn thẳng vào mặt tôi, ôn tồn hỏi:

“Lan té xe ở đâu mà lưng nát bướm nát bét vậy hả?”

“A...à... ở dốc Hòn Chồng đó mà!” Tôi ngập ngừng trả lời khi lục trong trí lần bị té nặng nhất trong đời, rồi tả thêm những gì xảy ra trong lần ấy “Em bị lộn mấy lần khi té lăn xuống dốc vì xe đứt thắng hãm không được.”

“Vậy mà cũng ráng đi làm!”

Chị T. Hồng phàn nàn với tiếng thở hắt đầy nghi ngờ trong lúc chị T. Phương hỏi với giọng nghi ngại:

“Còn thằng bé thì sao?”

“Thằng bé nào? A...à...Tinô đó hả? May là nó ngồi trên xe với bố và chú nó ở một xe khác nên không bị gì cả.”

“Bận rộn vậy mà cũng ráng đi chơi tận Hòn Chồng lận ha!”

Lời ca cẩm đầy móc méo của chị T. Hồng khiến tôi chưa biết trả lời ra sao thì chị T. Phương kéo áo tôi xuống, bảo:

“Lưng như vậy chị muốn cạo gió cũng cạo không được. Thôi để chị nhờ đưa học trò nào ở xóm em chở em về dùm rồi chị coi lớp cho. Còn dạy lớp nào nữa thì để hết giáo án lại đây. Nếu lỡ ông hiệu phó trở lại thì chị nói em bị trúng gió cần về.”

Những vết cào xước bất thường trên thân thể của tôi không thể nào qua những cặp mắt tinh tường của chị T. Phương và T. Hồng nhưng họ không phải là những người thích tố khổ chuyện người khác cho nên chẳng làm nguy hại gì đến vai trò giáo viên tiên tiến của tôi ở trường Phước Tân. Trong buổi họp hội đồng giáo viên chiều thứ năm hôm ấy, khi nghe ông hiệu trưởng ca ngợi tôi cả hai đều kín đáo trao cho tôi những ánh nhìn cảm lạnh chứ không hề chọc ghẹo “Siêng cho cố!” như những lần trước. Có lẽ sau khi phát hiện bí mật của tôi, họ đã đoán được phần nào sự khác biệt giữa đam mê công việc và lý tưởng của tôi. Mê hoặc với môn Địa Lý và những phương pháp đặc biệt giúp cho học sinh tiếp thu bài ngay trong tiết dạy, tôi đã ghi danh thi giáo viên dạy giỏi thành phố và đạt danh hiệu này trong ba năm liền. Vốn siêng năng, lại đạt danh hiệu giáo viên giỏi thành phố, tôi đã được bầu là giáo viên tiên tiến của trường và thường được ông hiệu trưởng coi là biểu tượng tốt.

Các giáo viên lưu dụng trong trường thì trái lại. Những câu nói xa gần của họ cho tôi biết những thành tích của tôi chỉ là vật tế cho thành quả của ông hiệu trưởng mà thôi. Tôi còn biết là chẳng ai ưa sự làm việc thái quá của tôi nhưng làm sao tôi có thể nói cho họ hiểu là những việc tôi làm chỉ do đam mê và phục vụ cho học sinh chứ không phải vì thành tích lập công với người lãnh đạo. Tôi nhớ rất rõ năm đầu tiên tôi thi giáo viên giỏi thành phố. Buổi sáng, sau khi dạy bài Biển và Đại Dương lớp sáu do ban giáo dục chỉ định, tôi xách hành trang đi vượt biển ngay chiều hôm ấy. Ra đến bãi, nhìn biển và sóng tôi ngậm ngùi nhớ đến học sinh, các giáo viên dự giờ và những lời khen ngợi về bài giảng của mình. Làm sao tôi có thể giải thích cho mọi người hiểu được việc làm đầy mâu thuẫn của tôi khi mà phục vụ, hay “bon chen” không thể thay đổi được hoàn cảnh sống của gia đình tôi. Hơn thế nữa, tôi chỉ có một ước vọng là khi có con, các con của tôi không bị phân biệt đối xử và quyền công dân của chúng được tôn trọng tuyệt đối như một thời tôi đã từng sống trong đời.

Trong buổi họp ngày hôm đó, có lẽ hai người duy nhất không còn nghĩ tôi “bon chen” hay “lấy điểm cấp lãnh đạo” là chị T. Hồng và chị T. Phương. Chuyện “vạch áo cho người xem lưng” của tôi đã làm họ đoán được cái danh hiệu giáo viên tiên tiến mà tôi đạt được là kết quả của sự cần mẫn trong nghiệp vụ chứ không ngoài mục đích gì khác. Dù sao thì tôi cũng không lo lắng gì nhiều về thái độ giấu cợt hay khích bác của đồng nghiệp. Điểm tập trung của đôi mắt tôi lúc này là khuôn mặt hớn hờ của ông hiệu trưởng. Ông đang vui vẻ báo cho mọi người biết là tôi sẽ có sổ tiền thưởng khi đạt danh hiệu tiên tiến năm này. Nghe ông nói mà lòng tôi thất lại vì nghĩ đến chuyện vượt biển tại đèo Rù Rì. Nếu chuyến đi không bại lộ, và tôi đã ra khỏi nước, chắc chắn những lời tốt đẹp của ông sẽ trở thành những lời oán trách và nguyên rủa ghê gớm lắm. Nếu là thế tôi cũng chẳng oan uổng gì khi chính tôi là nhân tố làm ông bị kiểm điểm và khiển trách. Giờ đây, tôi vẫn còn được xưng tụng, và đón nhận những ánh nhìn thiếu thiện cảm vì danh hiệu giáo viên tiên tiến. Nếu số phận của tôi vẫn còn ở trong nước như hiện tại thì tôi phải đành là thế mà thôi. Suy nghĩ như vậy nhưng tôi không hề có một chút vui nào khi đạp xe trên đường về nhà. Nhớ đến lời hứa của mình với Tinô trên núi tôi bỗng thấy lòng bức rút, không yên. Sau chuyến vượt biển trên đèo Rù Rì, vì nhận khá nhiều thông tin xoay quanh chuyện đi và ở, tâm trí của tôi không thể tập trung như trước đây. Càng nhớ lại những điều được nghe và nghe kể lại, tôi càng cảm thấy bồn thần hơn.

Trước đó ba hôm, vợ chồng C. Sơn đến nhà để thăm hỏi sức khỏe con trai tôi, đồng thời trả lại cho số vàng mà chồng tôi nhờ giao cho người tổ chức mua dầu trước khi lên đường. C. Sơn tỏ vẻ rất ân hận khi thấy những dấu cào xước trên đầu và cánh tay của Tinô. Vuốt ve nó, nàng phân bua là nàng chỉ nghe chuyện đi theo đường rừng chứ không hề biết đường đi ra sao và bãi ở chỗ nào. Nàng còn nói là nếu biết chuyến đi nguy hiểm như vợ chồng tôi kể lại thì nàng đã can không để tôi đem Tinô đi. Tôi nói là tôi hiểu sự bí mật của các chuyến đi như thế nào nên khuyên nàng đừng lo âu gì đến chuyện cũ. Tôi cũng đã bày tỏ lòng biết ơn về chuyện nàng chạy đôn chạy đáo tìm người dẫn đường đưa chúng tôi về khi nghe báo chúng tôi bị lạc. Sau một hồi, tôi lảng sang đề tài về những chuyện xa xưa trong thời trung học. Càng tâm tình, tôi càng cảm thấy xót xa nhận ra rằng hơn mười ba năm C. Sơn và tôi đã không hề có thì giờ trò chuyện lâu như thế. Trước khi dạy trường Phước Tân, tôi đã từng dạy trường Vĩnh Thọ, nơi xóm Cù Lao

mà C. Sơn cư ngụ. Tại đó, tôi đã gặp lại Trang, em Út của C. Sơn và đã nghe rất nhiều về sự thay đổi trong đời sống của gia đình C. Sơn cũng như chuyện buôn bán hàng hải sản của nàng. Ngâm ngùi với những câu chuyện được nghe, tôi vừa thương thân phận của C. Sơn vừa thương thân mình nhưng chẳng bao giờ có thì giờ để nghĩ đến chuyện gặp nhau. Đời cuồng mư sinh kiếm sống, tôi không còn chút thời gian để nhớ đến bạn hay nghĩ đến thời hồn nhiên đã qua. Những tà áo trắng, những chiếc nón lá, những xe đạp mi ni và những khuôn mặt tươi vui trong khi cười nói vô tư tinh nghịch của những ngày thân ái xa xưa như là những huyền thoại mà giờ đây khi nhắc lại chuyện cũ, tôi tưởng như nói về một chuyện cổ tích nào đó. Làm sao tôi có thể tin được người đàn bà với biết bao đường nhăn trên trán và bộ đồ không ủi là cô bé nữ sinh C. Sơn ngày thơ trong áo dài tơ trắng năm nào. Còn trong ý nghĩ của C. Sơn, có lẽ tôi thâm hại chẳng khác gì hơn.

Chồng C. Sơn trông rất chán nản. Trầm ngâm một hồi, anh nói là vợ con ông chủ ghe quá bất cẩn nên bị công an bắt ngay trên đường đi lên đèo Rù Rì, và là cũng vì bà ta tiết lộ bí mật khi bị tra hỏi nên công an đã cho tàu lùng sục đúng ngay bãi bốc người. Nhỏ giọng hơn, anh kể là ông chủ ghe đã khá may mắn khi được người quen lái ghe ra tận khơi báo tin. Vì ông không đưa ghe vào bãi bốc người, và vì công an không bắt được đám người lạc trên núi Rù Rì để làm bằng chứng nên ông vẫn chưa bị bắt. Sau một hồi im lặng, anh nói thêm là cho dù ông chủ ghe có còn bị công an theo dõi hay xét hỏi không, ông ta cũng sẽ không bao giờ dám tổ chức vượt biển nữa. Để giải thích điều mình vừa nói, anh nói cho chúng tôi biết là chẳng còn ai ở xóm Cù Lao còn ý định tham gia vượt biên vì chỉ còn mười một ngày là các trại tị nạn đóng cửa. Sau khi hoàn tất cuộc độc thoại, chồng C. Sơn bất động với khuôn mặt ủ dột như thể anh là người thất bại sau chuyến lạc trên núi về và đắng cay vì không đi được. Điều này khiến tôi nghĩ rằng những người tổ chức có mối quan hệ rất thân thuộc và gần gũi với anh hoặc là anh ta cũng định tham gia chung với chuyến vượt biển ấy mà không được. Chồng tôi im lìm và trầm mặc không kém chồng C. Sơn. Suy nghĩ một hồi, anh đưa cho vợ chồng C. Sơn năm phân vàng để bù vào số thất thiệt của chuyến đi sau khi bị bại lộ. Nhìn C. Sơn cầm chiếc nhẫn với khuôn mặt xúc động mà tôi cảm thấy rung rung. Thời trung học, chủ nhật nào mấy đứa nữ sinh trong lớp học Pháp văn của chúng tôi cũng được ba mẹ C. Sơn mời đến nhà chơi. Trong những ngày chủ nhật ấy, chúng tôi thường hồn nhiên trên những chiếc xe đạp mi ni nối đuôi nhau qua cầu Xóm Bóng, lên Tháp Bà, đến Hòn Chồng rồi vòng lại nhà C. Sơn ở xóm Cù Lao để ăn uống vui chơi từ trưa đến tận chiều tối mới về. Lúc ấy, tính tình phóng khoáng của ba mẹ C. Sơn và sự thết đãi bạn bè đầy thịnh tình của nàng có thiết tha gì với chiếc nhẫn vài phân vàng y như thế. Phải chăng sự cơ cực của hiện tại đã nâng quá cao giá trị của loại vật chất này?

Vợ chồng C. Sơn chào từ giã chúng tôi chỉ vài phút, anh Thảo, người đàn ông có chiếc giò lớn trên đèo Rù Rì, đến thăm chúng tôi. Giống như thông tin từ chồng C. Sơn, anh báo cho chúng tôi là ngày 1 tháng 4 năm 1989 sẽ là ngày đóng cửa của các trại tị nạn ở các đảo trong vùng Đông Nam châu Á. Ngoài ra, anh còn báo thêm là người chủ ghe của chuyến vượt biển mà anh tâm sự với chúng tôi trên đỉnh núi Rù Rì, sẽ khởi hành vào tuần sau. Sau buổi tối hôm ấy, anh thường tới nhà chúng tôi cập nhật những tin tức mới nhất với sự tin tưởng tuyệt đối. Thực ra, đối với chúng tôi, anh chính là người mà chúng tôi tin nhiệm nhất trong những người mà chúng tôi đã tham gia vượt biên chung trước đây. Ngoài khuôn mặt vuông vắn và cái mũi thẳng của người trung trực, những vật cần thiết cho hành trình vượt đại dương của anh khiến chúng tôi kỳ vọng anh sẽ là người hoa tiêu dũng cảm, vừa có tâm vừa có tài. Chúng tôi không hề hỏi quá khứ của anh, nhưng nghe anh nói về số tuổi và thời gian học tập cải tạo hơn mười năm của anh thì đoán là anh đã từng phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa như ba chồng của tôi.

Vài ngày sau, mỗi khi anh Thảo đến nhà là tôi phải đi dạy. Tuy nhiên, qua những lời kể lại của chồng tôi, tôi tưởng như mình thực sự nghe những lời thông báo của anh:

“Chị Hạnh bạn tôi đã bỏ tiền ra mua ghe và tổ chức mọi thứ cho chuyến đi này để cho ba đứa con chỉ sớm qua Mỹ gặp ba của tụi nó. Chỉ phải hy sinh ở lại để thanh toán chi phí cho chuyến đi, cho nên nếu anh muốn tham gia chuyến đi này thì không cần phải giao vàng trước.”

“Chị Hạnh nói là nếu gia đình anh muốn tham gia cả ba người, thì chỉ chi hai lượng rưỡi vàng. Anh chỉ phải giao năm chỉ còn hai lượng kia chỉ sẽ đến nhà anh nhận sau khi người nhà anh nhận điện tín của anh từ trại gửi về. Theo dự tính, chuyến đi của mình chỉ có chừng mười bốn người. Bên mình một nửa, bên ghe một nửa.”

“Bãi đánh sẽ ngay cầu Xóm Bống chứ không leo rừng leo núi như lần trước đâu. Anh không phải lo lương thực, nước uống vì chị Hạnh đã tính toán kỹ lưỡng cả rồi. Nếu anh còn muốn mang theo vật dụng gì nữa thì bỏ vào giỏ xách đưa cho tôi nhờ chuyển xuống ghe trước. Khi đi mình không mang giỏ xách gì cả.”

“Anh em mình sẽ giả làm dân đánh cá ra ghe nằm từ chiều chờ đến khuya đón đàn bà và con nít rồi đi luôn.”

“Luật Quốc Tế như đinh đóng cột vậy anh à! Cao ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đã quyết định đóng cửa các trại thì chẳng bao giờ có chuyện du di đâu. Nếu mình không đi chuyến này thì không còn dịp nữa vì chỉ còn vài ngày nữa là đến tháng tư rồi. Tôi nghĩ chuyến đi lần này có thể là chuyến đi cuối cùng của những người vượt biên ở thành phố Nha Trang!”

“Đi hay ở?” Tôi đã câu hỏi này không biết bao nhiêu lần khi đạp những vòng xe. Nghĩ đến lời hứa của mình và tình trạng nguy hiểm và khổ sở của Tinô trên núi, tôi cảm thấy lòng mình bị dẫn dắt đến cực cùng. Thế nhưng vài phút sau, các vấn đề lý lịch, tình trạng cư trú, và việc làm bấp bênh của chồng tôi hiện rất rõ trong từng ý nghĩ của tôi. Chúng đã hoàn toàn chế ngự những điều bận tâm sâu xa trong ý tưởng của tôi trước đó và thôi thúc tôi nên chụp ngay cơ hội ngàn năm một thuở để đưa con tôi vượt khỏi cái hoàn cảnh cơ cực và bấp bênh mà cả gia đình chúng tôi đang phải chịu đựng. Hơn thế nữa, khi nghĩ đến những mâu thuẫn và bất công của một chủ thuyết chính trị và thực tế xã hội đang diễn ra trên đất nước mình, tôi cảm thấy ngao ngán và tuyệt vọng. Mười bốn năm trải nghiệm với cuộc sống xã hội Cộng sản đủ để tôi quyết định đưa con mình ra khỏi nơi đây. Nhớ lại về mặt thông minh và thành thật của anh Thảo, tôi hoàn toàn tin tưởng anh ta sẽ là người hoa tiêu tài tình đưa cho con tôi đến một tương lai sáng lạng trong những ngày sắp đến. Tin vào chuyện ở hiền gặp lành, sự ban ơn của thượng đế, và số phận của con người trên thế gian đều được xếp đặt dưới bàn tay của Người, tôi quyết định ra đi. Dứt khoát với sự lựa chọn này, tôi đã đạp vòng xe lại, quay về phía nhà mẹ ruột của tôi thay vì về nhà chồng. Tôi muốn gặp mọi người trong gia đình mình để chào từ giã, đồng thời mượn chiếc áo khoác có hai cái túi thật lớn của em gái ruột tôi trước khi lên đường.

Có lẽ chuyến vượt biển thất bại của chúng tôi trên đèo Rù Rì đã khiến cho ông nội chồng tôi không còn tin vào sự thành công của chuyến đi mới. Không nói một lời, ông chỉ thờ dài khi nghe tôi thưa là chồng tôi đã rời khỏi nhà và tôi sẽ đưa Tinô đi khi có người đến đón. Những cái lắc đầu nhẹ nhàng trong sự im lặng dài vô tận của ông như ngầm tỏ rằng việc làm của chúng tôi sẽ hoài công như lần trước và có nghĩa là chúng tôi sẽ trở về với người đầy thương tích nếu may mắn không bị bắt. Mẹ chồng tôi lảng xảng muốn tìm một việc gì làm để giúp dâu và cháu trước khi lên đường; nhưng hành trang của tôi chỉ có cái túi vải nhỏ xíu nên bà loay quaoanh một lúc rồi lặng lẽ vào phòng thờ thắp hương cầu nguyện. Tôi trở về phòng mình chứ không chào chia tay với những người bà con trong đại gia đình chồng. Cảnh bịn rịn chia tay rồi thất bại trở về của lần trước khiến tôi chán ngán sự tái diễn. Làm ra vẻ bình thản với sinh hoạt thường lệ, tôi bỏ mừng cho Tinô ngủ trưa. Tôi đã ngồi trong giường lâu hơn thường lệ khiến Tinô chăm chăm nhìn tôi với đôi mắt lạ lùng và nghi ngại khi nó nằm ôm con gấu vải. Thường thường, chẳng cần có tôi, con gấu vải do tôi chấp vải vụn may cho, cũng có thể đưa nó vào giấc ngủ dễ dàng. Tôi biết là tối nay khi không có mùi quen thuộc của con gấu và khung cảnh xa lạ ở nhà người lạ thể nào Tinô cũng sẽ phản ứng kịch liệt như lần ở trên núi. Và như thế, tôi lại phải cho nó uống thuốc ngủ trước khi đi. Nghĩ đến chuyện thuốc ngủ ảnh hưởng đến thần kinh của con mình, tôi cảm thấy rất xôn xang nhưng chẳng nghĩ cách nào hơn.

“Tôi với ảnh giả làm ngư dân ra ghe nằm trước, chiều nay chị Hạnh sẽ đến đưa chị và cháu ra sau. Nhớ trang phục như dân biển để khi xuống bãi khỏi bị công an hay du kích để ý!”

Ôn lại lời dặn của anh Thảo, tôi hứa với lòng là dù sao cũng phải hết sức cẩn thận để không làm ảnh hưởng chuyến đi. Hôm qua, anh ta báo cho chúng tôi biết là chiếc xách tay lương thực và áo quần của Tinô đã được chuyển đến tay người chủ ghe và ông ta đã giấu dùm ở dưới ghe rồi. Theo ước đoán của anh, chỉ cần tám ngày là ghe có thể đến đảo Phi nhưng tôi chuẩn bị các gói lương khô, đường tằm chanh, sâm, nước và áo quần cho Tinô khoảng hai tuần trong chiếc giỏ xách ấy. Nhìn Tinô ngon giấc, tôi ngồi cầu xin trời Phật ban ơn hồng cho nó và nguyện sẽ ăn chay một tháng khi chúng tôi đến bờ bình an.

Khoảng năm giờ rưỡi chiều một người đàn bà đến trước cổng nhà tìm tôi. Chị có vóc người nhỏ nhắn và khuôn mặt hiền lành bình dân khiến tôi không thể nào tin đây là chị Hạnh, bạn anh Thảo và là người lo toan mọi chuyện cho chuyến vượt biển mà mình sắp tham gia. Khi chị giới thiệu là Hạnh, tên gọi theo tên đứa con đầu của chị, với giọng từ tốn như chẳng có chuyện gì quan trọng sắp xảy ra thì tôi khâm phục và tin tưởng lắm. Dặn chị đứng chờ xong, tôi lật đật chạy vào phòng ăm Tinô, lấy xách tay, chào mẹ chồng, rồi trở ra cổng ngay. Vừa thấy tôi, chị vội đội nón lên đầu, xoay đầu xe ra phía đường rồi nhón người lên yên và bảo tôi mau ngồi lên yên sau. Khi chiếc xe lăn bánh, tôi có linh cảm vài cặp mắt của những người hàng xóm đang nhìn chúng tôi, hai người với hai sắc phục dị kỳ và thăm thương bởi cái nón lụp xụp và hai bộ đồ mặc không đúng lối. Chị Hạnh mặc bộ đồ bông xám và dùng vành nón che nửa khuôn mặt có lẽ để ngăn ngừa sự nhận diện của ai đó, còn tôi phải mặc cái quần vải thô và cái áo khoác có túi để có thể chứa thêm những thứ cần thiết trong lúc không thể mang chiếc xách lớn; cho nên, trang phục quái lạ này không thể nào tránh khỏi sự chú ý của những người ở hai bên đường trong xóm. Ra đến đường Phước Hải, chị Hạnh vừa đạp xe vừa than là chị đã phải đạp xe đến rất nhiều nơi trong ngày hôm ấy. Ngồi sau, nghe lời than van hòa trong tiếng thở hắt hắt trong lúc nhìn cái lưng cong đang cầm lái xe của chị, tôi cảm thấy rất xôn xang. Tôi không phải là người nặng cân nhưng cả tôi và Tinô với sức người nhỏ bé và ốm yếu của chị thì thật là quá đáng. Đến nhà thờ núi, chị Hạnh đạp nhanh hơn một chút và không còn thở ị ạch như trước. Để tỏ ra không quan tâm đến sức nặng của chiếc xe mà mình đang phải gồng đỡ, chị vừa đạp, vừa kể cho tôi nghe chuyện đã và sắp xảy ra. Chị kể tỉ mỉ là chị đã đưa ba đứa con của chị và người bạn gái của chị tên Phú đến chợ Cù Lao rồi và là khi gặp họ, tôi sẽ cùng đến tá túc tại nhà quen của ông chủ ghe để chờ người đưa ra bãi lúc nửa đêm.

Từ ngã ba Tháp Bà rẽ xuống dốc Cù Lao, chị Hạnh không nói gì nữa. Tôi cũng lặng yên rất lâu, sau đó gặt đầu khi nghe chị dặn đứng chờ ở một góc đông người. Sau khi dắt xe lên lỏi qua những người đang

mua bán xôn xao trong chợ, chị Hạnh trở lại với một người đàn bà có thân hình tròn trịa và khuôn mặt phúc hậu. Khuôn mặt của người đàn bà này làm tôi nhớ mãi đến người đàn bà trên đóc đèo Rù Rì với đứa con gái độ mười sáu tuổi có tên Hạnh. Sau khi chị Hạnh giới thiệu chị tên

Phú và sẽ là người giúp đỡ ba đứa con chị trong chuyến đi lần này thì tôi nghĩ chị Phú đã từng đi cùng con chị Hạnh trong chuyến vượt biên trên đèo Rù Rì. Thì thăm xã giao với nhau một lúc, chị Phú dặn tôi đứng chờ chị ngay tại nơi tôi đang đứng và nhắc nhở nhiều lần là không đi bất cứ nơi nào trong chợ. Chị nói là chị phải tìm ba đứa nhỏ con chị Hạnh vì chúng đi ăn hàng mỗi đứa một nơi và nếu tôi còn đi nữa thì chẳng biết bao giờ chúng tôi mới họp nhau lại một lúc để đến cùng điểm hẹn. Sau khi chị Phú bỏ đi và chị Hạnh chào từ giã, tôi tuân theo lời dặn dò. Không dịch một bước ở cái góc đông người qua lại rất lâu để chờ mà không thấy chị Phú trở lại, lòng tôi rất hoang mang, lo lắng. Chiều tối, dân biển thích tụ họp ở các hàng quán để ăn hàng cho nên thật là bất tiện cho tôi khi phải đứng ở một nơi có quá nhiều người qua lại. Điều mà tôi sợ nhất là phải gặp lại những đứa học trò cũ vì Cù Lao Vĩnh Thọ Xóm Bóng là nơi mà tôi đã từng dạy học vài năm. Nếu chúng thấy tôi ở nơi này với trang phục mùa đông trong lúc hè thì chắc chắn chúng sẽ nghi ngờ về chuyện vượt biên của tôi. Ngoài trừ hình ảnh Tinô, đứa bé mười tám tháng, có thể làm giảm đi phần nào hoặc phá tan hết những thắc mắc và nghi ngờ của chúng. Dù sao tôi đã ở thể chẳng đứng được, nên phải ghé vào một xe nước mía gần đó gọi cho Tinô một ly. Tinô uống hết sạch ly nước mía xong mà chị Phú vẫn chưa trở lại nên tôi đành phải gọi thêm một trái trứng vịt lộn của người ngồi bán gần đó cho nó. Tinô ăn trứng xong, tôi nán nã ngồi ở quán thêm khá lâu mà vẫn không thấy bóng dáng của chị Phú đâu nên tôi đành ẵm Tinô đi lên đóc ngã ba Tháp Bà để đón xe về. Lên đến đầu đóc, tôi nghĩ sự trở về là việc sáng suốt cho tính mạng của Tinô và của chính mình. Nếu chồng tôi được đến bờ tự do thì sau này anh sẽ bảo lãnh mẹ con chúng tôi đi một cách an toàn hơn. Trời tối, không có xe lam nên tôi đành phải gọi xe xích lô. Khi người lái xe xích lô vừa dừng trước mặt thì hình ảnh của chồng tôi hiện ra rất rõ trong đầu tôi. “Nếu như anh không đến được bờ bên kia thì mình sẽ ra sao?” Câu hỏi này lóe lên trong ý nghĩ khiến tôi đã khựng lại. Đứng im một chỗ, tôi ngượng ngập xin lỗi người lái xe với có gọi nhầm. Rồi bắt kẻ đôi mắt bức tức và giận dữ của ông nhìn tôi như thế nào, tôi đã nhanh chóng quay lưng, đi trở lại con đóc. Càng bước đi tôi càng nhớ đến những lần chồng tôi từ chối tham gia vượt biên cùng bạn bè. Thăm thía với câu “Đồng vợ, đồng chồng sướng khổ có nhau” tôi nhất quyết là sẽ không dựa vào sự liều mạng của anh để chờ hưởng lộc. Ôm chặt Tinô thay cho lời xin lỗi, tôi bước xuống đóc thật nhanh. Vừa đến góc chợ, tôi gặp chị Phú đang đi hớt ha hớt hải từ hướng ngược lại. Chị hỏi với giọng đầy trách móc:

“Nãy giờ Lan đi đâu vậy? Làm mình tìm gần chết! Mình đã đưa mấy đứa nhỏ tới chỗ ở rồi. Đi theo mình mau lên!”

Theo chị, tôi đến căn nhà lợp tôn rộng rãi cách chợ bởi một con hẻm nhỏ. Căn nhà có nhiều người ra vào nhưng mọi người chỉ chào nhau lấy lệ chứ không ai hỏi han ai. Ngồi một hồi tôi mới biết đó là nhà buôn bán cá và mực cả sỉ lẫn lẻ. Bởi có nhiều người buôn bán ra vào nên chẳng ai buồn để ý đến ai. Một lúc sau, một cô gái nhỏ đến chào tôi:

“Em chào cô.”

“Chào em.”

Tôi lúng túng chào lại, vì ngượng nghịu với bộ y phục đang có của mình nhưng con bé dường như chẳng để tâm. Nó giới thiệu tôi với ba mẹ của nó rồi nhắc lại những kỷ niệm trong giờ dạy địa lý của tôi. Tôi chỉ cười khi nghe nó nói rồi giả tảng hỏi liên tục những người đang có mặt tại đó về chuyện mua bán những thứ hải sản với giá sỉ và lẻ. May mắn là tôi đổi được đề tài nên con bé chỉ huyền thiên thêm một tí nữa là xin ba mẹ cho đi xem phim. Chúng tôi ở lại đến khoảng hơn mười giờ đêm thì có một người đàn bà trẻ đến dẫn đi xuống xóm chài. Len qua con hẻm đầy cát biển giữa những căn nhà tôn ván lợp xụp cận kề nhau khoảng mười phút, năm người chúng tôi được đưa vào ở một căn nhà rất nhỏ mà giường ngủ là ván cây. Tôi và Tinô được phân ngủ tại chiếc giường sát cạnh lối ra vào mà cánh cửa của nó là một liếp ván, đóng mở chỉ cần kê bên hoặc kéo ra một cách dễ dàng. Sau khi lo cho ba đứa con chị Hạnh chỗ ngủ xong, chị Phú căn dặn:

“Lan nhớ cho cháu uống thuốc ngủ!”

Tôi làm theo lời chị nhưng chỉ cho Tinô uống một muỗng cà phê. Thuốc này tôi bỏ vào chiếc xách tay rất nhỏ với đường tằm chanh, bánh đậu xanh, sâm, một bộ đồ của Tinô và vài cái bao ni lông. Tôi thường có chứng say xe và e rằng mình sẽ bị say sóng nên phải mang theo những chiếc bao ni lông này.

Sau khi cho Tinô uống thuốc xong, tôi đặt lưng nằm với nó chỉ vài phút thì chị Phú đến giường kê sát tai tôi căn dặn:

“Ráng thức nghe Lan! Đừng ngủ quên mà họ bỏ mình lại đó.”

Nói xong chị kê người nằm chung ván với chúng tôi, đầu ngược lại. Tôi thường ngủ say khi nghe những tiếng khò khò của Tinô bên tai nhưng lúc đó vì tôi quá lo cho chuyến đi, nằm ở chỗ lạ và bị bọ chét biển cắn liên hồi nên không thể nào chợp mắt. Liên tục gãi những chỗ bị cắn chích trong người, tôi lo lắng cho Tinô lắm nhưng không thể nào kiểm được xem nó có bị tình trạng như mình không.

Khoảng nửa đêm, khi người đàn bà trẻ trong căn nhà đáp lại tiếng gọi nho nhỏ ngoài tấm liếp, chị Phú vùng dậy gọi tôi ngay “Mau lên Lan! Đừng để bị mất dấu!” Nói xong chị kêu ba đứa con chị Hạnh đi theo. Những đứa con chị Hạnh có lẽ cũng bị bọ chét biển cắn không ngủ được nên vừa nghe kêu là dậy ngay trong tích tắc. Trong khi chúng tôi sẵn sàng, người đàn bà trẻ trong nhà lật đật chào mẹ rồi ôm theo đứa nhỏ khoảng hai tuổi chạy ra trước nhà. Người báo tin cũng là đàn bà trẻ và cũng kè theo bên nách một đứa nhỏ cỡ tuổi với đứa con người đàn bà trẻ trong nhà, thì thào bảo chúng tôi đi theo trong im lặng.

Chúng tôi bước nhanh theo họ xuyên qua những con hẻm loăn ngoằn và vắng tanh. Len lỏi giữa những căn nhà tôn chỉ chít một lúc chúng tôi đi đến những căn nhà sàn thưa thớt gần sát biển. Tại đây chúng tôi phải đứng im dưới những cây cột dưới nhà sàn để núp vì có tiếng chó sủa vang to gần đó. Nhìn hai người đàn bà xăn quần đến tận háng, chị Phú kêu mấy đứa nhỏ bắt chước làm theo. Tôi đã ngồi bệt xuống cát vừa đỡ Tinô đang nằm dài trên cánh tay vừa cố gắng xăn hai ống quần chặt trên bắp vế. Khi tiếng sủa dịu đi chút ít, hai người đàn bà trẻ ẵm hai đứa nhỏ chạy lom khom ra biển. Vội vã, chúng tôi cũng khom lưng chạy theo, bám sát, không rời. Không ai nói ai lời nào, cả nhóm chúng tôi âm thầm chạy xuyên qua các cọc phoi lưới và vài chiếc ghe đậu trên bãi cát rồi cùng hướng về phía hai chiếc ghe thúng đang bồng bênh đưa người ra ghe lớn. Hai người đàn bà hỏi hỏi rảo tên hai người thanh niên đang chèo hai chiếc ghe thúng trong khi lội rất nhanh ra biển. Là dân biển đích thực cho nên bắt kẻ nước cao, sóng lớn thế nào, chân trần của họ đạp nước như đi trên mặt đất. Bắt chước họ, chị Phú và tôi bỏ dép trên bờ cát ướt, lồm bồm đạp nước bám theo rảo riết. Chúng tôi, dù đã cố gắng hết sức vẫn là những người đi sau vì chị Phú phải chăm Hoan, đứa con trai út của chị Hạnh và tôi còn phải kè né tránh những đợt sóng lớn vì sợ Tinô bị ướt. Hai người đàn bà trẻ tiếp tục lội ra xa trong khi vẫy tay gọi hai người lái ghe rồi rít.

Trong lúc lái hai chiếc thúng tiến về phía của họ, hai người thanh niên nói vọng về phía chúng tôi:

“Các chị phải chờ đến phiên vì mấy chiếc ghe nhỏ này không thể chở tất cả cùng một lúc.”

Tiếp tục dắt ba đứa nhỏ lội đến sát hai chiếc ghe, chị Phú cứng cỏi trả lời:

“VẬY thì mấy anh phải chờ mấy đứa nhỏ này trước. Tụi nó là con của chị Hạnh. Má nó đã trả tiền mua hẳn chiếc ghe và lo tất cả chi phí cho chuyến đi này, cho nên không thể bỏ chúng lại hay để chúng đi sau được.”

“Tụi em không bỏ ai lại hết cả. Nhưng ai cũng đòi đi trước thì làm sao chở hết được?”

“Mấy anh phải chờ người có chi phần đi trước chứ đừng có dựa vào sự quen biết mà chở những người đi hời. Để chúng tôi ở lại chờ, lỡ bị công an phát hiện ghe các anh bỏ chúng tôi chạy luôn hả?”

Trong khi cuộc tranh cãi chưa được ngã ngũ ra sao, người đàn bà trẻ đến báo tin cho chúng tôi đã ôm con thót ngay lên một chiếc ghe và được đưa ngay ra khơi bởi sức đẩy của người thanh niên bơi đằng sau. Người thanh niên đang tranh cãi với chị Phú phải điều đình với người đàn bà trẻ cho chúng tôi tá túc chờ đến phiên rồi giúp ba đứa nhỏ con chị Hạnh leo lên ghe. Giống như chiếc ghe trước, người lái này chỉ dùng sức đẩy chiếc ghe thúng khi bơi sau chúng chứ không ngồi hay đứng chèo với cái dầm như khi họ lái vào bờ.

Từ xóm chài, tiếng chó sủa vẫn tiếp tục vang lên dữ dội khiến chúng tôi, những người còn ở lại, nôn nóng lội nước ra xa hơn. Chỉ được thêm một vài bước chúng tôi phải dừng lại một chỗ để nhón người cao lên vì

nước biển đã chồm đến ngực và vì có quá nhiều cơn sóng lớn đang tập vào bờ. Tường phải ngâm trong lòng nước đen lạnh và đối phó với những cơn sóng lâu lắm, chỉ phút chốc chúng tôi đều mừng rỡ khi thấy cả hai chiếc ghe thúng quay trở lại. Hai người thanh niên chia cho hai mẹ con người đàn bà trẻ cho chúng tôi tá túc lên một ghe còn tôi và chị Phú lên cùng một ghe. Người thanh niên được phân chõ chị Phú và mẹ con tôi có dáng người cao gầy và cử chỉ rất nhanh nhẹn. Sau khi leo ra khỏi chiếc thúng và nắm bên vành nghiêng xuống một bên, anh hỏi chúng tôi leo vào. Dù cố gắng trèo lên ghe thật nhanh, chúng tôi khá vất vả với sự chập chênh của chiếc thúng trên những cơn sóng tập ngược. Một hồi sau chị Phú trèo lên trước, giúp tôi ôm Tinô để tôi leo vào theo. Vào được trong lòng ghe, tôi đón Tinô lại, ôm nó vào lòng và xoay người ngồi đối diện với chị Phú, cốt để giữ chiếc thúng thăng bằng. Người thanh niên chờ chúng tôi vào cả trong ghe, đẩy nó thật mạnh về phía trước rồi bơi theo sau. Anh phải dùng sức rất nhiều trong lúc vừa bơi vừa đẩy chiếc ghe chúng tôi vượt qua những ngọn sóng ồ ạt và liên tiếp. Để ngăn chiếc thúng tròn khỏi bị đổ nhào và chìm bởi vô số đợt sóng tới tấp, người thanh niên không hề rời tay khỏi khoảng vành thúng khi bơi. Anh đã không ngừng trườn người về phía trước để ra sức đẩy chiếc thúng vượt qua các ngọn sóng tập ngược trong lúc đập nước về phía sau.

Tinô thức dậy ngóc đầu nhìn quanh sau những lần bị chuyển sang đưa lại. Cổ tình không để nó thấy những cơn sóng đang dập dềnh xung quanh vành ghe, tôi ghì đầu nó vào bên ngực phải và ra sức ru nó ngủ lại. Tôi, chẳng dễ dàng được bao nhiêu câu, đã phải há hốc vì trông thấy một ngọn sóng lớn đang chuẩn bị tạt nước chiếc ghe thúng của chúng tôi. Người thanh niên có lẽ đoán được hướng đi của ngọn sóng, ấn mạnh vành thúng nơi tay nắm xuống trong tư thế sẵn sàng. Vì lòng thúng trở thành một khoảng tròn thẳng đứng nên chị Phú và tôi đều bị trượt xuống mạn thuyền, chập chênh như sắp rơi xuống biển. Người thanh niên, không để tâm xem chúng tôi thế nào, chờ đầu ngọn sóng vừa ập xuống là đẩy chiếc ghe thúng bơi vượt qua. Khi đáy thúng rớt mạnh trên mặt nước biển, chị Phú và tôi lăn cù từ mạn vành vào lòng ghe. Chưa hoàn hồn, chúng tôi bị tuột xuống trở lại mạn vành vì cái dựng đứng của chiếc ghe thúng. Vẫn như lần đầu, người thanh niên ấn một bên vành ghe xuống đón đầu sóng để tiếp tục vượt qua. Lần này, vì ngọn sóng cao hơn lần trước và vì người thanh niên chéch chiếc ghe hơi nghiêng về sau nên cả Tinô và tôi đều ở tư thế sắp bật ngược ra đằng sau. Hốt hoảng, tôi bấu Tinô chặt vào lòng, rồi ép người mình sát vào đáy thúng đang ở thế dựng đứng, hét to:

“Phật bà Quan Thế Âm ơi cứu con của con với!”

Hốt hoảng, chị Phú vừa xua tay vừa ta thán:

“Lan ơi là Lan! Lan la kiêu này là Lan giúp cho công an bắt cả bọn mình đó!”

Tôi không hề đáp lại cũng như không quan tâm chút nào đến lời trách móc của chị bởi chưa hoàn hồn với ý nghĩ Tinô rớt xuống biển vì ngọn sóng cao úp ngược. Run lẩy bẩy, tôi ôm chặt nó vào lòng hơn rồi tiếp tục cầu xin trời Phật ban phước lành. Người thanh niên không nói không rằng, bình tĩnh lèo lái chiếc ghe vượt qua những đợt sóng cao còn lại và tiếp tục đưa chúng tôi ra khỏi vùng có nhiều ngọn sóng. Tôi cảm thấy an tâm hơn vì chiếc ghe đã vượt qua hấn vùng có nhiều sóng và đang an bình lướt êm trên mặt biển; tuy nhiên, tôi đã phải chịu đựng tiếng khóc la dữ dội của Tinô và những tiếng kêu trời của chị Phú. Chị Phú than vãn liên hồi rằng:

“Trời ơi là trời! Đi với hai mẹ con hai người này trước sau cũng bị đi tù. Lan có làm ơn đỡ nó nín ngay đi không! Làm cho nó nín ngay chớ đồn công an ở ngay đằng kia kìa!”

Theo cái chỉ tay của chị, tôi quay đầu nhìn lại làng chài. Một điểm canh cao ngều và chênh lệch khá lớn với những chiếc nhà lụp xụp bên dưới, chắc hẳn phải có vài người du kích hay công an canh phòng Duyên Hải ở đó. Tôi không biết họ có nghe tiếng chó sủa, tiếng la tiếng khóc của mẹ con tôi không nhưng tôi không còn lo lắng nữa vì chiếc ghe thúng cách ra xa bờ khá nhiều.

Chẳng mấy chốc chiếc ghe thúng đưa chúng tôi đến một chiếc ghe đang lặn lơ trên mặt biển. Một vài cái đầu thò ra đưa cánh tay kéo chúng tôi lên. Tinô vẫn khóc vì lúc này bị chuyển sang một người khác mà trong bóng tối nó không nhận ra đó là bố của nó. Khi được kéo lên ghe tôi hết sức bàng hoàng vì kích thước quá nhỏ của vật sắp đưa mình vượt đại dương. Lúc đó tôi hiểu vì sao những người gác ở cái điểm canh cao nhều trong xóm chài kia không quan tâm đến tiếng chó sủa và tiếng kêu la ở ven biển. “Đi vượt biển trên chiếc ghe nhỏ như thế này trước sau cũng phải làm mồi cho hà bá, chứ làm sao vượt đại dương được! Hèn chi những người canh phòng không bỏ công ra lòng bắt những người liều mạng như mình!” Tôi đã nghĩ như thế nhưng ngay sau đó biết là mình đã hiểu sai vì những tiếng sụt nho nhỏ của những người nằm im thín thít trên sàn ghe đang cảnh cáo tôi khi tôi lồm cồm len qua người họ.

“Đi lại đằng kia, rồi chui xuống hầm mau đi em!”

Chồng tôi nói khe khẽ khi anh chuyển Tinô lại cho tôi. Vui mừng vì sự trùng phùng, tôi lần theo những cánh tay dẫn dắt để bước xuống hầm ghe. Tôi đã dẫm lên rất nhiều người trong khi lom khom ăm Tinô chui sâu vào phía trong cùng của đuôi ghe. Chênh choạng trong bóng tối một lúc tôi chen được một chỗ giữa chị Phú và những tảng nước đá lớn bên hông. Co ro ngồi bó chân trong lúc ôm Tinô trên bụng tôi cảm thấy chóng mặt. Cố gắng nhìn về phía cửa hầm, tôi lơ mơ thấy vài bóng người leo xuống. Tiếng than vãn lẫn tiếng khóc của trẻ con vang lên rất nhiều nhưng chỉ một lúc bị ém chặt khi nắp hầm đóng kín mít. Ngọt ngào vì mùi dầu máy, mùi cá tanh, và mùi ẩm mốc, tôi nôn khan. Biết chứng bệnh của mình, tôi rút chiếc bao ny lông từ trong túi áo ra chuẩn bị. Tinô đã ngưng khóc có lẽ vì ngạc nhiên với bóng tối và những tiếng khóc của trẻ con gần đó. Ngơ ngác lắng nghe trong vài giây nó chột ho dữ dội rồi ói thốc ói tháo ra. May là tôi kê được chiếc bao ni lông ngay miệng nó nên không bị ướt bởi các chất nhầy nhựa của thức ăn và nước dãi. Dù sao thì tôi chẳng được khô ráo chút nào. Từ lúc lội xuống biển và qua hai ngọn sóng lớn áo quần của tôi đã bị ướt đẫm, nay ngồi tại một nơi mà dưới đáy là nước ẩm và bên cạnh là khối đá lạnh, thân thể của tôi càng lúc càng lạnh hơn. Cảm giác khó chịu không ngăn được cơn ói mà tôi đang kèm chế nên tôi đã ói ngay sau khi Tinô vừa ói xong. Chúng tôi thi nhau ói cho đến lúc tưởng như không còn thức ăn gì trong bụng để ói được nữa. Dù mệt lả, tôi cố gắng lục túi lấy chai dầu xanh xoa trên trán và cổ cho Tinô, tôi xoa vào mũi mình và cho một chút vào lưỡi. Mùi dầu làm tôi thấy dễ chịu vì nó giảm bớt được những mùi khó chịu xung quanh. Tinô có lẽ cũng có cảm giác như vậy nên ngưng hẳn những cơn ói khan. Sau khi gút chiếc bao ni lông và lần tay trong những tảng nước đá bên cạnh tìm chỗ đặt nó phòng cho những cơn ói tiếp, tôi áp đầu Tinô vào ngực mình rồi xoa bóp nhẹ nhàng trên đầu và trán của nó. Biết Tinô thường rơi vào giấc ngủ dễ dàng khi được vuốt ve nên tôi đã dùng ngón tay làm lược xới chải đầu tóc của nó rồi liên tục vôn vôn hai vành tai của nó. Dễ chịu với sự âu yếm êm dịu, Tinô thở đều đều một lúc rồi im lìm ngủ. Khi nó ngủ yên lành, tôi lần bàn tay phải vào trong những cây nước đá lạnh cạnh bên để khám phá tiếp. Sau khi biết những cây nước đá này được phủ bởi trấu, lưới câu và những chiếc bó rách, tôi đã rút một chiếc bó rồi từ từ đẩy dưới chỗ mình ngồi để không phải bị thấm ướt thêm bởi nước ở bên dưới. Mặc dù chiếc bó đã bị ướt lạnh nhưng nó đã tăng được độ cao của chỗ tôi ngồi như một vật đệm và giúp tôi không phải bị thấm nước thêm. Trước khi đi, tôi được biết là chủ ghe sẽ dùng nước chảy tan từ những cây nước đá cho nước uống trong khi đóng kịch dùng chúng cho việc ướp cá dưới hầm khi đi chài. Sự tính toán có vẻ có lý nhưng không hiểu ông ta đã tính toán chuyện chứa nước tan như thế nào khi lượng nước ở dưới chỗ tôi ngồi càng lúc càng tăng nhiều hơn thêm vì những cây nước đá hình trụ vuông dài đang tan chảy ra. Mọi người dưới hầm, có lẽ cũng ở tình trạng, ngồi trên chỗ ướt át như tôi nên rúc vào nhau tìm hơi ấm. Một lúc sau, tiếng khóc, tiếng than, tiếng dỗ dành và tiếng ói từ từ lắng dịu đi và tôi chỉ còn nghe tiếng rừ rừ đều đều của máy ghe. Chiếc ghe lúc này có lẽ đang lướt trên mặt êm của biển nên không còn bị chòng chành nghiêng ngã như trước đó. Tôi cảm thấy đỡ chóng mặt nên không còn buồn nôn nhưng bị lạnh toàn thân nhất là hông bên phải. Lần tay phải sâu vào các khối đá lạnh để khám phá thêm, tôi mò được một cục đá có hình tam giác độ hai nắm tay và rút thêm được một tấm bố nhỏ. Chèn tấm bố bên hông phải mình xong, tôi bỏ cục đá vào một chiếc bao ni lông, cột chặt lại rồi nhét vào trong túi áo. Hai túi áo khoác của em gái tôi có hình vuông cạnh dài đến mười bảy xen ti mét nên chứa

được nhiều thứ như chai dầu xanh, gói chanh đường, vài gói sâm nhỏ, và vài chiếc bao ni lông. Những thứ này không hề bị thất thoát sau những lần tôi leo lên trượt xuống ở mạn ghe khi vật vã bởi những ngọn sóng lớn. Ngay cả chiếc giỏ vải bé xíu mà tôi trông vào cổ, đang ở dưới người Tinô vẫn còn nguyên các thứ.

“Anh kia gửi cho chị gói này nè.”

Tôi giật mình đón gói đường tẩm chanh từ tay người ngồi trước mặt. Thì ra chồng tôi đã xuống hầm ghe từ lúc nào nên nhờ người ngồi cạnh chuyển gói đường này cho tôi để bày tỏ sự quan tâm. Vài giọt nắng xuyên qua các kẽ hở của những tấm ván trên hầm cho tôi biết trời đã sáng. Lúc này có lẽ ghe chúng tôi đang trôi giữa các chiếc ghe đánh cá khác nên ông chủ ghe bắt tất cả tất cả thanh niên xuống hầm. Chắc chắn là ông đang rất căng thẳng vì nghĩ đến tiếng la khóc bất chợt của mấy đứa trẻ trong lúc gặp ghe tuần của công an biên phòng hay những chiếc ghe đánh cá khác cạnh kề. May mắn là dưới hầm ghe đã trở nên yên tĩnh hơn. Những tiếng khóc, ho khan, nôn ọe, ói mửa, và cắn nhằn từ từ giảm dần và mất hẳn đi. Mấy đứa trẻ có lẽ mệt mỏi đã chìm trong giấc ngủ, còn những người lớn đã quen với môi trường ẩm ướt và hơi hám nên im lặng với ý nghĩ riêng của mình. Tôi không biết những người khác nghĩ gì; còn tôi thì nhắm tính đến khi nào ghe sẽ ra hải phận Quốc Tế. Tôi nhớ như in là chiếc thúng chở chúng tôi ra ghe lớn khoảng hai giờ sáng và chúng tôi đã xuất phát sau đó khoảng nửa giờ. Nếu căn cứ theo sự tính toán của anh Thảo và chồng tôi trước ngày đi thì phải đến ngày hôm sau ghe chúng tôi mới ra khỏi hải phận Việt Nam. Hôm nay là thứ năm ngày 30 tháng 3 năm 1989. Sáng thứ năm nào tôi cũng có hai tiết địa lý lớp sáu tại điểm chính. Nhìn ánh nắng sáng qua khe hở trên sàn, tôi đoán lúc ấy khoảng mười giờ và nghĩ rằng học sinh của lớp học mà tôi đảm trách giảng dạy hôm nay đang xôn xao vì sự vắng mặt của tôi. Ông hiệu trưởng chắc hẳn đang thắc mắc vì sự vắng mặt không lý do một cách bất thường này. Ông có biết là tôi đi vượt biển chưa thì tôi chẳng thể nào đoán được nhưng tôi chắc rằng cư dân ở xóm Cù Lao đã bàn tán sự vắng mặt của nhiều người trong xóm và chắc chắn công an biên phòng đã phát hiện chuyến vượt biển của chúng tôi. Tin tức trong thành phố biển Nha Trang thường được loan truyền rất nhanh cho nên chẳng mấy chốc nó sẽ lan đến trường tôi dạy. Hình dung cảnh các giáo viên trường xì xầm như những khi có tin người trong thành phố vượt thoát, tôi cảm thấy tim mình bồi hồi xúc động. Rồi tôi đã lo lắng hồi hộp khi nghĩ đến cảnh ông hiệu trưởng tức giận vì bị khiển trách, và sự kém may mắn của chuyến đi của tôi khi bị công an tuần tiểu bắt đưa về đất liền. Đầu tôi liên tục vang lên những lời phê bình của cấp trên của ông: “Đồng chí làm hiệu trưởng như thế nào mà không quản lý được tư tưởng chính trị của giáo viên đồng chí? Một giáo viên có tư tưởng phản động đến thế mà đề cử danh hiệu giáo viên tiên tiến của trường mấy năm liền như thế à?” Sau đó là những câu biếm nhẽ của những người cán bộ dành cho những người trốn ra khỏi nước mà tôi thường nghe: “Sau chiến tranh, đất nước khó khăn không góp sức góp phần trong việc xây dựng đất nước lại trốn ra nước ngoài! Vinh hạnh gì loại người bám theo ngoại bang để chực bơ thừa sữa cặn!”, “Đây là bọn vong bản, bám đất ngoại lai! Chúng chỉ muốn làm tội mọi cho bọn Tư Bản nước ngoài nên phải trốn đi!” và “Chết chìm, chết biển cũng đáng cho lũ phản bội tổ quốc!” Càng suy nghĩ, tôi càng cảm thấy rất buồn tủi và đau lòng. Chưa xót nhất là tội danh phản bội Tổ Quốc mà mình đang bị gán ghép. Thật là chua xót cho một người bị mang tội phản quốc như tôi lại là người mơ ước được sống và chết nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Ước mơ này đã khảm trong tiềm thức của tôi ngay từ thời thơ ấu và có lẽ nó sẽ theo tôi đến cuối cuộc đời cho dù tôi chẳng hiểu mình sẽ còn sống được bao lâu trên chiếc ghe lênh đênh chưa đến bến bờ và không biết sẽ chết ra sao. Nghĩ đến chuyện ra đi không bao giờ được trở lại, tôi tự hỏi không biết giờ này trên sàn tàu, ông chủ ghe và những người phụ lái có còn được nhìn lần cuối những viên đất xanh rì cây cối của những đảo xa của Nha Trang không; nhưng khi ý thức là mình thật sự xa bà con thân thuộc và xóm giềng, tôi đã âm thầm rơi nước mắt. Tôi đã khóc rất nhiều khi nghĩ đến sự phiêu lưu của mình không biết sẽ ra sao trong lúc ông nội chồng và mẹ chồng lồm khộm nhang đèn cầu nguyện trời phật ngày đêm. Càng nghĩ, tôi càng nhớ đến sinh hoạt thường ngày của gia đình chồng. Trưa nay không có tôi chắc mẹ chồng tôi sẽ tự làm lò trấu để đun hay chỉ dùng vài bã mía khô để nấu qua loa cho bữa ăn chỉ còn hai người. Mà có thể là họ không nấu nướng hay ăn uống gì vì đang lo lắng và nóng lòng chờ tin của chúng tôi. Tôi chợt nhớ đến khuôn mặt kinh hãi của bác gái dâu của tôi khi tôi thành thực nói cho bà biết là tôi sẽ đưa Tinô đi vượt biển. Lúc ấy, hình như tâm trí bà chứa đầy hình ảnh hiểm nguy mà mẹ con tôi sắp chuốc nên ánh mắt bà đã toát ra sự lo âu đến cực cùng. Ngày hôm đó, khi về thăm nhà, tôi đã tâm sự với bà một cách thành thật như với mẹ ruột mình vì tôi không gặp được mẹ ruột của tôi. Mẹ tôi đang bận mót lúa tại quê ngoại nên không hề hay biết chuyện tôi mang con đại đi vượt biển. Khi tôi mượn chiếc áo khoác của cô em gái, cô ta đã nói với tôi là: “Chị sẽ trả nó lại cho em thôi!” Giờ này, chắc em gái tôi vẫn còn tin là tôi sẽ quay trở về như lần trước chứ chẳng bao giờ ngờ

là tôi đang lênh đênh trên biển trong tình trạng chưa biết sống chết ra sao. Chị em tôi, cùng là cô giáo nhưng chẳng hề giúp được gì cho mẹ ruột của mình. Trong khi tôi phải làm bao nhiêu việc mà không đủ nuôi con của tôi thì em gái tôi vừa dạy, vừa bán bánh, vừa bán thuốc lá lẻ ở chợ vẫn không đủ nuôi con của cô ấy. Tôi không hiểu mức độ chua xót của mẹ tôi đến dường nào đối với hoàn cảnh của chúng tôi, nhưng khi nghĩ đến bà, tôi hình dung rất rõ những nét nhọc nhằn trong đôi mắt sâu, trong từng nếp nhăn trên trán và trong những đường khô nứt trên môi. Kèm theo nỗi khổ sở hằn sâu lên khuôn mặt ấy, sự vất vả cơ cực đã chồng chất trên tấm lưng còng của bà liên tiếp theo tháng ngày mà không biết đến bao giờ mới ngơi. Sau năm 1975, vì không còn vốn để buôn bán bà đã xoay đến chuyện lượm từng hạt gạo rơi ở những chỗ buôn gạo ngoài chợ nay lại lam lũ mót từng hạt lúa ở những cánh đồng vừa gặt xong. Nghĩ đến đời sống tảo khổ nhọc của bà, lòng tôi trĩu nặng. Chưa bao giờ tôi khao khát được sống và được đến bờ tự do. Hết lời kêu gọi tấm lòng từ bi của trời Phật, tôi cầu xin cho ghe chúng tôi được thuận buồm xuôi gió và đến bến bình yên. Những người ngồi gần, có lẽ cùng chung tâm trạng như tôi, tựa vào nhau cầu nguyện theo tôn giáo riêng của mình trong những tiếng thì thầm. Thời gian trôi qua tưởng chừng như vô tận. Rồi chúng tôi đã thiếp đi, và ngủ gà ngủ gật lên nhau.

Đột ngột, chúng tôi được đánh thức bởi tiếng gọi của những người trên sàn. Họ chuyển com nước xuống và gọi chúng tôi đón lấy. Những chén nhựa chứa com và những ca nước được chuyển tới tay từng người. Chúng tôi nhận com lại thành nắm để ăn trong khi chuyển nhau uống chung một ca nước. Cho Tinô ăn xong, tôi ăn phần thừa của nó rồi cất phần mình vào túi ni lông để dành. Tôi không thấy đói vì cảm thấy vui với niềm hy vọng đang nhen nhóm trong lòng. Những tia nắng nhạt nơi khung cửa của nắp hầm báo hiệu trời đã về chiều. Ghe chúng tôi đã đi hơn nửa ngày; chắc chắn là chúng tôi đã thoát được sự đuổi bắt của công an. Vài người đàn ông, có lẽ có cùng ý nghĩ với tôi, nài nỉ ông chủ ghe cho lên sàn cho thoải mái nhưng ông ta một mực từ chối với lý do vẫn còn nhiều tàu Quốc Doanh đánh cá ngoài khơi đang trên đường quay về đất liền. Ông nói là nếu những chiếc tàu ấy thấy ghe chúng tôi có nhiều người sẽ nghi ngờ và gọi báo công an thì cuộc đuổi bắt không thể nào tránh khỏi. Nghe những lời đối thoại của họ, những người đàn bà không nói gì. Riêng tôi, tôi lại rơi vào tình trạng bất an vì hiểu là ghe của chúng tôi vẫn chưa đến hải phận Quốc Tế. Trong khi mọi người trong hầm ngột ngạt vì không khí im lặng nặng nề, một tiếng khóc rất non nớt của một đứa trẻ sơ sinh vang lên. Ông chủ ghe lại thò đầu xuống cửa hầm, với khuôn mặt đầy lo lắng. Ông gọi ý với người đàn bà đang vỗ về đứa nhỏ là hãy thăm chừng nhiệt độ của nó và nên cho nó bú thường xuyên hơn. Giọng nói đầy lo lắng của ông khiến tôi nhớ đến lời kể của anh Thảo. Thì ra ông chủ ghe đã đưa vợ con ông đi cùng và đang lo lắng tình trạng sức khỏe của đứa con sơ sinh của ông. Tôi không đoán được là ông có bao nhiêu đứa con và có tất cả bao nhiêu đứa trẻ đang ở dưới hầm nhưng khi nghe những đứa trẻ khác khóc hòa theo tiếng khóc của đứa con Út của ông bà chủ ghe, tôi hiểu được là số con nít trong hầm ghe không ít hơn số tham gia của người lớn. Vì chúng khá đông nên cùng thi nhau khóc dai dẳng mà không một người lớn nào có thể làm ngưng được. Ngay cả Tinô, vừa mới ăn ngủ no nê, cũng hòa với chúng la khóc inh ỏi như bị ai nhéo. Bất lực với chúng khóc bất trị của chúng, chúng tôi đành chịu đựng ngồi yên. Độ nửa giờ sau, khi tiếng khóc của những đứa trẻ được giảm đi thành những tiếng rì rì thì những tiếng kêu trời kinh hãi của chúng tôi vang lừng trong hầm ghe. Lúc này, chiếc ghe nghiêng qua lại với độ chênh khá lớn nên tất cả mọi người dưới hầm đều bị lặn từ bên nọ sang bên kia, lộn xộn không theo vị trí nào nhất định. Sau một hồi xoay quần các chỗ, tôi bị tống vào giữa. Tại đây tôi lãnh hầu hết thức ăn và nước dãi từ những cái nôn ọe xung quanh. Mọi người chẳng khác gì tôi; người nọ xả lên người kia hàng hà chát nhầy nhựa đầy thức ăn lẫn các thứ nước khác trong khi hứng lại hầu hết những thứ cùng như thế. Hòa với tiếng la, tiếng khóc, tiếng ỏi mưa là tiếng đập rầm rầm của nước. Những tiếng đập hung tợn làm tôi liên tưởng đến những cơn sóng cao ở gần bờ và cảm thấy sợ hãi khi tưởng tượng các miếng ván gỗ xung quanh chiếc ghe Çang long ra và như sắp sửa vỡ tung ra. Lần này, những tiếng cầu nguyện không còn thì thầm như trước. Tất cả tên các vị thượng đế trên trời đều được gọi thật to. Chỗ thì gọi Chúa, chỗ thì gọi mẹ Maria, chỗ thì gọi Phật Tổ, Phật bà Quan Thế Âm Bồ Tát rồi cả Phật Di Lạc. Tuy nhiên, chúng tôi có kêu gào các đấng từ bi bao nhiêu, chiếc ghe vẫn không ngừng lắc lư nghiêng ngả. Dồn cục vào nhau, chúng tôi cùng lặn qua lộn lại. Có lúc tôi cảm thấy như được đưa bổng lên cao, rồi bị lặn xuống theo những cái đánh rầm của khoang ghe. Có lúc vừa bị nghiêng sang phải lại ngã ngay sang trái, sau đó vừa bị trượt ra góc sau cùng lại bị tuột trở lại vào trong. Tinô vừa khóc, vừa ới, vừa kêu mẹ rồi rít mặc dù nó đang ôm chặt cổ tôi và ngồi ngay trên bụng tôi. Tệ hại chẳng kém gì tôi, đầu tóc, áo quần, chân tay của nó không một chỗ nào khô ráo.

“Đứa con đây cho anh!”

Quay sang người vừa nói, tôi nhận ra chồng tôi đang ngồi cách tôi chỉ một người. Chuyển Tinô sang cho anh xong, tôi tìm cách lết gần anh hơn.

“Em bị ngộp quá! Chắc con cũng vậy. Mình tới xin ông chủ cho lên boong ngay, nếu không, trước sau mình cũng chết ở đây thôi.”

Nói xong, tôi nhất định lần đến chỗ cửa hầm van nài ông chủ ghe kéo lên cho bằng được. Vợ ông chủ ghe cũng kêu tên ông nhưng ông không thò đầu xuống như những lần trước. Một người phụ lái thò đầu xuống báo là ông chủ đã đồng ý cho những người muốn leo lên sàn.

Vừa nhô đầu lên khỏi cửa hầm, tôi đã bị nước biển tạt vào ướt nhẹp. Xung quanh chiếc ghe là một quang cảnh hết sức kinh hoàng mà tôi đã không hề tưởng tượng ra khi còn ở dưới hầm: Trong khi hàng vạn con sóng xám đục đang hung tợn vỗ đập vây quanh mạn, vài ngọn sóng lớn đập nước tung tóe, văng khắp nơi trong lòng ghe. Kèm với những ngọn sóng bọt trắng, những đợt gió mạnh tốc bụi nước bay tứ tán khắp nơi. Run lẩy bẩy vì bị ướt nhẹp, tôi cố gắng nhích từng bước theo chồng tôi đến đuôi ghe. Khi cùng nhau dí chặt người vào cái góc chẹt, tôi có cảm tưởng chúng tôi chẳng khác gì những con kiến trên chiếc lá mỏng manh đang bị chao động mãnh liệt trên mặt nước. Lờ mờ trong màn nước văng tung tóe, tôi thấy vài cái đầu nhô lên rồi thụt xuống từ chỗ buồng máy. Nhiều tiếng kêu la inh ỏi vang lên nhưng đều chìm vào trong tiếng sóng và tiếng gió. Ba người phụ lái bị trượt nước té nhiều lần trong khi lính quính hồ nhau làm theo điều gì đó mà ông chủ đang gào thét. Tiếng quát đầy kinh hãi của ông chủ ghe, tiếng gọi thiếu bình tĩnh của những người phụ lái, tiếng kêu giúp tuyệt vọng của những người còn ở dưới hầm và tiếng ầm ầm liên tục của những ngọn sóng trên các mạn thuyền khiến tôi hiểu rằng chiếc ghe sẽ không thể nào thoát khỏi cảnh chìm trong biển nước. Chồng tôi, có lẽ cùng có ý nghĩ này, xiết chặt cánh tay tôi trong lúc tôi cuộn chặt Tinô vào trong lòng. Tôi nhím mắt vì không muốn chứng kiến cảnh Cháu lòng mà nước mắt cứ ràn rụa ứa ra. Ý nghĩ do mình và vì quy định của mình mà con mình phải chết, cảm giác có tội tràn ngập trong lòng tôi. Hết lòng cầu xin trời phật cho con, tôi chỉ biết khóc ròng và không hề tin là chiếc ghe của chúng tôi cứu được phù hạp. Hình dung cảnh thân xác từng người tách rời khi chìm xuống biển, tôi đau đớn nhận ra cái giá trả cho sự tự do rất đắt: Nó không những là vàng bạc, tinh thần hay sức lực mà cả tính mạng của con người. Tim tôi tan nát ra từng mảnh và tôi thật sự nghĩ là nó chết trước khi sinh mạng tôi bị thủy thần lấy đi.

Tiếng ầm ầm của sóng và gào thét liên tục của gió vang lên như kéo dài thời gian hồi hộp của chúng tôi trước khi gặp thần chết. Trong khi trời vẫn còn giông, bão vẫn còn rít, tiếng người chột ngốt đi dần dần rồi im bặt. Hé mắt để tìm hiểu, tôi thấy mũi ghe vẫn lướt trên những lớp sóng cuộn cuộn và bình lặng lao về phía trước. Vui mừng lẫn hy vọng, tôi tin là nó đã được sự phù hộ vô hình nào của thượng đế. Chồng chọc nhìn về phía buồng lái, tôi cầu nguyện trời phật tiếp tục giúp cho ông chủ ghe có đủ sáng suốt và tài trí để đưa chiếc ghe mỏng manh của chúng tôi vượt được chặng bão biển trước mặt. Cầu nguyện chẳng được lâu, tôi đã rú lên kinh đảm vì trông thấy một ngọn sóng cao như tòa nhà hai tầng, hoặc có thể cao hơn khi chiếc ghe của chúng tôi như bị tuột xuống sâu hơn, đang đổ đầu về phía chiếc ghe. Vòm cong đen ngòm của sóng như hàm trên của miệng con quái vật đang mở to chực nuốt chửng chúng tôi. Rùng mình, tôi gập đầu ôm chặt Tinô trước khi tai họa khủng khiếp xảy ra. Trong lúc tưởng tượng cảnh bị cuốn chìm trong nước, tôi chợt cảm thấy thân thể mình nhẹ bổng lên. Mở mắt ra, tôi thấy chiếc ghe của chúng tôi đang ở trên miệng hàm của con quái vật. Thì ra chiếc ghe đã vượt lên trên ngọn sóng từ lúc nào. Chẳng được bao giây, nó rơi xuống, rồi rớt lên trên mặt nước nơi mà ngọn sóng vừa trụt xuống. Mọi người trên sàn lẫn bịch, té nhào, la ôi ôi khi rớt lên nhau và cố gắng bám víu vào nhau. Trong lúc còn đang loạng choạng uốn mình ra khỏi thân đề của ai đó, tôi lại thấy cái vòm đen ngòm của ngọn sóng cao tầng khác hiện ra và rất nhiều tiếng kêu khiếp đảm vang lên. Lần này, tôi không cúi đầu và cũng không nhắm mắt. Chồng chọc nhìn thẳng về trước, tôi thấy chiếc ghe rướn thẳng mũi như chực đầu sóng vừa đổ xuống là vượt lên trên. Thực là thế, nó đã lướt theo nước cười ngay lên đầu ngọn sóng, chót vót trên đỉnh cao rồi rớt xuống trượt theo ngọn sóng đổ sụp. Tôi không biết đã bao nhiêu lần ghe chúng tôi bị nâng lên cao, lơ lửng trong không trung rồi rơi xuống mặt nước; nhưng cứ mỗi lần như thế, tôi có cảm tưởng là những sợi thần kinh trong óc mình đứt ra thành từng mảnh vụn và đầu tôi như tê liệt hẳn đi. Tôi nhớ đến chữ “Không” của mình cho câu hỏi của một anh đồng nghiệp khi anh ta hỏi tôi là trong đời có bao giờ tôi có cảm giác kinh hoàng đến độ tưởng như tất cả mọi dây thần kinh của mình đứt thành từng mảnh sau khi kể cho tôi nghe cảm giác kinh hãi là anh xem té bật ngựa xuống đất trong lúc anh ngồi ngay cửa của chiếc trực thăng đang cất cánh bay. Nếu câu hỏi được đặt ra trong lúc này thì tôi không ngần ngại trả lời đây là giây phút kinh hãi nhất trong cuộc đời mà tôi trải nghiệm. Sự kinh hoàng mà tôi đang có không phải chỉ một cái xem bật ngựa từ trên cao như của anh bạn đồng nghiệp kia. Những cái vòm miệng hả rộng, những bức tường cao ngều của sóng, những cái vụt lên cao, chơi vơi trong không trung và đập rầm trên mặt

nước liên tiếp hù dọa tinh thần của tôi rất nhiều lần. Chúng đã làm tôi không tin mình sẽ còn sống được để kể lại nỗi kinh hãi mà tôi đã trải qua như người bạn đồng nghiệp của tôi.

Nhưng rồi nỗi sợ hãi của tôi đã được trôi đi. Chiếc ghe của chúng tôi như một chiếc lá nhỏ trong sóng nước dữ tợn, bị vỗ dập liên hồi bởi cơn thịnh nộ của bão biển mà không bị chìm. Sự bồng bềnh trên mặt nước của nó sau bão táp như một sự màu nhiệm khó có thể giải thích. Lúc này, chiếc máy ghe tiếp tục rề rề chạy và càng lúc càng lớn tiếng hơn tiếng sóng và tiếng gió khiến tôi ước đoán là ghe đã đi qua nơi có bão hay có lẽ bão đã trốn mất sau khi khiếp đáp tinh thần chúng tôi. Trên sàn ghe lúc bấy giờ mọi người đều ướt sũng, và vẫn còn run rẩy trong sợ hãi. Một số còn bám víu dưới hầm, đang lóp ngóp leo lên. Tất cả đàn ông, đàn bà, và con nít, đều thất thần và nhếch nhác. Không ai nói với ai lời nào, chúng tôi cùng chìm trong sự im lặng nặng nề. Có lẽ bị sóng dập nhiều lần và phải lóp ngóp trong những thác nước nên mấy đứa trẻ dù dẫn đến không còn khóc được nữa. Nhìn Tinô run rẩy trong tay, tôi hiểu là nó đã thấy hết cảnh hù dọa của những cơn sóng lớn vừa qua. Sự khiếp đảm đã làm cho nó không còn khả năng chống cự hay đập vào ngực tôi như lần ở ghềnh đá của lòng sông khô trên núi Rù Rì. Bé xóc nó lên để xem xét, tôi nhận ra là nó bị ướt sũng và dơ dáy tệ hại hơn tôi tưởng. Nhớ đến chiếc giỏ lớn mà vợ chồng tôi nhờ anh Thảo đưa cho ông chủ ghe để chuyển xuống ghe trước ngày khởi hành, tôi hỏi chồng tôi và tôi được biết là ông chủ ghe vẫn còn để nó ở nhà của ông. Vì sợ công an phát hiện kế hoạch của mình, ông không chuyển bất cứ chiếc giỏ nào xuống ghe kể cả những chiếc giỏ chứa đầy vật cần thiết của ông. Tôi đã khá thất vọng khi nghe điều này; cho nên đành dựa vào bộ đồ duy nhất của Tinô trong túi vải tí tẹo của mình. Mặc dù bộ đồ mà tôi đem phòng hờ cho Tinô trong cái túi vải nhỏ xíu chẳng được khô ráo gì cho cam nhưng vẫn còn đỡ hơn bộ đồ dính đầy phân, nước tiểu, nước biển và nước ói mà Tinô đang mặc. Thay đồ cho Tinô xong tôi lấy phần cơm để dành cho nó ăn rồi lấy dầu xanh xoa khắp người nó. Lần vượt biển nào tôi cũng mang theo loại dầu xanh hiệu con ó vì sự công dụng đa dạng của nó. Nó không những khử được mùi hôi hám, làm nóng người, mà còn trị được các chứng đau nhức nhất là đau bụng gió. Mỗi khi chân tay hay toàn thân bị lạnh, tôi thường bị chứng đau bụng này vì vậy xoa dầu cho Tinô xong tôi xoa vào bụng mình để giảm được cơn đau.

Càng về khuya, sóng tương đối bình lặng và dịu hiền hơn đôi chút nhưng ông chủ ghe không ngớt tay. Sau khi lục đục với những thứ gì đó, ông gọi vợ chồng tôi đem Tinô leo trên buồng lái ngồi với vợ con ông. Tôi vô cùng cảm kích quyết định công bình của ông. Bởi Tinô là đứa bé nhỏ tuổi thứ hai sau con Út của ông cho nên chuyện ông cho tôi đưa Tinô ngồi trên buồng lái cùng vợ con ông là chính đáng; duy một điều tôi không hiểu là tại sao ông gọi cả chồng tôi cùng đến ngồi chung một chỗ với tôi trong lúc còn nhiều người đàn bà đang ôm con nhỏ nằm ngón ngang trên sàn. Sau một hồi nhìn khuôn mặt thất thần của ông qua ánh đèn pin mờ mờ, tôi đọc được ẩn ý về sự không chia cách này. Tôi hiểu là mặc dù đã lèo lái chiếc ghe vượt qua cơn bão biển ông đã không tin mình có thể tiếp tục vượt qua những cơn giông khác trong chặng đường kế tiếp. Và nếu thế, ông để cho vợ chồng con cái chúng tôi ngồi gần bên nhau để chết cùng nhau vẫn hơn. Buồng lái, nơi mà trước đó ông chủ ghe đứng hàng giờ để cầm tay lái, là nơi vuông nhỏ trống trải chỗ cửa hầm có mái che cao hơn sàn ghe độ nửa mét và cách đuôi ghe khoảng một mét rưỡi cho nên từ đuôi ghe tôi chỉ bước vài bước đã lên tới nơi ngay và khi nằm trên ấy tôi phải nằm ép mình vào người bên cạnh để khỏi phải rơi xuống biển. Để tránh cho mẹ con chúng tôi bị tình trạng này, chồng tôi đã nằm ngoài bìa. Tôi co ro sát chỗ bà chủ ghe nằm đến độ cảm nhận được hơi ấm của bà chuyển cho mình thế mà bà chẳng nói năng gì khiến tôi đành im lặng theo. Chìm trong ý nghĩ, tôi hiểu bà cũng mang tâm trạng như mình: Tuy đã qua được cơn nguy hiểm nhưng còn biết bao nhiêu hiểm họa như thế đang chờ chực chúng tôi. Trong lúc này chúng tôi còn ôm con vào lòng nhưng vài giờ sau chẳng hiểu chuyện gì sẽ xảy ra. Tôi không biết ghe có cả thấy bao nhiêu người mẹ cùng tâm trạng như mình nhưng tôi không thể nào ngờ có quá nhiều người cùng cảnh ngộ và gan liều đem con mạo hiểm như thế. Từ cửa hầm, vài tiếng khóc vang lên hòa theo những tiếng khóc trên sàn tàu nhưng chúng không át lại được tiếng hét lớn của ông chủ ghe đang vang lừng trong gió. Tò mò nhìn qua màn sương mờ, tôi thấy những bóng người đang lui hui làm gì đó. Một lúc sau, khi một cây cột được dựng thẳng trên nóc buồng lái và một cánh buồm được rộng ra, tôi mới hiểu là họ đã hợp sức dựng buồm. Nhờ dây căng đúng độ, cánh buồm no gió phàn phật đưa chiếc ghe chúng tôi chạy nhanh vùn vụt. Chúng tôi vui mừng khôn tả khi nghe anh Thảo, người đang ở vai trò hoa tiêu, báo rằng ghe vẫn đi đúng đường theo hướng Đông và nếu được tốc độ như thế chẳng mấy chốc chiếc ghe sẽ đến hải phận quốc tế. Từ khuya thứ năm ngày 30 tháng 3 đến rạng sáng thứ sáu ngày 31 tháng 3 chiếc ghe của chúng tôi chạy chẳng khác gì tàu thủy vì nó vừa chạy bằng máy vừa chạy bằng buồm. Nhìn quanh biển nước, tôi vui mừng thấy những chiếc thuyền lớn ở xa. Lời đối thoại của anh Thảo với ông chủ ghe và chồng tôi kèm theo bốn chữ Hải Phận Quốc Tế đã nhen nhúm

trong đầu tôi một niềm vui khó tả. Hân hoan với ý nghĩ là sẽ không bị công an bắt đưa về đất liền chưa đưa được bao lâu, tôi bàng hoàng vì tiếng lạch cạch đứt quãng của động cơ. Ngơ ngác theo cái thỉnh lặng của máy ghe, tôi lắng nghe tiếng bàn tán của những người đàn ông:

“Coi thử có phải cạn dầu không anh?”

“Giờ chớ cái này tôi kỹ lắm! Nếu không châm dầu liên tục ghe không chạy lâu như vậy đâu! “

“Chắc là ghe chạy hết ga mà không được nghỉ nên máy có vấn đề.”

“Tôi cũng nghĩ vậy. Để mở ra xem chuyện gì.”

Vì cũng nghe những lời này, chồng tôi leo xuống, xúm đến chỗ của ông chủ ghe và người hoa tiêu đang đứng. Còn tôi tiếp tục nghe họ nói:

“May là tôi đã cho tu sửa toàn bộ chớ cái máy cũ của chiếc F8 này làm sao vượt nổi trận bão biển vừa rồi!”

“Có mới gì thì mới, chạy một hồi cũng cho phải máy nghỉ anh ơi! Tại sợ bị hốt xác nên đành phải chạy suốt vậy thôi!”

“Ác nghiệt chưa! Nó gãy ngay cái móc này mới chết chớ.”

“Chạy quá mạng mà oan uổng gì nữa! Để tui lấy mấy sợi dây kẽm kẹp lại thử xem.

“Vạy được rồi đó. Nổ máy lại thử coi anh!”

“Mở máy rồi đó mà có nghe nổ gì đâu.”

Tiếng của chồng tôi vang lên:

“Anh có đũa tre và dây thun không? Minh dùng thử xem sao.”

Sau một hồi im lặng tôi nghe tiếng máy nổ cùng với tiếng nói xôn xao vui mừng của những người đàn ông vang lên. Chồng tôi leo về chỗ cũ và kể cho bà chủ ghe và tôi nghe là máy ngừng chạy do “cái cò xú bấp” bị gãy. Anh chép miệng với chữ oái ăm khi tả cái cò xú bấp gãy ngay cái móc chữ L rồi cho biết là ông chủ đã dùng dây kẽm để kẹp chỗ gãy nhưng máy trơ trơ không chịu nổ. Anh nói là anh nghĩ đến chuyện dùng đũa tre và dây thun để cột lại chỗ gãy thử xem sao vậy mà không ngờ máy hoạt động trở lại. Nghe anh nói, tôi không hiểu cái cò xú bấp là cái gì, chỉ lơ mờ với ý niệm là một con ốc của bộ phận máy. Nghĩ đến các bộ phận máy thường làm bằng kim loại, đáng phải được hàn nối nếu bị gãy ngang, nay chỉ được kẹp lại tạm thời bằng đũa tre và dây thun, tôi không còn chút hy vọng là ghe của chúng tôi sẽ cập đến đất Phi. Nhìn những chầm thuyền đằng xa, tôi thầm mong có được sự cứu vớt nhiệm mầu nào đó cho dù những tin tức về sự đóng cửa của các trại tị nạn và sự ngoảnh mặt làm ngơ của chiếc tàu lớn vẫn còn ấn dấu trong trí nhớ của tôi.

Càng về trưa, biển càng êm nên hầu hết mọi người đều lên trên sàn ghe ngồi. Tôi không thể nào dùng chữ boong thay cho chữ sàn bởi vì chiếc ghe quá nhỏ. Là chiếc F8, như lời ông chủ nói, bề dài của nó chỉ khoảng bảy mét và ngang khoảng hai mét rưỡi mà thôi. Loại ghe F này thường tụ rất nhiều ở chân cầu Xóm Bống, không bị công an để ý vì máy ghe chỉ có thể dùng di chuyển loanh quanh đánh cá trong hải phận chứ không thể ra khơi xa như những chiếc ghe lớn có máy lực mạnh mà dân biển thường gọi là lốc (Bloc). Tôi không biết những chiếc tàu lớn đang xa có thấy được chiếc ghe chúng tôi trong một sự vô tình nào đó hay không. Nhưng khi nghĩ đến những lời bàn tán của một số người trong thành phố biển trước khi đi như: “Lòng nhân ái của con người đã kiệt cạn rồi! Bây giờ không còn chiếc tàu nào muốn cứu thuyền nhân nữa đâu!”, “Trại Tị Nạn còn đóng cửa mà hướng hồ gì các thuyền trưởng của các chiếc tàu! Họ cứu mình rồi đưa đến chỗ nào? Không lẽ đưa về nhà họ?” hay “Nếu muốn vượt biển, phải cập đến bờ Phi và khai là đi trước ngày một tháng tư, ngày Cao Ủy Tị Nạn ban hành luật đóng cửa, thì may ra các trại Tị Nạn ở đó còn nhận mình vào!” thì lòng tôi chùng xuống hoàn toàn.

Ông chủ ghe lặng lẽ đến bên vợ ông và xoa đầu đứa con út của ông khiến tôi nghi ngờ là chuyện đến bờ Phi là một điều không thể nào thực hiện, cho dù tiếng máy ghe vẫn còn đang nổ và chiếc ghe vẫn lướt sóng băng băng trên mặt biển. Nhìn kỹ khuôn mặt người điều khiển chiếc ghe qua trận bão biển vừa qua, tôi cảm thấy có một điều gì sâu kín dần vật nội tâm ông. Mặc dù đầu tóc bờm xờm, râu lởm chồm hai bên mép và vài chỗ lỗ rỗ trên khuôn mặt nám đen tạo cho ông cái vẻ hung dữ, những câu hỏi ân cần mà ông dành cho vợ con ông cho tôi thấu được tình cảm nồng nàn của ông dành cho họ. Qua đối thoại của hai người, tôi biết được là họ có tất cả bảy đứa con và cùng đem chúng theo. Những đứa nhỏ đang nằm la liệt trên sàn được chăm sóc bởi những người đi cùng mà hầu hết là bà con của ông và vợ ông. Tôi không thể đoán được ông là ai và đã làm gì trước ngày ba mươi tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm, nhưng không tin ông là ngư phủ bình thường khi nghĩ đến cách ông điều khiển chiếc ghe mỏng manh vượt qua những ngọn sóng khổng lồ và sự tính toán kỹ lưỡng của ông trong chuyện vá những miếng vải bố lát của những chiếc bao gạo cũ thành một cánh buồm cân đối cho chiếc ghe. Chiếc buồm này có lẽ đã được cuộn trong sàn như những mảnh giẻ bừa bộn để tránh khỏi sự kiểm soát nếu có. Sự thông minh và tài trí của ông có thể xem như bù lại số người mà ông cho đi theo ngoài giao kèo. Và có lẽ cũng nhờ số người nhiều hơn số mười bốn người theo qui định mà chiếc ghe của chúng tôi đã tạo được sức cân bằng khi đối chọi với cơn sóng to gió lớn vừa qua. Dù sao thì chẳng ai hiểu được số phận lành dữ như thế nào trong những ngày sắp tới. Khi tiếng máy ghe bất thần ngưng lại thêm một lần nữa thì mọi người đều hiểu là tử thần đang chờ đợi mình dù chẳng hiểu bao lâu. Vẫn như lần trước, tất cả đàn ông con trai chui xuống hầm máy, loay hoay tìm dũa tre và dây thun nối chỗ bị đứt lại. Nhờ cách này, ghe chúng tôi đã đi được gần mười tiếng đồng hồ kể từ lúc máy ngưng chạy lần đầu tiên. Khi dũa tre và dây thun trên ghe cạn kiệt, máy ngừng chạy hẳn. Lần này không phải chỉ vì cái “cò xú bắt” mà cái béc dầu máy bị hư nên thời gian ghe ngừng chạy rất lâu. Ông chủ ghe không hề chuẩn bị phụ tùng sửa máy nào trên ghe nên chồng tôi đã phải lấy chiếc dao xếp mà anh bọc kín trong túi quần để cho ông mở ốc các bộ phận máy. Lần nào ông Tinô đi vượt biển, vợ chồng chúng tôi cũng lặn theo chiếc dao xếp loại nhà binh này theo. Nó là kỷ vật của cha chồng tôi sau khi ông tử trận và là vật mà chúng tôi bí mật cất giấu để bảo vệ tính mạng cho Tinô khi chúng tôi vượt biển với những người không hiểu gốc gác ra sao. Từ những nguồn tin đồn về những đứa nhỏ bị xé thịt và chia phần bởi những người đói lâu ngày trên ghe, chúng tôi đã giao hẹn với nhau là giấu kín chuyện đem dao theo và chỉ sử dụng nó khi buộc phải bảo vệ cho Tinô thôi. Khi thấy chồng tôi trao con dao cho ông chủ ghe, tôi lo lắng vô cùng; tuy nhiên, tôi hiểu là anh không thể làm khác hơn khi vận mệnh của chiếc ghe là vận mệnh chung cho tất cả những người đang ở trong lòng của nó.

Mỗi lần máy ngưng, ông chủ ghe thường hỏi những người phụ lái cố sức chèo dầm đồng thời kêu gọi hai thanh niên còn lại là Thiện, cháu anh Thảo, và Hùng, cháu ông xuống khoang múc nước tạt ra khỏi ghe vì ông nói là nước theo chân vịt vào khoang rất nhiều. Bởi không tin vào tướng “bạch diện thư sinh” của hai người thanh niên này nên ông chủ ghe phải kêu Tài, đứa bé độ mười hai tuổi, phụ thêm tay vào. Tài có khuôn mặt tròn trĩnh, cử chỉ nhanh nhẹn, và thái độ tươi vui. Nhìn nó ngóc cao đầu nhìn tứ phía trong khi

ngồi cạnh mạn gần mũi ghe mà chẳng ai la bắt vào ngồi sát vào trong sàn, tôi đoán nó là đứa bơi thạo. Sự phỏng đoán có đúng không thì tôi không chắc, còn thực tế tôi biết rõ Tài là đứa có đôi mắt tinh tường như đeo ông nhòm ngay ở trong con người. Hễ mỗi lần nó kêu “Có tàu! Có tàu!” mọi người tưởng bị lừa vì nhìn quanh chẳng ai thấy một điểm gì trên mặt nước xanh mênh mông; thế mà chỉ nửa giờ sau một chiếc tàu thủy lớn hiện rõ ra. Từ lúc ở dưới khoang cho đến lúc lên trên sàn ghe, nó thường kết nhóm với đám con ông bà chủ ghe, những đứa cùng trang hay nhỏ hơn, và giúp những đứa này di chuyển từ nơi này đến nơi khác khá nhiều lần. Bởi không nề hà bất cứ chuyện sai bảo nào nên vừa nghe ông chủ ghe kêu là nó thoát ngay xuống hầm máy, lấy cái gàu cạnh đó, lật đặt tạt nước ra khỏi khoang ghe ngay. Có lẽ vì quá lo lắng đến sự sống còn của chiếc ghe mà nó không ngừng cúi, múc, đổ, tạt nhanh nhẹn chẳng khác gì các thanh niên trưởng thành. Trong khi nó tạt nước ào ào ra ngoài thì anh Thảo và chồng tôi hỏi ông chủ ghe cái gàu mà họ đã đặt tất cả những con ốc vít và các bộ phận khác của máy vào vì sợ chúng lẫn lộn lung tung. Khi lục soát hết tất cả những chiếc gàu trên ghe, họ mới hơi ôi rằng tất cả những bộ phận quan trọng của máy đều bị trút xuống lòng đại dương từ nơi cái gàu mà Tài đang dùng. Biết mình bắt cần Tài tui nghiêng một cách thâm thương. Nó không hề đáp lại một lời nào khi nghe những lời than van của những người đàn ông. Nhìn nó tạt nước với khuôn mặt buồn xo, không một ai nổi la trách.

Chồng tôi leo trở lại chỗ chúng tôi ngồi với khuôn mặt thiểu não. Anh nói là dù Tài không đổ những con ốc xuống biển thì máy cũng không thể nào hoạt động lại được vì béc dầu đã hư toàn bộ, không phun được nữa. Ông chủ ghe kêu gọi tất cả các đàn ông thanh niên trên ghe thay phiên cầm lái và chèo trong khi dựa vào sức gió để chạy bằng buồm. Anh Thảo nói là gió vẫn đưa buồm đi đúng hướng và ghe đã đi được nửa chặng đường. Những người đàn bà nghe những người đàn ông nói sao thì nói, không hỏi han hay bàn luận gì. Còn tôi, tôi chẳng hiểu nửa chặng đường là đã được bao hải lý nhưng nhìn cách chèo uể oải của những người thanh niên, mức di chuyển ỉ ạch gần như bất động của chiếc ghe và sự vô tận của mặt nước biển, đoán là phải đến một năm tròn ghe chúng tôi mới đến bờ Phi được, nếu không bị giông tố. Những người phụ lái, có lẽ cũng cùng ý nghĩ như tôi, không hề tỏ ra sốt sắng đầy mái chèo như trước đó. Có lẽ vì tuyệt vọng trước sự mệnh mông của đại dương cộng thêm sự mệt mỏi của thân thể, họ không muốn phí sức cho việc làm vô ích và vô vọng này. Tôi đã cố gắng động viên họ bằng cách chia sẻ đường chanh và sâm nhưng họ chỉ nhận chanh đường vì không quen vị đắng của sâm. Bất kể lời hỏi thúc của ông chủ ghe uy quyền thế nào, không còn tác dụng với họ như lúc ban đầu. Nhìn thái độ im lặng với vẻ bất tuân và bất cần của họ, tôi chợt nhớ đến con dao bấm của chồng tôi. Hỏi anh nhiều lần tôi mới biết là con dao đã bị mất sau khi nhiều người chuyển nhau mở các bộ phận của máy. Nhớ đến cái mũi nhọn hoắt, cái lưỡi sắc lẹm và sự gập gọn của con dao, tôi lo lắng hỏi anh hoài về sự thất thoát kỳ lạ ấy. Với khuôn mặt ưu tư chẳng kém gì tôi, chồng tôi nói là không hiểu lý do gì và cho mục đích gì mà người nào đó đã giữ luôn con dao xếp trong khi anh chắc chắn rằng nó không ở trong cái gàu nước mà Tài tạt xuống biển. Rụng rời tay chân, tôi cuống cuống lo lắng khi liên tưởng đến vật mình mang đi phòng thân trở thành vật công kích mình trong những ngày lộn xộn trên ghe.

Khoảng từ mười hai giờ trưa đến bốn giờ chiều ghe chúng tôi gặp rất nhiều tàu lớn qua lại khiến tôi nghĩ nơi đây là dòng nước chính của đại dương hay “ngã tư” của Hải phận quốc tế. Sự xuất hiện của những chiếc tàu lớn thường gieo cho tôi nhiều hy vọng nhưng chúng đã lần lượt để lại trong tôi nỗi buồn lo, thất vọng và tuyệt vọng vì sự làm ngơ, tảng lờ và khuất bóng của chúng. Dường như đối với người trong những chiếc tàu lớn ấy, ghe chúng tôi là một cánh buồm du ngoạn trên mặt biển bất kể hình dạng quái đản của chiếc buồm như thế nào và những đứa con nít trên ghe bơ phờ thảm hại ra sao. Vì quá thấm thía với sự lạnh lùng và dửng dưng của những chiếc tàu lần lượt ngang qua trước mặt mà chẳng một ai trong chúng tôi, kể cả những đứa con nít, vẫy tay xin xỏ hay kêu gọi lòng từ tâm. Tôi thường chỉ các lá cờ trên các chiếc tàu để nói cho bà chủ ghe biết đó là cờ của những nước nào rồi nói thêm về các ngôi sao trên các lá cờ có màu đỏ của các nước Xã Hội Chủ Nghĩa. Tôi nói, dù biết bà đã biết khá rõ, là nếu chẳng may gặp các chiếc ghe của khối Cộng Sản thì họ sẽ kéo ghe chúng tôi về đất liền và giao cho công an ngay. Bà chủ ghe chăm chú nhìn tôi khi nghe tôi nói mà không hề hỏi gì và cũng chẳng hề cắt ngang một lời nói nào. Một lúc sau, tôi nói là chiếc tàu đang đi ngang trước mặt là tàu Nhật vì tôi rõ lá cờ trắng có vòng tròn đỏ của nước này. Sau đó, tôi đã kể cho bà nghe về tin mà tôi nghe được vài hôm trước đó: Chiếc tàu vượt biển xuất phát tại Long An bị sóng đánh lật úp vào chiếc tàu lớn của Nhật nhưng đến hai giờ sau thủy thủ của chiếc tàu ấy mới được lệnh thả phao vớt người lên. Chiếc tàu Nhật mà chúng tôi đang chăm chú nhìn chắc cũng lớn như chiếc tàu mà tôi đang kể nhưng nó không làm lật chiếc ghe nhỏ của chúng tôi vì lúc ấy

không có sóng lớn và ghe chúng tôi không gần sát nó; tuy nhiên, sự lãnh đạm của nó đã xóa hết sự khao khát và niềm hy vọng trong lòng chúng tôi khi nó phớt lờ ngang qua trước mặt chiếc ghe của chúng tôi rồi từ từ đi mất. Trong khi những người lớn chúng tôi khóc thầm trong lòng thì những đứa con nít thì nhau la khóc dữ dội. Đến lúc đó, tôi mới nhớ ra là hơn một ngày trời, chúng tôi, những người lớn, vì no liên tục với sợ hãi, tính toán, vui mừng, hy vọng và thất vọng mà quên cả việc ăn uống. Ông chủ ghe chịu không nổi với những tiếng khóc la vang khắp biển trời của những đứa nhỏ, hò người phụ ông tìm vật dụng nấu cơm. Tuân theo lời yêu cầu của ông, hai thanh niên phụ lái chia nhau tìm nôi, củi và gạo trong lúc để lại chỉ một người cầm chèo. Người chèo này là một trong ba người phụ lái và là một trong hai người dùng ghe thúng đón chúng tôi ra ghe. Vốn không hề nghe anh ta nói gì trong suốt thời gian ở trên ghe nay thấy thái độ lảng lạng khó hiểu của anh trước sự len lỏi qua lại của hai người thanh niên đang đi tìm kiếm đồ vật, tôi để tâm quan sát anh ta rất kỹ. Đứng trong tư thế trầm ngâm và chán chường, người thanh niên này khoát mái chèo một cách chậm chạp và miễn cưỡng. Theo ánh nhìn buồn bã đang trải dài trên mặt biển của anh, tôi chợt rung mình vì sợ. Màu tím thẫm của nước cho tôi có ý nghĩ là mình đang ở trên mặt đại dương mà đáy của nó thăm thẳm đến vô tận. Quanh quất nhìn khắp nơi mà không tìm thấy một chiếc tàu nào, nỗi lo sợ của tôi càng lớn hơn. Linh tính rằng biển sắp có chuyện chẳng lành nên các chiếc tàu đã tránh đi nơi khác, mũi tôi nồng lên. Tôi muốn ứa nước mắt cho sự đơn cô và trợ trọi của chiếc ghe của mình. Sự bơ vơ đơn lẻ này chắc chắn sẽ không được cứu giúp và cũng sẽ không thoát được hiểm họa khi biển động trời giông. Còn đang bần thần với những hình ảnh chết chóc trong trí, tôi bỗng thảng thốt giật mình bởi cái nhảy ùm xuống nước. Mọi người trên ghe, chẳng khác gì tôi, đều kinh hoàng dồn mắt xuống chỗ nước đang bắn tung tóe. Trong khi chúng tôi không hiểu nguyên nhân nào khiến người phụ chèo rơi tòm xuống nước thì tiếng la oai oái của ông chủ ghe vang lừng khắp biển:

“Mày làm gì vậy Châu? Bơi đi đâu vậy? Bộ muốn chết hả mày! Bơi trở lại ngay không?”

Châu, người thanh niên đứng một mình chèo ghe trước đó, bơi mãi về phía trước chứ không trở lại. Dồn mắt nhìn theo hai cánh tay quạt nước, và cái đầu trời lên trụt xuống của anh, mọi người lo lắng không biết anh đang làm trò quái gì dưới làn nước tím rìm chết người như vậy. Tôi hồi hộp không hiểu có phải do quá tuyệt vọng mà anh định tự tử không, nhưng đã hoàn hồn ngay khi thấy anh bơi ngược trở lại. Vài người ngồi cạnh mạn thuyền hề nhau kéo anh lên khi thấy anh bơi đến mạn ghe. Phốc lên sần, Châu rung mình, lắc đầu qua lại liên tục theo những tiếng cảm cập trong răng “Ừ hừ hừ hừ... Ừ Hừ hừ...hừ hừ hừ hừ...!”

Đàn ông, đàn bà, và thanh niên thay phiên hỏi:

“Bơi xuống đó làm gì vậy mày?”

“Bơi đi đâu vậy ông?”

“Bộ muốn bắt cá ăn cho đỡ đói hả?”

Chia một trái đu đủ tròn ra trước mặt, Châu nói:

“Bơi theo trái này nè! Thấy mấy đứa nhỏ khóc quá chịu không nổi nên mới bơi theo để vớt cho tụi nó không ngờ nhảy xuống nước lạnh mới nhớ đến mấy ông Ừ hừ hừ... Ừ hừ... Phải mà có ông cá mập nào thì tui mất cặp giò chứ chẳng chơi Ừ hừ hừ... Ừ Hừ hừ...”

Trong khi người lớn dồn mắt nhìn trái táo trong lòng bàn tay Châu, vài đứa nhỏ lết đến gần bên anh để nhìn cho kỹ loại trái mà chúng chẳng bao giờ nhìn thấy trong đời. Phút chốc, chiếc ghe của chúng tôi náo nhiệt bởi những lời bàn tán về xuất xứ và nguyên nhân của trái táo. Mỗi người góp một giả thuyết nhưng cuối cùng đều đồng ý là có lẽ một người nào đó trên một trong những chiếc thuyền lớn ban sáng chệ trái táo quăng xuống nước nên nó bồng bềnh trên mặt nước. Vài người khen Châu có con mắt tinh tường nên mới có thể nhận ra trái táo trong làn nước thẫm đen của đại dương như thế. Hòa với sự xôn xao của mọi người, tôi hồi hộp khi nhìn màu đỏ tươi của loại trái mà gần mười bốn năm tôi mới được nhìn lại. Bồi hồi gặp lại vật mình đã từng thấy và từng có, tôi nuôi hy vọng là sẽ gặp lại thêm những gì đã mất. Châu yêu cầu đếm số người trên ghe để cắt táo chia phần. Khi nghe điều này, tôi hy vọng người nào đó sẽ đưa chiếc dao xếp bấm của ba chồng tôi ra nhưng tôi đã thất vọng khi thấy Châu dùng loại dao bình thường mà ông chủ ghe có trên ghe. Trái táo đã được cắt ra làm ba mươi một phần theo số hiện diện mặc dù có người đề nghị chỉ cắt mười bốn phần theo số hiện diện của những đứa con nít. Tinô được hai miếng táo mỏng nhưng nó không biết ăn. Vừa nhai một miếng là nó nhè hết ra. Tôi đã cố gắng ép nó ăn để cầm đói nhưng nó nhất định phun ra chứ không chịu nuốt. Cuối cùng tôi đành nhặt các mảnh táo lẫn trong nước miếng của nó ăn lại cho khỏi phí. Những đứa trẻ khác, chẳng khác gì Tinô, khóc la kêu đói chứ nhất định không

chịu ăn vật lạ. Phần lớn mấy đứa trẻ này là con ông chủ ghe cho nên khi nghe chúng khóc, ông ráo riết sai người châm dầu vào củi nhóm lửa nấu cơm. Bếp lửa được đặt trên sàn ngay trước buồng lái dưới chân chúng tôi ngồi. Nơi đây có nhiều người ngồi tựa vai nhau quây tròn như thể che gió nhưng thật là chăm chú theo dõi từng động tác của người nấu cơm. Chúng tôi đã hồi hộp nhìn những ngọn lửa thoi thóp bởi những cơn gió tạt bất chợt trong khi quan sát người thanh niên phụ lái đang trút nước biển vào nồi. Ngồi trên đuôi của chồng tôi, Tinô không bỏ sót một động tác nào của những người đang xúm xít nấu cơm. Nó dán chặt mắt vào nắp nồi một cách chăm chú rồi lâu lâu đặt ánh nhìn lên mặt người nấu với sự mong mỏi chờ đợi. Khoảng mười phút sau, khi người thanh niên mở nắp nồi ra khuấy đũa thăm chừng, nó cầm bàn tay của bố nó, mở từng ngón ra rồi nắm bàn tay anh chìa trước mặt người nấu để xin cơm. Nó làm những động tác này rất nhiều lần khiến người thanh niên phải múc cho nó một chén khi cơm vừa chín tới. Chúng tôi đã tuân tự nhận phần cơm mình qua những cái nắp nồi, đĩa, chén hay nắp lon guigoz cũ. Có người vắt cơm thành nắm để đưa lại vật đựng cho ông chủ xới cơm cho những người khác. Ai nấy đều ăn cơm một cách ngon lành dù không có thức ăn kèm theo. Sau khi chia phần xong, những người đàn ông còn thay nhau vét nồi cạy cháy. Họ đã thảo luận chia thêm cho vợ chồng tôi một miếng cháy nhỏ mà khi nhai tôi cảm thấy như hồn mình bay tận lên trời. Không hiểu do quá đói hay vì bởi chưa từng ăn cơm nấu với nước biển mà tôi cảm thấy chưa có một miếng ăn nào ngon hơn thế ở trên đời.

Chúng tôi ăn vừa xong thì trời vừa chạng vạng tối. Nhiều đám mây đen xuất hiện trên bầu trời trong khi gió càng lúc mạnh hơn và sóng biển càng lúc càng nhấp nhô cao hơn. “Lại thêm một cơn giông!” Tôi lẩm bẩm lời này vì ngờ rằng biển về đêm thường trở nên hung dữ và hay có bão tố. Cái chết vẫn còn ám ảnh trong trí tôi nhưng tôi đã tự an ủi rằng nếu chúng tôi phải chết thì cũng được chết no. Ghe chúng tôi lúc này tiến nhanh hơn trước có lẽ do những người chèo được lại sức phần nào. Xuyên mắt qua bóng tối nhá nhem trước mặt, tôi thấy lơ mơ hai bóng người chèo còn hầu hết đều nằm sấp lớp trên sàn ghe. Trong sự yên lặng của mọi người, tôi chỉ còn nghe tiếng gào của gió và tiếng rì rào của sóng. Một lúc sau tôi nghe tiếng đôi thoại lớn tiếng của ông chủ ghe và anh Thảo. Ông chủ ghe nói là không thể quay mũi ghe theo hướng anh Thảo yêu cầu khi anh này nói rằng nếu tiếp tục đi theo hướng gió thì ghe chúng tôi không thể nào đến bờ Phi. Gió càng lúc càng thổi mạnh và tiếp tục đẩy chiếc buồm đưa ghe đi theo hướng ngược với hướng anh Thảo muốn. Trong lúc vợ ông chủ ghe tìm cách đưa đứa con út của bà xuống sàn tìm nơi tránh gió, tôi quyết định đưa Tinô trở lại chỗ đuôi ghe. Mon men đến cái góc chệch, tôi ép mình vào cạnh gỗ của mạn ghe, đưa mắt hoảng loạn nhìn về phía trước. Ngay chỗ buồng lái có vài bóng người mù mờ đang cố gắng túm tụm lại với nhau, trong khi trên đầu họ là cánh buồm liên tiếp nghiêng qua ngã lại theo những cơn quật của gió. Tiếng nói của anh Thảo, ông chủ ghe, chồng tôi cùng vài thanh niên càng lúc càng to như tiếng gào, cốt át cho bằng được tiếng gió và tiếng sóng. Họ cùng bàn cách hạ cột buồm để chiếc ghe thoát ra khỏi cơn gió xoáy. Chiếc buồm thật sự là mối hiểm họa cho chiếc ghe của chúng tôi trong lúc này. Có lúc tôi cảm thấy như mạn ghe nơi mình nằm như muốn chìm trong nước khi chiếc buồm bị gió quật rạp xuống gần sát mặt nước biển. Nhưng rồi nó lại bị nghiêng sang hướng đối ngược vì chiếc buồm bị gió tốc sang phía ngược lại. Thực tình là tôi chẳng hiểu sự ngã nghiêng của cánh buồm lúc đó do những cơn gió dữ tợn hay vì sự lay động bởi những người đàn ông đang vật vã tìm cách hạ nó xuống. Đến khi tôi không còn thấy cánh buồm và không còn nghe những tiếng phật kinh khủng của nó nữa, thì chiếc ghe của chúng tôi không còn bị chòng chành và nghiêng ngã nhiều như trước nữa. Yên tâm phần nào vì chiếc ghe không còn bị ảnh hưởng bởi những cơn gió kinh hồn, tôi vẫn còn sợ những cơn sóng lớn đang đe dọa xung quanh ghe mình. Những cơn mưa nước mặn bắn liên tục vào trong ghe khiến tôi cùng mọi người dí sát vào nhau hơn để tránh nước và đỡ bị lạnh. Tựa sát vào người đang nằm cạnh bên, tôi vừa chọc mắt vào cái không gian đen thui trước mặt và vừa lắng tai nghe ngóng những gì đang xảy ra. Trong lúc quen thuộc với tiếng rít của gió và tiếng gầm của sóng, tôi bỗng nghe tiếng cầu cứu rất thống thiết và thê lương vang lên từ một nơi rất xa xôi và thăm thẳm của màn đêm. Cố gắng lắng nghe thật kỹ để phân định đâu là tiếng sóng, tiếng gió và tiếng người trong giây lát, tôi phỏng đoán tiếng khẩn cầu bị thương kia xuất phát từ một người nào đó ở trên ghe bị loãng ra xa bởi sự chuyển động của gió nên trở thành âm thanh quái dị và kinh đảm. Lập luận chưa làm dịu tinh thần lo lắng của tôi được bao lâu, tôi đã giật mình khi nghe tiếng hỏi của anh Thảo:

“Anh Hùng có nghe tiếng kêu cứu không vậy? Tôi nghe nhiều tiếng khóc than kêu cứu tội nghiệp quá.”

Sau khi nghe câu hỏi này tôi cố gắng lắng nghe câu trả lời của ông chủ ghe nhưng chẳng có một lời đáp lại nào ngoài tiếng gió hú, tiếng sóng gầm và tiếng kêu cứu hết sức thống khổ và ma quái. Tiếng nói rất lớn của anh Thảo lại vang lên

“Tôi nghe tiếng kêu cứu từ phía này nè. Chắc là có chiếc ghe nào vượt biên như mình đang bị chìm. Anh có thể nói mấy anh em chèo về phía đó để giúp họ không?”

Tôi không biết anh Thảo chỉ hướng này là hướng nào vì màn đen hoàn toàn mù mịt trước mắt tôi, nhưng tôi cảm thấy gai ốc nổi đầy mình khi quả quyết rằng từ chiều tôi không thấy chiếc ghe hoặc chiếc thuyền nào khác ngoài trừ chiếc ghe đơn độc của chúng tôi trên mặt biển mênh mông. Hơn nữa, tôi không hiểu làm sao chiếc ghe nhỏ xíu đang nghiêng ngã qua lại trong biển nước đầy sóng cao như lúc ấy có thể cứu thêm người. Một hồi sau, tiếng giục cứu người của anh Thảo và tiếng kêu cứu của những ai đó đều chấm dứt, và còn lại chỉ là tiếng than náo nê của anh ta:

“Ghe mình bị lạc hướng rồi!”

Mịt mù trong gió mạnh và sóng lớn, chiếc ghe của chúng tôi tiếp tục lệch sang hướng Đông Bắc thay vì phải đi theo hướng Đông. Lắng nghe những lời trao đổi của những người đàn ông về chuyện thay nhau chèo để bẻ mũi ghe đi đúng hướng, tôi đã kỳ vọng rất nhiều về sự hợp sức và tinh thần “còn nước còn tát” của họ. Tôi nghe anh Thảo nói là chiếc ghe sẽ không làm sao kham nổi với sức gió mạnh để bẻ ngược mũi chèo, cho nên cần phải làm một chiếc đuốc để đánh tín hiệu SOS cầu cứu với các tàu thuyền gần đó. Sau lời đề nghị của anh là tiếng ỉ ới của ông chủ ghe gọi các người phụ tìm cây, giẻ, dầu, và quẹt. Chẳng mấy chốc, một ngọn đuốc sáng rực hiện ra. Lúc đó, tôi tưởng ánh sáng của ngọn đuốc xé khoảnh đen của đêm được lâu lắm, ai dè nó chỉ hươu qua lại được vài phút bị gió thổi tắt ngay. Thời gian ngọn đuốc cháy sáng chỉ đủ cho tôi thấy được vài cái đầu ló nhỏ trên buồm lái chứ không thể thấy được gì thêm. Dù là vậy, tôi không hề nghĩ là có chiếc tàu nào gần chiếc ghe của chúng tôi. Hình ảnh trôi nổi của chiếc ghe trên mặt nước tím thẫm mênh mông lúc ban chiều vẫn còn khảm trong tâm trí tôi và đủ để cho tôi khẳng định là không có chiếc tàu lớn đi ngang vùng biển này vì họ đã biết trước nơi có giông tố. Những người đàn ông cố gắng tìm mọi cách giữ ánh sáng của ngọn đuốc để đánh tín hiệu cầu cứu, nhưng ngọn đuốc chỉ sáng được vài giây là tắt ngay nên họ phải tháo ra để sửa hay quấn thêm giẻ mới để đốt lại rất nhiều lần. Tắt rồi lại sáng, sáng rồi tắt, ngọn đuốc luân phiên bật lên niềm hy vọng và nỗi thất vọng liên hồi trong lòng chúng tôi. Cuối cùng chúng tôi đã hoàn toàn tuyệt vọng khi nghe những người đàn ông than thở là không còn giẻ và dầu để làm đuốc nữa và anh Thảo cho biết là ghe đã lệch hướng rất xa. Tôi cảm thấy như tim mình như bị bóp nghẹt vì hiểu rằng đây chính là lúc tôi phải nhận lấy hậu quả cho sự quyết định của mình. Những người nằm gần chúng tôi, cũng im lặng chẳng khác nào vì có lẽ tất cả đều hiểu rằng đi vượt biển có nghĩa là mang theo cái chết theo mình. Quanh chúng tôi lúc này chỉ còn tiếng gió, tiếng sóng và tiếng khóc thút thít. Rất buồn bã và thê lương.

Bất chợt, tiếng nói của ông chủ ghe và anh Thảo vang lên từ buồm lái. Thì ra họ đã không từ bỏ vai trò tài công và hoa tiêu trong lúc đối phó với tình trạng nguy khốn của chiếc ghe. Mặc dù không thể đổi mũi ghe đi đúng hướng, họ đã hết lòng hợp lực cùng nhau trong lúc thay phiên cầm lái, chèo và tát để đưa chiếc ghe vượt qua các cơn sóng dữ. Tôi căng mắt nhìn về phía họ trong khi tiếp tục lắng nghe những lời đối thoại. Niềm hy vọng hồi sinh trong lòng tôi khi tôi nghe lời báo của người hoa tiêu:

“Mấy anh em có thấy chỗ sáng đèn kia không? Chỗ đằng kia kia.”

Không những chỉ có những người được gọi báo, vài cái đầu của những người đàn bà chúng tôi ngẩng lên từ dưới sàn ghe, đưa mắt tìm kiếm. Lòng tôi rộn ràng vui sướng khi thấy một vùng sáng rực trên mặt biển đằng xa.

“Đúng rồi! Hình như là một chiếc tàu rất lớn.” Ông chủ ghe đáp lại.

“Không phải đèn tàu! Đâu có tàu nào có nhiều đèn như vậy! Tôi nghĩ đó là chỗ khoan dầu và đèn tự động sáng về đêm. Nhưng mà anh cứ cho mấy anh em chèo đến đó đi! Biết đâu có người ở đó giúp mình.

Anh Thảo nói với giọng thuyết phục trong khi ông chủ ghe đáp lại lời anh bằng lời hỏi thúc rất hào hứng: “Mấy đứa nghe không? Cố gắng lèo mũi lái về phía đèn chỗ đó mau đi! Đến được đó rồi nghỉ.”

Dù lời kêu gọi của ông chủ ghe phần khởi thế nào, người cầm lái và người phụ chèo không hề đổi được hướng tiến của mũi ghe. Vẫn lệch so với chỗ đèn khoảng chín mươi độ, chiếc ghe vẫn tiếp tục lao về phía trước. Đồng thời với sự lạc hướng, tốc độ của chiếc ghe tự dưng tăng lên một cách bất ngờ, nhanh hơn cả thời gian ghe chạy bằng máy kèm với buồm. Hốt hoảng, ông chủ gào những người đang cầm lái chèo theo cách chỉ dẫn của ông. Nhưng ông càng gào thét bao nhiêu thì chiếc ghe càng phóng xa chỗ có đèn sáng bấy nhiêu. Đang thất vọng trong lúc ngoái cổ nhìn về phía đèn sáng, tôi bỗng giật mình vì tiếng rột roạt cọ sát bên ngoài mạn ghe nơi mình tựa lưng. Càng lúc tôi càng thấy nơi mình đang co ro nằm như được nâng cao hơn và hơi nghiêng ngược về phía sau một chút. Chỗ mạn thuyền nơi tôi tựa đầu và vai vào hình như bị chúc xuống trong lúc chỗ tôi đang cố gắng đuổi chân ra thì ngược lên cao hơn. Ngạc nhiên với sự lạ, tôi có cảm giác là ngay dưới đáy ghe chỗ mình nằm có một vật gì đó đang tạo sức

đẩy cho sự di chuyển của chiếc ghe. Vật đẩy này đích thực là nguyên nhân của sự tăng tốc và là vật xúc tác đối với sự ù lì và chậm chạp của chiếc ghe giữa những đợt sóng lớn. Tôi chẳng hiểu lý do nào mà cái vật đẩy kỳ lạ ấy thực hiện điều này nhưng rõ ràng là nó đã kích thích chiếc ghe chúng tôi chạy nhanh hơn mà không cần biết đằng trước mũi ghe có bị cản trở gì hay không. Ghe chúng tôi vùn vụt lao trên mặt biển chẳng khác nào như chiếc xe máy đứt thắng đang vô định trên đường với một tốc lực kinh hồn. Cũng may là con đường mà tôi giả dụ chỉ là mặt biển mênh mông và trống vắng nên cái vật đẩy gì đó muốn đẩy chiếc ghe chúng tôi băng băng đến hướng nào thì đẩy mà không hề bị tai nạn giao thông vì sự va chạm trước mặt. Màn tối mù mịt của đêm và nước bắn tung tóe khiến tôi không thể nhìn thấy gì bên ngoài cái sườn ghe mặc dù nổi tò mò trong lòng tôi càng lúc càng tăng theo tiếng rột roạt dì kỳ đang hòa lẫn vào trong tiếng rùng rùng đều đặn của nước chảy. Tốc độ cao tột cùng của chiếc ghe đã khiến cho tôi cảm tưởng sẽ bị rút xuống biển một cách dễ dàng nên tôi đã phải bám chặt vào người cạnh bên và nhắm chặt mắt để đỡ bớt chóng mặt. Trong khi ói thốc tháo vì say sóng, tôi đã phải thụt chân về vì cái đập của một người đang chập choạng bước qua. Lờ mờ qua đóm đèn pin hay đèn bão gì đó, tôi thấy khuôn mặt dáo dác của ông chủ ghe. Tưởng rằng ông muốn bước qua để đến chỗ đi tiêu, tại cuối đuôi ghe, nhưng tôi chỉ thấy ông len qua những người nằm cạnh, rảo mắt dò xét ngoài mạn. Không hiểu ông đã thấy gì và điều đó tốt xấu như thế nào, nhưng sau một hồi chăm chú soi rọi, ông đã lặng lẽ trở lại buồng máy. Tiếng anh Thảo vang to:

“Cố gắng bẻ mũi lái đi mấy anh em ơi! Mình đi xa chỗ dằn đèn quá rồi.”

Một người phụ lái nào đó đáp lại:

“Hình như ghe mình bị vào luồng nước ròng, không ra khỏi được.”

Tiếng ông chủ ghe vang lên:

“Có phải là ghe vướng vào trong nước ròng đâu, nhưng cái đà này thì hết còn cơ hội đến chỗ đèn sáng đó được nữa rồi!”

Tiếng rột roạt bên hông ghe từ từ nhỏ dần khi tiếng nước chảy rùng rùng vang to và đều đặn. Âm thanh như tiếng nước reo như khi thuyền rẽ ngang sóng lớn. Chỗ tôi nằm vẫn còn ở độ nghiêng không bình thường và mũi ghe vẫn chệch lên cao hơn so với mức trung bình khi lao về phía trước. Tôi không còn nghe tiếng đối thoại của ông chủ ghe và anh Thảo, và cũng rất hiếm khi nghe tiếng nước tạt. Dường như hai người đầu tàu này và những người đàn ông thanh niên khác đều bó tay trước tốc độ kỳ lạ của chiếc ghe. Khi chiếc đèn lù mù ở buồng lái tắt hẳn, nhiều tiếng ói, tiếng khóc và tiếng cầu nguyện vang lên liên hồi. Im lìm trong bóng tối, tôi thấy lòng quặn thắt khi nghe lời khẩn cầu thống thiết của ai đó:

“Xin ơn trên thương xót phù hộ cho con của con! Xin trời phật cứu mạng cho chúng con. Chúng con là những người hiền lành vô tội, trời phật ơi!”

Ôm chặt Tinô trong lòng, tôi khóc rất thảm thiết. Trong lúc tuyệt vọng vì không nghĩ ra cách để giúp con mình thoát khỏi cảnh hiểm nghèo đang có, tôi lại nghe nhiều tiếng cầu nguyện thống thiết của những người đàn bà nằm gần vang lên liên tiếp. Chúng gọi cho tôi nhớ lại câu chuyện của chị Lan, người hàng xóm của tôi, và cuộc đối thoại của chúng tôi. Chị kể cho tôi nghe lý do chị cạo trọc đầu là chị được qua khỏi căn bệnh ngặt nghèo sau khi nguyện cầu phật bà Quan Thế Âm cứu giúp. Lúc đó, tôi nói với chị là nếu tôi cầu với trời phật điều gì thì tôi thì chỉ nguyện ăn chay vài tháng chứ không bao giờ hứa cạo đầu. Khi nói với chị Lan như thế, tôi nghĩ lời nói của mình chắc chắn như đinh đóng cột, thế mà trong tình trạng hiểm nghèo lúc ấy, tôi đã thành tâm nguyện với Phật tổ và Phật bà Quan Thế Âm là tôi sẽ cạo trọc đầu khi gia đình tôi được đến bờ bình yên. Bờ mà tôi mong mỏi được đặt chân đến là chỗ sáng đèn của giàn khoan dầu mà anh Thảo phỏng đoán; nhưng, càng lúc nó càng xa tít cho đến khi chỉ còn là một đốm mờ rồi mất hẳn. Rã rời trong tuyệt vọng, tôi ôm Tinô chặt hơn, nhất quyết không buông nó ra dù phải chìm vào trong lòng biển lạnh. Những người nằm cạnh ép chặt vào tôi hơn nhưng không phải chỉ vì kiếm thêm hơi ấm hay để khỏi phải rơi xuống biển như trước đó. Tất cả đều chuẩn bị cho số phận cùng chết chung. Chẳng mấy chốc, tiếng cầu nguyện và than khóc từ từ vơi đi rồi chìm mất. Trong bóng đen của đêm chỉ còn tiếng gió gào và tiếng đều đều của nước chảy. Chúng tôi lần lượt thiếp dần vào giấc ngủ; mặc cho chiếc ghe lao đến những nơi mà biển trời định đoạt.

“Có Tàu! Có tàu! Có tàu kia!”

Tiếng reo inh ỏi của Tài đã đánh thức tôi dậy. Dáo dác nhìn quanh một lúc, tôi hững hờ nhìn bóng tàu ở xa thật xa. “Lại thêm một sự lơ là và rẻ rúng!” Tôi đã nghĩ thế nhưng lòng rất thanh thản và an bình. Ánh sáng dịu dàng của bình minh và sự tương đối phẳng lặng của mặt biển đã cho tôi cảm giác như mình đang ở trong giấc mơ đẹp sau khi trải qua cơn ác mộng kinh hoàng. Nhớ đến vật đẩy dưới đáy ghe nơi mình nằm, tôi vội vàng ngoái đầu ra ngoài sườn ghe để tìm hiểu, nhưng xung quanh chiếc ghe của chúng tôi giờ chỉ là một vùng biển xanh thẫm với những ngọn sóng vừa phải đang nhấp nhô lên xuống. Vì mặt biển tương đối phẳng lặng nên sàn ghe của chúng tôi không có độ nghiêng khá lớn như tối hôm qua nhưng điều ấy không thể thuyết phục là tôi đã bị ảo giác đánh lừa. Tôi tin chắc là cái vật đẩy nào đó đã nâng chiếc ghe chúng tôi cao hơn mặt biển và đã đưa chiếc ghe chúng tôi ra khỏi vùng có giông khi nó tạo ra những tiếng rột roạt ngay mạn thuyền tôi nằm tựa vào. Chính cái vật đẩy đó đã đưa chúng tôi đến vùng biển tương đối êm dịu này trước khi bỏ đi. Giờ đây không có nó, chiếc ghe chúng tôi trở lại tình trạng ỳ lì gần như bại liệt và những người phụ lái phải ra sức chèo để tránh tình trạng nước theo chân vệt vào khoang ghe.

Trong lúc mọi người chềnh mảng nhìn quanh biển, những đứa nhỏ đột nhiên la khóc dữ dội. Tin ô cũng òa khóc theo trong khi uốn éo mình mẩy của nó trong lòng tôi. Biết nó cũng ở vào tình trạng khổ sở vì rít róng, tù túng và đói khát như những đứa trẻ kia nên tôi đành cởi chiếc áo của nó ra để liệng xuống biển trước khi ẵm nó lên nóc buồng lái xin ông chủ cho ngồi lại chỗ cũ. Sở dĩ tôi làm vậy là để nó đỡ bớt nóng nực và hy vọng xin nước cho nó từ cái thùng chứa gần đó. Ngày hôm trước, ông chủ ghe rất dè sẻn cho mọi người nước uống vì số nước trong thùng còn lại rất ít. Những cây đá mà ông định dùng làm nước uống đã tan chảy và bị tạt xuống biển từ bao giờ; cho nên, nước trong thùng chứa chẳng có được bao nhiêu từ những mảnh đá vụn tan ra và hiện thời chỉ để dành cho những đứa con nít. Tin ô được uống nước lại được thoát khỏi cái áo đầy nước biển và chất nôn ói nên trông vui vẻ hẳn lên. Sự hài lòng của nó làm tôi yên tâm phần nào trong lúc vẫn còn xôn xang với cảnh nó ở trần, không có áo mặc. Tự an ủi là chiếc lưng đầy sây của nó cần được thoáng khí, và không thể dùng chiếc áo khá bẩn của nó nữa để biện minh cho việc làm của mình, tôi dự định là sẽ dùng chiếc áo khoác dơ dáy của mình để bọc tấm thân nhỏ nhoi của nó khi trời về đêm. Vài bà mẹ cũng đã tháo áo và cả quần của con họ quẳng xuống biển vì chúng bẩn đến độ làm da non của mấy đứa nhỏ đỏ ửng và lấm tấm sây. Trong khi dần vật và chua xót với cảnh con mình trần truồng như thế, những người mẹ chúng tôi đắm chìm trong ý tưởng riêng. Không khí buồn tẻ bao trùm lấy chiếc ghe cho dù nó lơ lửng trên mặt biển như chiếc du thuyền. Không hề tỏ ra chút chú tâm, hai người phụ lái đẩy mái chèo một cách lơ đãng, miễn cưỡng và không định hướng.

Tiếng nói đầy thất vọng của Tài vang lên:

“Chiếc tàu đó đi nữa rồi!”

Thông điệp này đã làm tôi buồn bã như những lần trước; nhưng lần này không hiểu sao, tôi lại trông ngóng và mong chờ sự loan báo mới của Tài với hai chữ “Có tàu!” Những lời đồn đãi về sự cạn kiệt của tâm lòng nhân đạo thế giới trước khi vượt biển vẫn còn đọng trong trí của tôi nhưng tôi không tin là thế gian đã mất hết lòng nhân đạo. Tôi vẫn còn hy vọng và tin tưởng là chúng tôi sẽ được cứu vớt trong một ngày nào đó, miễn là ghe chúng tôi không bị chìm bởi giông to sóng lớn hoặc được tấp vào một bờ đất nào đó. Nhìn màu nước xanh đậm của biển, tôi bỗng nhớ những ngày ra bãi ngồi ngắm trời, mây nước. Lúc ấy, từ bờ nhìn ra khơi tôi thường hay mơ ước được lênh đênh giữa biển trời như thế để thấy tâm hồn thư thái, an bình và riêng biệt. Giờ đây, ở giữa vùng nước mênh mông như ước muốn cũ, tôi lại cảm thấy ngao ngán màu xanh biển đến kinh hoàng. Ao ước duy nhất của tôi lúc này là tìm thấy được màu xanh của lá để chiếc ghe nhỏ bé của mình có được một bờ bến tấp vào. Tuy nhiên, bến bờ mà tôi muốn đến là một hoang đảo nơi chúng tôi có thể tìm thức ăn nước uống trong lúc chờ máy bay phát hiện

hoặc những chiếc tàu ngang qua cứu giúp chứ không phải là nơi thuộc đất nước mà ghe chúng tôi vừa trốn thoát đi. Ở đó, chắc chắn là sự bất bớ và tù đầy đang chờ chực chúng tôi.

“Có tàu, có tàu! Có chiếc tàu lớn đằng kia kia!” Tiếng reo của Tài làm tôi giật mình đưa mắt nhìn theo cánh tay chỉ của nó.

Một tiếng nói đầy bất mãn của một thanh niên nào đó vang lên:

“Có tàu! Có tàu! Cho một trái lựu đạn này là có cũng như không!”

Hốt hoảng, tôi la lớn:

“Ê! Đừng có làm bậy đó nghe! Mình đang ở trong hải phận Quốc Tế mà gây tiếng nổ; mấy tàu khác họ tưởng là tàu hải tặc làm khó dễ với mình là lớn chuyện đó!”

Vì quá sợ hãi tôi đã nói vậy chứ lời nói của tôi chẳng đúng lý lẽ gì; nhưng bà chủ ghe vừa nghe tôi nói đã trừng mắt về phía những người thanh niên đang đứng cầm chèo:

“Đứa nào vừa nói như vậy đó? Thăng Tèo? Thăng Luân? Hay thăng Châu? Tao cấm tụi mày làm chuyện bậy bạ! Nghe chưa!”

Tôi vội đính chính:

“Nếu những người trên những chiếc thuyền lớn có ống dòm thấy ghe mình có toàn đàn bà con nít bỏ phờ, xơ xác thì không nghĩ là ghe hải tặc đâu nhưng nếu mình gây nổ ở vùng biển Quốc Tế là bất hợp pháp.”

Bà chủ ghe không đáp lời tôi, vẫn quay mặt về phía những người chèo lớn giọng:

“Có nghe không Tèo? Luân? Châu? Tao nói không ném lựu đạn là không ném lựu đạn! Đứa nào không nghe lời thì đừng trách tao.”

Châu đáp lại với giọng trấn an:

“Thăng Tèo nói chơi thôi mà di! Chứ nó có lựu đạn gì đâu!”

“Có hay không chỉ có tụi mày biết, nhưng tao nói không là không!”

Bà chủ la như vậy rồi quay lại giải thích với tôi:

“Tụi nó thường đem chất nổ để ?ánh b?t cá. Tôi không biết tụi nó có đem theo lúc này không nhưng tôi phải la như vậy để ngừa tụi nó làm bậy.”

Tôi im lặng vì sốc. Tôi đã tiếc nuối mãi về chuyện để mất vũ khí tự vệ của mình, mà có ngờ đâu những người thanh niên trên ghe có cả chất nổ trong tay. Nếu vợ chồng chúng tôi còn chiếc dao xếp của cha chồng tôi thì vẫn không thể nào bảo vệ được Tinô khi mà sức mạnh của người cầm vật nổ sẽ khống chế tất cả mọi người trong tình trạng lộn xộn trên ghe. Hình dung những chuyện chẳng lành sắp xảy ra, tôi hoàn toàn xuống tinh thần, và cảm thấy nản nề hơn khi nghe tiếng nói đầy thất vọng của Tài:

“Chiếc tàu đó lại đi nữa rồi!”

“Có tàu, rồi lại không có tàu! Nói hoài mà không thấy có tàu nào đến cứu thì tao quăng mìn xuống biển để cá ăn thịt trước đó!”

Tiếng lầm bầm của ông chủ ghe làm tôi hoảng sợ. Tôi biết ông nói cho có nói hoặc là để hả giận với những điều xảy ra ngoài ý muốn chứ không có ý hại Tài khi mà tôi nghe phong phanh nó là cháu ruột của ông hay của vợ ông gì đó. Thế nhưng sự bất mãn của người phụ lái đến người chủ ghe đã cho tôi thấy rõ rằng dấu hiệu khủng hoảng tinh thần của những người đang điều hành chiếc ghe. Rùng mình với những tưởng tượng không hay trong trí, tôi hứa với lòng là sẽ không bàn bạc hay nói năng gì với ai nữa để được yên thân.

Tài không bất bình với những lời căn nhắc của ông chủ ghe, nói như reo:

“Có tàu! Có tàu kia!”

Mọi người dồn mắt nhìn theo hướng chỉ của nó. Vài người ngồi trước mũi lao xao:

“Đúng rồi! Có tàu! Có tàu!”

“Hình như cái tàu đó đang đi tới phía ghe của mình!”

“Cầu trời cho cái tàu đó vớt mình!”

Sự rộn rã của mọi người làm tôi cảm thấy hân hoan hẳn lên. Mắt của tôi như muốn căng ra để nhìn cho kỹ chiếc tàu đằng xa. Đúng như mọi người nhận định, m?t chiếc tàu đang di chuyển rất chậm nhưng mũi của nó hướng về phía ghe chúng tôi chứ không phải ngang qua trước tầm nhìn của chúng tôi như những chiếc tàu trước đó.

“Hình như chiếc tàu bỏ đi lúc nãy. Nó vòng trở lại để đến ghe mình.” Tiếng nói của anh Thảo vang lên.

Lòng tôi ngập tràn vui sướng và hy vọng khi nhận ra chiếc tàu th?c s? đang trực chỉ đến chiếc ghe của chúng tôi. Càng lúc nó càng hiện rõ hơn nhưng càng đến gần, nó di chuyển rất chậm chạp. Tôi đã hỏi hợp khá nhiều khi thấy những bóng người lảng vảng chạy trên boong tàu. Hình như họ đang tìm cách di chuyển chiếc tàu đến gần ghe chúng tôi trong lúc cố gắng hạn chế những con sóng lớn có thể gây lật chiếc ghe quá nhỏ bé của chúng tôi.

“Tàu Xã Hội Chủ Nghĩa rồi bà con ơi! Cờ nó có sao!”

“Thôi rồi! Kỳ này mình bị tội Xã Hội Chủ Nghĩa bắt giao cho công an rồi!”

Giật mình, đảo mắt theo hướng nhìn của những người loan tin, tôi thấy trên mạn thuyền có một chiếc cờ xanh màu nước biển nhạt và ngôi sao trắng ở chính giữa. Tôi đã phân vân rất lâu vì không biết đó có phải là cờ của nước Xã Hội Chủ Nghĩa hay không; nhưng sau một hồi ôn lại trí nhớ, tôi chắc chắn rằng mình chưa hề thấy nó khi học thuộc cờ của các nước trên thế giới. Bởi vì nếu đã từng, thì tôi đã có thể thuộc hai màu trang nhã của nó một cách dễ dàng rồi. Tôi cũng không tin đó là tàu của các nước Xã Hội Chủ Nghĩa vì điệu bộ đi lui tới vội vã của những người trên tàu biểu hiện sự lo lắng quan tâm hơn là vây bắt để trừng trị. Dù suy luận như thế, tôi không dám bàn tán một lời nào ngay cả bày tỏ sự tán thành với lời phán của một người đàn bà nào đó:

“Có bị tội Xã Hội Chủ Nghĩa bắt cũng lên tàu, chứ kiểu này thì trước sau gì tội nhỏ cũng chết.”

Quay về phía tiếng nói ấy, tôi thấy nhiều cánh tay vẫy của người đàn bà con nít đang ngồi, quỳ lòn nhón trên sàn tàu. Vài người khóc nức nở trong khi chấp tay xá lạy rồi rít. Chồng tôi và những người thanh niên gần đó cũng đỏ hoe mắt khi đưa tay vẫy gọi. Họ, chẳng khác gì tôi, tuy hy vọng được cứu vớt nhưng vẫn ám ảnh sự lạnh lùng và dửng dưng của những con tàu của ngày trước đó, nên đã không ngừng tuôn nước mắt trước sự thật đang xảy ra. “Cảm ơn trời phật đã xui khiến cho những người trên tàu ấy cứu mạng con của con.” Tôi đã thi thảm lời này khi xiết chặt vòng tay quanh người của Tinô. Trong lòng tôi, Tinô nhìn chăm chăm về phía trước với ánh mắt mong đợi và khao khát. Thì ra, trong cái đầu non nớt, nó cũng ý thức được là những người đang chạy tới chạy lui trên con tàu lớn ấy sẽ là những vị cứu tinh của nó.

Khi khoảng cách giữa chiếc tàu lớn và chiếc ghe của chúng tôi chỉ còn độ bốn mươi mét, một người đàn ông có dáng dấp bệ vệ như thuyền trưởng đang đứng tựa thanh chắn của boong tàu đưa tay ra hiệu cho chúng tôi lái ghe tới chỗ mà ông muốn. Lúc này chiếc tàu lớn đã ngừng hẳn nhưng có lẽ máy của nó vẫn còn hoạt động nên đã tạo nhiều ngọn sóng cuồn cuộn xung quanh. Trước vẻ ngần ngừ của hai người thanh niên đang cầm mái chèo, ông chủ ghe quyết định chèo ghe một mình. Tôi đã thấy sự căng thẳng nhiều lần trên khuôn mặt của ông chủ ghe trong những ngày vượt biển nhưng chưa bao giờ thấy khuôn mặt ông căng thẳng hơn lúc ấy. Dọn quang một chỗ nơi mạn ghe phải rồi đứng trong tư thế vững vàng, ông khoát mái chèo một cách rất dè chừng và cẩn thận. Tim tôi đập thình thịch khi thấy chiếc ghe cuời trên những ngọn sóng vì hiểu là nó có thể lật úp một cách bất thành linh nếu người lái ghe lỡ tay trong phút giây ngắn ngủi nào đó. Nếu như thế thì chẳng có đứa con nít nào có thể vớt lên khỏi mặt đại dương chưa kể những người không biết bơi như tôi. Chẳng khác gì tôi, mọi người hỏi hợp theo dõi sự di chuyển của chiếc ghe trên những con sóng dập dềnh thay vì nhìn lên chiếc tàu trước mặt. Xoay ngang một cách khó khăn trên những con sóng, chiếc ghe dịch từ từ đến vị trí song song với hông của chiếc tàu rồi tiến đến nơi chỉ định. Người đàn ông ở trên boong có dáng dấp bệ vệ và đứng đắn của một thuyền trưởng tỏ ra rất căng thẳng khi cho thả chiếc dây thừng lớn khổ màu xanh biển nhạt xuống chỗ ghe dừng. Chỉ vài phút, những người thanh niên trên ghe nắm được đầu mối rồi phụ nhau cột nó trước mũi để giữ cho chiếc ghe yên định phần nào ở chỗ gần thang sắt. Nhón nháo reo mừng, đàn bà, con nít đứng lên, ùn ùn tiến về phía mạn trái gần mũi ghe, nơi cập gần sát chiếc thang sắt của chiếc tàu lớn khiến cho chiếc ghe chòng chành, nghiêng ngả không ngừng. Trong khi ông chủ ghe cố gắng ghì tay chèo để giữ sự thăng bằng cho chiếc ghe, anh Thảo kêu nài mọi người đi từ từ chớ đừng chen lấn vạy mà chẳng ai màng để ý đến họ. Không thể giữ im lặng được nữa, tôi nói lớn:

“Từ từ chờ đến phiên không được sao vậy? Mấy ngày trong giông tố không bị sao hết, nay ai nấy tranh nhau leo lên thang để bị rút chìm dưới nước, không ai cứu kịp thì đừng có mà hối hận!”

Bà chủ ghe đang dướm người đứng lên, nghe tôi nói như thế thì ngồi lại chỗ cũ, đưa mắt về phía mà tôi đang nhìn chăm chăm. Từ trên chiếc thang sắt, hai người đàn ông, một đen một trắng, đang leo xuống để phụ ẵm những đứa nhỏ lên tàu. Họ đã xuống lên nhiều lần trên chiếc thang sắt để lần lượt đưa tất cả những đứa trẻ lên tàu một cách an toàn và cẩn thận. Khi chiếc ghe vơi người, ông chủ ghe đến bên vợ, đưa tay ẵm đứa con út bên hông, hỏi tôi với khuôn mặt rạng rỡ:

“Cô thấy tui chèo tài không? Không phải dễ đâu.”

Tôi đáp:

“Ai cũng biết anh tài mà! Không phải chỉ có chuyện cập ghe gần chiếc tàu này đâu mà cả những ngày ghe trong giông to sóng dữ nữa.”

Tôi định nói thêm: “Anh đích thực là Anh Hùng như tên gọi!” nhưng gượng lại vì nghĩ lời tông bốc chảng tăng thêm ích lợi gì khi phần thưởng dành cho sự tài trí của ông đã được đáp bằng sự cứu vớt bất ngờ rồi. Chồng tôi đã ẩm Tinô theo sau ông chủ ghe để leo lên thang sắt. Khuôn mặt anh lộ vẻ hân hoan chẳng khác gì ông chủ ghe làm tôi nhớ lại là chẳng hề nghe người đàn ông hay thanh niên nào cầu nguyện trong những phút hiểm nguy. Có lẽ đối với họ, sự hợp lực để đối phó cho sự an toàn của chiếc ghe thiết thực hơn những điều mà đàn bà và con nít chúng tôi làm trong tình trạng bất khả năng của mình. Giờ đây, chẳng đường nguy hiểm đã qua, và sự an toàn chắc chắn đang chờ đợi trên chiếc tàu lớn trước mặt, niềm vui sướng của chúng tôi rộng thênh thang chẳng khác biển trời.

Người đàn ông da trắng, đứng tuổi có dáng vẻ oai nghiêm đúng là thuyền trưởng như tôi đoán. Ông đã cho nhân viên tháo dây thả chiếc ghe trôi đi khi tất cả chúng tôi lên hết trên boong. Trong lúc anh Thảo tường trình cho ông những gì xảy ra cho chiếc ghe chúng tôi bằng tiếng Anh, ông chủ ghe luyên tiếc nhìn chiếc ghe đang bồng bềnh trên mặt biển, và nói với chúng tôi rằng:

“Phải chi máy không hư, đến được đảo Phi thì mình có thể giữ nó làm vật kỷ niệm rồi! Thấy nó nhỏ như vậy mà chắc ghê chưa!”

Theo hướng nhìn của ông, tôi xúc động nhìn lại vật đưa mình qua chặng đường sóng to biển dữ trong những ngày vừa qua. Đúng như ông nói, tuy chỉ là chiếc ghe nhỏ nhưng nó không bị rã, vỡ hay bị đánh tan bởi những con sóng lớn. Có lẽ ông đã lường trước khả năng của nó nên đã trét, trám hay đóng ghép kỹ càng trước khi lên đường với hy vọng lưu giữ nó ở bờ đất Phi Luật Tân như một kỷ vật. Giờ đây, càng lúc càng xa chiếc ghe nhỏ nhoi và lơ lửng trên mặt biển, tôi cảm tưởng như xa một vật thân thương của mình chẳng khác gì tâm trạng của ông chủ ghe.

Anh Thảo nói chuyện với ông thuyền trưởng xong, báo cho chúng tôi biết là chiếc tàu cứu chúng tôi không phải là tàu Xã Hội Chủ Nghĩa mà là tàu buôn dầu của Đan Mạch. Tàu này sẽ đi đến Nhật, vì thế thuyền trưởng sẽ đưa chúng tôi đến đó, còn chuyện định cư nước nào thì sẽ phân giải sau. Vừa nghe báo thế, cả nhóm người chúng tôi ồ lên reo mừng sung sướng. Những người đàn ông và thanh niên đều tỏ phào nhẹ nhõm trong khi nhìn nhau bằng những đôi mắt vui tươi. Với ánh mắt tươi vui không kém, anh Thảo kể cho chúng tôi nghe là ghe chúng tôi được cứu nhờ một thanh niên trên tàu thường chạy bộ trên boong mỗi buổi sáng. Sáng nay, sau khi chạy bộ, người thanh niên này dùng ống nhôm ngắm biển thì thấy chiếc ghe nhỏ với những đứa nhỏ trần truồng và phờ phạc nên chạy báo cho thuyền trưởng ngay. Thuyền trưởng, người điều khiển tàu dầu Đan Mạch này, đã từng cứu vớt nhiều chiếc ghe vượt biển của thuyền nhân Việt Nam khi ngang qua lại vùng biển Thái Bình Dương nhiều lần, nên khi nghe tin, liền cho hợp thủy thủ đoàn để bàn tính chuyện cứu vớt. Bởi vì chiếc tàu dầu của ông khá lớn trong khi chiếc ghe chúng tôi quá nhỏ, ông đã bàn với các nhân viên của ông cho tàu làm một vòng cua khá rộng và giảm tốc độ của nó khi đến gần ghe chúng tôi để tránh sự lật úp. Đồng với sự tính toán này, ông đã ra lệnh cho đầu bếp nấu xúp và chuẩn bị thức ăn cho chúng tôi. Nhìn những khuôn mặt đầy xúc động của chúng tôi, anh Thảo cho biết thêm là thuyền trưởng đã lấy danh sách của nhóm để chọn phòng ở cho chúng tôi theo gia đình và giới tính.

Khoảng hai mươi phút sau, chúng tôi lần lượt rời khỏi boong tàu để đến phòng mình tắm rửa. Trên đường đi, tôi đã rón rén từng bước vì hiểu rằng sự dơ bẩn của bản thân mình có thể tổn hại đến sự sang trọng và sạch sẽ của những tắm tắm đồ dưới chân. Những người thủy thủ trên tàu đã chia cho chúng tôi áo quần của họ khi kèm theo những chiếc khăn tắm và xà phòng. Vợ chồng tôi được hai bộ đồ của người đầu bếp người Phi Luật Tân nên đã bỏ hai bộ áo quần dơ dáy đến độ không thể sử dụng lại được nữa. Riêng Tinô, tôi đã phải giặt chiếc quần dài của nó rồi cho nó mặc lại ngay khi quần còn ẩm ướt. Những đứa khác hoặc trần như Tinô hoặc trần lấm truồng vì những bộ đồ cũ của chúng không thể nào sử dụng được nữa. Có những đứa thiếu niên phải bơi trong những chiếc áo phùng phình của các thủy thủ đồ con như đang mặc áo đầm và vài người đàn bà cũng trong tình trạng như vậy.

Tắm rửa xong, chúng tôi được hướng dẫn đến phòng ăn. Phòng này ở tầng dưới tầng của các phòng chúng tôi ở. Nó là một phòng ăn rộng rãi và rất lịch sự. Tuy cạnh bếp, nhưng quầy ngăn giữa khu nấu với các bàn ăn đẹp và lịch sự chẳng khác nào ba rươi của các nhà hàng khang trang và sang trọng trong các phim nước ngoài mà tôi từng xem được trước đây; cho nên, khi đi nhận thức ăn, tôi có cảm giác như mình đang được phục vụ trong một nhà hàng quý phái. Chúng tôi được tự do chọn bàn ăn để ngồi theo nhóm và những người mình muốn ngồi chung. Phần lớn mọi người đều ngồi theo gia đình và gần cửa sổ kính, nơi

có thể ngắm biển dễ dàng. Những khuôn mặt hí hửng và hạnh phúc của mọi người trong lúc chờ lấy thức ăn cho tôi cảm tưởng như cả nhóm sắp ăn tiệc mừng cho ngày được hồi sinh của mình. Hít hà với mùi thơm của xúp và bánh nướng, tôi chợt nhớ hôm nay là ngày 2 tháng 4 năm 1989. Mười bốn năm trước, nó là ngày buồn của thành phố biển Nha Trang của chúng tôi, còn bây giờ là ngày chúng tôi được phục sinh. Những tô xúp trước mặt chúng tôi là những tô xúp đầy nghĩa tình của lòng nhân ái mà chủ nhân của chúng đã ban phát cho chúng tôi với một sự tiếp đãi rất ân cần và đầy tình người. Đây là món ăn mà chắc chắn là tôi không thể nào quên trong suốt cuộc đời của mình. Và sau này cho dù tôi có món ăn cao lương mỹ vị nào chăng nữa, không có món nào có thể sánh bằng.

Trưởng đầu bếp và người phụ tá của ông có lẽ động lòng vì thấy vẻ háu đói của mấy đứa nhỏ khi ăn xúp thịt bò nên đã bàn nhau cho mỗi đứa nhỏ thêm một ly sữa, một trái táo và cho chung hộp bánh. Chúng tôi chỉ có thể nói cảm ơn với họ khi nhận các thứ chứ không thể nào bày tỏ hết tấm lòng biết ơn của mình. Dường như thấu hiểu sự giới hạn của bất đồng ngôn ngữ và tính mắc cỡ của chúng tôi mà những người này hiếm khi hỏi chuyện chúng tôi. Ăn xong, những người lớn trong nhóm chúng tôi dọn dẹp đầu đó sạch sẽ rồi dẫn dò những đứa con nít nhất là những đứa thiếu niên không được tò mò hay táy máy đồ vật trên tàu. Trước khi rời phòng ăn, chúng tôi còn nhắc nhở mấy đứa nhỏ về chuyện giữ danh dự cho người Việt Nam rồi dẫn dò kỹ lưỡng về chuyện giữ thiện cảm của người ngoại quốc dành cho người Việt để sau này họ còn tiếp tục cứu vớt những chiếc ghe vượt biển của những thuyền nhân đi sau.

Chưa kịp về phòng, chúng tôi được ông thuyền trưởng mời lên boong chụp hình chung làm kỷ niệm. Chụp hình xong, ông hỏi anh Thảo địa chỉ để đánh điện tín về nhà cho thân nhân chúng tôi được an tâm. Chúng tôi đã cấp cho ông ba địa chỉ: nhà ông bà chủ ghe, đại diện cho nhóm ghe, nhà chị Hạnh đại diện cho nhóm hoa tiêu của anh Thảo, và nhà chồng tôi với tư cách là khách tham gia chuyến vượt biển.

Niềm vui sướng đã khiến chúng tôi không thể nào chợp mắt được chút nào dù được chăn ấm, nệm êm, không gian yên tĩnh và riêng tư. Bất lực với chứng mất ngủ kỳ lạ, chúng tôi đã lang thang lên xuống cầu thang để đến phòng ăn lấy nước uống hay nói vài ba câu chuyện với nhau ở hành lang. Anh Thảo, dù cùng ở tình trạng mất ngủ và buồn chán như chúng tôi, cảnh cáo với chúng tôi là nên ở trong phòng riêng của mình, và hạn chế lên xuống thang lầu hay qua lại các hành lang để giữ yên lặng cho thủy thủ đoàn làm việc khi trời sáng cũng như vào lúc ban đêm. Thực sự là chúng tôi chẳng hề gây phiền toái cho những chủ nhân trên tàu khi mà các phòng ở của chúng tôi không cùng tầng với họ. Trong khi chúng tôi ở tầng thứ ba thì họ ở tầng hai hoặc tầng dưới cùng khu nhà ăn. Có lẽ vì thủy thủ đoàn quá ít trong khi con tàu đồ sộ có quá nhiều phòng cho nên có rất nhiều phòng thừa chưa từng có người ở qua. Tôi đã đến viếng các phòng khác của những người cùng chuyến vượt biển và thấy phòng nào, phòng nấy đều thơm mùi mới. Các phòng mới này có đầy đủ giường nệm, tủ gỗ, bàn viết và phòng tắm mới toanh. Đặc biệt là các cửa kính của chúng ở các vị trí khác nhau nên người ở có thể nhìn được quanh cảnh bên ngoài ở những góc độ khác nhau. Trong phòng mình, tôi thường hay đứng trên thảm đỏ cạnh tấm màn treo gần cửa kính để ngắm trời mây và biển nước vì chẳng có việc gì khác để làm. Mỗi lần như thế, tôi có cảm tưởng như là thượng khách của một khách sạn quý phái rồi bằng khuâng mãi với sự may mắn mà mình đang có. Khi còn điêu đứng với tình trạng hiểm nguy và khổ sở trên ghe, có bao giờ tôi nghĩ hay mơ ước được sống sung sướng và đầy đủ tiện nghi như vậy đâu! Trong tâm tưởng của tôi lúc đó, chỉ cần một vùng đất của một hoang đảo cho chúng tôi thoát ra khỏi biển nước mê mông đã là sự quý hóa lắm rồi. Giờ này, sự may mắn ngoài sự tưởng tượng đã đến với tôi như một phép nhiệm màu ngọt ngào. Như người được kéo lên thiên đàng sau những ngày bị dày dưới địa ngục, tôi thấy hồn mình bay bổng nhẹ tênh. Dù là vậy, điều này không có nghĩa là tâm trí của tôi được thanh thản và bình an. Cảnh đối phó với những ngày sóng to gió lớn, cảnh đối khát, cảnh dầm ướt trong nước biển, nước ói, nước tiểu, và phân vẫn bám chặt trong óc tôi như không thể giải tỏa ra hết được. Để trấn tĩnh lại sự xáo trộn trong tinh thần, và vỗ về giấc ngủ mình, tôi đã dùng phương pháp đếm thứ tự các con số; thế nhưng, hễ mỗi lần nhắm mắt là tôi lại thấy hồn mình lâng lâng vui sướng vì hình ảnh của sợi dây thừng màu xanh biển tung trong không trung và đang từ từ rơi xuống. Sau đó, tôi cảm thấy đầu của mình cứng chặt lại vì màu xanh thăm mênh mông và vô tận của đại dương. Trong khi màu xanh nhạt của chiếc dây thừng đã cho tôi niềm hy vọng của sự yên bình và tin cậy, màu xanh thăm của đại dương vẫn còn khảm trong trí tôi nỗi sợ hãi kinh khiếp vì sự chết cận kề. Sự tương phản của hai màu xanh đã làm tôi thần kinh của tôi căng ra rồi dần lại không biết bao nhiêu lần khi nhắm mắt. Mức khác biệt tối đa của chúng đã khiến tôi bị mất ngủ hơn năm ngày liền trên tàu.

Tôi biết sự biến động tâm lý mình không thể phôi phai một sớm một chiều và chỉ có thể tìm lại giấc ngủ bình thường sau khi tâm thần tôi được ổn định. Điều này không thể xảy ra trong thời gian ngắn bởi vì khi gặp nhóm người vượt biển tại khu ăn uống, tôi đã có thêm nhiều suy nghĩ và ưu tư hơn. Trong khi đồng ý với lời xì xầm của những người trong nhóm hoa tiêu về chuyện vợ ông chủ ghe cho bà con đi “hôi” quá nhiều, tôi đã ngỡ ngàng khi thấy họ và vài đứa con của họ đeo khá nhiều nhẫn vàng y. Tôi không ngờ một người tài trí như ông chủ ghe lại nghĩ đến chuyện mua cất vàng làm vật tùy thân thay vì phụ tùng sửa máy cho những ngày tự thân tự lực trong những ngày trên biển. Nếu chúng tôi không được tàu cứu vớt thì số vàng ấy sẽ đi về đâu và có giá trị gì? Tôi thậm chí trách ông rất nhiều về chuyện không cân nhắc giá trị của sự vật khi chuẩn bị cho chuyến hải trình đầy nguy hiểm vừa qua; tuy nhiên, sau khi suy nghĩ sâu kỹ, tôi hiểu vì sao ông phải thủ thân như thế. Nếu chúng tôi chẳng may bị công an phát hiện và chiếc ghe, vốn liếng duy nhất của ông, bị tịch thu, thì ông phải làm gì để nuôi bảy đứa con trên một đất nước có nhiều chính sách khó khăn và phức tạp. Hơn nữa, phòng trữ vàng để nuôi các con ông trong trại tị nạn khi dự tính đến bờ Phi Luật Tân là chuyện có thể hiểu được. Có rất nhiều chuyện để suy nghĩ và cũng có rất nhiều điều có thể lý giải được cho sự thông cảm mục đích của việc làm người khác; tuy nhiên, trong tất cả sự việc, sự hy sinh của người ở lại mới là đáng kể. Hơn bao giờ, tôi nhớ đến chị Hạnh và những tiếng thở hắt hắt của chị khi chở tôi qua cầu Rà Ra và cầu Xóm Bóng. Lúc đó chị đã tâm sự là chị đã trả đứt tiền mua chiếc ghe để các con chị có thể vượt biên gặp ba của chúng ở Mỹ và là chị phải hy sinh ở lại để thanh toán những chi phí còn lại cho chuyện bãi và dầu. Sự hy sinh ấy nay được đáp đền bằng bức điện

tín của ông thuyền trưởng và chắc hẳn là chị sẽ rất vui mừng khi nghe tin các con chị bình an. Chị đã đến nhà chồng tôi để nhận số vàng như đã giao kèo chưa thì tôi không thể nào đoán ra nhưng tôi hình dung được cảnh toan tính của những người trong thành phố biển. Giờ này có lẽ mọi người đều biết là chuyến ghe vượt biển của chúng tôi đã thành công và đang khao nhau về chuyện liêu lĩnh của chúng tôi. “May là con mình không bị chết chìm cho nên không bị dè bieu là chết ngu!” Tôi vô cùng cảm kích sự cứu độ của Trời Phật khi nghĩ như thế. Cũng nhờ sự dẫn dắt vô hình của các đấng tối cao mà chiếc ghe của chúng tôi lạc hướng đến chiếc thuyền có người thuyền trưởng nhân đạo. Tưởng tượng cảnh gia đình chồng tôi ngạc nhiên khi nhận điện tín, tôi vui sướng đến điên cuồng cho dù cảm giác bàng hoàng với thực tế ngọt ngào mà mình đang có chưa hết trong tâm trí tôi. Nhiều lần, tôi cảm thấy sợ hãi vì nghĩ rằng sự may mắn trong hiện hữu chỉ là ảo mộng. Tôi đã không hề chớp mắt được có lẽ một phần cũng từ sự lo lắng này.

Thuyền trưởng không những là người nhân đạo mà còn là người rất tế nhị. Thấu hiểu sự buồn tẻ trong cảnh vô công rỗi nhẽ của chúng tôi, ông đã cho phép chúng tôi dạo trên boong hoặc xem phim ở tầng hầm, nơi gần phòng giặt giũ, trong những giờ giấc nhát định. Mỗi khi ra boong tàu, tôi có cảm tưởng như đến trên một sân sắt trống trải màu xám đang hiên ngang vượt sóng nước tiến về phía trước. Nó giống như sàn lộ thiên của xà lan có mũi nhọn mà cạnh vuông phẳng gắn liền với phần tầng của đuôi thuyền có thể xem là một sân vận động rộng dài bằng sắt trước một khu cao ốc ba tầng. Tôi ước đoán bề rộng của sàn lộ thiên này có thể làm bãi đậu của một chiếc trực thăng bởi vì cấu trúc của nó chẳng khác gì chiếc hàng không mẫu hạm, nếu không kể phần tầng với các phòng sang trọng có cửa kính và thảm đỏ. Khi đứng ở các thanh chắn màu trắng của boong tàu, chồng tôi thường nhìn ngang, nhìn dọc rồi nói rằng chiếc tàu này có chiều dài tối thiểu là hai trăm mét và rộng ít nhất là năm mươi mét. Đây là một chiếc tàu thủy lớn đến độ tôi chưa hề tưởng tượng ra, cũng như chưa từng nghĩ là mình được cơ hội đứng trên ấy một lần ở trên đời. Mỗi lần nhìn nó chạy chậm chậm trên biển, tôi lơ mơ đoán là nó đang đi về hướng bắc để ngang qua các vùng biển của Trung Quốc, Đại Hàn để đến Nhật, nhưng rất lạ lùng là tôi chẳng hề thấy chiếc thuyền lớn nào lảng vảng gần đó. Đại dương mênh mông và trải rộng trước tầm nhìn của tôi. Nó chẳng khác nào một chiếc nôi xu xoa xanh thẫm không lò mà hàng triệu vết lõm tròn trên mặt như bị múc bởi những chiếc muỗng vô hình nào đó. Thỉnh thoảng tôi thấy những đốm trắng của bọt sóng lớn gọn lên ở xa xa nhưng không thể nào thấy được gì ở nơi xa tít vì không có ống dòm. Đôi khi vợ chồng tôi gặp người thanh niên hay chạy bộ trên boong vào buổi sáng sớm, nhưng chúng tôi chỉ cười tỏ vẻ thân thiện với anh ta chứ không nói gì, bởi tính mặc cỡ và sự giới hạn tiếng Anh. Có lần tôi chẳng thấy anh mang theo ống dòm nên cảm thấy rằng mình khá may mắn khi được anh mang nó đứng ngay chiếc ghe chúng tôi cần được cứu vớt. Nếu ngày đó, anh không mang theo ống dòm, và không muốn ngắm biển thì không hiểu số phận của chiếc ghe chúng tôi sẽ về đâu. Có chăng là trước khi về châu hà bá, chúng tôi vẫn sẽ ám ảnh mãi thái độ lãnh đạm của những chiếc tàu lớn và sự nhần tâm của những người ở trên đó. Nhờ được ở trên tàu, tôi mới hiểu là mình đã phán đoán sai về sự lạnh lùng và vô nhân đạo của những con tàu mà ghe chúng tôi gặp trên biển trước đây. Rất là khó nhận ra một chiếc ghe nhỏ trên mặt đại dương nếu nó ở khoảng cách khá xa chiếc tàu lớn. Hơn nữa, khi chiếc tàu di chuyển, không nhất thiết là thuyền trưởng hay thủy thủ đoàn phải quan sát xung quanh đại dương hàng giờ. Có thể nói là tôi đã đánh giá một cách sai lầm khi cho rằng các chiếc tàu lớn mà tôi thấy trước đó tàn nhẫn hay thấy chết mà không cứu.

Thuyền trưởng thường căn dặn chúng tôi canh chừng những đứa trẻ kỹ lưỡng khi dạo trên boong tàu và cũng thường thông báo cho anh Thảo biết những ngày biển động để anh thông dịch lại cho chúng tôi hay. Dù ông cẩn thận thế nào, chẳng có bao nhiêu người trong nhóm chúng tôi thích dạo trên sàn sắt trơn láng. Loanh quanh cùng mọi người trên boong độ năm phút là tôi đưa Tinô về phòng ngay. Cảm giác ghê rợn với màu xanh thẫm của nước biển chưa hề gột sạch trong ý tưởng của tôi. Buổi tối có phim, tôi cũng chỉ coi khoảng nửa giờ rồi về phòng vì chẳng hiểu gì. Một lần, thuyền trưởng đã mời cả nhóm chúng tôi đến phòng thu âm để nghe những lời nhắn gửi và những lời ca của những thuyền nhân Việt Nam mà ông đã cứu vớt trước đó. Sau đó, ông đề nghị mỗi người chúng tôi nói một vài câu hay hát một vài bản nhạc để thu âm làm kỷ niệm. Đến phiên mình, tôi đã hát bài Cho Con của Phạm Trọng Cầu. Đây là bài hát mà tôi thích nhất từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 và thường ngâm nga mỗi khi ẵm Tinô trong tay:

Ba sẽ là cánh chim cho con bay thật xa
Mẹ sẽ là cành hoa cho con cài lên ngực
Ba mẹ là lá chắn, che chở suốt đời con

Vì con là con ba, con của ba rất ngoan
Vì con là con mẹ, con của mẹ rất hiền
...Ngày mai, con khôn lớn
Bay đi khắp mọi miền
Con đừng quên con nhé, ba mẹ là quê hương

Dù tôi đã hát bài này nhiều lần nhưng chưa bao giờ tôi hát trong xúc động như lần ấy. Tôi đã chậm nước mắt khi hát những lời diễn tả đúng tâm trạng của mình. Kết thúc buổi ghi âm, một nỗi buồn man mác vẫn còn đeo đẳng trong lòng tôi cho đến khi về phòng. Từ đây, phải chăng tôi đã thực sự mất quê hương, còn Tinô thì sẽ không còn ai thân thuộc ngoài ba mẹ của nó.

Sau hai mươi giờ đập dềnh ngoài khơi để chờ cập bến, tàu dầu Đan Mạch đã đưa chúng tôi vào cảng Misushima của Nhật lúc rạng sáng ngày 11 tháng 4 năm 1989. Khoảng mười giờ sáng, các viên chức của trại tị nạn Omura đã đến thăm vấn, điều tra và làm đơn cho chúng tôi ngay ở trên tàu. Vì họ làm việc quá cẩn thận và tỉ mỉ cho nên mãi đến chín giờ tối cả nhóm người chúng tôi mới hoàn tất mọi thủ tục. Điều này dường như làm cho thủy thủ đoàn bất bình nên họ thường trao cho chúng tôi những cái lắc đầu chán chường hay những cái nhún vai tỏ vẻ không hài lòng khi đi ngang chỗ chờ đợi của chúng tôi. Thực ra, các nhân viên Nhật không những bận rộn với chuyện làm hồ sơ, đơn từ mà còn lo cấp phát cho chúng tôi thức ăn, áo quần và giấy vớ. Ngoài chuyện mất nhiều thì giờ vì ngôn ngữ bất đồng trong lúc điền đơn họ còn bỏ nhiều thời gian để kiểm tra kích cỡ của từng món đồ trong các thùng giấy cứng trước khi trao cho chúng tôi. Khi mặc bộ đồ đúng kích, tôi nhớ đến ngày anh Thảo đến từng phòng lấy số đo của từng người theo yêu cầu của ông thuyền trưởng. Lúc đó, anh nói là ông thuyền trưởng đã liên lạc với sở di trú Nhật và thông báo cho họ tình trạng của chúng tôi. Cũng nhờ ông quan tâm như thế mà các nhân viên Nhật đã chuẩn bị chu đáo trước khi đến đón chúng tôi. Thay những bộ đồ đồng phục dài tay màu xám nhạt xong, chúng tôi phải tập hợp lại thành nhóm để chuẩn bị lên đường ngay. Chúng tôi cố gắng tìm gặp những người ân của mình, lúc này đang bận rộn với phần việc của họ, để chào từ giã. Thuyền trưởng và vài nhân viên của ông tiễn chúng tôi tận thang tàu. Nhìn chúng tôi khóc khi nói “Tạm biệt” và “Cảm ơn”, họ cũng đỏ mắt theo. Bước khỏi thang tàu, và đến tận xe buýt rồi mà chúng tôi vẫn còn ngoảnh đầu lại khóc suốt suốt. Từ lúc trốn khỏi nước, ngoài sự sợ hãi của cuộc vượt thoát, chúng tôi chẳng hề có ý niệm nào về cảnh bịn rịn chia tay như thế. Cho nên, hình ảnh những người đứng trên boong nhìn theo bước chân rời của chúng tôi chẳng khác nào thân bằng quyến thuộc lưu luyến tình cảnh trong phút chia lìa. Khi chia tay, chúng tôi không những mang theo hình ảnh của họ mà còn cả tấm lòng nhân ái của họ. Tôi biết chắc rằng không một ai trong chúng tôi có thể nào quên sự chăm sóc tận tình và ân cần của họ. Trên xe buýt, chúng tôi đã luôn miệng nhắc nhở đến những cử chỉ và việc làm của những vị ân nhân của mình rồi cùng công nhận họ đã đối xử với chúng tôi hết sức công bằng và đầy tình người. Cũng vì tình yêu thương đồng loại, họ đã chẳng hề màng đến chuyện chúng tôi thuộc thành phần nào hay đã có lý lịch trong quá khứ ra sao trong lúc chia sẻ áo quần và lương thực trong những ngày cưu mang chúng tôi trên tàu. Sau một hồi bàn tán, chúng tôi đã cùng hứa với nhau là sẽ tìm cách định cư tại Đan Mạch để có dịp liên lạc và thăm viếng thuyền trưởng cùng những nhân viên của ông. Qua lời đối thoại của chồng tôi và anh Thảo, tôi nhắm mắt tên Olesen của thuyền trưởng và tên Maersk của tàu dầu Đan Mạch. Tôi nghĩ là mình sẽ không bao giờ quên mười chín trái tim đầy nhân ái và mười ngày sống trong tình nhân loại kể từ ngày 2 tháng 4 đến ngày 11 tháng 4 năm 1989.

Xe buýt đi thêm vài giờ, chúng tôi lóa mắt với những ngọn đèn, những tòa cao ốc và những chiếc cầu đồ sộ. Tôi cảm thấy vui và hãnh diện vì được đặt chân trên một nước tiên tiến nhất của châu Á mà tôi luôn luôn ngưỡng mộ. Trước năm 1975, tôi từng hâm mộ Nhật và khâm phục tinh thần cầu tiến của dân tộc nước này qua những bài học sử thế giới, nay được chiêm nghiệm thực tế chẳng gì sung sướng hơn. Tôi đã biết là nhờ phong trào Minh Trị Duy Tân và những cải cách tiên bộ về chính trị, kinh tế và xã hội sau chiến tranh thế giới thứ hai, dân tộc Nhật đã đưa đất nước của họ từ chế độ phong kiến đến công nghiệp hóa phát triển, từ kinh tế lạm phát, thiếu thốn sau năm 1945 đến ổn định và phát triển. Chính nhờ nền công nghiệp thành đạt vượt mức, họ đã có nhiều cơ sở thương mại nổi tiếng trên thị trường thế giới, vượt hơn cả nhiều nước Tây Phương. Trăm nghe không bằng mắt thấy, thực tế của những chiếc cầu to cao và chắc chắn bắt qua những đảo nhỏ đã củng cố thêm sự hâm mộ của tôi đối với nước này. Vì biết Nhật là một quần đảo thường có động đất, nay chứng kiến sự khắc phục điều kiện khó khăn của tự nhiên của người dân Nhật trong lúc phát triển nền kinh tế của đất nước họ, tôi càng khâm phục người Nhật nhiều hơn. “Phải chăng vì những người lãnh đạo của nước Nhật đi theo con đường dân chủ nên đất nước họ trở thành một nước giàu mạnh nhất châu Á? Phải chăng sự phát triển hay suy tàn của một đất nước tùy thuộc vào những người lãnh đạo và chế độ hiện hành của đất nước ấy?” Tôi đã tự hỏi như thế khi nghĩ đến sự giàu có của nước người, rồi cảm thấy buồn vì không biết đến bao giờ nước tôi mới được giàu có như vậy. Sau một hồi suy nghĩ, tôi cảm thấy quá ngờ ngạc nhiên khi nhớ ra rằng mình đã bận tâm với những điều mơ

hồ và xa xôi trong lúc không còn tổ quốc. Với thân phận người tị nạn như hiện tại, ước vọng của tôi chỉ còn dựa vào lòng thương của những người khác nước để được một nơi định cư. Tôi chắc chắn rằng khi được định cư, vợ chồng chúng tôi vừa có cơ hội làm việc nuôi cho Tinô ăn học thành tài trong lúc đời sống của chúng tôi sẽ được tôn trọng một cách bình đẳng và tuyệt đối chẳng khác gì người dân bản xứ. Tôi bỗng nhớ đến nhà máy sợi Nha Trang do người Nhật làm chủ ở gần đèo Rù Rì. Nhà máy này có rất nhiều người trong thành phố biển Nha Trang làm công. Mía mai thay, người Việt Nam trong nước đang làm trong hãng Nhật tại Việt Nam còn tôi là người Việt Nam phải vượt qua bao nhiêu khó khăn hiểm nghèo để đến nước Nhật rồi cũng làm cho hãng Nhật, nếu gia đình chúng tôi phải định cư tại đây. Nếu chuyện xảy ra như thế, sẽ có gì khác biệt giữa tôi và những công nhân viên Việt Nam đang làm cho Nhật ở trong nước? Phải chăng tôi đã dùng tính mạng của con mình, bản thân mình chỉ vì để đánh cuộc trong chuyện kiếm việc làm ở xứ người. Mặc dù tôi vượt biển không phải vì lý do chính trị nhưng không thể qui bởi lý do kinh tế. Sự tự do và quyền làm người được tôn trọng một cách bình đẳng và tuyệt đối là những cái mà tôi muốn có cho toàn thể gia đình tôi và bản thân khi tôi quyết định đem Tinô ra đi. Chính lúc ấy, tôi mới hiểu rõ ràng hơn về ước muốn trong tiềm thức của mình. Sau bao nhiêu năm tháng sống cơ cực cả vật chất lẫn tinh thần, ước muốn này đã tiềm ẩn và khắc sâu vào trong tâm hồn tôi một cách sâu đậm và là động lực chính thôi thúc cho quyết định ra đi của tôi. Giờ đây ước mơ của tôi đã thành sự thật và tôi không còn gì sung sướng hơn khi được ở trên thiên đường của xứ tự do.

Chúng tôi đã đến trại Omura vào lúc tám giờ sáng ngày 12 tháng 4 năm 1989. Đây là trại tạm cư và chuyên tiếp cho những người tị nạn mới đến hoặc chuẩn bị đi các nước khác. Lúc chúng tôi đến, trại này chỉ mới có sáu m² tám người; tính thêm chúng tôi, trại chỉ được chín m² chín người. Là trại ít người nhất các trại tị nạn trong khu vực Thái Bình Dương nhưng nếu không có nhóm chúng tôi và nhóm người vào trước chúng tôi nửa tháng, thì lượng người của trại chẳng bao giờ gia tăng thêm bởi Nhật không phải là bến mà các thuyền vượt biển của người Việt chúng tôi nhắm đến và rất hiếm trường hợp ghe vượt biển Việt Nam được tàu vớt về đây. Nhóm người đến trước chúng tôi hai tuần chính là những người sống sót trong chuyến ghe bị lật úp bởi tàu Nhật mà chúng tôi nghe mọi người trong thành phố Nha Trang kháo nhau sau khi nghe lên đài BBC. Những người này, sau khi thăm hỏi chúng tôi, đã trút tất cả những thống khổ mà họ đã trải qua trong cuộc vượt biển bất hạnh của họ qua những lời tường thuật. Ghe của họ xuất phát tại Long An, gồm khoảng một trăm bảy mươi hai người, toàn dân Sài Gòn. Sau những ngày bị nhiều chiếc tàu lãnh đạm từ chối, họ đã được thuyền trưởng tàu Nhật hứa cứu sau khi ông ta được lệnh chấp thuận của cấp trên. Không may cho họ là trong lúc chờ vớt, ghe họ bị sóng lớn đánh bật vào hông tàu Nhật và lật úp. Vì không có một biện pháp cấp thời nào cho sự c? bất ngờ trong lúc chờ lệnh của thượng cấp nên gần hai tiếng đồng hồ sau thuyền trưởng của tàu Nhật mới ra lệnh cho thả ca nô và phao xuống cứu. Rất nhiều người chết chìm vì không có vật gì bám víu để giữ nổi trên mặt nước. Có gia đình đi chín người nay chỉ còn lại hai người. Có gia đình đi cả hai vợ chồng con cái, con chết chỉ còn mỗi hai vợ chồng chơ vơ. Có một đứa nhỏ mười bốn tuổi đi với cả gia đình cha mẹ anh chị em mà chỉ còn mỗi mình nó sống sót. Nó kể là nó phải bơi đứng khoảng một tiếng, sau đó nhờ vớ được tấm ván nên bơi thêm một tiếng nữa mới được vớt lên. Số người sống sót được nhờ bám vào những mảnh ván, thùng nhựa hay biết bơi và còn sức để bơi. Sau khi thuật lại chuyến đi của mình, và nghe kể về chuyến đi của chúng tôi, họ ghen ngào tiếc thương cho tình trạng đáng tiếc xảy ra cho ghe của mình và luôn miệng nói chiếc ghe của chúng tôi quá may mắn. Một người đàn bà òa khóc và nức nở rằng ghe của bà lớn hơn ghe của chúng tôi, con của bà lớn hơn những đứa trẻ trong chuyến đi của chúng tôi vậy mà nó không thể sống được. Nghe bà than khóc trong khi nhìn những đứa nhỏ trong chuyến đi của mình đang đứng quanh quần gần đó, tôi thực sự cảm thấy rằng nhóm chúng tôi được ơn hồng của thượng đế. Để thực hiện lời nguyện với trời phật, tôi quyết mượn cho bằng được vật dụng cạo đầu. Biết được ý định của tôi, nhiều người trong chuyến ghe tôi đã hưởng ứng và chia nhau tìm dùm. Sau khi lần la đến các phòng của những người Việt ở lâu trong trại để thăm hỏi, ba người thanh niên phụ lái đã mượn được một chiếc kéo và một chiếc tông đơ chạy bằng pin. Chúng tôi hò nhau ra sân cỏ, ngồi quanh chiếc ghế để chờ đến phiên cạo đầu. Luân, được ủy nhiệm cho việc làm này, đã than là không biết đời nó sẽ ra sao sau khi xuống tóc cho mười lăm người như thế. Sáng hôm sau, chúng tôi ngạc nhiên vì nhân viên trại cho tập trung ở sân cỏ nơi có đặt một cái ghế ngay nơi mà chúng tôi đặt ghế để cạo đầu trong ngày hôm trước. Trong khi chúng tôi hoang mang lo sợ vì đã phạm luật nào đó do sơ xuất, hai nhân viên người Nhật và một người thông dịch Việt sững sờ ngạc nhiên không kém chúng tôi. Sau một hồi xì xào bàn tán, người thông dịch cho biết là nhân viên trại định xịt thuốc diệt chỉ cho chúng tôi nhưng vì nhiều người trong nhóm đã cạo hết tóc nên chỉ có những người còn

tóc mới phải nhận phục vụ này. Chúng tôi, những người đầu trục, được giải tán nhưng không tản hàng, lảng vảng đứng ngồi quanh quần để chứng kiến việc mình không được dự phần. Mười sáu người còn có tóc như anh Thảo, chị Phú, Thiện, Luân, chồng tôi, Tinô, ba đứa con của chị Hạnh, vài ba đứa trẻ và Tèo người đã cạo đầu nhưng còn để tóc chỏm như chú tiểu lần lượt ngồi xuống ghế mặc áo choàng để nhận những làn thuốc xịt màu trắng trên đầu. Ngày tiếp theo đó là ngày toàn nhóm chúng tôi được chở ra ngoài bệnh viện để khám sức khỏe và là ngày mà các cô gái trẻ trong nhóm khóc lóc thảm thiết vì tin đồn là phải trần truồng trước ông bác sĩ và hai người thông dịch cũng là đàn ông. Tại phòng chờ, trong khi các cô gái nhỏ than thở với nhau là: “Khám bệnh kiểu gì mà tuột cả áo quần lẫn đồ lót! Chồng chưa thấy người lạ đã thấy trước rồi!” thì anh Thảo căn dặn “Không biết mấy cô này nghĩ thế nào mà khóc lóc ầm ỉ như vậy! Đến nước văn minh rồi mà còn tính toán chuyện đầu đầu. Phận sự của người ta như thế họ phải làm thôi! Thấm béo gì mà nhìn các cô chứ!” Tôi thông cảm cho những cô gái chưa chồng này vì chính mình, đã là đàn bà, không cảm thấy tự nhiên chút nào với chuyện trần như nhộng trước những người đàn ông lạ. Tuy nhiên, hiểu rằng lý lịch sức khỏe của mình cần thiết cho những người chẳng biết quá khứ mình ra sao nên tôi im lặng tuân theo chứ không bàn cãi gì trước lời phàn nàn của anh Thảo. Thực tế không tệ hại như lời đồn đãi khi người thông dịch nghiêm trang giải thích là bác sĩ cần khám xét kỹ để lỡ có một chứng bệnh nào được phát hiện, bệnh nhân sẽ được điều trị cấp thời cho đến khi khỏi hẳn. Hai ngày sau, chúng tôi được kết quả là chẳng ai bị chứng bệnh nào ngoài chuyện mấy đứa trẻ đều bị sán lãi.

Chúng tôi thường nghe điều lệ và các thông báo mới của trại trong các buổi họp tại nhà ăn. Điều nghiêm cấm được nhắc đi nhắc lại là sự trốn ra khỏi trại, cho dù chỉ lang thang đi chơi rồi trở về. Mỗi lần nghe nói đến điều luật này, những người ở lâu thường thì thầm cho chúng tôi biết là ban đêm thỉnh thoảng họ chui rào ra ngoài để mua sắm hay đến bãi rác để kiếm các vật dụng phế thải. Họ đến bãi rác lớn của phi trường gần trại nơi mà họ đã nhặt được các vật dụng như xoong nồi, chén ??a, bàn ủi, cát sét... và cả ti vi còn mới tinh.

“Rác của người nhưng là của quý của mình.”

Một người đã nói thế khi anh kể chuyện nấu ăn thêm tại phòng anh. Anh giải thích là vào những đêm đông lạnh đàn ông trong trại thường hay bị đói. Do bữa cơm tối của trại cấp vào lúc bốn giờ rưỡi chiều, nên khoảng bảy giờ tối là họ đã đói ngay. Để chống lại những cơn đói về đêm và sự thèm nhớ những món ăn Việt, họ đã tìm cách nấu ăn thêm tại phòng ở. Nhờ trại cấp cho người lớn một trăm yên mỗi tuần và sự kiểm soát của nhân viên trại vào những ngày đông lạnh thiếu chặt chẽ nên họ thường chung tiền với nhau lại, rồi luồn ra khỏi rào trại để mua thức ăn về nấu nướng. Tôi không quan tâm về chuyện đói bụng ban đêm mà chỉ tò mò về chuyện tuyết rơi trong mùa đông nên háo hức hỏi hai người ngồi cạnh trong buổi họp chừng nào mới đến mùa đông. Một người nói là còn lâu lắm vì mùa đông vừa mới qua và giờ Omura đang ở cuối mùa xuân.

“Cuối xuân? Sắp đến hè rồi mà còn lạnh dữ vậy sao?”

Lời cảm thán của tôi vừa thốt ra bị chinh ngay bởi người thông dịch:

“Trời nóng như vậy mà chị than lạnh thì làm sao chị chịu nổi khí hậu mùa đông ở đây?”

Tôi chưa kịp trả lời, người thanh niên ngồi cạnh tôi đáp thay:

“Đối với chúng tôi, mùa nào ở đây cũng lạnh hết cả anh ơi!”

Lặng yên với hàm ý sâu xa trong lời nói này, tôi cảm thấy thông cảm cho cái lạnh trong tâm hồn của những người tị nạn sống lâu ở đây. Có lẽ cũng vì nhớ quê hương, nhớ thân bằng quyến thuộc và những người đã chết biển mà cái lạnh kéo dài triền miên trong tâm hồn của họ. Chính vì điều này đã khiến họ tìm đến nhau để chia sẻ nỗi buồn đau và cay đắng. Sự mất mát và cô đơn đã khiến họ quây quần với những công việc như nấu một món ăn Việt, nghe một băng nhạc Việt hay chia cho nhau những món quà nhận được từ những thân nhân đã được định cư ở các nước Mỹ, Pháp, Úc, Canada hay ngay tại Nhật.

Là “lính mới” trong trại tị nạn, nhóm chúng tôi không hề dám vi phạm một điều lệ nào của trại. Ngoài ba buổi gặp nhau tại phòng ăn, những người trong nhóm chúng tôi thường dự các lớp học tiếng Nhật và tiếng Anh vào buổi sáng hay tụ tập ở sân chơi vào lúc chiều tối. Tôi đã được đến lớp học tiếng Nhật vài lần nhờ Hoàng Kim Hằng, cô gái đang chuẩn bị đi Pháp theo diện hôn phu, đưa Tinô về phòng trông coi dùm. Trong lớp học đầu tiên, tôi chẳng hiểu mô tê gì vì thầy giáo đứng tuổi nói toàn tiếng Nhật và không có thông dịch. Sau khi chào chúng tôi, ông bỏ sách vở trên bàn, rồi kêu từng người đứng trước

lớp chỉ cách chào của người Nhật. Lối đứng nghiêm, tay thẳng, đầu cúi, người gập, lưng giữ ở góc chín mươi độ của cách chào khiến tôi hiểu rằng Omura thuộc vùng thôn quê và nghi thức tôn sư trọng đạo phải được thể hiện một cách đúng đắn và rõ ràng. Lần đó tôi chỉ học được cách chào của người Nhật và những từ cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như: Hai (vâng), arigato (Cảm ơn) và kur đa sai (Xin vui lòng). Trong những giờ học sau, tôi chỉ học thêm được vài chữ như: sensei (thầy giáo), seito (học trò), desuka (nào?), donate (ai) và desu (là). Dù chưa biết mình sẽ định cư ở nước nào, tôi vẫn mượn vở của những người ở trại trước mình để tự học. Tuy nhiên, mỗi lần tập viết chữ Candi, loại chữ nhà tăng như chữ Hán, tôi ao ước được định cư ở những nước có những loại chữ viết La Tinh giống chữ cái của Việt Nam. Ước muốn này tùy vào sự xác định tính cách tị nạn bởi bộ phận Cao Ủy Quốc tế tị Nạn Liên Hiệp Quốc tại Nhật khi tôi được chuyển đến Tokyo.

Ngày 14 tháng 5 năm 1989 xe buýt đưa nhóm chúng tôi đến trại Kokusai Kuyen thuộc quận Shinagawa của Tokyo. Là trại lớn nhất của Nhật, Kokusai Kuyen có khoảng một trăm sáu mươi bốn người tị nạn Việt Nam. Phần lớn những người tị nạn này là những người ở lâu trong trại, không đủ tư cách để đi định cư các nước khác, không muốn định cư tại Nhật và đang chờ đi định cư các nước khác theo diện bảo lãnh của thân nhân. Do được trại thông báo trước, nhiều người trong trại và vài người Việt đã định cư tại Nhật chờ đón chúng tôi ở sân trại vào ngày chủ nhật hôm ấy. Bước xuống xe, đi giữa vòng người, giữa ngôn ngữ Việt thương yêu, tôi cảm tưởng như mình trở lại quê nhà sau chuyến du hành xa. Bồi hồi xúc động khi đi ngang những đôi mắt kiếm tìm trong khao khát, tôi chợt nghe những giọng nói đầy tình nghịch vang lên:

“Toàn là sự cụ và sự cô không hà!”

“Chuyến đi của mấy người này chắc chẳng dữ lắm nên họ mới cạo đầu nhiều như vậy. Cả thằng bé kia cũng bị húi trọc lóc.”

“Phái Thiếu Lâm Tự bà con à!”

Vòng người bàn tán xôn xao khi dồn mắt nhìn chúng tôi, những người đầu trọc, và chăm chú cái đầu láng bóng của Vương, con của người đàn bà trẻ tên Vô, còn tôi thì ngỡ ngàng với những chữ mà họ đang dùng. Một lúc sau, tôi mới nhớ ra phái Thiếu Lâm Tự là một môn phái võ lâm của Trung Hoa thường có trong sách của Kim Dung và những phim kiếm hiệp mà tôi đã được đọc và xem qua trước năm 1975. Lòng tôi reo vui với ý nghĩ là mình sẽ được đọc và xem lại những loại sách và phim mà sau năm 1975 bị coi là văn hóa phản động và đồi trụy. Điều thú vị nhất trong hôm ấy là Liên, người đàn bà trẻ cho chúng tôi tá túc trước khi vượt biên gặp lại chồng của cô ta, người vượt biên trước cô hai năm, được tàu Nhật vớt và đã định cư tại Nhật. Sự trùng phùng của họ thật là hi hữu và cảm động chẳng khác nào phim truyện. Tôi chợt nhớ đến những đốm sáng lập lờ của những cây nhang và mùi thơm của nó khi mẹ của Liên thắp trên bàn thờ phật bà Quan Âm trước lúc chúng tôi rời nhà của cô ta. Chắc hẳn bà rất đổi sung sướng khi biết tin này và càng tin tưởng hơn về sự phù hộ của ơn trên. Nghĩ như vậy, tôi cảm thấy vui vui.

Chúng tôi đã được nhân viên trại đưa đến phòng sinh hoạt để nghe nói sơ về lịch làm việc và nhận đồ dùng, rồi được đưa về các phòng ở. Các phòng dành cho chúng tôi là những phòng trống được sử dụng bởi những người đã đi định cư hay những phòng còn mới toanh. Gia đình tôi được ở trong phòng chưa hề có người ở qua nhưng cạnh những phòng đã có người. Kích thước và cấu trúc của các phòng hoàn toàn giống nhau. Rộng khoảng mười lăm mét vuông, phòng nào cũng có nền đất trống hẹp bằng xi măng ở gần cửa ra vào dành cho chỗ để giày dép, có sàn lót chiếu cao hơn chỗ để giày khoảng ba tấc, và bốn ngăn hộc lớn với bốn cánh cửa kéo ra vô. Các hộc lớn này có thể sử dụng như hộc giường để ngủ, tủ đựng áo quần, vật dụng hay chỗ để núp khi có động đất. Theo sự sắp xếp và cấu tạo của loại phòng như thế, chúng tôi đã dung hòa ngay với tập tục của người Nhật là khi bước vào phòng phải bỏ dép ngay trước cửa, đi chân trần trên mặt chiếu, ngồi bệt trên mặt chiếu, và nằm trên tấm trải hay nệm đặt trên mặt chiếu của sàn. Theo chuyện kể của những người ở lâu trong trại, có một ông giận vợ thế nào không biết nhưng khi ông quăng cái đĩa thì nó chém vách xuyên qua phòng bên cạnh. Câu chuyện có lẽ được phóng đại cho tính xộp nhe của các vách ván còn thực tế của đặc tính này là đúng thực vì công dụng của nó nhằm để bảo đảm sự an toàn nhân mạng của chúng tôi đối với hiện tượng động đất thường xuyên xảy ra ở đây. Ngay từ trại Omura, chúng tôi đã được huấn luyện để đối phó với hiện tượng tự nhiên này. Chúng tôi đã quen với chuyện không đặt các vật nặng hay dễ vỡ ở trên cao, và đã biết cách chuẩn bị như thế nào khi thấy có động đất. Theo lý thuyết, mỗi khi chúng tôi thấy đồ vật quanh mình rung rinh và mặt đất rung chuyển khá mạnh là chúng tôi phải mở cửa ra vào để phòng khi phải chạy ra ngoài sau đó núp dưới ghế hay bàn, những vật có thể bảo vệ đầu và thân. Thực tế, mỗi khi ở tình trạng lắng lư, tôi thường cảm nhận những gì đang xảy ra quanh mình một cách trầm tĩnh. Tôi có cảm tưởng rằng mặt đất chẳng khác gì mặt biển, có lúc yên bình có lúc gầm gừ, nhưng dù sao chẳng nữa, tôi không hề sợ động đất như từng sợ bão biển. Có lẽ chưa từng chứng kiến sự thịnh nộ dữ dội của mặt đất ở Nhật nên trong tiềm thức của tôi, chẳng có sự hung tợn nào hơn sự hung tợn của những ngọn sóng lớn ở đại dương.

Kokusai Kuyen không những là trại tị nạn lớn nhất của Nhật mà còn là trại có đầy đủ tiện nghi và có số lượng nhân viên rất lớn. Với các khu nhà, đường đi, cây cối, vườn hoa và sân cỏ, trại bề thế chẳng khác gì một khu chung cư qui mô trên một diện tích đất khoảng mười mẫu tây trong khu vực có rào lưới xung quanh và cổng gác. Dưới mắt tôi, trại có vẻ chia thành ba khu: khu hành chánh giáo dục, khu sinh hoạt ăn uống và khu cư ngụ vệ sinh. Trong thực tế, văn phòng, các lớp học Nhật ngữ, các lớp học về đời sống phong tục tập quán xã hội Nhật, nhà trẻ, trạm xá, phòng sinh hoạt, nhà bếp, và các dãy phòng ở của người tị nạn cận kề, liên tục và kéo dài tận hàng rào sau. Chúng nối liền nhau bằng hai dãy hành lang dài có mái che ở hai bên hông. Nhờ hai hành lang có mái che này mà chúng tôi có thể đi lại từ nơi này đến nơi khác trong trại vào những ngày có mưa hay tuyết. Ngoài hai hành lang này là đường nhựa lớn dành cho xe chạy. Con đường nhựa này kéo dài từ trạm gác của trại bọc toàn bộ khu trại song song với vòng rào lưới hình chữ nhật. Nó là nơi di chuyển của những chiếc xe ra vào trại và những chiếc xe tuần ban đêm. Các nhân viên tuần tra có thể làm việc tốt hơn nếu không có hai khu nhà chứa quần áo và dãy nhà tắm được xây song song với lưới rào. Đây là nơi nấp an toàn cho những người trốn trại trước khi leo rào ra ngoài. Người trốn trại chỉ vì mục đích dạo loanh quanh xem cảnh lạ, mua sắm hay kiếm đồ phế thải chứ không phải vì bỏ đi luôn vì đời sống khó khăn hay khổ sở trong trại. Qua tin tức và thư từ của bạn bè của chồng tôi từ các đảo, tôi tin Kokusai Kuyen là trại tốt nhất và đầy đủ tiện nghi nhất trong các trại tị nạn ở Thái Bình Dương. Mỗi dãy phòng ở của chúng tôi đều có phòng rửa giặt với những bồn rửa, máy giặt và máy xấy tối tân. Phòng vệ sinh rộng và ngăn nắp với những bồn rửa mặt trắng tinh và những phòng cầu sạch sẽ. Gần khu sinh hoạt tập thể có cột điện thoại công cộng có thể dùng thẻ gọi ra ngoài. Nhà bếp lớn ngay trong phòng ăn rộng rãi có rất nhiều bộ bàn ghế và cả các tủ đá bán các loại nước uống và bánh kẹo. Vì trại có nhiều phòng và nhiều khu phục vụ, số lượng nhân viên phục vụ của trại gần bằng số lượng với người tị nạn: khoảng một trăm năm mươi người. Ngoài những người lãnh đạo và quản lý trại và giáo sư dạy lớp, còn có rất nhiều nhân viên làm cho phòng y tế, nhà trẻ, ban thông dịch, nhà bếp, ban bảo vệ và vận chuyển. Trong số nhân viên trại, các giáo sư dạy Nhật Ngữ là nhóm chủ lực, kinh nghiệm và kỳ cựu. Phương pháp dạy đặc biệt của họ đã giúp cho người tị nạn Việt hiểu và nói tiếng Nhật thông thạo sau năm tháng học. Khi còn ở Omura, tôi đã nghe tiếng về tác dụng của phương pháp giảng dạy mà họ áp dụng. Đến khi vào lớp học, tôi hoàn toàn đồng ý với lời đồn và thực sự ngưỡng mộ hiệu lực của phương pháp giảng dạy tổng hợp trong lớp. Đồng thời với các bài dạy đặc biệt của mình, các giáo sư dạy tiếng Nhật còn cấp nhiều loại sách Nhật Ngữ, máy cát sét và băng học để chúng tôi tự học thêm tại phòng vào ban đêm.

Trong nhóm tôi chỉ có anh Thảo là người không phải học Nhật Ngữ. Sau cuộc phỏng vấn của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, anh được xét là có đủ tư cách được chính phủ Mỹ bảo lãnh nên được chuyển đến trại khác tìm việc làm trong khi chờ đợi ngày lên đường. Gia đình ông chủ ghe, có lẽ được những người quản lý trong trại lưu tâm đặc biệt, được cha xứ của một nhà thờ cử người đến rước đi sau hai tuần cư ngụ trong trại. Trước ngày họ lên đường, vợ chồng tôi có đến thăm nên được biết là họ được cấp một căn nhà riêng biệt gần nhà thờ tại một vùng nông thôn. Ông chủ ghe cho biết thêm là sau khi nhận nhà ở, vợ chồng ông sẽ được người của nhà thờ cử đến giúp làm đơn xin việc làm và giúp kiếm nhà trẻ và trường cho các con của ông. Khi chúc gia đình ông lên đường may mắn, tôi vội hỏi ông về những điều mà tôi thắc mắc từ ở dưới ghe nhưng không thể nào tự giải đáp được:

“Anh Hùng à! Khi ghe mình lác hướng không thể chèo đến chỗ đèn sáng, em ghe tiếng rột roạt ở chỗ ván ghe nơi em tựa lưng sát vào đó. Lúc đó em không dám nhìn ra ngoài vì ghe chạy nhanh quá nhưng em thấy anh dọi đèn dọc mạn ghe chỗ ấy để thăm dò cái gì bên ngoài. Anh thấy gì lúc đó vậy anh?”

“Tui thấy lưng của con kinh hay con ngư gì đó. Nó lấy lưng đẩy ghe mình đi.”

“Có phải vậy không? Em nghi rồi! Đâu phải là ghe mình vướng vào nước ròng! Ghe mình nhỏ xíu mong manh như vậy chịu sao nổi với giòng chảy xiết của đại dương!”

Tôi reo lên gần như hét khi nói như vậy, rồi trách ông: “Vậy sao lúc đó anh không nói cho ai biết hết cả vậy? Phải chi biết vậy em cũng cố gắng nhìn ra ngoài rồi.”

“Nói để làm gì? Nội cái chuyện ghe được tàu cập đến vớt rồi mà mọi người còn tranh nhau đi rần rần, nghe nói có cá dầy ghe cho họ rần rần tranh nhau xem cho ông lật ghe hả?”

Lời phán có lý trong cách nói diêm dăm của ông khiến tôi bật cười. Tôi đáp:

“Em nghĩ là phải có vật gì cạ vào ghe nên thành của nó mới có tiếng rồn rột như vậy. Hơn nữa, chiếc ghe nhỏ hư máy của mình lúc đó làm sao có thể chạy nhanh hơn lúc còn máy và buồm để vượt qua trận bão biển kinh khủng như vậy?”

Ngẫm nghĩ một lúc tôi hỏi tiếp:

“Con kinh, con ngư là loại cá gì vậy anh? Cá heo hay cá voi?”

“Nó là cá voi. Còn gọi là cá Ông hay Ông.”

“Cá voi? Loại cá này thường đi từng đàn mà?”

“Cũng có lúc mấy ông đi lạc một mình chớ đâu phải lúc nào cũng đi theo đàn.”

“Nhưng cá voi là loại cá lớn, nếu ghe mình mà bị nó đội lên thì phải chìm chứ? Hơn nữa em nhớ cá voi ở trong hình có nước phun ở trên đầu mà?”

“Nó chỉ là một ông kinh con thôi. Ông đỡ ghe mình lên thì làm sao cô thấy nước trên đầu ông như trong hình? Hơn nữa lúc đó nước bắn tứ tung rồi còn đòi nước gì nữa?”

Tôi lại cười khi nghe lời nói có lý này nhưng không hiểu sao tôi chỉ tin con vật đẩy ghe chúng tôi là cá heo con chứ không phải là con cá ông con như ông nói. Những người cùng chuyến ghe tôi thì không hề tin con cá nào giúp chiếc ghe của chúng tôi khi tôi thuật lại lời ông chủ ghe kể. Họ chỉ tin chuyến đi được may mắn là nhờ trời Phật cứu giúp và phước đức ông bà mà thôi. Còn chồng tôi thì dừng dừng với chuyện đã qua. Cuộc sống khốn khó của anh ở Việt Nam đã làm anh đã lạnh lùng chấp nhận số phận sống chết khi quyết định ra đi và hình như anh chỉ nghĩ đến chết nhiều hơn sống.

Sau khi gia đình ông chủ ghe rời trại, nhóm chúng tôi vẫn thường xuyên lui tới qua lại với nhau và lân la làm quen thêm những người ở lâu trong trại. Đến các phòng của những người ở lâu, tôi ngạc nhiên rất nhiều trước sự trưng bày đẹp mắt, gọn gàng và đầy đủ. Chẳng khác gì căn hộ, phòng nào cũng có tủ đựng ti vi, dàn máy nghe nhạc, bàn ăn, bếp nấu điện, bình thủy, xoong chảo và cả tô, chén, đĩa, ly tách. Trước phòng họ còn có các chậu rau húng, hành, rau răm và ớt. Phòng của gia đình tôi là phòng thứ tư trong dãy phòng có người ở mà trong đó phòng đầu tiên là của mẹ con cô gái độc thân, rồi đến phòng thứ hai là của đôi vợ chồng trẻ chờ định cư tại Nhật trong khi chờ người vợ sinh và phòng thứ ba là của một cặp vợ chồng có hai con nhỏ sắp đi Úc. Tiếp theo bốn phòng ở của chúng tôi là những phòng trống rồi đến nhà rửa giặt và phòng vệ sinh cuối dãy. Vì số lượng dân tị nạn trong trại quá ít so với số lượng lớn của các dãy phòng ở, rất nhiều dãy phòng trống sau lưng dãy phòng chúng tôi vẫn còn mới toanh dù đã xây lâu năm. Những buổi chiều tan học, khi nhìn dãy phòng phía sau qua màn kính của cửa sổ, tôi thường trầm ngâm nhớ đến quê nhà. Khi nỗi nhớ tràn ngập tâm hồn, tôi chợt nghĩ đến những người đơn độc và những người mất mát người thân hiện ở trong trại rồi cảm thương họ vô cùng. Tôi nghĩ là gia đình tôi may mắn đến bờ tự do cả vợ chồng con mà tôi còn nhớ nhà đến như thế, không hiểu tinh thần của những người bị mất người thân hay đơn độc còn khổ tâm đến mức nào. Phải chăng họ đã và đang tìm quên bằng nhiều phương cách khác nhau? Như tôi đây, tôi đã tìm quên nỗi nhớ nhà bằng phương cách học tiếng Nhật. Tôi đã cố gắng rất nhiều nhưng những bài tập Nhật Ngữ không là phương cách tốt giúp tôi đè nén nỗi nhớ mình trong những ngày chủ nhật buồn lê thê và dài đằng đẳng. Chủ nhật là ngày chúng tôi không phải đến lớp học và là ngày chúng tôi được phép đi ra khỏi trại nên hai dãy hành lang và nhà bếp rất vắng vẻ. Số ở lại trong trại họp thành nhóm nấu ăn hay xem phim bộ tại một phòng nào đó của người ở lâu trong trại. Vợ chồng tôi, vì không có tiền đi xe buýt để ra ngoài, thường dắt Tinô đi trên con đường nhựa để đến khu nhà trẻ của nó để tắm nắng sáng rồi đến những khóm cây cảnh trước cổng trại nhìn người ra vào. Chúng tôi thường lảng vảng qua các lớp học vắng người hay quanh quẩn qua các dãy phòng chưa có người ở rồi về lại phòng mình. Có lúc chúng tôi đi ngang các dãy phòng của những người ở lâu trong trại nhưng không hề dừng lại hay ghé vào một phòng nào. Những lúc như thế, tiếng cười nói, tiếng ca cải lương, và tiếng hát từ những ô cửa sổ mở thường làm cho chúng tôi tăng thêm nỗi nhớ quê hương, gia đình và bà con hàng xóm. Thấu hiểu tình cảnh buồn chán của chúng tôi, cô vợ có bầu sắp sinh của căn phòng thứ hai của dãy tôi ở rủ chúng tôi đến phòng xem phim kiếm hiệp. Lắm, chồng của cô ta đã rủ chồng tôi kiếm vật dụng cho các phòng trống rỗng của chúng tôi. Sau vài đêm chồng tôi cùng Lắm dọn các chỗ chứa rác, phòng tôi có đầy các thứ chẳng khác nào các phòng cận kề.

Một hôm, sau buổi ăn trưa, trên đường đi đến phòng vệ sinh để súc miệng, tôi đã chạy đến gạt cánh cửa của phòng vệ sinh được mở do một người vừa bước vào trong và đang từ từ khép lại. Sở dĩ tôi làm thế là để đỡ phải mắc công mở cửa và có thể trò chuyện xã giao với người nữ nào đó vừa mới bước vào trong. Thế nhưng khi vào nơi có các bồn rửa mặt, tôi đã hết sức ngạc nhiên vì không thấy một người nào. Thậm chí nghĩ người nào đó đã quá cần kíp nên thoát một cái đã vào phòng cầu bên trong, tôi bình tâm dọn các thứ trên cái bồn rửa mặt ngoài cùng để chải răng. Vốn không thích chải răng trong cùng một phòng nên tôi đã thực hiện động tác chà xát một cách chậm chạp trong lúc chờ người đàn bà nào đó đang ở trong phòng cầu ra khỏi phòng vệ sinh. Hơn mười phút trôi qua mà chẳng có một tiếng động nào vang lên từ hai dãy cầu tiêu tiện bên trong nên tôi phải nghiêng đầu, ghé mắt tìm hiểu. Nhấn mặt với sáu cánh cửa cầu mở toang, tôi rửa thầm: “Không biết ai mà kỳ dữ vậy! Làm gì vội đến nỗi không kịp đóng cửa!”

Dãy phòng tôi ở chỉ có bốn người đàn bà và tôi thật muốn biết ai là người ở một trong sáu phòng cầu bên trong nhưng thời gian không cho phép nên đành súc miệng thật nhanh để về phòng chuẩn bị cho buổi học ban chiều. Dọn dẹp các thứ cá nhân để chuẩn bị ra khỏi phòng vệ sinh, lòng tôi trở nên hồ nghi. Người nào đó ở một trong sáu phòng cầu kia có thể vì quá gấp nên không đóng cửa nhưng không thể quá yên lặng đến độ không gây một tiếng động nào. Để trả lời cho thắc mắc của mình, tôi đã ngồi thụp xuống, nghiêng đầu, ghé mắt vào hai khoảng trống dưới hai dãy cầu để xem xét. Ngạc nhiên vì không hề thấy một đôi chân nào, tôi tự hỏi: “Không lẽ cô nào đó ngồi trên nắp cầu?” rồi cất tiếng hỏi lớn:

“Có ai ở trong phòng này không vậy?”

Câu hỏi được lặp lại nhiều lần nhưng không có tiếng đáp lại, cho nên tôi phải đi vào trong, mở từng cánh cửa khám xét. Sau khi mở hết sáu cửa phòng cầu mà chẳng thấy ai, tôi thắc mắc không hiểu ai đã bước vào phòng vệ sinh trước tôi và người ấy đã biến đâu mất tiêu. Ra khi ra khỏi phòng vệ sinh, tôi vẫn không thể ngừng thắc mắc về bóng người để lại cánh cửa mở sau khi bước vào đó trước tôi. Suy nghĩ một hồi tôi đã vin vào sự quáng gà bất chợt của mình để giải đáp thắc mắc cho cái bóng. Và khi nghĩ đến cái cửa mở thì tôi tự giải đáp thêm là cơn gió nào đó đã đẩy cánh cửa mở ra.

Buổi chiều sau giờ học, tôi đã trở lại phòng vệ sinh. Khi tôi nắm chốt cửa để mở, khắp thân thể của tôi trở nên lạnh toát và nổi đầy da gà. Chiếc cửa này không thể nào được đẩy hay mở bởi gió vì nó được làm bằng kim loại. Với sức nặng, nó luôn bị khép chặt và chỉ có thể mở ra khi có người vận tay nắm mở ra. Nói cách khác, cánh cửa chỉ có thể mở và kéo ra bằng sức người chứ không thể nào bằng một cơn gió. Phân vân trọn giờ ăn chiều, tôi hỏi Lắm:

“Trại này có ma không Lắm?”

“Gặp chuyện gì mà chị hỏi như vậy?” Lắm cười cười khi hỏi như thế và tôi kể điều mà tôi thấy cho Lắm nghe. Nghe tôi nói xong, Lắm nín cười ngay và căn dặn tôi rằng:

“Chị đừng nói gì về chuyện này với vợ em nghe! Nó sợ ma lắm! Nó mà nghe chuyện thì chắc chắn không cho em dẫn chồng chị đi tìm đồ cũ tối nay đâu!”

Nghĩ ngại với lời nói nửa nạc nửa mỡ của Lắm, tôi đem chuyện hỏi Đen, người mẹ độc thân có nước da trái ngược với tên gọi, đang ở căn đầu của dãy phòng tôi ở. Cũng như Lắm, Đen chẳng trả lời câu hỏi của tôi. Cô cho tôi bức hình Phật Bà Quan Thế Âm Bồ Tát với vài cây nhang rồi nói là nhớ thắp hương mỗi ngày. Tôi rất ám ức vì linh cảm mọi người đang giấu mình một điều gì nhưng vẫn mang hình Bồ Tát về phòng thờ lên tường và thắp hương như Đen dặn. Hôm sau, trong giờ học tiếng Nhật, tôi đã kể cho cô giáo những gì mà thấy rồi hỏi cô có tin ma không. Ngạc nhiên thay, cô ta trả lời rằng cô tin có ma và tin cái bóng mà tôi theo vào trong buồng vệ sinh trước tôi là một bóng ma. Tôi đã sốc khi nghe cô ta nói như vậy rồi nói với những người cùng lớp là không ngờ cô giáo của nước công nghiệp tiên tiến nhất thế giới như Nhật lại tin có ma. Bạn cùng lớp, nam lẫn nữ đều nói với tôi là:

“Ai mà không tin ma! Đi vượt biển mà không tin ma mới là chuyện lạ! Bộ chị không nghe tiếng gào rú thê thảm của các âm hồn chết oan ở biển hả?”

Rồi mọi người thi nhau kể chuyện linh thiêng của những người chết chìm, chết đói, và chết trôi theo ghe. Sau đó họ kể chuyện về các phim ma, những ngôi nhà ma và các oan hồn ở Hiroshima và Nagasaki, hai thành phố Nhật bị bỏ bom vào năm 1945. Những câu chuyện của họ tuy hấp dẫn nhưng chẳng nhập nhằng với việc xảy ra cho tôi; vì thế, tôi tự tiếp tục tìm hiểu. Một ngày kia, bà O, người thường đến chăm sóc Việt, con trai của Đen, và Đen cùng tiết lộ với tôi rằng phòng tôi ở trước đây là nơi tẩm liệm cô Th., một cô gái dậy thì bị chết vì căn bệnh u não.

Một ngày kia, bà O, người thường đến chăm sóc Việt, con trai của Đen, và Đen cùng tiết lộ với tôi rằng phòng tôi ở trước đây là nơi tẩm liệm cô Th., một cô gái dậy thì bị chết vì căn bệnh u não. Cô Th. chết một cách bất ngờ vì ông bác sĩ Nhật ở phòng y tế không khám kỹ căn bệnh của cô khi nghe cô khai triệu chứng chóng mặt và ói mửa. Ông không biết bệnh tình cô trầm trọng đến độ cần phải đưa ra bệnh viện chữa trị cấp thời vì ông nghĩ rằng cô có bầu như một vài cô gái trong trại thường khai những triệu chứng này trước đây. Cái chết bất ngờ của cô Th. đã khiến nhân viên trại trở tay không kịp; cho nên, những người Việt tị nạn trong trại đã đưa xác cô đến một phòng trống của các dãy phòng không có người ở để tẩm liệm cô theo lối Việt Nam trước khi đưa đi an táng. Bà O nói rằng lúc đó rất ít người tị nạn trong trại nên các gia đình chỉ ở hai dãy phòng gần nhà ăn. Mọi người quyết định tẩm liệm cô Th. ở dãy phòng xa hơn nơi họ cư ngụ. Và căn phòng họ chọn chính là căn phòng mà vợ chồng chúng tôi đang ở hiện thời. Tôi đã sững sờ sau khi nghe mọi chuyện vì tôi không hề có ý nghĩ là người tị nạn nào trong trại có thể chết trong một trại đầy đủ, tối tân, và hiện đại như trung tâm Kokusai Kuyen này. Và vì quá kinh ngạc với chuyện hi hữu vừa được nghe, tôi đã không ngừng tự hỏi: “Có thể nào cái bóng trong phòng vệ sinh là cô gái đã chết và được liệm trong căn phòng tôi đang sống không? Có thể nào linh hồn của một người chết còn vất vưởng sau bao nhiêu năm xa rời thế gian không? Tại sao người chết này còn muốn tôi thấy sự hiện diện của cô ta? Cô làm như vậy với mục đích gì?” Tôi đã tự thuyết phục mình bằng những lập luận khoa học để xua tan ý nghĩ về chuyện ma nhưng tôi không thể nào giải thích tại sao mình không hề biết chuyện gì xảy ra cho một cô gái đã chết và được tẩm liệm trong phòng mình đang ở, lại thấy bóng của cô ta ngay lúc mười hai giờ trưa. Một thời điểm mà nếu tôi tin có ma chẳng nữa, không thể nào tin được là ma có thể xuất hiện. Tôi đã trầm tư mặc tưởng thêm nhiều câu hỏi là: “Mình đã làm những gì không phải? Và vì sao cô lại chọn mình mà không phải một ai khác?”

Sau hai ngày đêm suy nghĩ, tôi quyết định nói chuyện với cô Th. Tối hôm đó tôi chờ chồng tôi và con tôi ngủ rồi mở cửa ra đứng ngoài trước cửa phòng một mình. Tôi đã không hề sợ dù trời lúc đó tối đen, không khí rất lạnh lẽo và hành lang hoàn toàn vắng tanh. Tôi đã thì thầm với bóng đêm rằng:

“Cô Th.! Tôi không biết cô là ai và tại sao cô lại muốn tôi thấy cô. Nếu cô muốn dọa tôi thì cô đã chọn không đúng người vì hồi giờ tôi chẳng làm gì nên tội để bị chọc phá. Hiện tại, tôi chỉ là một người nghèo trong trại này. Tôi chẳng có thân nhân nào ở các nước khác gửi tiền cho và cũng chẳng có ai ở ngoài trại Nhật giúp đỡ. Tiền tôi có được chỉ dùng để mua tem thư cho gia đình bạn bè, thuốc hút cho chồng tôi và bánh kẹo cho con tôi, cho nên nếu vì tôi quá nhiều điều gì đó mà cô đòi tôi cúng kính nhang đèn cho cô thì tôi chẳng phải là người có điều kiện đâu...”

Chưa nói hết những điều mình nghĩ, tôi đã khóc nức nở rồi mở cửa chạy vào phòng. Tôi không hiểu vì sao tôi khóc đến như vậy. Lúc đó, có lẽ cảm giác sợ đã bắt đầu lan khắp người tôi. Mà cũng có thể vì sự mặc cảm xấu xí, thua thiệt và mất mát đã giải bày phần nào trong những lời nói mà tôi vừa tâm sự với người khuất bóng.

Tôi tưởng là sự dứt khoát của mình đối với cô Th. vào đêm tối trời hôm trước đã được thỏa thuận, trôi qua và chấm hết. Nào ngờ, những ngày sau đó, tôi có được tất cả những thứ mà tôi dùng làm có thoái thác với người đã chết. Hôm đó, bà O cho tôi biết là chị Thủy, cháu gái ruột của bà, mời tôi đến phòng chơi. Tôi hỏi vợ Lắm:

“Em biết chị Thủy là ai không vậy?”

“Chị Thủy là một người ở lâu trong trại, không chịu định cư tại Nhật vì chờ giấy tờ bảo lãnh từ Mỹ. Chị rất đẹp, rất giàu và giàu lòng thương người. Hôm qua chị đến thăm em và hỏi em về chị. Chị hỏi là chị vượt biển có bị chuyện gì không mà cạo đầu. Chị muốn gặp chị để giúp đỡ.” Vợ Lắm vui vẻ trả lời rồi kể thêm:

“Theo lời của những người ở lâu trong trại, chị là con gái của sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, nhờ sắc đẹp đã chinh phục trái tim của một cán bộ Hải Quan, sau này là chồng của chị. Ông ta đã đánh cắp chiếc tàu lớn do ông làm thuyền trưởng ở thương cảng Đà Nẵng để đưa toàn bộ mẹ, vợ, con cái lẫn bà con họ hàng của cả hai bên trốn ra nước ngoài.”

Tôi không hiểu tin tức trong trại đúng bao nhiêu phần trăm sau nhiều lần truyền miệng từ người này đến người kia, nhưng tôi tin rằng một đại gia đình với ba bốn thế hệ đến nước Nhật nguyên vẹn như gia đình chị Thủy ắt phải có sự chuẩn bị chu đáo và phương tiện tối tân như lời đồn đãi. Đến phòng chị Thủy hôm đó có thêm vài người mới nhập trại khác. Đa số là những người bất hạnh trong những chuyến đi kém may mắn. Chúng tôi, dù ở chung trại nhưng chưa từng tiếp xúc nhiều với nhau nên rất e dè. Khi ăn món bún riêu thì mọi người có cơ hội hỏi han và thân mật với nhau hơn. Tuy nhiên, trong khi ăn có lúc tất cả phải im lặng, buông dưa, để vỗ về người đang gục đầu vừa khóc vừa gọi tên con. Sau bữa ăn, chị Thủy chỉ giữ ba người ở lại để cho áo quần và vật dụng đó là chị H., người có đứa con gái chết chìm trong chuyến ghe bị đắm bởi tàu Nhật, T., người mất hết người thân trong chuyến vượt biên và tôi, người có cái đầu trọc đầy bí ẩn và đôi mắt u buồn. Với ý nghĩ chúng tôi là những người có hoàn cảnh đặc biệt, chị Thủy đã lưu tâm giúp đỡ nhiều hơn. Vì ngày hôm sau là chủ nhật, chị đề nghị chúng tôi ra khỏi trại chơi để khuây khỏa tinh thần. Chị hứa sẽ chi tiền xe cho chúng tôi và đưa chúng tôi đi thăm các đường phố của Tokyo trước khi ghé thăm gia đình anh chị của chị đang định cư gần đó. Ngày hôm sau, khi Chị H., T. và tôi đang chờ chị Thủy tại trạm xe buýt, một nhà sư đến hỏi thăm tôi về việc xuống tóc của tôi. Tôi thật tình cho ông biết tôi không phải là một Phật tử đích thực rồi giải thích nguyên nhân. Nhà sư nghe xong, không nói không rằng, chỉ cho tôi mười ngàn Yên rồi chào từ giã. Ông làm tôi tin ông là một nhà sư Việt Nam có khả năng tài chính và nổi tiếng ở Nhật nhưng tôi đã vô tâm không hỏi tên ông hay số điện thoại của ông phòng khi cần giúp đỡ thêm. Điều mà tôi bận tâm lúc ấy là số tiền lớn mà tôi có được và nơi tôi đang đứng là khu phố buôn bán đầy hoa quả và thức ăn ven đường. Hai điều này không thể khiến tôi tiếp tục phủ định những gì mình dứt khoát với cô Th. cho nên sau khi chia tiền cho chị H. và T., tôi quyết định mua hoa quả và bánh trái để khi đi chơi về thực hiện ngay những điều mình nói với cô gái chết trong trại.

Tôi chỉ cúng cô Th. một lần rồi thôi. Tôi vốn không quan tâm nhiều đến chuyện ma; hơn nữa, ma hay linh hồn người chết gì đó, có hay không, không ảnh hưởng gì đến đời sống của tôi trong trại lúc đó. Vấn đề mà tôi lo lắng bấy giờ là tiếng Nhật và chuyện định cư. Được ra ngoài trại, ngang qua các khu phố và tiếp xúc với người Nhật, tôi thấy tiếng Nhật rất quan trọng cho việc định cư tại đây. Hầu hết người Nhật, ngay cả những người Nhật nói tiếng Anh thạo, chỉ sử dụng tiếng nói của họ khi giao tiếp với người nước ngoài. Các bảng hiệu, các bảng quảng cáo và ngay cả các loại thuốc Tây đều ghi tiếng Nhật. Người Việt định cư tại Nhật nói rằng muốn có bằng lái xe phải biết ít nhất là một ngàn đến một ngàn năm trăm chữ Candi. Vì biết tư cách tị nạn của gia đình mình không thể đến Mỹ hay một nước nào khác, tôi chuyên tâm học trước khi ký giấy định cư tại Nhật. Nhờ bận rộn với bài vở ngày càng nhiều, tôi đã không còn thời giờ trầm tư mặc tưởng về quê nhà. Hơn nữa, trong tháng chín năm đó, các dãy phòng trống sau lưng dãy phòng tôi đầy ắp những người tị nạn. Những người này là thuyền nhân của những chuyến tàu lớn xuất phát từ miền Bắc Việt Nam hay giáp ranh với Trung Quốc. Vì những người này chỉ nói tiếng Hoa trong lúc tự xưng là người Tây Nùng, dân tộc thiểu số Việt Nam ở biên giới Việt Trung, ban quản lý trại Kokusai Kuyen lưu giữ tạm một thời gian trong lúc điều tra tư cách tị nạn của họ. Để giải quyết việc cư trú cho hơn một ngàn người tị nạn trong trại, ban Quản Trị đã dồn hai hoặc ba gia đình sống chung với nhau. Phòng tôi có thêm cặp vợ chồng người Tây Nùng và hai mẹ con chị Lê Xuân Ảnh, bạn cùng lớp với vợ chồng tôi.

Tôi rất ngạc nhiên với số lượng thuyền nhân ồ ạt ra khỏi nước ngày càng nhiều. Trái với sự dự đoán của chồng C. Sơn, anh Thảo và chồng tôi về sự ngừng vượt biên sau ngày Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đóng cửa, người Việt, bất kể số phận của họ ra sao, vẫn tiếp tục tìm cách trốn ra khỏi nước. Cùng tháng chín năm ấy, qua thư gia đình, tôi được tin Thanh Ngọc, người bạn gái thân của tôi, đã vượt biên đến đảo Palawan của Phi. Chưa hết ngạc nhiên với bức thư báo tin của em gái mình, tôi đã kinh hoàng với những tin báo của những người ở trong trại thường nghe đài VOA và BBC. Họ cho biết là một chiếc ghe chở gần một trăm người vượt biển đến Phi, bị đá ngầm ở ven biển đánh vỡ, nên chỉ còn gần hai chục người sống sót. Sau tin này là tin một chiếc ghe vượt biển ở miền Nam có khoảng ba mươi người bị hải tặc hãm hiếp và giết sạch chỉ còn một thanh niên sống sót nhờ lẩn trốn. Càng nghe tin, tôi càng cảm thấy vừa

thương xót vừa cay đắng cho thân phận của thuyền nhân của chúng tôi. Trong hành trình tìm tự do đầy cam go và nguy hiểm này, mỗi người chúng tôi có một phần số khác nhau; nhưng trong tất cả, sự mất mát trong tinh thần thì không một ai có thể tránh khỏi. Giữa tháng mười, tin làm cho tôi buồn nhất là a C? (anh) và a Chế (chị), cặp vợ chồng người Tày Nùng ở chung phòng với chúng tôi, có lệnh rời trại vào ngày 24 tháng 10. Họ đã khóc suốt mướt cả một ngày đêm trước ngày lên đường. Tôi không biết họ có phải là dân tộc thiểu số Nùng hay Tày ở Quảng Ninh của Việt Nam không vì họ có thể đọc tiếng Hán và hiểu được báo Nhật nhưng ngôn ngữ họ dùng chẳng khác gì người Tày Nùng ở Sông Mao, nơi tôi từng ở một thời gian. Những người Tày Nùng ở thị trấn Sông Mao của miền Nam Việt Nam là những người đã chạy trốn chủ nghĩa Cộng Sản và di cư vào miền Nam vào năm 1954. Nếu những người này có cùng hoàn cảnh như những người Tày Nùng ở Sông Mao thì quả thật là tội nghiệp khi bị trả về. Cho dù không hiểu họ sẽ bị trả về miền Bắc Việt Nam hay Trung Quốc, tôi tin rằng họ sẽ không tránh khỏi sự trừng phạt nặng nề cả hai nước đều theo khối Cộng Sản. Buổi tối, khi những người bạn của a C? đến phòng chúng tôi, chụm đầu vào nhau và gạt lệ trong khi xì xào ngôn ngữ của họ, thì tôi khẳng định hơn những điều mình hình dung. Buổi sáng hôm sau, trong cảnh người đi kẻ ở, tôi bịn rịn chia tay họ với tấm lòng thương cảm vô bờ bến. Cho dù tôi chẳng rõ họ là ai nhưng tôi tin họ là những người tốt và thật thà. Những người này đã từng giúp vợ chồng tôi chăm sóc Tinô và xếp hàng lãnh cơm cho chúng tôi khi chúng tôi đi học về trễ. Đó là những kỷ niệm mà tôi không thể nào quên. Nhìn họ trong đoàn người lũ lượt xếp hàng ra khỏi trại tôi chợt nhớ đến sự ấu đã của một số thanh niên trong nhóm của họ và những thanh niên người Việt trong trại. Sự ấu đã này do sự mạo danh thuyền nhân Việt của họ mà hậu quả của nó là sự bắt buộc hồi hương. Tôi không hình dung được cảnh chính phủ Cộng Sản Trung Quốc sẽ đối xử với họ ra sao nhưng tôi cảm thấy ngậm ngùi cho số phận chung của những thuyền nhân trốn chủ nghĩa Cộng Sản trong hành trình tìm tự do. Chúng tôi không những trải qua bao hiểm nguy trên biển mà còn phải qua quá trình xét duyệt tư cách tị nạn để được định cư hay không. Tôi đã nghe rất nhiều tin từ bạn bè các đảo Phi Luật Tân, Mã Lai và Thái Lan về chuyện tự vận của những thuyền nhân sau khi bị từ chối tư cách tị nạn và dọa sẽ trả về Việt Nam. Phải chăng trong tâm hồn của những người này cũng tuyệt vọng như thế?

Sau khi a Cố và a Chế ra đi, mẹ con chị Xuân Ảnh và gia đình tôi khắng khít với nhau ngày một nhiều. Thân tình hơn cả bà con ruột thịt, chị Xuân Ảnh và tôi thường cùng nhau đến lớp, lấy thức ăn ở nhà bếp, về phòng ăn chung hay cùng sinh hoạt với nhau. Cuối tuần, chúng tôi thường cùng nhau đi phố, đi chùa hay viếng thăm một vài nơi ở vùng ngoại ô. Lâu lâu, chúng tôi được đi chơi bằng xe hơi của một nhân viên của sở Di Trú Nhật. Ông này thường vào trại mời Tuấn, con trai chị Xuân Ảnh, thông dịch mỗi khi sở Di Trú Nhật có thuyền nhân hay người tị nạn mới đến. Mê hoặc với sự thông minh và khả năng ngoại ngữ siêu việt của thằng bé mười lăm tuổi, ông đã coi Tuấn như con ruột. Ngoài những món quà dành cho nó và đưa nó đi chơi đây đó, ông còn chở cả hai gia đình chúng tôi đi chơi ở các vùng ngoại ô của Tokyo. Có lần chúng tôi được ông chở đến tận Chi Ba, cách Tokyo khoảng một trăm năm mươi cây số để viếng một ngôi chùa rất nổi tiếng ở Nhật. Tại đây ông đã chỉ cho chúng tôi cách làm phép như: Đặt tay sờ vào chuông đồng để được hạnh phúc, vót khói nhang trầm áp vào đầu để được thông minh. Khi tôi mua một cái ví đựng tiền, người bán hàng nhét vào một lá bùa và nói là nó sẽ mang tiền nhiều đến cho tôi. Từ chùa Chi Ba, ông nhân viên của sở Di Trú Nhật chở chúng tôi về nhà ông để giới thiệu với vợ con của ông và thưởng thức các món ăn Nhật do chính tay vợ ông nấu. Hôm đó cũng là ngày lễ trao chìa khóa nhà ông cho Tuấn, một hình thức bày tỏ là ông chính thức coi Tuấn như con ruột. Khi ông run run trao chìa khóa cho Tuấn, tôi hiểu là ông kỳ vọng nó sẽ đến thăm ông một ngày nào đó, bất cứ lúc nào, ngay cả lúc không có ông và vợ con ông ở nhà. Điều này thì không bao giờ xảy ra vì tôi biết chị Xuân Ảnh và Tuấn đang chuẩn bị rời xứ hoa Anh Đào này. Họ, dù phải theo học các lớp do trại Kokusai Kuyen tổ chức, sẽ lên đường đi Mỹ trong một ngày rất gần vì anh Phương, chồng chị Xuân Ảnh, nguyên là sĩ quan Không Quân của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, hiện làm thông dịch cho một tòa án tại Boston, đã lo xong các thủ tục bảo lãnh họ đi theo diện đoàn tụ gia đình. Mơ ước Tuấn trở thành là con ruột mình là ước mơ viễn vông của ông nhân viên của sở Di Trú Nhật bởi vì ước mơ mà Tuấn ấp ủ từ lúc còn ở Việt Nam là được đến Mỹ gặp ba ruột sau bao nhiêu năm xa cách. Tôi biết điều này vì chị Xuân Ảnh thường tâm sự với tôi khi trong phòng chỉ có hai chị em chúng tôi.

“Lan biết không! Chị không muốn đi vượt biển vì sợ chết nhưng Tuấn cứ hỏi chị tìm chỗ đi. Nó đi học nghe tin đứa bạn này đi lọt rồi, đứa bạn khác vượt biển đến đảo rồi nên nôn nóng nói chị tìm chỗ đi cho bằng được.”

“Chắc nó không sợ vì không tưởng tượng được sự nguy hiểm của vượt biển. Còn chị nghe nhiều nên sợ và chờ anh Phương bảo lãnh phải không?” Tôi hỏi.

“Không phải đâu Lan. Chị đâu hy vọng gì chuyện anh Phương bảo lãnh. Bởi vì ảnh nộp hồ sơ bảo lãnh đến tòa đại sứ Việt Nam ở Thái Lan bị tụi nó hỏi lý lịch, anh bỏ đơn không làm nữa. Ảnh nói là ảnh đã ở nước tự do, không còn thằng Việt Cộng nào được quyền hỏi lý lịch của ảnh. Ảnh viết thư bảo chị đưa Tuấn vượt biên.”

“Sao lại vậy? Vượt biên đâu phải là dễ. Đi vượt biên là cầm chết chắc trong tay. Nếu được bảo lãnh đi thì an toàn hơn vượt biên chứ?”

“Bởi vậy mới nói! Nhưng ảnh đã khẳng khái là không bảo lãnh nữa mà Tuấn cứ hỏi chị tìm chỗ đi vượt biên hoài nên chị đành phải làm theo. Sở dĩ chị không muốn vượt biên vì chị không biết bơi; hơn nữa ở Sài Gòn không gần biển, tìm người tổ chức vượt biên đâu phải là dễ. Mình đâu biết ai thật ai giả đâu Lan. Thiếu gì người bị gạt lấy vàng mà không đi được!”

“Vậy rồi làm sao chị tìm được chỗ đi?”

“Chị Nga đang học lớp mình là bạn chị. Lúc đó chỉ tìm được mối do gia đình chủ ghe tổ chức nên rủ chị luôn. Vì ghe dài có mười thước nên người chủ ghe chỉ tổ chức cho người trong gia đình và họ hàng của họ đi thôi.”

“Còn đỡ hơn ghe của tụi em. Nó dài chỉ có bảy mét hà. Vì ghe của tụi em nhỏ xíu nên xuất phát ngay chỗ cầu Xóm Bóng Nha Trang mà công an không thèm bắt”

“Ghe của tụi chị thì đi từ Bà Rịa Vũng Tàu. Vừa ra khơi là gặp bão ngay nhưng ông chủ ghe không chịu quay vào bờ. Ra xa thêm độ một ngày thì máy hư, nước tràn vào ghe rất nhiều nên những người lớn đều

phải thay phiên nhau tát nước. Cố gắng được năm ngày, không ai còn sức để tát nước nữa nên nước ngập vào ghe lại lảng. Lúc đó, chị Nga gỡ ba tấm ván đưa cho mẹ con chị bảo lấy để làm vật phòng thân. Vợ chồng chủ ghe thấy tình cảnh ngặt nghèo nên để tụi chị gỡ ván chứ để nào họ cho mình rõ ghe họ ra đâu Lan! Lúc đó chị nghe lời khuyên còn nước còn tát của chị Nga nên miễn cưỡng giữ một tấm ván chứ chị không còn hy vọng gì được sống sót. Lan nghĩ coi, tấm ván thì nhỏ mà biển nước mênh mông làm sao mà sống nổi? Lúc đó Tuấn bị cảm sốt còn chị bị sung tấy một bên mông vì nằm chẹt lên trên sợi dây thừng không nhúc nhích được. Mê mê tỉnh tỉnh, chị nghe tiếng người gọi nhau, tiếng rao bánh dày, tiếng hát cải lương, tiếng ca vọng cổ nữa. Chị tưởng gần bờ nên nói ông chủ ghe cố gắng chèo trở vào chứ chị biết đâu là ghe đã ngoài hải phận Quốc Tế. May sao lúc đó có tàu Tây Đức trông chiếc ghe của tụi chị bị vùi dập trước những cơn sóng lớn nên quyết định cứu.”

“Có phải họ đã thả thang xuống vớt người ở ghe chị lên không?”

“Không. Tàu họ không có thang sắt hay thang dây gì cả. Có lẽ họ chẳng bao giờ xuống tàu bằng thang và chẳng bao giờ cứu người nên không chuẩn bị thứ này.”

“Vậy rồi làm sao họ vớt những người trên ghe chị lên tàu?”

“Tụi chị phải đứng trên boong, chỗ gần mũi ghe, nhón chân, giơ hai tay thẳng lên trời chờ sóng nhồi ghe lên cao thì người trên tàu thò đầu xuống, vói tay kéo lên.”

“Trời ơi! Vớt người kiểu gì mà nguy hiểm dữ vậy? Mà em chưa bao giờ nghe chuyện tàu lớn mà không có thang vớt người như tàu mà chị kể đâu! Nếu chẳng may thủy thủ của tàu bị rơi xuống biển thì họ làm sao?”

“Bởi vậy, nghe như vậy thì chẳng ai tin! Nhưng tàu Golar Free cứu chị không có thang là chuyện thật. Mấy ông trên tàu nói phải làm theo cách như vậy để tụi chị có thể lên tàu thật nhanh như giông sắp đến rồi. Thế là mọi người dưới ghe của chị đành phải nghe theo dù phải đứng trên boong ghe trời trượt và nghiêng ngã bởi sóng gió”

“Dễ sợ quá vậy!”

“Cái kiểu vớt người của ghe chị dễ sợ lắm, Lan không tưởng tượng nổi đâu! Vậy mà hay một cái là mấy đứa nhỏ và mấy bà trên ghe nghe lời chỉ dẫn đều lần lượt được kéo lên. Đến phiên chị, phần vì chân ê bước không được do đùi bị tấy nhức, phần vì sợ té khi đứng chập chênh trên ghe, chị không tin là mình được kéo lên. Y như rằng, khi người thủy thủ ở trên tàu vừa nắm tay kéo chị lên là chị bị tuột tay rơi xuống nước ngay.”

“Trời ơi!”

“Ừ. Kinh khủng vậy đó! Biết sao không Lan? Chị bị dính đầy dầu do nằm gần chỗ máy dầu bắn ra mà mệt quá đâu hay biết gì. Cho nên khi người trên tàu Tây Đức chụp tay chị rồi mà vì tay chị trơn quá nên chị bị tuột và rơi xuống biển.”

“Rồi chị làm sao?”

“Chị chìm ngay khi rơi xuống nước chớ sao! Chứ có biết bơi đâu mà nổi được! Nhưng may là chị văng ra ngoài chứ văng xuống giữa tàu Tây Đức và cái ghe của tụi chị thì chị bị cả hai chiếc kẹp nát thân rồi. Lúc đó thằng Lương, em vợ ông chủ ghe, phóng ngay xuống chỗ chị vừa rớt rồi vớt chị lên ngay. Kéo chị lên ghe xong, nó nói chị lau người cho khô hết nước và hết dầu rồi tiếp tục đến ở chỗ mũi ghe đứng giơ hai tay lên và chờ sóng nhồi cho ghe cao lên để người trên tàu chụp lên nữa. Lúc đó chị nhất quyết không chịu nghe lời nó cũng như không nghe mấy người đàn ông đang còn lại ở trên ghe. Chị nói mấy ông lên tàu hết đi để chị ở lại chết trong ghe cũng được. Chứ Lan nghĩ coi, lúc đó chị vừa đói lả, vừa bị thương bên mông, vừa thất hồn sau khi bị rớt xuống biển thì còn tinh thần nào để theo lời mấy ông?”

“Dạ, em hiểu. Nhưng... rồi sao nữa hả chị?”

“Thằng Lương năn nỉ chị quá chừng. Nó hứa là sẽ đỡ chị đưa lên cao khi chắc chắn người trên tàu kéo chị lên được thì nó mới bỏ tay ra. Nó còn nói là chị không lên tàu thì nó không lên! Chị thối thoái hoài chẳng được nên đành theo lời nó. Cuối cùng, người ta cũng chụp được chị để kéo lên trên tàu; nhưng chị vừa được kéo lên là ngất xỉu ngay.”

“Lúc đó Tuấn ở đâu?”

“Tuấn được vớt lên tàu, nói chuyện với thuyền trưởng và người thủy thủ của tàu về chuyến đi của tụi chị nên đâu biết chuyện chị rớt xuống biển. Đến khi nghe nó nghe tin chị ngất xỉu thì khóc quá trời. Ông thuyền trưởng của tàu vừa thương cảm hoàn cảnh của mẹ con chị vừa không biết tình trạng sức khỏe của chị phải giải quyết thế nào nên đã cho tàu vòng trở lại Singapore để kiểm bác sĩ ra tàu khám và điều trị

cho chị. Sau khi chị tỉnh lại nhờ thuốc chích, tàu mới tiếp tục hành trình. Vì chị mà hành trình của họ bị chậm trễ đó Lan! Tính từ ngày tàu vớt đến Nhật mất đến một tháng tròn.”

“Ừa? Sao lúc đó họ không để mấy người trong ghe chị ở lại Singapore luôn?”

“Ông thuyền trưởng nói với tụi chị là tàu ông chở gas đến Nhật, nếu ông hỏi sở dĩ đi trú Nhật bằng lòng nhận thuyền nhân thì ông chở tụi chị đến đó luôn còn không thì tụi chị ở lại Singapore. Khi biết Nhật đồng ý và tụi chị bằng lòng theo tàu đi Nhật, ông chở tụi chị đến cảng Chi Ba của Nhật luôn. Tụi chị không chịu ở lại Singapore vì nghe nói trại ở đó khổ hơn trại ở Nhật. Tội một cái là chiếc tàu Tây Đức đã chiều theo ý muốn của tụi chị nên phải dài thọ tụi chị suốt cuộc hành trình.”

“Giống ông thuyền trưởng Đan Mạch và các thủy thủ của tàu vớt tụi em. Họ chăm sóc tụi em từ chuyện ăn uống, áo quần, an toàn và cả chuyện gọi về sở dĩ trú Nhật hỏi chuyện định cư trong mười ngày chúng em ở trên tàu. Tụi mình quả là may mắn vì trên thế giới này còn có rất nhiều người nhân đạo như thuyền trưởng của tàu cứu chị và thuyền trưởng của tàu cứu tụi em. Cũng nhờ những tấm lòng nhân ái của họ mà những người lênh đênh trên biển như tụi mình mới được sống sót và có ngày hôm nay. Em biết là chị không thể nào quên những ân nhân của chị cũng như em không bao giờ quên tấm chân tình mà những ân nhân của em dành cho em và gia đình em.”

“Tàu vớt tụi chị là tàu Tây Đức và thuyền trưởng cũng là người Tây Đức nhưng thủy thủ thì gồm nhiều sắc dân khác nhau. Ông thuyền trưởng này tốt lắm Lan à! Ông thường vào phòng thăm chị và khuyên chị phải cố gắng ra ngoài boong tàu phơi nắng mỗi ngày. Cũng nhờ thằng Tuấn nói tiếng Anh giỏi, nên mẹ con chị được ông quan tâm nhiều. Còn mấy người thủy thủ trên tàu cũng thương nhóm người của ghe chị lắm. Họ tìm có thứ gì thì cho tụi chị thứ nấy. Đa số là áo thun và quần lót mới. Đàn bà của ghe chị toàn mặc quần lót đàn ông nên vào trại, tụi nó đặt tên là Nhóm mặc quần lót đàn ông là vậy!”

“Nhóm của tụi em thì họ đặt tên là nhóm Thiếu Lâm Tự. Các nhóm khác có tên là Nhóm Đi Thẳng, Nhóm tàu lật, Nhóm bốn mươi chín người... Dù ở nhóm nào chẳng nữa, đến được đây, mình là những người may mắn. Chứ nếu không được tàu vớt, chúng ta đồng số phận với những người bị chết chìm thôi.”

“Đúng vậy đó Lan. Mỗi chúng ta có một cái số trong cuộc hành trình tìm tự do này. Được tàu vớt, được tới đất liền, giấc mơ tự do của chúng ta đã trở thành hiện thực, còn những người kém may mắn phải mang ước mơ của họ xuống tuyến đài. Đã có quá nhiều chiếc ghe vượt biển bị chìm cho nên âm hồn của những người chết kêu khóc khắp đại dương. Mấy người ở trại này như bà Nga, con Thúy, con Lan, thằng Bình, ông Cảnh cũng nói là họ nghe những tiếng gào cứu bị thương ai oán khi ghe lênh đênh trên biển. Giờ nhớ lại những tiếng gọi, tiếng nói, tiếng ca hát trên biển, chị nghĩ là sinh hoạt của những oan hồn ấy còn quyến luyến những gì mà họ sinh hoạt khi còn sống.”

Những câu chuyện kể của chị Xuân Ảnh thường làm tôi suy nghĩ nhiều về ước mơ và số phận của những thuyền nhân chúng tôi. Mặc dù rất an lòng với sự may mắn của mình, tôi thường chơi vơi với sự mất mát mà những người kém may mắn phải trải qua. Đã có rất nhiều cơn ác mộng đến với tôi hàng đêm. Có lúc tôi thấy những bức tường sóng khổng lồ cong đầu cuốn ghe chúng tôi. Có lúc tôi thấy ghe mình bị nướn tràn vào và chìm dần trong biển nước. Dù bị đắm bằng cách nào, tôi luôn thấy mình từ từ tách khỏi đám người đang chơi vơi trong lòng biển. Sau đó, Tinô rời khỏi tay tôi và lơ lửng trong màn nước tím đen. Những lúc như thế, tôi thấy mình cố gắng hết sức để giữ chặt Tinô vào lòng nhưng sự ngộp thở vì sức nước đã không cho tôi thực hiện quyết tâm của tôi. Những cơn ác mộng thường làm tôi la hét, tuốt đầy mồ hôi và kinh hoàng khi thức dậy. Mỗi khi bất chợt nhìn nước biển trên màn ảnh của vô tuyến truyền hình thì đầu tôi trở nên cứng đờ. Tôi biết một cách chắc chắn là những hình ảnh kinh hoàng cũ vẫn còn tiềm tàng trong tiềm thức của mình và thần kinh của mình không được bình thường vì chuyện chết biển vẫn chưa được xóa hết trong ý nghĩ của tôi. Đồng với sự bất ổn tinh thần của mình, tôi luôn luôn nghe lời tâm sự của chị Xuân Ảnh:

“Nếu kiếp sau có bị Cộng Sản đày đọa cách mấy chị cũng ráng cam chịu chứ chị sợ vượt biển quá rồi Lan à. May là tụi chị có tàu Tây Đức vớt chứ ghe chị đi từ Bà Rịa ngang qua vịnh Thái Lan tránh sao được nạn hải tặc. Không ít chuyến vượt biển bị cướp bóc, hãm hiếp, thẩm sát, ném xuống biển hay chết chìm vì ghe bị đục bởi bọn hải tặc đầu Lan. Phải nói là người Việt Nam mình đã trả một giá khá lớn cho hành trình tìm tự do đó Lan.”

Tôi hiểu vì sao chị Xuân Ảnh nói như thế nên tôi đã không bàn luận gì về ý kiến của chị. Tuy nhiên, khi nghĩ đến những thuyền nhân kém may mắn, tôi hiểu sự dằn vò trong nội tâm của họ trước khi họ quyết định bỏ lại quê hương, bà con ruột thịt, nhà cửa và tài sản để vượt biên như thế nào. Chắc chắn là họ đã lường trước được những gì xảy ra khi trường hợp xấu xảy đến nhưng họ vẫn quyết định ra đi hơn là ở lại.

Vì hành trình vượt biển là một sự ám ảnh kinh hoàng đối với tinh thần những người trong trại nên chúng tôi hiếm khi nhắc nhở đến chúng. Mỗi khi có dịp nói chuyện với nhau chúng tôi thường nhắc những kỷ niệm khi còn ở Việt Nam, những món ăn Việt Nam, hoặc chuyện học tiếng Nhật, phong tục tập quán của Nhật, các thức ăn của Nhật và những vấn đề liên quan đến chuyện định cư ở Nhật. Ngoài ra, chúng tôi thường hay so sánh đời sống của những người Việt định cư ở các nước trên thế giới rồi bày tỏ ước muốn mình.

Trong một buổi tối tâm tình và nhắc lại những kỷ niệm khi còn ở quê hương, Lắm hỏi chúng tôi: “Anh chị ở Nha Trang chắc thường ăn đồ biển lắm phải không?”

Chồng tôi vui vẻ đáp:

“Còn nói gì nữa! Có tiền là có hải sản tươi ngay.”

“Vậy giờ anh có thêm ăn đầu cá thu nấu canh chua không vậy?”

“Có đâu mà ăn? Ăn cánh gà tấm bột chiên ngán muốn chết.”

“Bởi vậy mới nói con người mình mâu thuẫn lắm! Ở dưới ghe không có thức ăn thì sợ chết đói. Nay được ở trại có thịt gà ăn lại than ngán. Anh chờ ăn đủ ngàn cánh gà rồi bay ra khỏi trại định cư!”

Lắm vừa nói vừa cười, rồi nghiêm trang nói thêm “Nhưng mà em nói thật đó. Nếu anh chị muốn ăn canh chua thì em nấu cho ăn. Ngày mai anh em mình xin ra trại dạo bên cá, ghé chợ mua đồ về nấu canh chua.”

Sáng chủ nhật hôm đó, Lắm rủ chồng tôi ra khỏi trại như đã hứa. Tôi và Tinô cũng được tháp tùng theo. Chúng tôi lấy xe buýt, đáp tàu điện ngầm rồi đi bộ đến khu chợ mà Lắm dẫn đường. Khi ngang qua những gian hàng có hoa trái tươi roi rói ở các vỉa hè, tôi đã có dịp nhìn thấy những trái Ki Wi, loại trái mà hình dạng và màu da của chúng làm tôi lầm tưởng trái Sa Bu Chê ở Việt Nam. Chúng tôi đã mua thơm, cà chua, giá, rau, ớt, tỏi, dưa leo và hành ngò. Sau đó, Lắm dắt chúng tôi đến gian hàng cá. Ông bán hàng đã lấy một chiếc đầu cá thu to theo yêu cầu của Lắm rồi gói nó trước ánh mắt ngạc nhiên của chúng tôi. Lắm nói:

“Bộ anh chị tưởng em không biết nói tiếng Nhật khi hỏi mua đầu cá thu hả? Không biết nói, ra dấu một hồi, muốn mua gì cũng có. Trước đây tụi em thường mua đầu cá thu nấu canh chua hoài. Tại vợ em mới sanh nên em không mua ăn đó thôi.”

Đi chợ về, chúng tôi xúm lại phân nhau rửa, nấu rồi cùng nhau hì hục ăn đến tận đêm. Đó là lần đầu tiên, kể từ lúc xa quê hương, tôi được thưởng thức lại món ăn Việt Nam mà tôi thích. Ngoài những lần được ăn canh chua do Lắm nấu, tôi vẫn thường được ăn những món ăn Việt Nam ở phòng của chị Thủy luôn. Sau lần giao tiếp đầu tiên, chị Thủy tỏ ra mến vợ chồng chị H. và vợ chồng tôi nhiều hơn những người khác nên thường mời chúng tôi đến phòng chị chơi mỗi khi gia đình chị tổ chức ăn uống. Chị Thủy không những cho chúng tôi thưởng thức lại món ăn Việt Nam như bún riêu, bún bò Huế, và thịt bò nhúng dấm, còn cho chúng tôi nếm những thứ đặc sản của Nhật như Sasimi, các loại bánh và các loại mì thập cẩm của Nhật. Đây là những loại thức ăn cao cấp mà những người mới đến trại hay nghèo như chúng tôi không thể nào có tiền để mua ăn. Càng tiếp xúc, chị Thủy càng tỏ ra thương mến chị H. và tôi như bạn nên đã cho chúng tôi áo quần, giày dép và mỹ phẩm hợp thời trang và đắt tiền mà chị đang dùng. Cách chi tiêu và sự đài đẳng quá mức rộng rãi và phóng khoáng của chị đã khiến cho nhiều tin đồn về những vận may mà chồng chị đạt được trong các lần chơi Pa chí cô. Pa chí cô là một hình thức cờ bạc hợp pháp tại các sòng bạc ở Nhật mà khi thắng cuộc người chơi có thể đạt đến triệu Yên. Tôi không hiểu vợ chồng chị Thủy có phải là người thường gặp vận may và là triệu phú ngầm trong trại như những lời đồn không nhưng tôi biết rõ là chị Thủy là người có uy tín rất lớn đối với những người thân thuộc và bạn bè có danh tiếng của chị hiện cư ngụ tại Tokyo. Chỉ cần một lời đề nghị của chị thôi là mọi người đều cố gắng thực hiện ngay. Ví dụ như khi chị bày tỏ nguyện vọng giúp vợ chồng chị H. và vợ chồng tôi có tiền thì anh Đạt, anh ruột của chị, ra công kiếm việc làm thích hợp với giờ giấc và hoàn cảnh cho anh Kh., chồng chị H. và chồng tôi.

Việc làm mà anh Đạt khổ công tìm cho họ là cắt các mẫu áo da cho một công ty may áo khoác. Để giúp anh Kh. và chồng tôi làm công việc này, anh Đạt phải vận chuyển những cuộn da về nhà rồi chờ anh Kh. và chồng tôi đến cắt. Sau khi anh Kh. và chồng tôi làm xong, anh Đạt còn phải ra công giao thành phẩm cho hãng, rồi nhận tiền lương dùm cho họ. Từ khi có việc làm này, anh Kh. và chồng tôi thường bí mật hẹn nhau sau những giờ tan học hoặc sau những bữa cơm tối để cùng leo rào ra ngoài đi làm. Đó là lúc thuận tiện cho họ trốn trại vì những người bảo vệ trại ít khi tuần tra vào lúc sau bữa ăn chiều hay giờ tắm của trại viên.

Tôi tin là những người bảo vệ trại biết rõ chuyện những học viên nam thỉnh thoảng leo rào trốn ra ngoài chơi. Các người quản lý trại và thầy cô giáo cũng vậy. Tuy nhiên, tất cả đều đã phớt lờ làm ngơ. Vấn đề mà họ tập trung là chuẩn bị cho chúng tôi sớm có việc làm và an ổn định cư tại Nhật. Cho nên, môn khóa học Nhật Ngữ, chúng tôi được học ngay những vấn đề cơ bản và cần thiết cho việc hội nhập và sinh sống tại Nhật. Trong khóa học Phong Tục Tập Quán và Đời Sống Nhật, chúng tôi được hướng dẫn tận tình cách giặt giũ, nấu ăn, làm đơn từ xin việc làm, sử dụng các phương tiện công cộng và thuê nhà. Thoạt đầu, chúng tôi nghĩ buổi học dành cho cách giặt áo quần bằng máy giặt không cần thiết vì chúng tôi đã sử dụng máy giặt khá nhiều lần. Thế nhưng, khi được chỉ dẫn tường tận cách đọc các nhãn hiệu của các loại áo quần khác nhau thì chúng tôi mới hiểu ra rằng mình đã giặt lộn xộn các loại áo quần mà bất kể là len hay vải, loại vải dày hay mỏng, màu nhạt hay đậm, và loại vải phải giặt khô hay nước cho nên có áo bị xù lông, có áo bị dẫn cổ, có quần bị rút ngắn đi. Rồi chúng tôi cười ngất khi cô giáo giới thiệu công dụng của chiếc túi lưới là để bỏ đồ lót hay vớ khi giặt chung với các quần áo khác trong máy giặt cho khỏi bị thất lạc. Ngày đầu tiên đến trại, chúng tôi nhận những chiếc túi vải lưới này cùng các vật dụng cá nhân khác, đã không hiểu công dụng của chúng nên đều cùng nhau bắt chước dùng làm vật chứa sách vở đi học trong suốt khóa học Nhật Ngữ; thế mà, chẳng có thầy cô giáo Nhật Ngữ nào chỉnh dùm cho. Qua khóa Phong Tục Tập Quán và Đời Sống Nhật, sự hiểu biết của chúng tôi được mở mang nhiều hơn về trong việc gửi tiền vào trong ngân hàng, bỏ thư ở bưu điện, cách thức mua sắm, và nhiều lãnh vực khác trong đời sống xã hội tại Nhật. Chúng tôi được biết là những người Nhật ở các khu nhà thuê rẻ tiền, thường phải ghé tắm Ofurô khi tan sở làm trước khi về nhà. Mặc dù chúng tôi đã khá ngạc nhiên khi nhìn sự giăng mắc áo quần phơi khô khi đi ngang qua các khu chung cư ở Tokyo, không thể ngờ các phòng thuê của các khu chung cư ấy chỉ có nhà cầu chứ không có nhà tắm. Đồng với lý thuyết, các thầy cô giáo đã tạo cho chúng tôi làm quen với loại tắm trần trường tập thể theo giới tính này. Sau khi tắm chung trong hồ nước ấm, mỗi người xả nước trong buồng tắm cá nhân theo ý riêng. Khi đưa chúng tôi đi thực tế, thầy cô đã dùng tiền của trại để trả chi phí. Ngoài ra họ còn trả tiền cho các phương tiện đi lại mà chúng tôi sử dụng và những thực phẩm mà chúng tôi mua để thực tập nấu những món ăn của Nhật. Thầy cô giáo đã tận tình chỉ dẫn chúng tôi từ chuyện nhỏ đến việc lớn như: Trưng bày đồ dĩa vớ thì để dưới thấp để ngựa trường hợp bị xây sát bởi đồ vật rơi từ trên cao xuống vì động đất và thuê phòng ở các khu chung cư thì nên chọn phòng ở các tầng thấp để khi có động đất dễ chạy ra ngoài hơn. Qua sự chỉ dẫn của họ chúng tôi còn biết giá tiền thuê của các phòng ở khác nhau tùy vị trí ở tầng cao hay thấp và hiểu là người khả năng tài chính hoặc con nhỏ thường cư ngụ ở những tầng thấp của chung cư. Ngoài ra, chúng tôi còn học các lí nghi xã giao của Nhật như mua quà biếu cho hai người hàng xóm bên cạnh khi vừa dọn đến chỗ ở, cách mua các loại quà thích hợp cho người bệnh, và cách trao quà như thế nào.

Sau ngày 2 tháng 11 năm 1989 chúng tôi nhận bằng tốt nghiệp hai khóa học Nhật Ngữ và Phong Tục và Đời Sống của Nhật nên được tự do ra ngoài trại từ chín giờ sáng đến chín giờ tối. Tôi thường lấy xe buýt đưa Tinô đi dạo các siêu thị để nó có thể tiếp xúc nhiều với thế giới ngoài trại và để tôi sắm sửa các vật dụng chuẩn bị cho định cư. Theo thường lệ, chỉ một lần phỏng vấn việc làm là học viên tốt nghiệp có thể rời trại để định cư ngay, mà vợ chồng tôi đã được thông báo là sẽ có chung một cuộc phỏng vấn việc làm vào ngày 7 tháng 11 năm 1989. Hôm ấy, chúng tôi gửi Tinô cho chị Xuân Ánh xong, sửa sang y phục chỉnh tề rồi mang bán tóm tắt kinh nghiệm nghề nghiệp, đã được hướng chỉ dẫn của thầy cô của khóa Phong Tục Tập Quán và Đời Sống Nhật, đến trước văn phòng trại để chờ đến lượt phỏng vấn của mình. Sau một giờ trả lời những câu hỏi, vợ chồng chúng tôi đều được hai người phỏng vấn của một tiệm bánh ở Tokyo chấp nhận. Tôi rất sung sướng với sự chấp thuận của họ bởi vì công việc mà tôi sắp đảm nhận là công việc tôi đã từng làm qua, rất nhẹ nhàng và được làm chung với chồng tôi. Bước xuống các bậc thềm trước của văn phòng hành chánh, tôi càng thấy tâm hồn mình lâng lâng như đang bay. Xuyên ánh nhìn qua những vạt nắng chiều đang chạy dài trên những hàng cây trước mặt, tôi bỗng nhận ra chị Nguyệt Ánh đang thấp thoáng ở góc ngoặt của hàng cây cảnh bên phải. Chị Nguyệt Ánh là nhân viên của

Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, đã từng bác đơn chúng tôi không cho gặp phái đoàn Mỹ vì tư cách tị nạn của chúng tôi thấp hơn thành phần sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, và là bạn quen biết của chị Thủy mà nhiều lần chị Thủy hứa sẽ nhờ chị giúp đỡ cho chúng tôi gặp phái đoàn Mỹ.

Tôi, có lẽ quá vui vì sự may mắn đang có của mình, không nhớ đến lần nài nỉ chị cho được tiếp kiến với phái đoàn Mỹ trong buổi phỏng vấn đầu tiên khi vừa đến trại Kokusai Kuyen, mau mắn nói với chồng tôi:

“Chị Nguyệt Ánh kìa anh! Mình đến chào chị đi!”

“Thôi đi em. Không khéo chỉ nghĩ mình tiếp tục làm phiền. Lại một màn năn nỉ như lần trước.” Chồng tôi nói thế rồi dướm bước về phía bên trái.

Kéo tay anh đi dọc dãy cây cảnh trước mặt văn phòng về phía bên phải, tôi vừa đi vừa nói:

“Chỉ nghĩ gì thì mình cũng phải chào. Dù gì chị cũng là bạn của chị Thủy.”

Thế là chúng tôi đến trước mặt chị Nguyệt Ánh và tôi nhanh nhẩu hỏi:

“Chị Nguyệt Ánh có khỏe không? Hôm nay phỏng vấn nhiều chắc mệt lắm hả?”

Chị Nguyệt Ánh vui vẻ đáp:

“Hơi bận nhưng khỏe. Cảm ơn Lan. Còn Lan Hiệp thì thế nào?”

Chồng tôi cười cười không nói. Còn tôi nói nhanh:

“Tụi em học xong rồi chị à. Tụi em vừa phỏng vấn việc làm xong và được một tiệm bánh nhận rồi.”

“Thế Lan có còn muốn gặp phái đoàn Mỹ nữa không?”

“Còn chứ! Chẳng thà tụi em gặp phái đoàn Mỹ, có bị họ từ chối cũng cam lòng. Còn hơn là bây giờ vợ chồng em vẫn ám ức về tư cách tị nạn của mình.”

“Vậy thì mình sẽ ghi thêm tên hai vợ chồng vào đợt phỏng vấn cuối cùng.”

“Ồ! vậy thì em cảm ơn chị nhiều lắm.” Tôi reo lên sung sướng trong lúc chồng tôi chào từ giã chị với ánh mắt biết ơn.

Về đến “nhà”, tôi khoe ngay với chị Xuân Ánh và Tuấn những điều may mắn mà chúng tôi có được. Hai người vui không kém gì chúng tôi. Tinô thì cười nắc nẻ khi gặp mặt bố mẹ.

Hai hôm sau, văn phòng kêu chồng tôi đến nhận một bộ đơn do Cao Ủy gửi, bảo điền vào để chuẩn bị cho cuộc tiếp kiến với phái đoàn J.V.A vào sáng ngày mai. Ngày thứ sáu 10 tháng 11 năm 1989 chúng tôi được phỏng vấn bởi một người đàn bà Mỹ với sự thông dịch của một chị người Việt có tên Phương Thúy. Qua lời tự giới thiệu của chị Phương Thúy, chúng tôi được biết chị là bạn của anh Đạt và chị Thủy. Sau buổi phỏng vấn hôm ấy chúng tôi được biết hồ sơ mình sẽ được chuyển đến phái đoàn I.N.S và ngày phỏng vấn của chúng tôi với phái đoàn này sẽ vào ngày thứ sáu tuần sau. Lần này, vì tôi quá hạnh phúc với sự may mắn bất ngờ nên tôi đã không những báo cho chị Xuân Ánh mà còn đi kể cho hầu hết những người trong trại tin vui của mình. Sau vài ngày chia sẻ niềm vui của mình với mọi người, tôi đã ủ dột trở về phòng mình với những chuyện kể của họ. Những người đã tiếp kiến với phái đoàn I.N.S cho tôi biết I.N.S là một cửa ải khó qua. Trong mười bảy hộ được tiếp kiến của một ngày thì khoảng mười một hộ bị bác rồi. Một trung úy không quân của quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã bị bác. Những thanh niên, con của sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa nhưng không có thân nhân ở Mỹ cũng bị bác. Những người có thân nhân ở Mỹ và không hề dính dáng gì với chế độ Cộng sản sau 1975 cũng bị bác. Không ai hiểu vì sao sự từ chối nhiều hơn chấp nhận nên đã có nhiều sự phỏng đoán khác nhau về người phỏng vấn. Một người cho rằng người phỏng vấn là người có đạo Tin Lành nên rất coi trọng đến vấn đề giáo dục và bằng cấp của người nhập cư ở Mỹ. Người khác thì nói Mỹ là nước khá tự do và tự do cả vũ khí nên ông ngăn ngừa sự hư hỏng và phạm pháp xảy ra cho những thanh niên Việt không có thân nhân bên Mỹ. Người khác nữa thì nói là nước Mỹ đã có quá nhiều di dân từ các quốc gia khác đến nên điều gì cũng trở thành vấn đề để ông ta từ chối được. Những lời bàn bạc của họ đã làm tôi mất hy vọng hoàn toàn vào sự chấp thuận của một người có tôn giáo khác với tôn giáo mà tôi ghi rõ trong đơn. Tuy nhiên, vào đêm trước ngày phỏng vấn tôi chợt nhớ đến sự linh thiêng của cô Th. nên đã ra ngoài hành lang tối cầu xin cô giúp đỡ.

Sáng ngày 17 tháng 11 năm 1989 chúng tôi được xe buýt chở đến tòa đại sứ quán Mỹ để tiếp kiến với phái đoàn I.N.S. Theo lịch, hai thanh niên có thân nhân tại Mỹ sẽ được tiếp kiến trước, sau đó là gia đình tôi rồi đến những người khác. Trong khi chờ đến phiên mình, tôi hồi hộp cầu mong kết quả của hai

người thanh niên khác hẳn với những lời đồn đãi trong trại. Thế nhưng, khi họ bước ra phòng chờ với những cái lắc đầu thất vọng tôi hiểu rằng họ đều bị từ chối chẳng khác gì những tin đồn đã nghe. Sự chán nản của họ đã theo tôi vào tận trong phòng phỏng vấn và đánh mất hoàn toàn niềm hy vọng của tôi. Tôi không tin tưởng chút nào đến sự chấp thuận từ người đàn ông Mỹ trắng đang ngồi uy nghiêm cạnh chị Nguyệt Ánh sau một cái bàn khá lớn. Mời chúng tôi ngồi xong, người phỏng vấn lẳng lặng mở tập hồ sơ của chúng tôi ra coi. Ông đọc khá chăm chú đến độ tôi nghỉ ngơi không hiểu là ông đang lưu tâm đến những lời khai của vợ chồng tôi trong đơn hay chỉ vờ đọc. Nếu ông chỉ giả vờ hay đọc lướt qua thì ông sẽ không thể hiểu sâu xa cảnh sống bấp bênh của vợ chồng tôi khi chồng tôi ở trong tình trạng không hề có tên trong một hộ khẩu nào ở Việt Nam. Thời gian trôi qua rất lâu mà ông vẫn bình tâm đọc như đang đọc sách và cố tìm nội dung khó hiểu trong ấy. Trong khi chờ ông lên tiếng hỏi, tôi có khá nhiều thời gian để nhìn ông kỹ hơn. Ông khoảng ngoài ba mươi, tóc chải gọn, áo trắng nếp và cách ngồi ngay ngắn. Diện mạo và phong cách toát nên một vẻ đàng hoàng và mẫu mực của người thiên về ngành giáo dục như sự tưởng tượng tượng của tôi trước đó. Duy có một điều mà tôi không hình dung ra là sự lạnh lùng quá đỗi của ông. Ông đã không hề ngẩng đầu lên một lần nào khi lật và đọc từng trang giấy, kể cả lúc Tinô ngo nguậy trong lòng tôi. Sự lạnh lùng của ông biểu lộ là ông không đếm xỉa sự hiện diện của ai trong phòng đã khiến cho Tinô bày tỏ sự thất vọng của nó. Chờ người đến sát cạnh bàn rồi nghiêng đầu trên mặt bàn để nhìn vào mắt ông, nó nói một tràng dài thật to với ngôn ngữ của nó, những từ khó hiểu và vô nghĩa được kết hợp bởi tiếng Nhật và tiếng Việt. Hành động bất ngờ của nó làm tôi hốt hoảng vội lấy tay che miệng nó lại rồi đưa ngón tay ngăn giữa miệng mình với tiếng suýt khe khẽ. Chồng tôi khiếp đảm, trở mắt khô sở nhìn nó trong lúc chị Nguyệt Ánh phì cười. Người đàn ông Mỹ trắng, có lẽ đã giật mình vì tiếng nói vang dội khắp phòng của Tinô, ngừng đầu lên nhìn mặt nó. Ánh mắt của ông thoáng một nét cười và sự lạnh lùng trên khuôn mặt của ông trở dịu hơn rồi vẻ như tan mất. Ông nhờ chị Nguyệt Ánh hỏi chồng tôi đã làm gì và ở đâu tại Việt Nam và chị thông dịch lại cho ông những lời khai của chồng tôi. Chăm chú nghe chị nói xong, ông cúi xuống đọc tờ đơn của chúng tôi một lúc rồi ngẩng đầu nhìn thẳng vào mắt chồng tôi và hỏi về học lực của anh. Lần này, chị Nguyệt Ánh hỏi chồng tôi có muốn trực tiếp nói với ông bằng tiếng Anh không rồi chị để hai người trao đổi với nhau. Người phỏng vấn đã nghe chồng tôi nói một cách chăm chú như khi nghe chị Nguyệt Ánh nói, rồi hỏi anh vài câu nữa, rồi lại nghe một cách chăm chú, xong lấy mộc đóng nhanh vào tập hồ sơ của chúng tôi và bảo chúng tôi ra ngoài. Nước mắt tôi chảy dài khi tôi bỗng Tinô theo chồng tôi ra khỏi phòng. Tôi đã miễn cưỡng nhận những thỏi kẹo Sô cô la của một người đàn bà Mỹ trao cho khi chúng tôi trở lại phòng đợi, rồi nói với chồng tôi trong nước mắt: “Như vậy là mình phải học thêm tiếng Nhật và chuẩn bị sức lực để làm việc ở Nhật rồi anh à.”

Chị Nguyệt Ánh, đang đi sau để tiễn chân chúng tôi và đón lượt người khác, hỏi tôi với giọng ngạc nhiên:

“Ừa? Vậy Lan không biết là ông phỏng vấn đã nói là chấp thuận cho gia đình Lan đi Mỹ sao?”

Tôi quay lại, sửng sốt hỏi lại:

“Ừa thật vậy hả chị? Em có nghe rành tiếng Anh đâu mà biết! Thấy ông hỏi anh mấy câu rồi bỏ hồ sơ qua một bên em tưởng ông từ chối chứ!” Rồi hét lên: “Trời ơi! Em không ngờ ông chấp thuận cho tụi em đi, không ngờ gia đình em được đi Mỹ!”

Tôi đã reo liên tiếp với nh»ng chữ “Được đi Mỹ!” một cách điên cuồng bất kể phòng đợi yên lặng và trang nghiêm như thế nào. Mọi người trong phòng đều nhìn tôi nhưng mỉm cười chứ không trách móc lời nào. Về trại, tôi mua thức ăn cúng tạ cô Th. ngay.

Có lúc tôi cảm thấy tiếc là mình đã mất thời gian học hai khóa tiếng Nhật và Đời Sống Phong Tục Tập Quán của Nhật thay vì học tiếng Mỹ và được chuyển đến những trại có thể đi làm một cách hợp pháp như anh Thảo; nhưng, khi nghĩ lại những kỷ niệm mà mình có được ở trại Kokusai Kuyen, tôi đã hài lòng với sự sắp xếp của thượng đế. Những ngày trong trại đã cho tôi nhiều thứ tình của con người như tình đồng loại, tình nhân ái, tình thầy trò, tình bạn và tình đồng hương. Ngoài tình thương của những người nhân viên và các thầy cô giáo trong trại, chúng tôi đã có nhiều người bạn chân thật như vợ chồng Lắm, chị Xuân Ảnh, anh Th., chị Thủy, và các anh chị khác như anh chị Đạt, chị Nguyệt Ánh và chị Phương Thúy. Những người này đã gián tiếp hay trực tiếp giúp chúng tôi với tình thương chân thành và vô vị lợi. Anh Đạt hết lòng giúp anh Kh. và chồng tôi nhận hàng, giao hàng và khuôn chuyên rất mệt nhọc và khó khăn nhưng thu nhập của hai người chẳng được bao lăm; cho nên, chị Thủy đã hỏi những người quen biết của chị ở Tokyo giúp họ có một việc làm đạt mức thu nhập cao hơn. Lo lắng đến chuyện sang Phi học Anh Ngữ và Đời Sống Phong Tục Tập quán Mỹ của chúng tôi trong hoàn cảnh tài chính eo hẹp và con nhỏ, vợ chồng chị Thủy đích thân đưa chồng tôi đến tận nhà chị Phương Thúy để nhờ chị xin việc làm cho. Đồng với sự lo lắng của vợ chồng chị Thủy, chị Phương Thúy còn quan tâm đến sự thiếu thốn và thiếu tiện nghi của các trại tị nạn ở Phi Luật Tân nên đã nhờ chồng chị, người Pháp, hỏi những người bạn của anh ta, cũng là người Pháp và có cơ sở kinh doanh tại Tokyo, một việc làm cho chồng tôi. Sau khi biết một người bạn của chồng chị, chủ một tiệm bánh lớn tại Shibuya, nhận người làm, chị Phương Thúy đã gọi điện thoại báo cho chúng tôi và hẹn ngày giờ đưa chồng tôi đến tiệm bánh và hướng dẫn nơi lấy những tuyến xe điện ngầm. Công việc mà chồng tôi nhận được là rửa chén nhưng chén chỉ là từ thay thế cho nôi, xoong, chảo, khuôn, khay và các vật dụng làm bánh khác. Để làm công việc này anh phải leo rào ra khỏi trại vì thời gian trại mở cửa và đóng cửa thường trễ hơn và sớm hơn giờ làm và giờ tan việc của anh. Mỗi ngày anh thường rời trại lúc năm giờ sáng và về trại lúc mười giờ đêm cho nên tôi thường thức vào những thời gian này để chuẩn bị thức ăn cho anh, và nghe ngóng anh leo ra vào trại bình yên. Thỉnh thoảng, tôi dùng thẻ điện thoại gọi anh nơi cột điện thoại gần phòng sinh hoạt trong trại để báo anh biết tin trong ngày ở trại hay gọi anh về mỗi khi văn phòng cần gấp anh. Một việc mà tôi không hề bỏ sót ngày nào là thường nghe và hỏi anh về công việc trong ngày của anh khi cùng anh ăn tối.

“Hôm nay anh đến chỗ làm sớm hơn mấy ngày trước vậy mà đến nơi đã thấy đầy khuôn, nôi, xoong, chảo trong hồ nước lẫn ngoài mấy cái bàn cạnh đó”

“Đồ nhiều như vậy mà không có ai phụ anh sao?”

“Không ai cả, chỉ một mình anh làm thôi.”

“Là tiệm bánh lớn mà chẳng lẽ tiệm không có người rửa chén? Nếu trước đó không có anh làm thì ai làm công việc này cho họ? Em cứ tưởng là anh phụ việc cho người rửa chén đã làm ở đó chứ?”

“Có lẽ vợ chồng chị Phương Thúy nói tình cảnh gia đình mình nên ông chủ cho người rửa chén trước làm công việc gì đó trong tiệm và nhường công việc này cho anh. Ông chủ nói là anh làm đến lúc nào muốn nghỉ thì nghỉ. Ông cho phép anh muốn làm bao nhiêu tiếng trong một ngày cũng được, không hạn định; cho nên tụi thợ làm trong đó ngạc nhiên lắm, cứ hỏi lịch làm việc của anh như thế nào hoài.”

“Vậy thì đúng là vợ chồng chị Phương Thúy đã nói thật hoàn cảnh mình với ông chủ của anh rồi. Không biết là ông có biết anh phải leo rào ra khỏi trại để ra làm cho tiệm của ông không nữa?”

“Không biết. Nhưng mà thấy ông quý anh lắm. Mỗi khi ông xuống hầm làm việc, ông chỉ bắt tay và chào hỏi ba người là ông người Pháp thường làm kem bông bằng kẹo gương, ông người Nhật trưởng nhóm thợ trang hoàng mặt bánh và anh thôi. Tay của hai ông kia còn sạch sẽ chứ tay anh không lúc nào được khô ráo.”

“Bộ anh không đeo găng tay lúc rửa chén hay sao mà tay không được khô?”

“Có chứ nhưng cái hồ rửa chén của tiệm bánh đó không giống mấy cái bồn rửa chén mà mình thấy trong trại đâu em! Nó sâu hơn cả cánh tay của anh cho nên muốn vớt các thứ dưới đáy hồ anh phải thọc tay sâu xuống để kéo lên; thế là có đeo găng tay thì nước cũng tràn vào ống tay làm ướt nhẹp cả hai cánh tay thôi.”

“Vậy sao anh không xả nước ra rồi vớt mấy cái dưới đáy lên? Mắc mớ gì phải để nước tràn vô ống găng tay để tay bị ướt?”

“Làm sao mà xả được em? Tụi thợ bỏ nồi, khuôn vào hồ liên tục, nếu mình xả lấy nước đâu cho tụi nó ngâm cho mình? Mà cũng nhờ có hồ nước ngâm như vậy anh rửa nhanh được chút xíu chứ mấy thứ bột, đường nấu dẻo queo mà không ngâm nước thì biết đến khi nào anh mới rửa cho xong? Em không tưởng tượng được là tụi thợ trong chỗ anh làm bận đến chừng nào đâu. Tụi nó làm liên tục thành ra anh cũng rửa liên miên. Mà tiệm đất khách cũng phải! Anh chưa từng thấy cái bánh kem nào trang hoàng đẹp như mấy cái bánh chỗ anh làm đâu em. Lối trang hoàng của họ rất nghệ thuật và trang nhã chứ không phải màu mè như mấy cái bánh kem mình thường thấy đâu. Đặc biệt nhất là bánh của họ thường được phủ mỏng bởi một lớp bột hay đường mịn gì đó. Màu của lớp mỏng này thường tiếp với màu của hoa và các kiểu trang trí. Đặc biệt nhất là các cánh hoa hồng, lá hay các vật trang trí khác làm bằng kem đường. Không biết ông người Pháp làm thế nào mà trông chúng giống như thủy tinh. Cũng nhờ các cánh hoa hồng trong như thủy tinh này mà cái bánh nào cũng thấy sang cả. Mấy ông biết các kiểu bánh của mấy ông đẹp và đặc biệt nên mỗi lần làm xong một kiểu bánh là mấy ông xúm xít chụp hình trước khi đưa bánh lên tầng trên”.

“Thích thật! Phải chi em được làm ở đó thì em học lóm cách trang trí bánh.”

“Không được đâu em. Dễ gì mà ăn cắp nghề của người ta! Mỗi lần làm kem đường là tay người Pháp đóng cửa phòng kín mít. Đồ ai mà biết ông dùng cái thứ gì cho mấy cái hoa hồng thủy tinh. Mỗi lần làm xong, ông mới đem mấy cái đĩa có các cánh hồng hay lá ra ngoài phòng giao cho ông trưởng nhóm thợ trang hoàng vào trong bánh. Ông này thì thường chỉ đạo cách trang hoàng, và chọn hộp có lót lớp vải nhung tiếp màu với kiểu và màu của từng loại bánh.”

“Có khi nào họ cho anh thử miếng bánh nào không?”

“Không đâu em. Họ làm nghề lắm. Làm gì có chuyện bánh hư để cho thợ. Bánh của họ không kịp giao cho khách lấy đâu của thừa mà cho mình ăn. Hơn nữa, bánh trong tiệm toàn là bánh ỏ cho Giáng Sinh, sinh nhật, đám cưới hay các thứ tiệc tùng chứ có phải các loại bánh ngọt nho nhỏ như mình thường thấy ở tiệm Hưng Hoa ở Nha Trang đâu. Bánh của họ đắt lắm. Dân đặt bánh toàn là dân giàu có không hà. Anh nghĩ phải chi tụi nó có bán bánh kem nho nhỏ và giá rẻ thì khi nào lãnh lương, anh mua một cái cho con ăn thử cho biết mùi đời. Đằng này giá tối thiểu của một cái bánh nhỏ nhất và đơn giản nhất là một trăm đô Mỹ rồi! Anh nghe tụi thợ làm ở đó nói khách đến ăn uống hay đặt bánh toàn là người của các đại sứ quán gần vùng Tokyo này. Anh còn nghe tiệm có bán thức ăn nữa nên đoán là một nhà hàng lớn chứ anh chưa hề có thì giờ đặt chân lên trên đó để biết tiệm ra sao và bán những thứ gì.”

“Em hiểu chứ. Những chỗ sang như vậy đâu phải là chỗ dành cho tụi mình. Em tưởng là họ cho anh nếm thử thì tả cho em nghe, không thì thôi. Bánh hay thức ăn đắt tiền chỉ dành cho người giàu có và sang trọng chứ mình ăn làm gì. Chỉ cần có tiền để nuôi con ở Phi là đã may mắn lắm rồi.”

Tôi đã nói vậy khi kết thúc cuộc nói chuyện với anh nhưng trong giấc mơ của mình, tôi thường thấy những chiếc bánh sang trọng mà anh tả mỗi ngày. Có khi tôi thấy một tháp bánh choux à la crème với màu cà phê trang nhã và những chấm phá màu chocolate, có lúc tôi lại thấy một cái bánh trái tim với cái hoa hồng bằng thủy tinh đơn giản trên cái khay nhung đỏ, có lúc tôi lại thấy những cái Buche De Noel và những cái bánh cây thông. Rồi tôi lại thấy rất nhiều nước nhưng lần này tôi không thấy những cơn sóng mà chỉ thấy toàn nồi niêu xoong chảo trôi bồng bềnh và hai bàn tay ướt nhẹp với những kẽ tay lở lói của chồng tôi.

Chồng tôi chỉ làm cho tiệm bánh một tháng rồi nghỉ luôn vì anh phạm phòng lo sợ chuyện vi phạm điều lệ của trại sẽ ảnh hưởng đến chuyện định cư tại Mỹ và tin đồn về chuyến đi Phi Luật Tân sẽ khởi hành vào giữa tháng một. Nghỉ việc để giữ gìn sức khỏe trong những ngày đông lạnh còn là một lý do rất hợp lý. Trong những ngày lạnh năm ấy, chúng tôi được nhìn cảnh tuyết rơi đầu tiên trong đời và được chụp chung với tuyết nhờ chiếc máy hình sấm được từ số lương của chồng tôi. Sau những ngày tuyết, tôi bồi hồi nhìn lại lá cờ vàng ba sọc đỏ và những tà áo dài Việt Nam trong buổi lễ Tết Nguyên Đán. Được ban Quản trị trại cho phép, chúng tôi đã tổ chức được lễ chào cờ, văn nghệ, múa lân và đốt pháo để mừng xuân mới. Sau phần đốt pháo, các em nhỏ được hướng dẫn xếp hàng để nhận phong bì lì xì. Nhìn Tinô hớn hơ với chiếc phong bì đỏ trên đường đi về phòng, tôi bồi hồi nhận ra là những người tị nạn chúng tôi dù đã gian truân trong những cuộc trốn chạy đầy hiểm nguy, vẫn mang theo quê hương mình đến tận nơi đây. Trước Tết ít ngày, không khí trong trại trở nên xôn xao vì phòng nào phòng nấy cũng bàn tán Hội Xuân Canh Ngọ do Hiệp Hội Người Việt tại Tokyo tổ chức. Chị Xuân Ánh và vợ chồng tôi hớn hơ đưa Tuấn và Tinô đi mua sắm tết. Chúng tôi ghé siêu thị mua cho Tinô một bộ đồ mới rồi ghé chợ mua hoa quả rau thịt và vài thực phẩm Việt Nam. Sau khi cùng nhau dọn dẹp và trang trí phòng với khăn trải bàn mới, bình hoa giấy mới và màn giăng, chị Xuân Ánh và tôi nhuộm nếp màu xanh lục rồi dùng giấy bạc

gói và nấu bánh tét để chuẩn bị cho Tết. Từ sáng sớm ngày mừng một Tết, chồng tôi và tôi bày bàn thờ với đủ các món hoa quả và thức ăn mặn ngọt để cúng giỗ cha chồng tôi. Tiếp đón bạn bè đến viếng một lúc, mẹ con chị Xuân Ảnh và gia đình tôi rủ nhau đi Hội Tết rồi đi chùa. Cùng những ngày Tết của chúng tôi, người Nhật cũng tổ chức Tết. Chị Thủy đã rủ vợ chồng tôi đưa Tinô ra ngoài trại để tham dự buổi biểu diễn văn nghệ do ban văn nghệ Nhật tổ chức tại Tokyo. Trong buổi biểu diễn này, chị Thủy và con gái đầu của chị tham gia hát đơn ca. Tôi cảm thấy rất tự hào khi nhìn con gái lớn của chị Thủy hát bài hát Nhật được nhiều thanh niên nam nữ Nhật vỗ tay cổ vũ và vô cùng xúc động khi nhìn chị mặc áo dài Việt Nam khi hát bài hát Việt Nam trên sân khấu rực rỡ của ngày hôm ấy.

Càng đi chơi nhiều tôi càng thấy gần gũi và hòa mình vào cuộc sống của Nhật. Những con đường, những góc phố, những chiếc tàu điện và những mái tóc mượt của các cô gái Nhật là những hình ảnh thật đáng yêu trong ký ức của tôi. Mặc dù tin tức về một thanh niên phạm tội giết bốn đứa trẻ ở khu Saitama, gần Tokyo có lúc làm tôi sợ hãi nhưng nghĩ đến sự phân tích của thông tin viên, qua thông dịch, tôi tin hàng ngàn bằng hình kinh dị mà người thanh niên tích trữ trong căn nhà biệt lập của anh đã tác động đến tâm thần của anh và dẫn anh đến những việc làm trái với đạo làm người. Theo tôi, đây là trường hợp rất cá biệt và hiếm hoi. Ngoài tin chấn động này, tôi không nghe gì đến các tội phạm khác trên đài truyền hình; cho nên tôi đã tự tin khi đi bộ một mình ngay lúc chiều tà trên con đường vắng đến siêu thị. Đây là đường tắt dẫn từ trại qua một rừng thông dọc theo một dòng sông đến siêu thị. Sở dĩ tôi tin tưởng tuyệt đối sự an ninh ở đây vì tôi biết Nhật không có tự do vũ khí, tinh thần kỷ luật của người Nhật cao và nhất là vì tôi chưa hề thấy một người ăn xin nào trên đường phố của thủ đô này. Đây là vấn đề mà tôi luyến tiếc nhất và suy nghĩ mãi khi tôi quyết định xa xứ sở này. Nguyên nhân chính mà tôi muốn rời nơi đây là tôi không tin mình có khả năng học chữ Nhật, không thể đọc báo chí Nhật, và không thể đọc các toa thuốc Nhật một cách thông suốt. Hơn nữa, tôi còn muốn sau này Tinô học tiếng Việt, đọc tiếng Việt thành thạo mà chữ Nhật, hoàn toàn khác chữ Việt, sẽ trở thành một vấn đề hết sức khó khăn đối với tôi. Thêm vào đó, nếu tôi phải lao động chân tay suốt cả ngày và không thời gian học thêm tiếng Nhật thì dù có gắng bao nhiêu tôi không thể có thời gian hay điều kiện để dạy tiếng mẹ đẻ cho con tôi. Lập luận chỉ là thế, còn chuyện đến Mỹ vẫn là ước mơ duy nhất khi tôi nghĩ đến vấn đề định cư. Nhiều thủy thủ trên tàu Đan Mạch khuyên chúng tôi nên tìm cách định cư tại Mỹ vì nó là một quốc gia giàu có bậc nhất trên thế giới. Họ còn nói Mỹ là thiên đường của sự phát triển học vấn và không hề có phân biệt bất kỳ lứa tuổi nào trong các trường đại học; cho nên, muốn cuộc sống tiến bộ và mở mang thì nên chọn Mỹ làm nơi để định cư.

Những người quản lý trong trại vẫn thường động viên những người được phái đoàn Mỹ bảo trợ sang Mỹ ở lại nhưng chẳng một ai trong chúng tôi thay đổi ý định. Sự khẳng khái từ chối của chúng tôi có lẽ đã làm họ thất vọng nhưng họ không từ nan việc giúp chúng tôi đến cùng. Trước ngày chúng tôi rời trại, trại thông báo lịch mở nhà kho cho những người sắp đi Phi tự do chọn lấy bất kỳ món gì tùy thích. Choáng ngợp với những thứ có được hai một ngày lựa chọn, chúng tôi quyết định mua thêm một chiếc va li để chứa tối đa số kỷ vật được phép mang theo. Khi xếp đặt các thứ vào các vali, chúng tôi không quên đặt vào những bộ quần áo của những người thủy thủ tàu Đan Mạch cho, của chị Thủy cho, của chị Xuân Ảnh cho và của cô giáo Nhật Ngữ Makino gửi tặng qua bưu điện nhân dịp Giáng sinh.

Ngày 13 tháng 2 năm 1990 gia đình tôi cùng những người được Mỹ bảo lãnh tập hợp trước phòng hành chánh để được đưa ra phi trường. Ngoài những người đã ra trại định cư như gia đình Lắm, hầu hết mọi người quen trong trại đều đến tiễn chúng tôi. Gia đình chị Thủy dù bận rộn với chuyện rời trại để ra ngoài định cư cũng đến chia tay với chúng tôi. Người bịn rịn bên hông xe buýt nơi cánh cửa mà chúng tôi ngồi tì vào tận cho đến lúc xe chúng tôi rời bánh là chị Xuân Ảnh. Vội tay vào trong để đưa tiền cho Tinô, chị căn dặn chúng tôi nhớ chăm sóc nó cẩn thận. Cử chỉ của chị làm tôi cảm tưởng đang chia tay với người thân thuộc của mình trong một xóm làng Việt Nam.

Có khoảng hơn một trăm người Việt Tị Nạn ở các trại Nhật cùng lên đường sang Phi trong chuyến đi hôm ấy nhưng trong chuyến ghe vượt biển của chúng tôi thì chỉ có anh Thảo và gia đình chúng tôi. Tại phi trường, chúng tôi trông chính tề chẳng khác gì những người đi du lịch. Chỉ khác là ai nấy đều phải đeo băng tên và kẻ kẻ tập hồ sơ bên mình. Đây là lần thứ hai, tôi chia tay với những ân nhân của mình. Khi từ giã tàu Đan Mạch, tim tôi âm thầm mang theo tình thương yêu, sự quan tâm và nỗi lo lắng của thuyền trưởng và thủy thủ đoàn cùng những kỷ niệm của mười ngày sống trên tàu với họ; thì ngày rời Nhật nó

chất thêm những tấm lòng thương yêu giúp đỡ tận tụy của nhân viên trại, của các thầy cô giáo của tôi, các cô giữ trẻ của Tinô và của những người bạn Việt ở trong và ngoài trại Kokusai Kuyen. Bằng khuâng với niềm thương yêu đầy ngập, tôi tin lòng nhân ái của con người vẫn còn rất nhiều trên thế giới này và đời sống tinh thần lẫn vật chất của chúng tôi sẽ được bảo đảm ở những nơi sắp đến.

“Ngày nào Việt nam tang tóc, đời ta chim xa bầy
Nặng nề xoải đôi cánh bay, thiên đường càng xa vời quá.
Là thời thuyền ghe chết đuối, biển sóng gió tới bờ.
Nhận chìm đời không tiếng than, ước mơ cuốn theo nghiệt oan

Suốt hai mươi năm qua, ta vẫn nhớ trước sau đời ta
Suốt hai mươi năm qua, ta vẫn nhớ trước sau đời ta.

Bầu trời nghìn năm bao la, đời vẫn cứ lao tù.
Người vì tự do vẫn đi, đi hoài dù không hề tới
Nhờ còn vòng tay nhân ái, ta mới đến bên bờ
Gục đầu dẫn nỗi đắng cay, cố dắt díu nhau về đây

Đã hai mươi năm qua, rồi cuộc sống cũng đã nở hoa
Những bông hoa xinh tươi, nở giữa chốn nhân ái bao la.

Thanks America, for your open arms
Grand merci la France, pour vos bras ouverts
Thanks Australia, for your open arms
Merci Canada, pour la liberté...”

“Con thích bài này ghê!”

Câu nói bất chợt của Tùng làm tôi không tin đôi tai của mình nên hỏi lại:

“Con nói là con thích cái gì?”

“Con thích nghe bài hát này lắm!”

“Vì sao con thích?”

“...
“Vì nó tổng hợp cả tiếng Việt, tiếng Anh, và tiếng Pháp? Vì giai điệu của nó đặc biệt? Hay vì có nhiều người hợp ca?”

“Con chỉ thích nghe thôi.”

“Bài hát này trong băng video của trung tâm Asia lâu rồi. Tên nó là Bước Chân Việt Nam. Vì mẹ rất thích nó nên để CD trong xe nghe mỗi ngày khi lái xe đi làm. Hồi nào tới giờ không nghe con nói gì nên mẹ ngạc nhiên khi nghe con nói là con thích.”

“Thực ra thì con thích ý nghĩa của bài hát. Nó rất sâu sắc.”

“...Khắp nơi trên địa cầu, giờ in dấu bước chân Việt Nam
Những đôi chân miệt mài, đang vươn tới dưới ánh ban mai
Lâu nay ta lặng thinh, hai mươi năm ngại ngần
Sống giữa ân và oán, muốn hát lên đôi lần

Grand merci la France, pour vos bras ouverts
Thanks Australia, for your open hearts
Thanks America, for your open arms
We, thank the world, for its true freedom
We, thank the world, we thank the world

Thank you, we thank you all. . . “

Lời tâm tình của Tùng làm tôi lặng người trong lúc lắng nghe bài hát. Tôi đã nhiều lần tự hào Tùng là người con có hiếu, người anh tốt, người học trò giỏi, và Hướng Đạo sinh gương mẫu nhưng tôi không bao giờ ngờ Tùng, Tinô của hai mươi năm trước, là một thanh niên hết sức chững chạc và có chiều sâu như thế. Quả đúng như nhận định của Tùng: bài hát Bước Chân Việt Nam có một ý nghĩa rất là lớn đối với tình cảnh của thuyền nhân chúng tôi. Nó đã thay cho những ý nghĩ và sự biết ơn chân thành của chúng tôi đối với tấm lòng nhân đạo của người Đan Mạch, người Nhật, người Mỹ, người Pháp, người Úc, người Gia Nã Đại, người Tây Đức, người Nam Hàn, người Hồng Kông, người Phi Luật Tân, người Thái Lan, người Mã Lai, người Indonesia và những người khác trên toàn thế giới. Nhờ những trái tim nhân ái của họ mà chúng tôi có được tự do thực sự và có điều kiện cư ngụ khắp nơi địa cầu. Xin cảm ơn nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng và nhạc sĩ Trúc Hồ đã sáng tác bài hát này thay cho tiếng nói từ tấm lòng của chúng tôi.

Cung thị Lan
tamngoc56@yahoo.com